BÙI BÍCH HÀ

ĐÈN KHUYA

TẬP 1

NGƯỜI VIỆT BOOKS

ĐÈN KHUYA

BÙI BÍCH HÀ

ĐÈN KHUYA

TẬP 1

NGƯỜI VIỆT BOOKS

Đèn Khuya • Tập 1
Tác giả: BÙI BÍCH HÀ
NGƯỜI VIỆT BOOKS XUẤT BẢN 2018
Trình bày: XpressPrint
Copyright © 2018 NGƯỜI VIỆT BOOKS
ISBN: 978-1726370448

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản 1
Âm nhạc và trái tim 3
Anh em như tay chân 11
Áo cài khuy bấm 19
Bài thơ trước gió đông 27
Bận quá! 35
Benefit of doubt 43
Biết tới đâu? 51
Bữa cơm chay 59
Bữa tiệc ly 67
Cá chết 75
Canh dưa hường 83
Câu trả lời 91
Chân vạc 99
Chỉ số hạnh phúc 105
Chia sẻ 113
Chiến tranh 119
Chiều ba mươi Tết 127
Chọn lựa 135
Chữ nghĩa 143
Chữ TÂM 151
Chữ Tình 159
Chùm hoa ti gôn 167
Chút tình cho nhau 175
Cõi khác 185
Cõi tịnh không 193
Cứ là mơ ước thôi! 201

Cuộc hí trường 209
Đã quên hay còn nhớ? 217
Đại lễ an vị tượng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn 225
Dài/Ngắn thế nào? 233
Dấu chân để lại 241
Đêm Thánh vô cùng 251
Di sản 259
Địa Tạng Sám 267
Điều giản dị 275
Đọc Tây Tiến (Quang Dũng)
& Biên Cương Hành (Phạm Ngọc Lư) 283
Đời cây 291
Đời vui như ong bay 299
Đừng bỏ cuộc! 307
Escape 315
Gà trống nuôi con 323
Giữ lấy nụ cười 331
Hàng hiệu 339
Hạnh phúc 347
Hành trang vào đời 355
Hẹn với mùa Xuân 365
Hòa bình dưới thế 375
Hoa, chợ xuân, tình yêu 383
Không có phiên bản 393
Không còn khổ đau 401
Không muốn nhớ 409
Khúc thụy du 417
Kiến tánh thành Phật 425
Kinh nghiệm 433
Kỷ niệm trên đường Moran 441
Lá cờ tổ quốc 449
Lựa chọn đúng nhất 457
Mẹ Thiên Nhiên 465
Một cách nhìn khác… 473

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Như nhà văn Bùi Bích Hà từng nói, "Tôi viết đủ mọi chuyện, khi ngẫu hứng. Viết như nói, như thở, như xúc động, như chào hỏi, như từ giã, không có nguyên tắc gì cả. Viết như trang trải, chia xẻ cùng người (ai? ở đâu ?) một thứ 'gởi hương cho gió'. Viết như một an ủi, tháo gỡ với bản thân (để sống còn)."

Quả thật, lần giở lại từng trang, từng bài mà nhà văn gốc Huế từng tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm khoa Pháp Văn này ghi lại, người đọc có thể bắt gặp đủ cung bậc, đủ khuôn hình của đời sống. Từ nỗi cảm khái trước một bài thơ, cái giật mình trước sự "bận quá" của dòng đời, cảm giác dịu vợi khi nhìn tô canh dưa hường, niềm xao xuyến trước chiều Ba Mươi Tết, phút chạnh lòng khi đưa tiễn người về bên kia thế giới, đến những điều lớn lao hơn nhưng vẫn gắn chặt với thân phận con người như dư âm của chiến tranh, bàn về quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, sức mạnh cộng đồng... tất cả đều được ghi lại qua cảm nhận, nghĩ suy của một nhà văn luôn buộc chặt tâm não mình với cuộc sống.

Nói như nhà thơ Du Tử Lê, "nhan sắc văn chương Bùi Bích Hà không cần tới lớp phấn son lòe loẹt. Thế giới văn xuôi Bùi Bích Hà không cần tới những mánh khóe mang tính ảo thuật. Tính điềm đạm, lắng, sắc xuống những đáy

tầng tâm thức nhân sinh là nét đặc thù đầu tiên, của tấm căn cước nhà văn mang tên Bùi Bích Hà."

Đọc Bùi Bích Hà, người ta tìm thấy những điều dung dị nhất diễn ra quanh mình như ngõ trước vườn sau, như chùm hoa ti gôn, như một bữa cơm chay. Đọc Bùi Bích Hà, người ta còn tìm thấy niềm suy tư trước những mùa thu đi, trước những bông hồng có gai, những cái chết oan uổng, đến cả vấn đề nữ quyền, chuyện gà trống nuôi con, thiên chức làm cha mẹ, để rồi sau đó không còn khổ đau, không còn muốn nhớ, cứ là ước mơ thôi, vì nào ai "biết tới đâu."

"Quả thật có biết bao trường hợp người ta sống bên nhau, tưởng đã quan tâm đến nhau, thương yêu nhau, hy sinh cho nhau, và quan trọng hơn cả, hiểu nhau đủ, thực tế khi xảy ra biến cố, nhìn lại, thấy tất cả sự tin chắc nói trên chỉ là 'tưởng tượng' theo cái cách và ở mức độ để chính bản thân một người trong cuộc được an tâm thôi! Đã mấy ai giữa giòng đời bon chen, huyễn tưởng, có lúc nhìn sâu vào mắt người bên cạnh, thấy ra được điều gì trong đôi mắt ấy và để sự thinh lặng làm tan chảy vào nhau tất cả yêu thương trong trái tim cần thanh tẩy của mình?"

Tất cả những nét đặc sắc trên từ văn phong, bút pháp của nhà văn Bùi Bích Hà được góp lại tròn trịa trong bộ sách Đèn Khuya (Tập 1 và 2) mà Nhà Xuất Bản Người Việt xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

ÂM NHẠC VÀ TRÁI TIM

Vừa rời khỏi dòng người xếp hàng rồng rắn trước các cửa sổ phục vụ khách hàng, bận rộn vào giờ tan sở chiều thứ sáu trong ngân hàng Wells Fargo, đầu óc còn váng vất hình ảnh những bàn tay lăm lăm cầm tấm chi phiếu trả lương cho cả tuần làm việc (không bao giờ kịp ấm túi,) những khuôn mặt âm u, những đôi mắt bồn chồn nhìn vơ vẩn ra xung quanh chờ đến lượt, tôi ngồi vào ghế lái chiếc xe hơi nhỏ mới khởi động, ngạc nhiên một cách dễ chịu khi nghe tiếng hát Ý Lan chợt cất lên từ đài phát thanh: "*...Người dẫu xa, tình thiết tha, hoa ơi có biết lòng ta nhớ người?*" Bài hát nghe lần thứ hai, vẫn chưa biết tên tác giả, đánh thức trí nhớ tôi chập chờn ngủ quên hơn mười năm qua, bày ra rõ mồn một trước mắt tôi, giữa những giòng xe xuôi ngược trên con đường Harbor đông đúc chiều cuối tuần, khung cảnh khi tôi nghe đúng câu này lần đầu.Thời gian ấy, tôi mới dọn vào căn chung cư trên đường Garden Grove. Đêm hôm đó, tình cờ thấy mình đứng trước cửa sổ phòng ngủ không kéo rèm, ngước nhìn lên bầu trời trên cao trắng đục màu sữa loãng, chơi vơi một vầng trăng tròn lạnh băng màu nguyệt bạch, lòng bỗng dưng nghe ra chừng như thiếu vắng một người.

Đêm sâu vì không gian tuyệt đối thinh lặng. Những tán lá phong đứng yên không động cựa và ánh trăng mênh mang, lạnh lẽo, như một nỗi buồn hóa đá. Không có ai để

thở than như trong thơ Huyền Kiêu: *"Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau, nửa đêm chợt tỉnh, bỗng dưng sầu. Trăng mùa xuân đó, ai tâm sự? Em đã xa rồi, em biết đâu!"*

Thành ra, âm nhạc là một thứ tiếng nói của thân phận. Khi phóng chiếu về tương lai, nó vẽ ra những giấc mơ thần tiên. Khi la đà quay về vùng trời quá khứ, nó là một thứ hồi quang làm sống lại một kỷ niệm, một quãng đời nào đó gắn bó với người nghe. Cho nên, âm nhạc là một hạnh phúc ngọt ngào, một khổ đau êm ái được hát lên và không thể thiếu trong đời sống nhân gian. Tuổi nào cũng yêu mê và đón đợi âm nhạc. Của một bắt đầu long lanh huyền thoại. Của một kết thúc dù buồn vui cũng đẹp như cổ tích. Âm nhạc sống giữa loài người và sống lâu hơn đời người. Nhiều thế hệ nhạc sĩ sáng tác làm nên tuổi xuân bất tận của âm nhạc. Nhiều thế hệ người hát nối tiếp nhau thắp ngọn lửa không bao giờ tàn của âm nhạc. Hí viện không bao giờ ngưng bán ra những lượt vé và "những con ma trong nhà hát" không bao giờ thôi ám ảnh người nghe.

Tuần lễ trước đến chơi với con cháu, cô con gái hào hứng hỏi mẹ: "Mẹ đã nghe Tùng Dương hát bao giờ chưa?" Lục lọi thật nhanh trong trí nhớ, không thấy tí tăm hơi nào về hai chữ Tùng Dương, con người hay chỉ nghệ danh. Lắc đầu. Cô càng hào hứng: "Mẹ chờ chút, con cho mẹ xem." Lúc sau này, tôi hơi lấn cấn về hai chữ "nghe" và "xem" khi ai đó nói với tôi về âm nhạc. Loay hoay mãi mới nghiệm ra câu trả lời cho mình. Người ta thường nói "Đi xem đại nhạc hội" và "Đi nghe nhạc thính phòng." Rất rõ ràng. Đi "xem" phải mở to hai mắt nhìn tả hữu, thưởng thức ngoại hình, trang phục, các động tác của người trình diễn kể cả người phụ diễn và cảnh trí sân khấu. Đi "nghe" hát thì nghe là chính, mỗi thính giả là một ốc đảo, có khi nhắm mắt lại để tâm hồn nương theo tiếng hát, tìm về một không gian, một cuộc tình, bốn mùa xuân hạ thu đông, một ngày nắng, một chiều mưa, một bến tàu, một sân ga, một gặp gỡ, một chia tay, ôi thôi, biết bao cảnh ngộ trong đời mà người nhạc sĩ

sáng tác đã sống qua, đã sống giùm để thể hiện giùm, để người ca sĩ hát lên những riêng tư mà cũng rất chung ấy, những khoảnh khắc thời gian mong manh mà cũng thiên thu ấy, để cái sân khấu nhỏ của mỗi thính chúng buông màn đã lâu, sống lại nhiều lần trên cái sân khấu lớn ấm áp đèn màu và giai điệu... Nhạc sĩ và ca sĩ được nhân quần ưu ái vì sự hy sinh chấp nhận mình bị tan biến trong cảm xúc tuôn trào của người nghe. Họ không là ai cả nếu không là những nốt nhạc, là tiếng hát đem theo nó những ve vuốt, những thổn thức, những nhớ thương tràn trề như cơn giông mùa hạ tắm gội ký ức; như cơn mưa mùa thu nhỏ giọt hàng hiên xoáy vào kỷ niệm; như cơn lũ cuốn trôi mọi ưu phiền sau một thời kinh Bát Nhã hay một buổi dọn mình xưng tội và được giải tội trước tòa.

Tùng Dương hát được nhiều thể loại, thành công với khả năng truyền đạt tinh tế và xuất sắc những trao gởi vô âm của người nhạc sĩ sáng tác. Mỗi bản nhạc, với anh, có một chân dung riêng. Ít diễn xuất nhưng thay vào đó là sự tự chủ hiếm thấy ở một người hát. Anh phát âm, thả buông từng câu, từng chữ, từ cao xuống thấp, từ nhẹ đến mạnh và ngược lại, dễ dàng, liền lạc, như hơi thở, như sợi tơ trời đong đưa với gió nhưng không đứt, vuốt lên khoảng không, rơi xuống vực sâu rồi lại mượt mà, óng ả bay lên. Khi nốt nhạc cuối cùng chấm dứt, anh lập tức hiện nguyên hình là một nghệ sĩ trình diễn: tươi tắn, bình thản, giản dị cười chào thính chúng. Như thể anh và nội dung bản nhạc anh vừa trao tặng người nghe chẳng có chút liên hệ nào.

Tôi khâm phục nhưng cũng ngờ ngợ. Có thể nào anh "nhà nghề" tới mức là cây đàn keyboard được lập trình bởi một phù thủy âm thanh tuyệt kỹ qua những thể hiện quá hoàn hảo của nó? Cắm điện. Bấm nút. Là thanh âm tràn đi như nước vỡ bờ? Không. Không phải thế. Tôi tự nhủ sau suốt hai tiếng đồng hồ ngồi yên trước cái Ipad mở sẵn của cô con gái, nghe Tùng Dương hát. Tiếng hát gây xúc động tự nó đã là xúc động có sức lôi cuốn nhất. Không có cách

giải thích nào khác là bản thể nhậy cảm của người nghệ sĩ cộng với đam mê đã cho phép họ hóa thân vào tác phẩm, sống hồn nhiên với tác phẩm và thể hiện nó như một bản năng thứ hai (second nature) của họ.

Tuy nhiên, xem ra biên giới giữa tự chế trong kỹ thuật và cảm hứng sân khấu có khoảng cách khá xa với khát vọng thăm dò tiềm năng nội tại cao nhất, độc đáo nhất và đa dạng nhất của người ca sĩ. Khát vọng này thường dễ đưa đến chỗ quá đà. May thay, Tùng Dương khá tỉnh táo khi nhìn lại mình. Trong một cuộc phỏng vấn truyền hình, anh từ tốn cho biết: *"Tôi vẫn thủy chung với cá tính riêng trong âm nhạc – một tí kỳ quái, một tí bất thường, một tí thách đố - cho dẫu trong mắt nhiều người, tôi có vẻ lập dị."*

Thực sự, "lập dị" là một cách diễn tả khác của những biểu lộ không giống cái chung. Tiếng hát nổi bật, tự khẳng định, vượt khỏi cái chung thì không lập dị mà có vị thế riêng. Tôi thích nghe Tùng Dương thu âm, không thu hình. Để chỉ có tiếng hát anh và cảm xúc chứa chan trong tiếng hát ấy như màu nắng lạ, cơn mưa lạ, làn gió lạ, trong một không gian trở nên mênh mông vì không còn một thứ gì hiện hữu ngoài tiếng hát làm cho người nghe cũng tan chảy, trơ ra mảnh linh hồn không còn nơi ẩn náu, không còn nơi để dấu quanh dấu quẩn nỗi buồn…

"…Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn dìu muôn tiếng tơ, không gian trầm lắng như âu yếm ru ai trong giấc mơ. Hẹn em từ muôn kiếp trước, nhớ em mấy thuở bạc đầu. Dư âm tiếng hát reo lên trong lòng anh bao nhớ nhung, đê mê lòng nhớ đêm qua giấc mơ môi em hé rung…" Ý xưa, lời cổ trong Dư Âm của Nguyễn Văn Tý sống dậy với nhan sắc mới, hình hài mới trong tiếng hát Tùng Dương, làm mới lại một tình yêu vốn không có tuổi, cả nỗi nhớ nhung thiết tha dường như chạm tay vào được nên khiến lòng người bỗng dưng nôn nao. Tinh hoa một tiếng hát có lẽ do chất giọng nên khi tiếng hát đã ngừng, chữ nghĩa đã quên hết, chất giọng mãi

còn vang dội trong thần thức thính giả, bám vào mấy tầng vỏ não, thấm vào da thịt, thôi thúc buồn vui tận đáy lòng.

Giữa cuộc sống nhọc nhằn, cảm ơn Thượng đế đã ban cho loài người tiếng nói, cho vũ trụ tiếng chim hót, tiếng suối reo, tiếng gió vi vu, tiếng mưa thì thầm, tiếng biển vỡ trên ghềnh đá...để con người tổng hợp lại, viết thành giai điệu ngợi ca cuộc sống. Thời gian bào mòn mọi thứ ngoại trừ tiếng nói đẹp nhất của trái tim nhân loại ở tuổi hai mươi được hát lên, được đóng khung trên năm giòng kẻ *You told me you love me, when we were young one day...*

Riêng tôi, ở tuổi không còn nhớ gì nhiều, vẫn còn một thanh âm ở lại bền chặt trong ký ức, được nghe lại, rất xa xăm, mỗi đêm trước giờ đi ngủ: tiếng con chim từ quy gọi bạn đến khàn hơi từ bên này rừng chiều Bạch Mã bay về bên kia rừng và chỉ gặp lại chính nó lúc hừng đông, cho một ngày chờ đợi khác.

ANH EM NHƯ TAY CHÂN

Hai anh em tôi sinh ra cùng một mẹ cha nhưng chúng tôi chỉ biết điều này khi anh tôi 17 tuổi và tôi 14. Hoàn cảnh éo le ấy là do bố tôi hiếm muộn, ngoài 50 vẫn chưa có mụn con nào. Hai mẹ già tôi là vợ cả, vợ hai của bố tôi, dòng dõi trâm anh thế phiệt nhưng không biết tại sao không sinh được con cho nhà họ Bùi. Khi bà hai chính thức bước chân vào nhà bố tôi, bà nhất mà sau này chúng tôi gọi là Me già, cư xử rất phong cách và chững chạc, phù hợp với tư thế bề trên của mình. Bà dọn ra một cơ ngơi riêng và ngày càng ít can thiệp vào công việc của bố tôi. Tôi nghe nói rằng thời gian đầu, bố tôi dùng bữa trưa ở nhà Me già và bữa tối ở ngôi nhà ông sống với Me trẻ. Tuy vậy, khi sự nghiệp của bố tôi phát triển lớn với nhiều cơ sở từ bắc vào trung, bố tôi thường phải di chuyển, không còn giờ giấc cố định nên khi ông về nhà thì đây là ngôi nhà ông sống với bà hai.

Thời khoảng một phần tư đầu thế kỷ 20, không biết do đâu mà bà hai của bố tôi nảy ra ý định lập công, bằng cách đi tìm người thay bà sinh con cho bố tôi. Ban đầu, bà nhòm ngó các cô mặt hoa da phấn ở thành thị. Tôi đoán các cô nhận vai trò này vì bố tôi vừa đẹp trai, tướng mạo uy nghi, quắc thước, lại tài năng, danh vọng, sản nghiệp đầy đủ. Thế nhưng có lẽ số phận chọn mẹ tôi gánh vác sự bất công tủi cực này nên không ai sanh nở gì cả cho tới một ngày, bà

hai của bố tôi nhân chuyến về Bắc Ninh thăm họ hàng và thu mua gạo, tình cờ nhìn thấy mẹ tôi đang xắn quần cấy mạ dưới ruộng, dáng vóc thôn nữ tươi mưởi, khỏe mạnh, đúng tiêu chuẩn "tốt nái" bà săn tìm nên bà vào làng, tìm gặp, thương lượng với ông bà ngoại của tôi rồi đem mẹ tôi "về dinh."

Định mệnh làm phép lạ nên mẹ tôi sớm cấn thai. Bố tôi có "tin mừng" nhưng mẹ tôi lãnh họa trước vì bà hai không vội tin ngay. Suốt ba tháng trời ròng rã, mẹ tôi vừa bỡ ngỡ chuyện thai nghén lần đầu, vừa phải làm lụng công việc nằm trong phận sự không khác gì tôi tớ trong nhà, vừa phải trả lời sự chất vấn cay nghiệt của bà hai hỏi xem mẹ tôi có lỡ dại với thầy thông/thầy ký nào dưới quyền bố tôi không? Câu hỏi lập đi lập lại của bà với hàm ý đe dọa là tại sao những cô ngàn lần đẹp hơn, thanh lịch hơn mẹ tôi đã không thể nào sinh nở mà mẹ tôi lại sớm mang thai với bố tôi? Câu trả lời của mẹ tôi cũng lập đi lập lại trước sau không sai một chữ là: "Thưa bà, con không biết ai ngoài ông cụ."

Mẹ tôi trở dạ sinh chị Túy Sơn đúng ngày tháng bố tôi ghi trong sổ nhật ký. Thời đó chưa có thử nghiệm DNA để truy tầm phụ hệ, chỉ thấy chị giống bố như hai giọt nước và mẹ tôi được minh oan.

Sau lần đầu nhiều nghi nan và tủi cực ấy, mẹ tôi liên tiếp bỏ một anh, sẩy một lần trước khi sinh và nuôi được anh thứ tư. Là đứa con trai nối giõi tông đường hiếm muộn, lọt lòng mẹ, anh tôi lập tức được bà hai của bố tôi bế tấp lên nhà trên, khai sinh là con của bố tôi và bà, được bà thành kính sửa soạn lễ vật và thân chinh ẵm ra đền đức Thánh Trần, đội sớ bán khoán anh, nhận pháp danh cho anh là Minh Châu.

Tôi lót tót ra đời sau anh ba năm, lại là gái nên xem ra thừa, không ai đòi quyền sở hữu cả và mẹ tôi được…tự do nuôi tôi. Sau này, tôi nghe mẹ kể mùa đông ở Huế mưa dầm, mẹ không có đủ tã lót cho tôi, nên chỗ ướt mẹ nằm, chỗ khô phần tôi, cứ thế thay qua đổi lại cả đêm. Do vậy,

tuy anh em tôi cùng giòng giống cha, cùng bọc trứng mẹ sinh ra nhưng chúng tôi được nuôi dạy tinh thần và thể lý bằng hai nền giáo dục và hai chế độ dinh dưỡng khác nhau. Dưới mắt anh, tôi là con của cô S, người hàng ngày nấu cơm, dọn cơm cho anh ăn, giặt quần áo, bỏ màn buổi tối cho anh đi ngủ, vắt màn và làm giường buổi sáng khi anh thức dậy v.v... Anh hay cậy quyền, bắt nạt tôi nên tôi rất sợ anh. Không chỉ một mình tôi sợ, né tránh anh tối đa mà đám con nít bạn học cùng lớp với tôi thỉnh thoảng đến chơi vì vườn nhà tôi nhiều cây ăn quả lắm, thoáng thấy anh là chúng dạt ra ngay.

Hoàn cảnh anh em tôi nhì nhằng như vậy cho tới một hôm, anh tôi không bằng lòng với những món ăn "cô S" dọn ra mâm và bưng lên bàn cho anh ăn trưa nên anh vung tay hất cả mâm cơm đổ xuống đất rồi chạy lên lầu, mách bố tôi "cô S" ăn bớt tiền chợ, cho anh ăn đồ ăn dở. Có lẽ việc này là giọt nước cuối cùng làm tràn cái ly đã quá đầy nên ông quản gia lâu năm, rất mực trung thành của gia đình tôi không nhịn nữa, càng bất chấp bị bà hai của bố tôi đuổi nên ông tiết lộ bí mật với anh tôi: "Này cậu, 'cô S' là mẹ đẻ của cậu đấy, không phải bà L. đâu!" Tôi thấy anh tôi đứng ngây ra một lúc, không nói gì rồi lẳng lặng vào phòng riêng đóng cửa lại. Ít lâu sau, anh bỏ học và anh nói với bố tôi anh muốn tình nguyện vào trường bộ binh Thủ Đức. Ở tuổi 17, bố tôi phải cùng ký đơn với anh để anh hội đủ điều kiện nhập ngũ. Tôi hơi ngạc nhiên thấy bố tôi không phản đối đề nghị vào quân trường của anh vì tôi biết bố tôi đặt nhiều kỳ vọng và đầu tư nhiều vào anh trên con đường học vấn. Có lẽ vì thành tích học của anh không xuất sắc nên bố tôi hoặc hoài nghi về đường lối giáo dục gia đình áp dụng cho anh, hoặc muốn thấy anh được thử thách cách khác xem năng khiếu của anh là gì nên bố tôi không ngăn cản mà ủng hộ quyết định thoát ly của anh.

Anh khăn gói rời nhà. Đối với bà hai của bố tôi, anh đã tự nhổ cái gai trong mắt bà vì anh lạnh nhạt và xa lánh bà

kể từ khi anh biết mình bị người lớn lừa dối, không những cư xử sai trái với người mẹ đã rứt ruột sinh ra anh mà còn khiến anh vô tình ăn ở như một kẻ vô đạo. Đối với mẹ tôi, không còn được nhìn thấy anh hàng ngày, âm thầm chăm nom anh dù chỉ với tư cách người hầu hạ thân tín, tệ hơn nữa, anh còn dấn thân vào chỗ hiểm nguy khi không ai bắt buộc, mẹ tôi đau đớn tận cùng trong câm nín, như phiến đá chảy mồ hôi dưới trời băng giá. Đêm đêm, mẹ thắp nhang khấn khứa. Ngày ngày, thỉnh thoảng mẹ chết sững, quên quên nhớ nhớ giữa bộn bề công việc, sợ anh tôi ăn không đủ no, sợ anh bị hiếp đáp và cuộc sống nhà binh vô cùng khắc nghiệt.

Nếu tấm lòng thương con của mỗi bà mẹ sẽ động tới ý Trời thì mẹ tôi đã được ơn phước này. Anh tôi ra trường, về qua nhà trong quân phục oai vệ, lon chuẩn úy mới tinh trên cầu vai, cao lớn, khỏe mạnh. Anh đã có đủ thời gian để nhai, nuốt, bỏ qua chuyện cũ, bắt đầu cái mới dưới mái nhà cha mẹ. Anh nhìn mẹ với ánh mắt đằm thắm, thương yêu, thậm chí bảo bọc nhưng anh không biết xưng hô với mẹ thế nào? Anh hỏi tôi: "Cả em nữa, chúng ta không thể tiếp tục gọi bà L. bằng me và gọi mẹ mình bằng chị. Mình phải làm sao?" Ở tuổi 15, tôi không có nhiều kinh nghiệm ứng xử nhưng tôi nhớ người Bắc quê mùa hay gọi mẹ bằng "Đẻ," nghe gần gũi và dễ thương nên tôi trả lời anh: "Hay mình gọi mẹ bằng 'Đẻ' nhé?"

Do ảnh hưởng giao tế rộng rãi của bố tôi, anh tôi được liên tục theo học các khóa huấn luyện chuyên môn và anh chọn phục vụ trong các đơn vị Công Binh chiến đấu. Đóng quân ở đâu chừng vài tháng, nếu vào mùa hè tôi được nghỉ học, anh đem mẹ và tôi theo. Tôi với mẹ được trải qua một mùa hè tuyệt đẹp với nắng gió lồng lộng và trời nước mênh mông ở Hà Tiên.

Kỷ niệm một thời niên thiếu và tuổi trẻ xanh tươi, ròn rã, lung linh hạnh phúc, chan chứa ước mơ tưởng như mới đâu đây nhưng tôi bây giờ đang trên chuyến bay trở

lại quận Cam sau cuộc thăm viếng anh tôi vỏn vẹn năm ngày. Bây giờ, anh là một ông già tuổi ngoài 80, gầy guộc, lưng khòm, râu tóc bạc, một mình lui cui trong ngôi nhà anh giữ sạch như ly như lau, như nỗi quạnh vắng của anh khi chiều xuống không một tiếng động khắp xung quanh. Máy đo áp huyết, hộp dụng cụ đo đường mỗi sớm mai để ngay ngắn ở đầu bàn. Chiếc xe lăn mới tinh ở cửa ra vào. Cái gậy chống đầu tòe hoa thị dựng bên chiếc ghế trong phòng ăn. Suốt ngày anh điện thoại cho sở xã hội để khiếu nại về thái độ kỳ thị của case manager, để cãi nhau về các chương trình trợ giúp y tế giành cho người cao niên không còn khả năng tự lo cho mình một số việc. Suốt ngày anh điện thoại cho các văn phòng bác sĩ để theo dõi hay cự nự về giấy tờ referral/approval chậm trễ, khiến anh cứ phải chờ đợi mà không thực hiện được các thủ tục y khoa chẩn bệnh cần thiết. Anh có một vườn hoa hồng và rau xanh, một hồ cá Koi với suối nhân tạo ở sân sau, hai con chó Chihuahua làm bạn với anh đã hơn mười năm. Trời mưa, anh cười, mắt nheo lại vì vui, bảo tôi: "Vừa mát, khỏi tưới cây, lại có nước dự trữ (trong dãy thùng phuy xếp hàng dưới hiên) đỡ phải trả bill cô ạ!" Nhìn anh lúc này, tôi biết ý nghĩ riêng trong tôi khi bay sang thăm anh, muốn anh về Cali để anh em có điều kiện thăm nom, tiếp trợ nhau khi cần, sẽ không thể thành sự thực. Anh như cái cây đã bắt rễ sâu vào cảnh thổ nơi này, mỗi mỗi đều gắn bó xương thịt với anh, hà hơi nuôi dưỡng anh. Từ cái góc nhà nơi anh ngồi một mình mỗi buổi tối dưới ánh đèn, thong thả ăn những món ăn anh yêu thích, xem một cuốn phim có những vai diễn thông minh, tàn bạo, luôn xoay chuyển hay làm chủ tình hình; từ cái sofa êm ái đôi khi anh thức ngủ chập chờn theo cách một người già, giữa tiếng người cười nói ồn ào hay tiếng nhạc phát ra từ cái TV to đùng ở phòng khách ít khi tiếp đãi ai. Dẫu sao, tôi vẫn xót xa thương anh, thương cái hình ảnh anh lọm khọm kéo cái túi rác tôi buộc sẵn ra lề đường để sáng sớm hôm sau xe rác tới mang đi tuy nhìn vào mắt tôi, anh biết tôi thắc mắc

điều gì nên anh bảo tôi: "Anh còn chưa có thời giờ để nghị thành phố phải cấp thùng rác như bên Cali của cô để có an toàn vệ sinh hơn."

Anh em ruột như tay chân, giữ một phần thịt da của mẹ cha và cả quãng đời chung nhiều kỷ niệm. Đau một người là đau cả hai, cả ba... Mỗi chuyến đi thăm anh về, tôi buồn rất lâu, nhớ anh và khóc một mình. Con gái tôi nói với tôi: "Mẹ sai rồi. Mẹ đừng nghĩ thay bác. Mẹ tự làm khổ mình khi hình dung bác bằng cảm xúc của mẹ. Tất cả những gì mẹ nên làm, có thể làm là cầu nguyện bình an cho bác, nghe bác nói nếu bác có nói, ngoài ra, mẹ chớ bao giờ vạch ra cho mình phải thế nào thì mới đúng cho bác?" Cháu làm tôi nhớ lại lời linh mục Urbain đã phê bên lề một bài viết của tôi khi Cha dạy chúng tôi môn cổ văn Pháp ở đại học Huế: "Cô nên thận trọng, đừng để tưởng tượng đưa cô đi quá xa."

Tôi cũng biết người ta thường khổ vì chính những điều mình nghĩ hơn là sự thật. Bây giờ, tôi chọn ly nước đầy một nửa thay vì vơi một nửa để nghĩ và nhớ về anh tôi trong sự hài lòng riêng của anh với những gì anh đang có, thêm được niềm vui cho anh thì tốt nhưng đừng muốn anh phải thay đổi.

ÁO CÀI KHUY BẤM

Đã lâu lắm, có một lúc tôi mê mải xem bộ phim Đại Hàn nhiều tập có tên là Đại Trường Kim. Truyện phim không có gì mới mẻ, xoay quanh các bi kịch thuộc loại thâm cung bí sử, nhiều tình tiết éo le, thường xảy ra bên trong hậu cung các vương triều Á đông, có nguyên do sâu xa từ tham vọng cá nhân, ganh ghét phe phái hoặc mưu đồ tranh đoạt địa vị quyền lực.

Tuy vậy, cuốn phim làm tôi say mê theo dõi không dừng được trong điều kiện thời gian rất eo hẹp mà tôi phải chia sẻ giữa nhiều trách nhiệm đòi hỏi sự chu toàn từng ngày, trước hết bởi diễn xuất của dàn tài tử nam nữ, phong cách, tinh tế, nhuần nhuyễn, thu hút. Thứ đến là ngoại cảnh với cỏ cây, hoa lá, thiên nhiên tuyệt đẹp. Thứ đến nữa là y trang Hàn quốc, trong ngoài gọn ghẽ, đẹp mắt, phái nam vừa có dáng trượng phu, vừa gợi cảm và lãng mạn nhờ ánh sáng lọc qua vành nón rộng làm cho khuôn mặt họ có chút mờ ảo lẫn vào các giải mũ phất phơ bay. Sau cùng, điểm then chốt, là những mối tình lý tưởng trong phim. Lý tưởng thế nào, xin hẹn một bài khác vì bài cho thứ năm tuần này, tôi chỉ muốn đề cập đến vài nét của Thế vận hội mùa đông Peong-Chang vừa diễn ra tại tỉnh Gangwon, Nam Hàn, trong hơn hai tuần lễ, từ ngày 9 đến ngày 25 tháng 2/2018.

Tin tức truyền thông cho biết Thế Vận Hội Mùa Đông lần thứ 23 kỳ này có tiêu đề "Chuyển động trong Hòa bình,"

có lẽ là lời cầu chúc an lành cho tình hữu nghị giữa hai miền Nam Bắc Triều Tiên hứa hẹn sẽ nồng ấm trở lại thông qua tinh thần thể thao được thắp sáng bằng ngọn đuốc Thế Vận rực rỡ giữa bầu trời băng giá. Tất nhiên tự đáy lòng vẫn còn âm ỷ thương tích, nghĩ về giòng sông Bến Hải một thời cưa đôi Việt Nam ở vỹ tuyến 17, mở màn biết bao cảnh ngộ thương đau cho dân lành hai vùng Nam Bắc, tôi chân thành muốn được góp lời cầu nguyện cho một Triều Tiên thống nhất và làm chủ vận mệnh đất nước của họ. Chính trị vốn là những điều không dễ hiểu, dễ chấp nhận cho người đứng ngoài cuộc cờ nên tôi ít bận tâm về khía cạnh này của Thế vận hội mà chỉ thú vị chọn ra đôi ba nét nhân sinh gần gũi với cuộc sống bình thường của con người, để ngẫm nghĩ và vui lấy mình.

Phải nói ngay là Nam Hàn đã chi tiêu khá mạnh tay để chuẩn bị cách tốt nhất các cơ sở vật chất phục vụ cho các vận động viên tham dự thi đấu và cả khán giả trên các khán đài lộ thiên trong thời tiết lạnh đến mức tuyết không rơi được. Lễ khai mạc được thiết kế với các ứng dụng công nghệ cao, phối hợp ánh sáng, âm nhạc, vũ điệu, y trang với ảnh chụp không gian ba chiều cùng những trải nghiệm thực tế ảo trên một sân khấu lộng lẫy, hoành tráng. Thỉnh thoảng, pháo bông để rơi trong không gian mờ tối những đợt mưa hoa ngũ sắc, lóe lên rồi lả tả tàn rụng vội vàng. Một đoàn những người đàn ông Hàn quốc mặc quốc phục truyền thống như thường thấy trong các phim truyện, đi diễu hành trong vận động trường và tôi không biết phải gọi họ bằng gì, hiệp sĩ hay võ quan? Khán giả thưởng thức vẻ đẹp của họ trong một hoạt cảnh sống động pha trộn lịch sử một Hàn quốc cổ xưa và nền văn minh hiện đại xung quanh họ. Một nữ ca sĩ rất trẻ, trang điểm nhẹ nhàng, khuôn mặt đẹp như thiên thần, nụ cười thật tươi, hát đơn ca với giàn nhạc đại giao hưởng. Cô mặc chiếc áo dạ hội bằng hàng ren màu hoa hồng Brigitte, là sự kết hợp giữa thời trang Hàn quốc và tây phương, thanh nhã, mềm mại, tươi tắn giữa mùa đông dường như bớt khắc nghiệt vì cô xuất hiện mang theo sự

nồng ấm trong mắt môi và nụ cười. Đoàn nữ vũ công trong vũ y thiết kế cách tân, tạo nét bạo dạn với vạt ngoài kéo cao ở góc phải, trông như một bông hoa đẹp mắt tuy vẫn giữ được cốt cách truyền thống với giải lụa thắt nơ sau lưng và đường eo cao lên gần ngực. Mỗi cô cầm một quả cầu lấp lánh trong ánh đèn sân khấu nên tôi, vì không hiểu gì, tự đặt tên cho điệu vũ của họ là Khúc Tú Cầu, với mong ước hòa bình đến cho mọi miền trên hành tinh trái đất xinh đẹp đang bị chiến tranh xâu xé hay đe dọa.

Trẻ con có mặt đông đảo trong ca đoàn và kiến tạo chủ đề cho lễ khai mạc, là thông điệp gởi ra thế giới của đất nước Hàn quốc với những đóng góp hướng về tương lai. Thông điệp này càng được tô đậm thêm trong lễ bế mạc ngày 25/2/2018, khi những nét cổ kính và diễm lệ của Hàn quốc như được thấy trong thịnh thời của phim bộ, hoàn toàn nhường chỗ cho K-Pop.

Đóa hồng màu Brigitte dịu dàng, tha thướt, đơn ca trong lễ khai mạc nhường chỗ cho người nữ ca sĩ mặc quần áo bó chẽn kiểu Iron man, xõa tóc, hát rất "hung." Và, so với Gangnam Style từng gây chấn động thế giới nhiều năm trước, vũ bão nhưng kém thanh lịch, giờ đây, K-Pop band BTS với 7 cậu boys khôi ngô, đĩnh ngộ, mỗi người một vẻ, một nhân cách đáng yêu, tuổi từ 20 đến 24, có sức thu hút khác, đến nỗi các cậu nay cắt nghĩa 3 chữ BTS là viết tắt của Beyond The Scene! Thành công chói lòa của BTS tại cuộc trình diễn "du thuyết" của họ ở 2017 American Music Awards chỉ là khởi đầu con đường chinh phục nước Mỹ bởi trước đó, họ đã là những siêu sao quốc tế, mẫu mực cho các fans ngưỡng mộ trên toàn thế giới, được tạp chí Time xưng tụng là một trong 25 nhân tố có ảnh hưởng sấm sét trên truyền thông. Họ tự sáng tác ca khúc, không chỉ mua vui mà qua đó, gửi gấm, chia sẻ nỗi niềm của họ, kêu gọi lương tâm xã hội và làm lay động lòng người về nhiều vấn đề thế hệ tuổi trẻ ngày nay phải đương đầu: khủng hoảng tâm thần, bị bắt nạt thô bạo, vào đại học khó hơn nhưng

ra trường không tìm được việc làm. Họ cũng muốn bác bỏ những mẫu mực xã hội gây tranh cãi bằng giai điệu lời ca tiếng hát chuyên chở những băn khoăn, trăn trở trong tâm can họ. Nói tóm lại, họ có một nội dung phong phú trong trình diễn. Họ nhuộm tóc (chứ không highlight) mầu vàng, mầu tím, mầu xanh và gội chải tươm tất, sạch sẽ, dễ thương. Chuyển động thân thể của họ tràn đầy sức sống, mượt mà, tươi trẻ và mỹ thuật, trong một hòa điệu dễ gây mỹ cảm. Quan trọng hơn cả, họ sáng tạo và giữ được bản sắc. Xem họ, nhìn họ, cảm giác mọi phiền muộn của riêng tôi trôi đi trong ánh sáng và hy vọng. Nhìn lên khán giả trên khán đài, khu vực các vận động viên Hoa Kỳ, thấy mọi người đồng loạt hào hứng lắc lư và nhỏ giọng hát theo. Rõ ràng BTS đã nói thứ ngôn ngữ thân thiện của thời đại được thế giới tiến bộ hưởng ứng. Hàn quốc hãnh diện về những đứa con tài năng của họ, giành cho chúng một vị trí xứng đáng không chỉ nói lên khả năng của tuổi trẻ hội nhập văn hóa vào cộng đồng toàn cầu mà cả khả năng đồng hóa những nền văn hóa chúng cọ sát trên con đường tiến về tương lai.

Cũng cùng một thời gian hơn bốn thập niên tương đương với miền nam Việt Nam lâm vào cảnh nước mất nhà tan, nhiều triệu người chọn sống lưu vong, Hàn quốc được yên bình ở phía nam bán đảo Triều Tiên, đã có những thành quả đáng nể trong nỗ lực công nghệ hóa đất nước họ với nhiều tập đoàn thương mại danh giá trong nhiều lãnh vực. Họ không chỉ hội nhập, họ xâm nhập, chiếm lĩnh. Tầm thường thôi nhưng quan yếu trong cuộc sống: Đi chợ nào sạch sẽ, thức ăn tươi, lành, ngon? Đi chợ Đại Hàn. Xài mỹ phẩm hiệu nào tốt, thích hợp với làn da của người Á đông? Nhãn hiệu Đại Hàn. Xem phim gì hay, tài tử đẹp, diễn xuất thu hút? Phim Đại Hàn. Sửa sắc đẹp ở đâu ưng ý nhất? Bác sĩ Đại Hàn. Thức ăn, đồ gia dụng, máy móc, soong chảo, ấm chén nhà bếp? Sau Nhật, sau Mỹ, là Đại Hàn. Xe Hyundai, TV, điện thoại Samsung nay ngang ngửa với Toyota, Sony, Apple..vv..

Ghi nhận như trên xong, tôi bâng khuâng tự hỏi: con đường hội nhập ấy có cái giá nào phải trả không? Dường như cơn sốt vỡ da nào ở tuổi dậy thì cũng đưa tới sự phổng phao làm quần áo cũ không còn vừa nữa, có thương tiếc lắm thì cũng chỉ xếp vuốt cẩn thận để vào ngăn tủ làm kỷ niệm, thỉnh thoảng may ra có lúc nhìn lại như một người bạn thiết đã thực sự xa xôi rồi! Tôi nhớ Nguyễn Bính với bài thơ Chân Quê của ông mà tôi mượn 4 chữ làm tựa đề bài chia sẻ này. Một khi thay đổi là yếu tính của muôn loài, kể cả thiên nhiên, kể cả buồng phổi, trái tim con người trong mỗi sát na trước và sau, kể cả cây chanh trong vườn các ngôi nhà của kẻ di tản nay cho hoa ở xứ người, quả to hơn, mùi vị đã khác, làm sao mà "Van em, em hãy giữ nguyên quê mùa" ?

Vậy thì không còn "khăn mỏ quạ, áo tứ thân, yếm lụa sồi, quần nái đen" nữa, em cứ "khăn nhung quần lĩnh rộn ràng, cứ áo cài khuy bấm" hay kéo zipper rất hiện đại theo thời trang phụ nữ Việt đầu thế kỷ 21này nhưng xin hãy giữ lại cho anh và cho đời, tâm hồn em, tình tự em, nét dịu dàng thiên cổ làm nên bản chất em rất đặc thù, rất tiêu biểu, rất Việt Nam -một chút gì giúp anh còn nhận ra em- mà anh cực tin là sẽ mãi mãi tỏa rạng cùng với lịch sử phát triển của dân tộc mình. Có được không em?

BÀI THƠ TRƯỚC GIÓ ĐÔNG

Ông mất có lẽ không bất ngờ nhưng tôi bất ngờ đọc tin ông ra đi trên trang cáo phó nhật báo Người Việt. Như lệ thường, chia tay vĩnh viễn nào cũng để lại tiếc thương và ân hận trong lòng người ở lại, ít nhất tự trách mình sao thưa thớt thăm hỏi để biết bạn bè buồn vui, mạnh yếu thế nào?

Có lẽ điều gì tôi biết về ông cũng rất chậm. Chúng tôi có một thời gian cùng là học trò đệ nhị cấp dưới mái trường Khải Định, Huế, nhưng chỉ khi ông đã trở thành viên chức cao cấp làm việc trong ngành tư pháp thời đệ nhất và đệ nhị Cọng Hòa, tôi mới được nghe các cựu đồng môn nói về ông với lòng ngưỡng mộ. Họ khâm phục vì ông sẵn sàng rời khỏi vị trí yên ấm ở thủ đô để đi một tỉnh nhỏ xa xôi hầu có thể được tiếp tục chương trình nhạc chủ đề do ông thực hiện hàng tuần trên đài phát thanh Sài gòn. Ngày đó cho tới bây giờ, tôi thực sự không hiểu có điều gì mâu thuẫn giữa trách nhiệm và tình yêu nghệ thuật trong cùng một vị thẩm phán làm việc ở trung ương hay ở tỉnh xa theo cách nhìn của cấp thẩm quyền bộ Tư pháp thời điểm ấy?

Nghe nhắc đến ông dưới nghệ danh Huy Trâm, tôi lờ mờ hình dung ra người bạn học cũ vóc dáng nhỏ nhắn, ít nói, khuôn mặt thư sinh hiền hậu với làn da rám nắng, hàng ngày đến trường bằng xe đạp như các bạn bè cùng học khác song hình như ông ở Huế không lâu. Tôi chỉ thực sự gặp

lại ông, có cơ hội chuyện trò là khi ông cùng gia đình tới Mỹ theo diện HO đầu thập niên 90, thế kỷ trước. Thời gian này, tôi và gia đình sống ở một thành phố nhỏ cách Little Saigon khoảng 20 dặm. Ông không ngại đường sá rất bất tiện cho một người mới nhập cư mà lễ mễ quà bánh đến thăm gia đình tôi, *"Trà để biếu chị, kẹo bánh cho các cháu."* Tôi thực sự cảm thấy ngượng ngùng nên phải khẩn khoản xin ông đừng mất công quá như vậy, "chúng tôi đến đây trước, lẽ ra phải làm công việc này mà không làm được, thật không phải." Thấy cái piano của cháu gái trong phòng khách, ông xin phép ngồi vào đàn và đánh một lúc mấy bản tân cổ nổi tiếng rồi cáo từ. Tôi đoán ông nhớ đàn. Không biết bao lâu rồi giữa một Sài gòn nghèo đói, không văn hóa như lúc tôi rời đi, kể cả thời gian ông bị chế độ giam cầm, mười ngón tay đam mê âm nhạc của ông đã không còn lúc nào chạm vào bàn phím?

Một thời gian sau, chúng tôi có cơ hội cùng sinh hoạt với tờ nguyệt san Hương Văn do bác sĩ nha khoa Trần Sĩ Lâm làm chủ nhiệm. Cũng thời gian này, ông hoàn thành nhiều tác phẩm thơ và văn xuôi, xuất bản liên tục, viết về chủ đề Quê Hương và Tình Người. Bạn bè quen biết ông, đều biết tính tình ông chân phương, giản dị nhưng rất khí khái, chỉ sơ xuất đôi chút trong giao tế cũng đủ khiến ông chạnh lòng và lảng tránh.

Ông có một gia đình văn phong, nề nếp rất đáng quý. Thỉnh thoảng chúng tôi được ông mời tới nhà ăn bún riêu do hiền thê ông nấu nướng, khoản đãi. Món ăn thanh đạm, không chỉ ngon ở hương vị mà còn ở cách thức nó được chuẩn bị để tiếp đón bạn bè. Ba mươi năm trước, nhà thậm chí chưa có cả một cái bàn ăn nhưng bữa tiệc bún riêu để lại trong ký ức tôi một kỷ niệm thanh lịch và đầy cảm xúc. Bên cạnh đó, một hình ảnh khác tôi không bao giờ quên là cái máy may kỹ nghệ của nữ chủ nhân xành xạch quay đều, quay đều, vải vóc chất thành đống xung quanh người đàn bà có vẻ đẹp thanh tịnh của một thời kinh bát nhã, của

một nhánh lan rừng mỏng manh mà cứng cát giữa đất trời lồng lộng.

Thuở sinh tiền, nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu phụ trách một chương trình trên đài phát thanh VNCR, có cái tên rất dễ thương "Chúng Ta Đi Mang Theo Quê Hương." Qua các sáng tác thơ văn nhất quán trong nội dung và phong cách diễn tả của Huy Trâm gần ba thập niên định cư ở hải ngoại, độc giả đọc ông thấy rõ ông là thể hiện sinh động của tâm thế gắn bó với nơi chôn nhau cắt rốn của mình: con trâu và mùi đất ruộng cày vỡ, giây bầu giây bí quấn quýt ven bờ tường, luống khoai lang xanh nghít một khoảnh vườn, cánh diều lơ lửng ngọn tre, mẹ già giặt chiếu ở cầu ao, mâm cơm chỉ những mắm dưa cà...Ngôn ngữ thơ ông dùng giản dị mà đằm thắm, ý thơ mộc mạc mà thấm đượm lòng người. Ngoài thiên nhiên, vạn vật và cỏ cây giờ đây sông ngăn, núi cách trong cảnh nước mất nhà tan, ông kêu gọi chút Tình người, là *"của tin còn một chút này..."* để người Việt tha hương còn nhận ra nhau trong cơn lốc thời cuộc.

Ông ra đi bất ngờ và lặng lẽ một ngày đầu đông năm Đinh Dậu, sau vài cơn đau lưng tưởng như không có gì hệ trọng. Và ông vẫn làm thơ. Và bàn tay ông vẫn lướt trên phím dương cầm trong ngôi nhà nhỏ. Bài thơ dưới đây đọc được trên mạng có lẽ là một trong những bài thơ cuối cùng thi sĩ để lại cho độc giả yêu thơ và yêu quê hương những ngày thanh bình cũ.

Tôi viết bài thơ trước gió đông
Gởi về đâu? anh đoán ra không?
Về cô má đỏ - khăn quàng tím?
Không phải đâu anh, những chuyện lòng.

Phương ấy chiều nay gió lạnh về
Mưa dầm - gió lốc một trời quê
Mẹ già chân bấm trên nền đất
Tơi, nón lom khom men rặng tre.

Cuối thôn heo hút mái tranh xơ
Bếp ấm - ngày mưa khói tỏa mù

Tay cóng ai về hơ vội lửa
Cột tre - áo máng, giọt tơi thưa

Đèn thắp lên rồi! Cơm bắc ra
Loanh quanh chỉ những mắm, dưa, cà
Chiều nay - chợt thấy đời vô dụng
Nghe gió lòng thêm gợn xót xa.

Trong tâm khảm ông, đất mẹ cứ mãi nghèo, mãi cơ cực, quê hương cứ mãi mùa đông *mưa dầm*, gió giật, *đồng bào cật ruột* của ông cứ mãi đói rét thèm *hơi lửa ấm* của những ngày tự do, no đủ, và ông thấy mình vô dụng. Bỏ xứ ra đi tìm sự yên ấm riêng mình, ông thường xuyên có nỗi ray rứt của tầng lớp sĩ phu Bắc Hà còn sót lại, chua chát cảm nhận bản thân bất lực, thiếu trách nhiệm khi đất nước đảo điên, chẳng khác gì tâm sự cụ Tam Nguyên Yên Đổ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, giữa thời buổi Nho học suy tàn và bước chân xâm lược của quân Pháp bắt đầu dày xéo quê hương:

Sách vở ích gì cho buổi ấy,
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.
Xuân về ngày loạn càng lơ láo,
Người gặp khi cùng cũng ngất ngơ.

Bằng hữu tới viếng ông không được nhìn mặt ông lần cuối, chỉ thấy ảnh chân dung ông trên bàn thờ, nét đăm chiêu, khắc khoải. Tôi chào tạm biệt ông bằng hai lạy tiễn đưa, nghiệm ra rằng Thượng Đế định đoạt sự sống/sự chết của con người nhưng con người định đoạt cách sống và cách chết của mình. Ông đã sống và chết như một người tử tế ở thời buổi mà sự tử tế bỗng trở nên khan hiếm lạ thường.

Trước tang lễ nhà thơ/nhà văn Huy Trâm một ngày, tôi đi dự tang lễ một người quen ở nhà thờ công giáo Saint Vincent de Paul trên đường Talbert, thành phố Huntington Beach. Người quá cố qua đời, hưởng thọ 84 tuổi, với một tiểu sử, theo tôi biết, nhiều thành tích khoa bảng, nhiều đóng góp đáng kể cho xã hội và gia đình qua nhiều thời điểm đất nước biến động và thăng trầm nhưng không thấy

được tang gia liệt kê ở bất cứ đâu trên tờ pamphlet cảm tạ phân phát trong lễ tang. Chỉ có khoảng trên dưới một trăm chữ do các con trai/con gái của ông viết về những gì, lúc sinh tiền, ông để lại trong trí nhớ không phai mờ của họ: tính rộng lượng, hào phóng, luôn sẵn sàng cho tất cả những ai cần tới thời gian, tiền bạc hay khả năng trí tuệ của ông; tính khiêm cung, dù đồng thuận hay không, ông luôn ứng xử với mọi người bằng phẩm cách và sự khả ái. Ông là người kể chuyện có biệt tài, lôi cuốn cả những thính giả thờ ơ nhất bằng vẻ duyên dáng, sự quyến rũ và nét hài hước ít ai cưỡng lại được. Ông là bậc thầy trong nghệ thuật thuyết phục người khác và luôn đạt được thành quả trong mọi cuộc thương lượng. Ông yêu con người, sự thách thức và có óc phiêu lưu, mạo hiểm. Trong gia đình, ông là nguồn khơi gợi nhiệt tình đối với cuộc sống và niềm đam mê học hỏi. Giờ đây, ông đã về với đấng cứu thế trên nước Trời nhưng ông sẽ được các con cháu luôn nhớ tới vì tinh thần lạc quan và những tràng cười không dứt của ông thuở sinh thời.

Như vậy, xem ra di sản một người để lại khi họ mất đi, được xưng tụng và ngợi ca, không phải là các tài sản vật chất như trương mục ngân hàng, nhà cửa, xe cộ, cổ phiếu..vv.. mà là những cống hiến làm cho đời sống đẹp hơn, phong phú hơn, đáng sống hơn; là những giây phút vui tươi, hạnh phúc ông đem lại cho những ai bên cạnh ông đang cần; là những đóng góp thật sự bền vững với thời gian vì chúng sẽ tồn tại lâu dài qua nhiều thế hệ sau ông.

BẬN QUÁ!

Qua tuổi 70 mà cứ phải nói với bạn bè hai chữ "Bận quá!" nghe chừng không ổn. Thoạt đầu mọi sự có vẻ êm xuôi sau khi gác điện thoại hay tiện hơn nữa, sau khi bấm cái nút SEND trên chiếc iPhone thời trang để đẩy cái tin nhắn "Bận quá!" tới địa chỉ hộp thư điện thoại của ai đó ngỏ lời muốn gặp hay muốn mời mình tham dự một dịp vui hay một dịp quan trọng nào đấy.

Nếu cứ phải lập đi lập lại nhiều lần hai chữ "Bận quá!" trong nhiều trường hợp liên quan đến một người hay nhiều người, dần dần, hai chữ vô ngôn này có một lúc bỗng nhiên vang dội trong thinh lặng sâu thẳm của những tiếng nói không còn được nghe nữa, những tin nhắn không còn tới nữa, trong tình trạng (chỉ có Trời biết) quả thật rất bận, bận không dứt, như câu tục ngữ tiếng Anh *Busy like a bee,* thì nó, hai chữ nguy hiểm kia, bắt đầu làm tôi sợ. Con ong bận để cho mật theo trách nhiệm Tạo Hóa giao cho nó nhưng khổ nỗi, con người đâu phải là con ong và những gì do "bận quá" của con người làm ra cũng không cụ thể là giọt mật, thậm chí là chai mật mọi người nhìn thấy được, nếm được, uống được.

Cho nên,"Bận Quá!" trở thành một tín hiệu khó hiểu. Tệ hơn nữa, là tấm vải thưa che không kín một sự thật nào đó ai muốn suy đoán thế nào cũng được, đa phần là những suy đoán không mấy tích cực nếu không nói là có hại cho mối giao hảo bằng hữu.

"Xin lỗi nhé, bận quá! Quên bẵng trả lời bạn."

"Thật tiếc! Muốn đi với bạn lắm nhưng bận quá, thông cảm nhé!"

"Chết thật, lần thứ ba rồi vẫn phải xin lỗi bạn vì bận quá..."

Hai chữ "Bận quá" thốt ra dễ dàng trong những câu từ chối cửa miệng của nhiều người như một thứ vàng thau lẫn lộn nhưng sự thật cốt lõi nằm sâu dưới lớp kim loại óng ánh bên ngoài, ngẫm cho cùng, có khi là sự thiếu thiện chí, vụng sắp xếp, ngại khó, cả một cố gắng chưa đúng mức. Ai đã không trải qua ít nhất một lần, làm vali cho những chuyến đi? Vali đầy, đầy thật rồi, không còn chỗ nào để nhét bất cứ thứ gì nữa nhưng nếu cần bỏ thêm vào đấy một thứ cần thiết như bộ áo ngủ chợt nhớ vào phút chót, có làm được không? Chắc chắn phải được tuy một thứ khác, có thể du di, như gói tea bags thường uống *được lấy* bỏ ra xách tay, cồng kềnh một chút, bất tiện một chút, miễn là bộ áo ngủ không thể bị bỏ lại.

Bao giờ thì một lời mời được coi là "không thể nhận nhưng cũng không tiện từ chối?" Có lẽ đây là bộ mặt thật nhất bên dưới lớp hóa trang vụng về có tên là "Bận quá!" Ai cũng biết "bận quá" là cách xử sự thông thường, dù nó phản chiếu một thực tế có thật hay chỉ là "tạ sự" để chấm dứt từ từ một quan hệ không muốn hay không còn hứng thú nữa. Thi sĩ Nguyên Sa có hai câu thơ trở thành một trích dẫn độ lượng và khả ái khi xảy ra tình thế ai đó muốn "lặn thật sâu" để quên và được quên mà không cần biện giải: *Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau, để anh gọi tiếng thơ sầu vọng lại.* Nếu chia tay nào cũng đem lại nỗi buồn thì đôi lời bày tỏ, dù khó khăn cách mấy, vẫn hơn cái cách "bận quá!" *Lời em càng nói càng chua cay, anh muốn van em đừng nói nữa, lệ buồn sẽ nhỏ trong đêm nay" (Thơ Lưu Trọng Lư.)*

Sống trong một xã hội năng động như xã hội Mỹ, dường như ai cũng có hơn một công việc phải chu toàn hằng ngày nên "bận quá!" là một thực tế hiển nhiên. Tìm cách ra khỏi

hai chữ "bận quá" có sức nặng và lực đẩy ngàn cân này là ám ảnh thường trực của nhiền người lâm vào thế kẹt với nó. Phương cách chữa chạy cho bản thân người "bận quá" *là* học cách xếp đặt ưu tiên cho khối lượng công việc phải làm. Môi trường lao động Mỹ (trí tuệ hay chân tay) cung cấp cơ hội nghỉ phép cho nhân viên để giúp họ bảo dưỡng năng lượng và liên hệ gia đình tuy nghỉ phép không có nghĩa là không "bận quá" mà chỉ là một "bận quá" dễ thương, thoải mái, không gây ngộ nhận cho ai nên không phải thanh- minh-thanh- nga. Khổ nỗi, xếp đặt ưu tiên đòi hỏi kỹ năng không phải ai cũng làm được vì con người thường bị cảm tính lôi cuốn nên cái đồng-hồ-tâm-lý nhiều khi không khách quan như cái đồng hồ vật lý, thay vì xếp đặt thành công thì thất bại vì thứ tự không đúng.

Tôi nhớ thời còn đi làm toàn thời gian vì sinh kế, biết tuổi thơ của các cháu sẽ qua rất mau nhưng "bận quá!" không được gần gũi chúng nhiều. Đến lúc về hưu, trẻ con đã lớn đủ để mỗi đứa đã có thời khóa biểu riêng, ưu tiên để bà gặp cháu và cháu gặp bà không cùng thứ hạng trên danh sách chung nữa, tiếc đến nao lòng. Tôi chắc những bà mẹ trẻ đi làm toàn thời gian cũng có trải nghiệm nhiều thương xót này.

Có những hôm trời nắng đẹp, ăn vội vàng bữa trưa mang theo rồi quay lại phòng làm việc, có vài phút nhìn ra thiên nhiên cây cỏ bên ngoài, thấy lá hoa đùa vui dưới bầu trời đựng nắng sáng choang, lòng bỗng thèm những bước chân trần trên cát ấm của bãi biển Cali, nhớ những quán hàng thơm mùi cà phê và tiếng cười của bạn bè, ước ao phải chi mình có cánh bay qua cửa sổ tới nơi thần tiên đó. Thế mà nghỉ hưu hơn mười năm, vẫn chưa một lần thực hiện được ưu tiên xếp loại số một trong những buổi trưa ở Irvine năm nào.

Lan man, nghĩ tới mấy cái áo vải sô tôi rất thích mặc, mang theo trong hành lý đi Mỹ định cư. Mẹ tôi về già khi rảnh rỗi một mình, thường hay may vá những cái vụn vặt

như chiếc mù- soa, cái túi nhỏ để bỏ tiền cắc hay chai dầu gió, vài cái tăm, vài cái kẹo ho. Con cháu bận đi làm, đi học, bà ở nhà buồn, đi tìm vải để cắt may. Mấy cái áo vải sô trong mắt mẹ tôi giống như mấy cái giẻ lau bát ở quê nhà trước đây, chắc rẻ tiền và tôi sẽ không mặc nữa vì trời mùa đông đang lạnh khi chúng tôi đến Mỹ. Đi làm về, thấy mấy cái thân áo đã biến thành tác phẩm ưng ý của mẹ, tôi vừa buồn, vừa tiếc, tự nhủ lòng cuối tuần xuống phố tìm mua ít vải vụn cho mẹ vui chơi với kim chỉ. Rất nhiều cuối tuần trôi qua, tôi đi phụ việc ở một nơi làm chả lụa để thêm vào đồng lương ít ỏi, không đi mua vải như đã hẹn với lòng. Và mùa đông thứ nhất trôi qua. Và mùa hè tiếp theo cũng hết. Giữa mùa thu, mẹ tôi ngã xuống , không bao giờ tỉnh lại nữa. Tang lễ xong, tôi về lại căn nhà vắng vẻ, vẫn còn chiếc ghế và hình bóng mẹ ngồi bên cửa sổ chờ con cháu trở về sau một ngày lao động, chiếc tách mẹ thường uống nước để ngay ngắn trên mấy cái khăn mù-soa vải sô xếp vuông vức, gọn ghẽ. "Bận quá!" là lý lẽ để tôi biện minh với tòa án nội tâm mình nhưng Trời biết tôi có thể làm khác những gì tôi đã làm.

Mới đây nhất, một cô cháu nhỏ nức nở trong điện thoại: "Bác ơi, ba con đi rồi!" Cô nói không thành tiếng: "Con khổ quá bác ơi! Con chưa kịp làm gì cho ba con hết! Ông vẫn khỏe, vẫn đi đánh tennis với bạn ông mà!" Thấy lại mình một ngày nào, tôi lấy hết tâm can dỗ dành cháu: "Con đừng khóc, hãy biết rằng không có một đứa con nào không có chút gì ân hận khi bố mẹ vĩnh viễn lìa xa. Luôn luôn có một điều gì thiếu sót, ngoài tầm tay, chưa kịp làm. Con cần nhớ lại việc đã làm để tự an ủi và không thống trách mình."

Không biết cô thấm ngấm lời tôi nói tới đâu nhưng sau tang lễ, cô ôm tôi, gượng cười trong mắt: "Con có hai mươi ngày đẹp nhất trong cuộc đời bên cạnh ba con. Đưa ông đến phòng mổ, cầm tay ông khi ông tỉnh dậy, vừa bón thức ăn cho ông vừa kể chuyện vui để ông cười và bớt lo sợ..." Thực hiện được những điều tốt đẹp như cô kể, tôi biết chắc

cô đã phải hy sinh những ưu tiên khác, quan trọng vào lúc khác, trên cái To-Do-List bận rộn của một phụ nữ chức nghiệp đa đoan và nuôi con một mình.

Không biết từ bao giờ, danh sách ưu tiên của tôi luôn luôn linh động để ứng phó với nhu cầu của người xung quanh, chạy đua với cơ hội có khi không còn nữa. Người vợ góa của một bạn đồng ngũ năm xưa với anh tôi, từ 5 năm nay, nửa nằm, nửa ngồi suốt ngày đêm trên cái ghế recliner đặt trước TV, trong căn chung cư chị chia với cô con gái khuyết tật, có lẽ chỉ tôi biết rõ chị mong tôi như thế nào! Chẳng để làm gì nhưng vài phút có mặt, vài câu hỏi đáp với nhau, nếu không thỉnh thoảng xảy ra, chắc chị sẽ rất buồn vì sự cách biệt với cuộc sống vẫn lao xao hơi hướm bên ngoài cái khung cửa từ lâu chị không còn bước qua. Tôi thực sự không biết chị nghĩ gì sau khi tôi từ giã nhưng tôi chắc chị rất cần chút cảm giác "connected" *(được nối kết)* với người xung quanh để biết mình còn hiện diện và để vơi bớt niềm cô quạnh bên trong *nấm nhà buồn.*

Thông thường, những ưu tiên đáng giá và có ý nghĩa nhất hướng về tương lai nhưng tuổi 70 làm gì còn tương lai hay chỉ là cái tương lai ngộ nghĩnh như tựa đề oái ăm của một cuốn phim Hollywood *Back to the Future.* Tuổi 70, nhìn về phía trước hay phía sau, khoảng cách nào cũng ngậm ngùi diệu vợi, càng ngậm ngùi diệu vợi hơn khi khoảng cách ấy dù đi dù về cũng không chắc có tới nơi được.

Cho nên, "bận quá!" nhiều khi là lời tạ từ trong hoàn cảnh lực bất tòng tâm, của những ưu tiên bất khả, với mình và với người.

Benefit of doubt

Hai cô cháu đang líu tíu sổ sách, giấy tờ ở quầy tiếp khách thì thấy một ông Mỹ cao lớn, cồng kềnh, quắc thước như Từ Hải, đến trước khung kiếng cửa sổ, nói xì xà xì xồ tràng giang đại hải một chuỗi tiếng Anh, loáng thoáng nghe được mấy chữ, ráp lại thì hiểu đại ý là ông ta lỡ độ đường. xe hết xăng, vào cây xăng ở đầu đường xin đổ chịu, hứa sẽ trả nhưng họ không cho mà lại bảo ông ta đi vào phố, tìm người giúp.

Câu chuyện này tôi đã có dịp nghe nhiều lần quanh khu Bolsa song kẻ khó chỉ xin chứ không hỏi vay. Họ là đồng hương của tôi hay người cùng quốc tịch với tôi, ở nhiều độ tuổi khác nhau, khổ hơn tôi vì đang cần lúc thì $5, lúc thì $7 để có đủ "tiền đổ xăng" cho một cuốc xe về nhà. Tôi cũng đoán biết họ nói dối nhưng hai chữ "về nhà" họ thốt ra làm tôi mủi lòng và muốn tin là họ nói thật. Đành xùy tiền ra. Quả đáng tội, cũng không nhiều nhặn gì.

Ông Mỹ chiều nay không giống những người tôi gặp trước. Ngoài hình dung trông no đủ ra mặt, dáng vẻ ông ta "phởn phơ" thấy rõ, tương phản hoàn toàn với cái bằng lái xe ông chìa ra để làm chứng là ông lương thiện và có một cái địa chỉ làm tin cho câu chuyện ông kể. Cái bằng lái cũ xì, sờn mòn, không nằm trong một cái ví mà nhét ở túi quần sau, tôi đoán để ông ta tiện lôi ra lôi vào vì cùng một nguyên nhân như thế này nhiều lần rồi!

Căn cứ vào các chỉ dấu ấy, cô cháu tôi dư biết là ông bịa chuyện. Đáng lẽ chỉ cần lắc đầu, trả lời: "Chúng tôi rất tiếc không giúp được ông vì không có tiền mặt ở đây," nhưng cô cháu tôi lại nhìn nhau, ngại ngần. Ừ, thì 99.9% là không thật nhưng ngộ nhỡ cái 0.01% kia là thật thì sao? Trong ví của hai cô cháu lại đang có hơn $10, có thể giúp ông ta được.

Tôi chưa kịp nói gì, cô cháu đã xòe ngay 2 tờ giấy $5. Ông ta còn hỏi xin danh thiếp để gửi tiền trả sau này. Tôi cười thầm: "Lại còn mất thêm tấm business card!"

Nhưng thôi, cho ông ta được hưởng cái mà người Mỹ gọi là Benefit of doubt. Khi chưa chắc hẳn thì chớ vội quyết đoán để có thể bị lầm lẫn. Cầm $10 bồi hoàn cho cô cháu, tôi bảo cô: "Cháu cất đi, không có hy vọng là ông ta sẽ trả như lời ông nói đâu." Và tôi nhớ lại thời mấy mẹ con đi định cư, phải ghé qua trại chuyển tiếp Swan Plu, Thái Lan, ở lại đây mươi ngày để làm thủ tục vào Mỹ. Cơm trong trại rất tệ nên mọi người phải mua thêm ở ngoài mì gói, nho hay táo. Mẹ con tôi không có đồng mỹ kim nào mang theo nên các cháu phải nhịn thèm, đến bữa sắp hàng chờ lãnh khẩu phần trong cái khay sắt lèo tèo vài miếng thịt bạc nhạc kho và tô canh gừng nhạt thếch. Một chị đi cùng chuyến với chúng tôi chắc đã kín đáo nhận xét thấy vậy nên chị dúi vào tay tôi 20 mỹ kim, bảo cho mượn để mua thức ăn cho các cháu. Thấy tôi ngần ngại, chị cụp bàn tay tôi lại, dặn dò: "Qua tới bến, chị gởi trả cho tôi, không sao đâu. Trẻ con thiếu ăn, tội lắm!" Chị làm sao biết chắc tôi sẽ gởi trả? Cách nay trên ba mươi năm, $20 to bằng $200 bây giờ, với một người đàn bà mình trần thân trụi, nheo nhóc con thơ, mẹ già nơi xứ người, khả năng quỵt món nợ này cao hơn khả năng hoàn trả nhưng vì lòng trắc ẩn, chấp nhận thua thiệt, chị đã cho tôi được hưởng cái benefit of doubt.

Giờ đây, chị đã đi thật xa rồi. Tôi không còn cơ hội nhắc lại với chị lời cám ơn sâu xa nhất của tôi về lòng thương người vô điều kiện của chị ngày ấy, khiến chị không nhìn sự việc theo con mắt người đời mà theo tiếng nói từ trái tim

chị vượt lên trên những ngăn trở thế gian. Bài học chị để lại khắc sâu trong trí nhớ tôi không bao giờ phai mờ nên mỗi khi đứng trước cảnh ngộ tương tự mình ngày nào, tôi muốn sống lại kinh nghiệm với chị và không ngần ngại mang nó ra ứng dụng. Tôi nghiệm ra dù kết quả sau cùng của cái "benefit of doubt" thế nào, nó ít làm tôi bận tâm bằng nếu tôi bỏ qua một trường hợp mình không biết chắc mà không xử sự phải lẽ, như chị đã làm.

Nói về "benefit of doubt,' người Việt miền nam chúng ta có câu châm ngôn dung dị mà rất hay: "Thấy dzậy mà hổng phải dzậy." Nhiều người trong chúng ta cũng đã đọc câu chuyện Nồi cơm Khổng Tử, khiến không khỏi giật mình mỗi khi phải xét người hay việc.

"Một lần, Khổng Tử dẫn học trò đi du thuyết từ Lỗ sang Tề, trong đám môn sinh đi theo, có Nhan Hồi và Tử Lộ là 2 học trò yêu của Khổng Tử.

Thời Đông Chu, chiến tranh liên miên, các nước chư hầu loạn lạc, dân chúng phiêu bạt điêu linh, lầm than, đói khổ. Thầy trò Khổng Tử cũng lâm vào cảnh rau cháo cầm hơi và nhiều ngày phải chịu đói khát. Tuy vậy, không một ai kêu than hay thối chí mà tất cả đều quyết tâm theo thầy đến cùng.

Ngày đầu tiên đến đất Tề, may mắn có một nhà hào phú từ lâu đã nghe danh Khổng Tử nên đem biếu thầy trò một ít gạo. Khổng Tử liền phân công Tử Lộ dẫn các môn sinh vào rừng kiếm rau, còn Nhan Hồi đảm nhận việc thổi cơm. Trong hoàn cảnh đói kém, Khổng Tử chọn giao phần việc nấu cơm cho Nhan Hồi vốn là đệ tử đạo cao đức trọng mà Khổng Tử kỳ vọng nhất, không phải là không hữu ý.

Tử Lộ vâng lời, dẫn các đồng môn vào rừng kiếm rau, Nhan Hồi lo thổi cơm ở nhà bếp. Khổng Tử nằm đọc sách ở nhà trên, cách bếp một cái sân nhỏ. Chợt nghe tiếng động như vật gì rơi từ nhà bếp vọng lên, Khổng Tử liếc mắt nhìn xuống, thấy Nhan Hồi lấy đũa xới cơm trong nồi cho vào tay, nắm lại thành nắm nhỏ. Xong, Nhan Hồi đậy vung nồi cơm, ngần ngừ giây lát rồi đưa

cơm lên miệng. Chứng kiến hành động của Nhan Hồi, Khổng Tử thở dài, ngửa mặt lên trời mà than thầm: "Chao ôi! Học trò tin cẩn nhất của ta mà lại ăn vụng thầy, vụng bạn, đốn mạt đến thế ư? Thôi! Bao nhiêu kỳ vọng của ta đành là hư huyễn cả!"

Khi Tử Lộ cùng các đồng môn mang rau về, Nhan Hồi luộc rau. Khổng Tử vẫn nằm im, trong lòng đau khổ. Một lát sau rau chín, bữa cơm được dọn ra và các môn sinh chắp tay mời Thầy. Khổng Tử ngồi dậy và nói rằng: "Này các con, chúng ta đi từ đất Lỗ sang Tề đường xa vạn dặm, thầy rất mừng vì trong hoàn cảnh loạn lạc, dầu dãi nắng mưa, đói khổ trăm bề mà các con vẫn giữ được tấm lòng đoan chính, vẫn yêu thương đùm bọc nhau, vẫn một dạ theo thầy không chút quản ngại. Hôm nay, đến đất Tề, may mắn làm sao thầy trò ta có được bữa cơm rau, khiến thầy chạnh lòng nhớ quê hương nước Lỗ, nhớ cha nhớ mẹ, thầy muốn xới bát cơm để cúng các bậc sinh thành, các con nghĩ có nên chăng?"

Trừ Nhan Hồi đứng im, các môn sinh khác đều chắp tay thưa: "Nên lắm ạ!" Khổng Tử bèn hỏi: "Nhưng không biết nồi cơm này có sạch hay không?"

Đám học trò ngơ ngác nhìn nhau, không rõ Khổng Tử ngụ ý gì? Lúc bấy giờ, Nhan Hồi mới chắp tay thưa: "Dạ, nồi cơm này không được sạch vì khi cơm chín, con mở vung ra để ghế, chẳng may gió tràn vào, làm bồ hóng và bụi trên nhà rơi xuống đầy nồi, con vội vàng đậy vung lại nhưng không kịp, đành phải xới lớp cơm bẩn ra và toan bỏ đi nhưng con chợt nghĩ cơm thì ít, anh em lại đông, bỏ chỗ cơm bẩn này là bớt một phần ăn. Vì thế, con đã mạn phép thầy và tất cả anh em, ăn phần cơm bẩn ấy để không ai phải nhường nhịn, phần cơm sạch xin dâng thầy và tất cả anh em. Nồi cơm đã bị ăn rồi, không nên cúng nữa ạ!"

Nghe Nhan Hồi nói xong, Khổng Tử lại ngửa mặt lên trời, than rằng: "Chao ôi! Hóa ra trên đời này có những việc chính mắt mình trông thấy rành rành mà vẫn không hiểu đúng sự thật! Suýt tí nữa thì Khổng Tử này trở thành kẻ hồ đồ!"

Kết luận là: làm sao hiểu biết tường tận một chuyện gì nếu không phải là người trong cuộc?

Tuy vậy, dù có nói và làm như người Mỹ, "hãy đứng trong chiếc giầy của người khác" thì chiếc giầy vẫn không thực sự là giầy của mình. Người đàn bà có chồng ngoại tình, vào đơn li dị. Bạn bè thấy bà son phấn nhởn nhơ, ăn mặc đẹp hơn thường, nói cười như không có chuyện gì xảy ra làm bà đau khổ nhưng khi người chồng dọn ra theo thỉnh nguyện của bà trước tòa, bà đóng cửa phòng lặng lẽ khóc một mình. Nhiều ngày. Nhiều đêm. Nhiều tháng năm. Không có ai đi vừa chiếc giầy của bà vì chính bà cũng có miếng lót riêng theo thời tiết nắng/mưa hay nóng/lạnh. Khi một lúc nào đó, trong số bạn gái hiếm hoi của bà, một người yên lặng cầm tay bà, bóp nhẹ, bà nghĩ người đó, ít nhiều, đã đọc được tâm can mình và đôi bạn trở nên thân thiết hơn. Ngày qua tháng lại, họ đi la cà mua sắm, đi ăn nhà hàng, đi nghe nhạc, xem phim, du lịch bên nhau, thân thiết tới mức người ngoài trông vào, suy đoán thế này thế kia. Có người xa gần bình phẩm, bà chỉ cười. Chỉ có bà biết ngay cả người bạn quý ấy cũng chỉ chia với bà những giây phút vui tươi nhẹ nhàng trong cuộc đời không nên làm cho bi thảm, không chia những hạt lệ bà đã tự hứa sẽ cất dấu trong kín đáo tận cùng của trái tim với lời nguyền sống để dạ, chết mang theo. Cái ngày người bạn ấy tái hôn, bà tiễn bạn sang sông với lời chúc tốt đẹp và yêu thương nhất nhưng vẫn không ngăn được suy diễn của bạn bè, đã không hiểu, vẫn không hiểu và sẽ không bao giờ hiểu rõ bà. Cũng không sao. Cũng chẳng để làm gì. Như người chồng bà từng nghĩ trao xương gởi nạc, khi ra đi chỉ mang theo những thứ mua hôm nay, cũ ngày mai, đâu biết đã bỏ lại cuộc tình mãi mãi thanh xuân trong tâm hồn bà.

Người đàn ông có bề ngoài làm nhiều người dị nghị. Ông đeo hoa, đeo nhẫn ở hai tai, ở ngón tay, ngón chân. Ông xâm hình ở nhiều nơi trên thân mình vạm vỡ. Ông lễ độ, niềm nở, tươi tắn chào hỏi mọi người thân/sơ. Ông nói

cười hỉ hả, tiêu pha rộng rãi trong mọi trường hợp. Dư luận xầm xì ông là...bóng. Tôi không biết "bóng" là gì nhưng biết ông kinh doanh giỏi, làm ăn tín nhiệm, ngược xuôi nuôi một đàn con, một đàn cháu nội ngoại mấy chục người lớn nhỏ trong ngôi nhà và khu vườn rộng, có cả hồ bơi và sân chơi đủ trò cho người lớn/trẻ con. Vợ ông bỏ ông, đi với người khác. Ông vẫn cười và nói: "Món ăn còn phải vừa khẩu vị, cuộc sống cũng vậy thôi. Không vui nơi này mà vui nơi khác là được!" Cao hứng, ông còn dẫn giải thêm: "Cũng là cơn gió, khi thì thầm, khi gào thét. Cũng là con sóng, khi ảo não, khi vỗ về, khi nào cũng có nét đẹp cho mình thưởng thức nếu mình trải lòng ra...Huống chi đâu phải tại gió, tại sóng đổi thay mà còn tại tâm tình người nghe khi này khi khác nữa." Lời ông nói làm tôi chợt nghĩ: "Bà vợ ông ra đi, mang theo mấy vali quần áo thời trang, bỏ lại người họa sĩ cất giấu tác phẩm của ông ta như người chồng trong câu chuyện trên, ra đi tìm sự phai tàn, bỏ lại tình yêu thanh xuân trong đuôi mắt rạn chân chim của vợ."

Có phải bây giờ người ta sống vội vã, chỉ đủ thời gian thấy nhau thay vì nhìn nhau nên bỏ qua cái gì có thật để đuổi theo bóng của cái thật vuột khỏi tầm tay và khổ đau lòng vòng ở chốn nhân gian *"có những điều không thể hiểu"* như lời thở than bi phẫn của nhà thơ Du Tử Lê? Thân phận con người là một, đâu phải như dầu và nước mà tung tóe, không thể tan vào nhau?

Chấp nhận một thoáng ngờ vực, có khi là con đường đưa tới hạnh phúc chăng?

BIẾT TỚI ĐÂU?

Chương trình 20/20 với bà Diane Sawyer của đài ABC NEWS, phát sóng tối thứ sáu 12/2/2016, có cuộc phỏng vấn đặc biệt bà mẹ đau khổ, mẹ của Dylan Klebold, một trong hai tay súng đã gây ra cuộc thảm sát đẫm máu xảy ra vào ngày 20 tháng 4 năm 1999, tại trường Columbine High, thành phố Littleton, Colorado, lấy đi sinh mạng của 12 học sinh, một thầy giáo, làm bị thương 24 người khác trước khi quay súng vào đầu tự kết liễu đời mình.

Đây là lần đầu tiên kể từ biến cố kinh hoàng gây chấn động toàn quốc ấy, bà Sue Klebold, mẹ của Dylan Klebold, lên tiếng nhân dịp bà cho trình làng tập ký sự có nhan đề: "A Mother's Reckoning: Living in the Aftermath of Tragedy," tạm dịch là: "Suy nghiệm của một bà mẹ phải sống với hậu quả của tấn thảm kịch." Tất cả lợi nhuận thu được từ việc phát hành sách sẽ được xung vào quỹ nghiên cứu từ thiện tập trung cho các vấn đề tâm thần.

Dáng vẻ thanh mảnh, mái tóc bạc trắng, nét buồn thương đọng trong ánh mắt chưa hết ngơ ngác, bà kể: *"Sau tai họa bất ngờ giáng xuống, tôi không bao giờ ngưng nghĩ về các nạn nhân trong vụ và gia đình họ. Tôi ngồi đó, đọc các bài viết về họ, nghĩ ngợi nếu như hoàn cảnh thay đổi, khiến con tôi bị một đứa trong số các trẻ không may kia bắn chết, chắc chắn tôi cũng ở trong tâm trạng của các bậc cha mẹ này thôi!"*

Bà nói tiếp: *"Chưa bao giờ có một ngày trôi qua mà tôi không nghĩ về các nạn nhân đã bị con tôi gây hại."* (bà dùng chữ "harm") Đến đây, bà Diane Sawyer ý nhị hỏi lại: "Bà chỉ nói là "gây hại" thôi ư?"

Người mẹ khốn khổ trả lời: *"Tôi cảm thấy có chút dễ dàng khi dùng chữ này thay vì hai chữ "giết hại" dù rằng quả tình đã chẳng có một lúc nào tôi không đau buồn kể từ khi biến cố xảy ra. Kinh khủng vô cùng khi cứ phải sống với sự thật là đứa con mình chăm chút nuôi dạy với tình thương yêu mà lại giết người một cách tàn bạo như vậy!"*

Bà Klebold thú nhận trước khi vụ Columbine xảy ra, bà luôn thấy mình là một trong số các bà mẹ tin chắc không có điều gì sai trái nơi đứa con mà mình không sớm nhận biết. Tiếc thay, thảm kịch đã phá vỡ niềm tin ấy. Bà tâm sự tiếp: *"Tôi thường nghĩ tình thương yêu và sự cảm thông giữa mẹ con là những yếu tố bảo* đảm an toàn. Nếu có điều gì sai quấy nơi các con, tôi phải biết. Thực tế là tôi không biết gì cả và một bà mẹ trong hoàn cảnh tôi, làm sao có thể sống được với sự thật này? Tôi tưởng tôi là một bà mẹ đủ tốt để cho con tôi có thể nói với tôi bất cứ một điều gì. Cho nên tôi choáng váng khi biết ra những gì tôi xác tín với chính mình, khư khư sống với chúng, về tư cách làm cha mẹ của tôi, thực tế chỉ là do tôi tưởng tượng trong đầu thôi! Con tôi có một thế giới riêng của nó, hoàn toàn khác."

Dường như không chỉ riêng bà Klebold trải qua kinh nghiệm buồn bã này mà có thể nói tuyệt đại đa số nhân gian đã và đang hàng ngày luôn tưởng mình biết rõ người bên cạnh: cha, mẹ, vợ, chồng, con cái, anh chị em, bạn đồng nghiệp, người tình...như biết rõ con đường đi về nhà, đi đến chỗ làm việc hay đến nơi hẹn hò; như biết rõ đường chỉ tay trong bàn tay mình; thậm chí, như biết rõ trong túi áo mình có hay không có cái gì? Chả thế mà một nhà thơ tiền chiến đã viết: Đường êm quá, ai đi mà nhớ ngó, đến khi hay, gai nhọn đã vào chân. Thế giới bên trong con người vi tế và uyển áo, là một vũ trụ thu nhỏ với nhiều bí ẩn không bao

giờ khám phá hết. Nó khác hẳn ngoại hình với cấu trúc và y phục, căn bản, xem ra không khác nhau là mấy giữa người này, người kia và nếu có khác thì cũng dễ nhận biết hoặc đánh giá. Trong mắt bà Klebold, cậu Dylan là đứa con bà vẫn nhìn thấy hàng ngày, cũng giống các anh em khác của nó, có thể hay hoặc dở hơn tí chút, là cái hình ảnh bà giữ trong đầu với kỳ vọng của chính bà về cậu từ khi lọt lòng rồi lớn dần theo thời gian, trở thành một chàng trai thanh lịch với mái tóc vàng gội chải sạch sẽ, nụ cười tươi tắn và đôi mắt dấu sau cặp kính đen thời trang rất hợp với khuôn mặt. Cái hình ảnh ấy luôn chói lòa trong tâm trí bà, ngăn tầm mắt không cho bà nhìn đúng để có thể lưu ý sự biến dạng của nó do ngoại cảnh tác động, chưa kể tâm lý cầu an của mỗi bà mẹ nhiều khi từ chối những cơ hội thử thách, dù bộc lộ rõ nhưng bà không muốn tin.

Cùng tâm trạng này, người thân trong gia đình cậu Seung-Hui Cho đã bỏ qua những dấu hiệu báo động đáng quan ngại về sức khỏe tâm thần của cậu bắt đầu từ thơ ấu, bằng lòng với sự chạy chữa có tính cách giai đoạn cho tới buổi sáng ngày 16 tháng 4 năm 2007, khi cậu bất thần nã súng vào khuôn viên trường Đại học Virginia High Tech, sát hại 32 nhân mạng, làm bị thương 17 người nữa rồi tự kết liễu đời mình thì mọi người mới đổ xô ra nhận diện con người thật "bệnh hoạn" của cậu. Trước đó, dù có thời gian, những "vấn đề" của cậu đã không được cả gia đình lẫn xã hội quan tâm nhìn thấu suốt để chữa trị đúng mức. Đứa bé u sầu, cách biệt, lặng lẽ trong một gia đình lao động Nam Hàn, từng được coi là một đứa bé ngoan, vâng lời, ít nói. Ở tuổi trưởng thành, những câu viết "hung hãn" lạ thường trong bài tập của cậu được thầy giáo, bạn bè ghi nhận, lưu ý nhưng không ai làm gì cả vì không ai thực sự muốn bỏ thời giờ để "biết" điều gì đang diễn tiến trong nội tâm cậu. Kể cả sau khi án mạng kinh khủng đã xảy ra, dư luận, truyền thông chỉ đặt vấn đề kiểm soát súng ống và trách cứ đạo luật riêng tư đã ngăn cản những thông báo cần thiết về bệnh lý của cậu Cho giữa những nơi cậu đi qua hay có mặt.

Cái "thấy" mà không thực sự chú tâm "nhìn" hay chỉ nhìn đối tượng bằng hình ảnh có sẵn trong tâm trí cha mẹ đưa tới hậu quả leo thang nghiêm trọng qua vụ thảm sát tại trường tiểu học Sandy Hook do Adam Lanza gây ra ngày 14 tháng 12 năm 2012, giết hại 20 học sinh lớp I và 6 nhân viên hành chánh của nhà trường sau khi Adam đã giết chính mẹ ruột tại ngôi nhà sang trọng chỉ có hai mẹ con cư ngụ cách trường một đoạn đường. Cuộc điều tra vụ án cho thấy căn phòng của Adam trong ngôi nhà này có các cửa sổ được cậu che kín bằng các túi rác nilon màu đen, kế hoạch tàn sát được cậu ghi xuống giấy hẳn hoi mà không một ai phát giác. Nguyên nhân chung nhất trong những vụ này là các thiếu niên phạm pháp cùng có một tâm trạng chán đời, thù đời, muốn chết, và có lẽ phẫn hận vì không có cuộc sống bình an trong lòng nên muốn nhiều người (có vẻ như may mắn hơn) phải chết với chúng sau khi bắt họ nếm trải âu lo và đau đớn, như chúng đã từng.

Nội dung cuộc phỏng vấn bà Klebold cho thấy một thực tế đáng buồn: con người hiểu nhau sao khó quá! Trong lời tựa cuốn sách, tác giả viết: *"Tôi đã tận hiến thời gian* (16 năm qua) *để tìm hiểu những điều tôi vẫn chưa thấu đáo, cách nào mà cuộc sống đầy hứa hẹn của một thanh niên lại đưa tới tai họa nhường ấy và ngay dưới mắt tôi?"* Ngày ấy, gia đình Klebold đang êm ấm. Vợ chồng con cái ăn tối bên nhau và Dylan ngoan ngoãn phụ giúp việc nhà. Vài ngày trước biến cố, Dylan còn mặc tuxedo, thắt nơ đi dự dạ hội ra trường. Sáng sớm về nhà còn được mẹ thức dậy chào đón và nhận lời cám ơn của con trai vì đã cho cậu một đêm vui. Tóm lại, cậu "có vẻ" là một thiếu niên trung bình, thậm chí hạnh phúc trong mắt mẹ. Bây giờ nghĩ lại, bà nhận trách nhiệm đã thiếu sắc bén nên bỏ qua nhiều dấu hiệu báo động: mặc kệ các tập sách chào mời mua súng gởi tới nhà lẫn lộn với đủ thứ quảng cáo khác và Dylan bắt đầu chơi các video games bắn giết, điểm học tụt hạng xuống B rồi C, né tránh chạm mặt với cha mẹ, lơ đãng hoặc nóng nảy vô cớ...Bà vẫn chủ quan tin rằng mọi sự đều ổn thỏa với khả năng nuôi dạy con của

mình, cũng không bàn thảo với giáo sư cố vấn khi một bài viết có nội dung đen tối của Dylan được chuyền tới ông để lượng giá và được ông nhận xét là vô hại. Ai cũng "nghĩ, cho là, tưởng..." Nói một cách khác, ai cũng "nghe" chính họ thay vì "nghe Dylan" để tìm hiểu sự thật.

Chậm còn hơn không. Những gì bà mẹ đau khổ cùng cực viết trong cuốn sách như một bạch thư sám hối cho chính mình, dù sẽ không thể trả lại bà đứa con đã mất nhưng chắc chắn sẽ giúp gìn giữ nhiều đứa con khác trên bờ vực thẳm một khi cha mẹ chúng đọc bà: *"Tôi ao ước phải chi đã ngồi yên lặng bên con thay vì tìm cách lấp đầy khoảng trống bằng chữ nghĩa và ý nghĩ của chính tôi; tôi ao ước phải chi* đã *nhận thức rõ cảm xúc của con thay vì cứ cố sức bàn ra và không bao giờ chấp nhận cho con có những lý lẽ để tránh chuyện trò với tôi khi có điều gì đó trở nên xấu đi. Tôi ao ước phải chi* đã *cùng ngồi với con trong bóng tối những giờ khắc khó khăn, nhắc đi nhắc lại nỗi lo âu trong lòng tôi vào lúc nó đã khước từ hết. Tôi ao ước phải chi* đã *bỏ hết mọi thứ để chỉ tập trung vào con, lân mò tìm hiểu và khuyến khích con nhiều hơn, lẽ ra phải hiện diện bên con đủ để thấy được những gì tôi đã bỏ sót."*

Quả thật có biết bao trường hợp người ta sống bên nhau, tưởng đã quan tâm đến nhau, thương yêu nhau, hy sinh cho nhau và quan trọng hơn cả, hiểu nhau đủ, thực tế khi xảy ra biến cố, nhìn lại, thấy tất cả sự tin chắc nói trên chỉ là "tưởng tượng" theo cái cách và ở mức độ để chính bản thân một người trong cuộc được an tâm thôi! Ôi, đã mấy ai giữa giòng đời bon chen, huyễn tưởng, có lúc nhìn sâu vào mắt người bên cạnh, thấy ra được điều gì trong đôi mắt ấy và để sự thinh lặng làm tan chảy vào nhau tất cả yêu thương trong trái tim cần thanh tẩy của mình?

Nếu vậy, hạ giới đã là thiên đường.

Bữa cơm chay

Gần trưa ngày thứ hai, 9 tháng 10/2017, bầu trời dài theo con đường Brookhurst chạy lên hướng Bắc về phía Anaheim Hills, phủ đầy mây xám. Một người bạn đi cùng xe cất tiếng hỏi bâng quơ: "Lạ thiệt, không có vẻ mưa gió chi cả mà sao trời xám ngoét?" HT đang lái xe, nhân chờ đèn ở một ngã tư, nhanh nhẹn vào internet tìm câu trả lời. Cô cười: "Không phải mây đâu, trời đặc cứng thế kia. Có đám cháy ở vùng chúng ta sắp tới đó các anh chị. Có ai sợ không?" Sau câu nói của HT, mùi khét của khói đã bắt đầu phảng phất len vào xe. Mây màu xám lúc nãy bây giờ nhuộm khói của đám cháy, thẫm lại như nghiên mực tàu, cuồn cuộn bay lên và nắng đỏ như pha chu sa.

Tôi định cư ở quận Cam, nam Cali, hơn ba thập niên, chưa một lần đi tới khu vực này. Những con đường nửa quê, nửa tỉnh trông lạ mắt tuy xe cộ lưu thông không kém bận rộn so với các thành phố trung tâm. HT vừa trả lời điện thoại vừa điều khiển cái xe chạy ngoằn ngoèo qua nhiều con đường như thế, có lúc người trong xe hồi hộp khi cô lách một xe chạy trước hay chạy bên hông để tìm lane trống cho mình.

Đã quá giờ hẹn 20 phút, một chị ở bữa cơm chay nóng ruột, điện thoại hỏi. Vừa liếc cái GPS trên xe, HT vừa trả lời: "Tám phút nữa tới! Khi không máy nó chỉ đi đường trong, chắc sợ xa lộ kẹt vì người trong khu có cháy di tản."

Xe rẽ vào con đường đất nhỏ bên kia lối vào xa lộ 91west và bắt đầu lên dốc. Nhà cửa nơi này có lẽ thích hợp với người có khuynh hướng ẩn cư. Hội Từ Bi Phụng Sự Xã Hội và Thầy Hằng Trường đã khéo chọn địa điểm khuất tịch và u nhã này để lập "tổng hành dinh" của Hội, xem ra rất hữu lý.

Vườn trước vườn sau cỏ cây không có bàn tay chăm sóc kỹ, mang nét tiêu sơ của mùa thu mới về trong tịch mịch. Ngôi nhà lớn không để ở và cũng không là nơi thờ phượng dù ngay cửa vào, có một khoảng rộng lát đá, trên trải thảm, có tượng đức Phật Bà Quán Thế Âm uy nghi khắc trên cây gỗ cổ nghe nói cả ngàn năm tuổi. Chúng tôi cung kính đảnh lễ như những đứa con xa về, tâm thái nhẹ nhàng vấn an hiền mẫu. Cơ sở cũng được dùng làm nơi truyền dạy giáo pháp cho môn sinh và hội viên, làm nơi tạm trú cho tăng đoàn khi có việc về qua vùng này.

Ngôi nhà lớn tất nhiên còn có nơi để kinh sách, có một phòng thiền tập chỉ vừa đủ cho khoảng mươi chiếc bồ đoàn màu đỏ, không phải là những miếng nệm tròn mà có hình dáng những chiếc ghế dựa không có chân, xếp ngay trên nền nhà và sát vào hai mé tường đối diện, chỉ cách nhau chưa tới một thước.

Thầy Hằng Trường có một phòng nhỏ trong ngôi nhà, ăn chay ngày một bữa và nằm đất. Thầy đi về giữa cơ sở này và Trung Tâm Sinh Hoạt của Hội trên đường Brookhurst, thành phố Anaheim, nơi tổ chức các lớp dưỡng sinh miễn phí cho quần chúng. Cũng ở địa điểm này, Thầy thực hiện nhiều chương trình truyền hình và truyền thanh nhằm gởi ra thính chúng một cách nhìn mới về Phật pháp, lấy thân tâm con người làm trọng điểm phát triển con đường tu học; một triết lý giải thoát mới giải thích quan điểm xuất gia nhập thế, thể hiện từ bi của người Phật tử thay vì lập chùa với nhiều hình thức cúng kiến và lễ bái. Nói là mới có lẽ trong ý nghĩa khác với cách hành đạo phổ biến hiện nay thôi vì thật ra, quan điểm như vừa nêu trên rất gần, thậm

chí chính là giáo pháp chân truyền theo chân Phật trên bước đường hoằng dương đạo pháp của Người.

Hơn hai ngàn năm trước, cùng đứng bên bờ sông, Phật đã nói với một người đang trò chuyện với Phật, rằng muốn qua bờ bên kia, ông ta chỉ có mấy lựa chọn mà lựa chọn nào cũng do bản thân ông ta quyết định và thực hiện: bơi, lội, chèo thuyền, bắc cầu...Cứ đứng ở chỗ ông mà chờ, mà cầu khẩn thì Phật ngay đây cũng không có pháp thuật nào giúp ông qua sông được. Thấy được năng lực vi diệu với đặc tính hướng thượng và khám phá trong mỗi con người, chỉ ra cho con người cách tế nhận năng lực ấy, sử dụng nó, phát triển nó, để một phút sau hoàn hảo hơn một phút trước và luôn đạt được ý nguyện, là quá trình tu tập tinh tấn mà Phật đã trải nghiệm và muốn chia sẻ với chúng sinh là vô vàn Phật sẽ thành. Chính tâm thế lớn lao vô lượng này là hành trang đưa Phật lên ngôi vị của bậc Đại Chánh giác.

Hơn hai ngàn năm trước, nhân loại chưa hình thành khoa Tâm Lý Học nghiên cứu về con người, Phật đã dùng ánh sáng uy lực của thiền định để nhìn thấu những tầng tâm thức còn trong u minh của con người, định vị nó trong vũ trụ và trong đời sống. Hơn hai ngàn năm trước, xã hội chưa có các định chế văn minh xác lập các giá trị nhân bản như Tự do, Bình đẳng, Phật đã chiêm nghiệm sự vận hành của muôn loài trong thiên nhiên để kêu gọi tự do và bình đẳng mà dạy chúng sinh đừng lệ thuộc tư tưởng của bất cứ ai, kể cả Phật, đừng sát sanh vì sự sống sinh linh đáng quý. Đạo Phật lớn lao ở chủ trương con người có khả năng tự hoàn thiện. Ai nghĩ đạo Phật là bi quan, yếm thế hay cầu ơn, xin lộc, hẳn đã hiểu sai về đạo Phật.

80 năm trụ thế, non một nửa con đường này để khôn lớn, tìm tòi, khám phá và chứng nghiệm. Hơn một nửa còn lại Phật đã cùng môn đệ đi khắp nơi trên nước Ấn Độ, xuyên rừng, qua núi để giáo hóa đại chúng những gì Phật đã thu thập được, để mỗi người độ thân và giác tha ngõ hầu cuộc sống bớt được tối tăm và khổ đau. Tuy nhiên, con đường

tu học không đơn giản, cũng không mau như mì ăn liền. Sau khi Phật nhập diệt, xã hội thời bấy giờ loạn ly, nhũng nhiễu, từ triết lý Phật giáo nguyên thủy đi tìm và xây dựng minh triết để tự tỏa sáng và soi sáng xung quanh, con người có nhu cầu vay mượn ánh sáng từ hào quang Phật để thấy mình yên tâm vì được che chở. Có lẽ từ đây, đạo Phật dưới hình thức lễ bái, cầu tài, cầu phước lộc được hình thành, đi ngược lại giáo pháp ban đầu được Phật truyền dạy lấy sức mình là chính và lấy buông bỏ làm chánh niệm.

Trong đạo Phật, có hai chữ Tùy Duyên rất hay. Tùy duyên cũng có nghĩa là thành tựu tùy nghiệp lực đưa đẩy. Duyên và nghiệp đi với nhau như bóng với hình nhưng Tạo nghiệp hay giải nghiệp lại do chính con người. Nói tùy duyên có nghĩa là cây giống tốt đã trồng, chỉ không biết khi nào trái quả đủ thời giờ và nắng gió để chín thôi. Cho nên duyên lành (thiện duyên) hay duyên dữ (nghiệt duyên) là do bàn tay đã trồng cây, như cụ Nguyễn Du từng hạ bút viết: "Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa, thiện căn ở tại lòng ta..." Sau nhiều lần hẹn bất thành vì nhiều lý do (hay chưa đủ túc duyên) bữa cơm chay mong đợi đến đúng vào trưa ngày thứ hai khi đồi Anaheim có trận hỏa hoạn lịch sử. Ngọn gió tùy duyên trước khi ngừng bỗng nhiên đổi hướng đi của lửa, đuổi nó vòng xuống phía Tây Nam đe dọa Orange và North Tustin. Quá trưa, cư dân các vùng lân cận này ngỡ ngàng nhận được lệnh báo động di tản. Bụi tro và tàn lửa nguội lợp trắng những chiếc xe đậu trên parking chợ Thuận Phát trên đường Brookhurst, thành phố Garden Grove, có thể cả Westminster và một phần Santa Ana.

Lúc mọi người bắt đầu cầm đũa, một bà có tuổi bước vào, băn khoăn hỏi Thầy Hằng Trường: "Con thấy cháy, chạy về. Trước khi về nhà, con tạt qua coi Thầy và bằng hữu có sao không?" Trước sự bình yên của mọi người có mặt, bà hỏi thêm để được an tâm hơn: "Dạ, như vậy chúng ta có phải di tản không ạ?" Thầy Hằng Trường dung dị cười đáp: "Chưa có lệnh thì chắc mình chưa phải đi." Bữa cơm chay

do một nhóm chừng năm chị cùng nhau ra thực đơn và nấu nướng. Ngoài món mỳ nước chủ lực, các chị thực hiện nhiều món rất lạ mắt và cầu kỳ mà tôi không thể đoán ra vật liệu là gì ngoại trừ một món các chị có sáng kiến dùng những lá xà lách nhỏ trong ruột cây xà lách romaine, có hình dáng những cánh hoa sen, để đựng một loại nhân bằm nhuyễn chỉ vừa một miếng ăn. Xà lách dọn cho khách thì có dressing nhưng Thầy có một tô riêng cũng như hai quả mướp đắng thái mỏng để Thầy dùng tươi với mayonnaise chay. Ra về, một anh bạn trong nhóm chúng tôi khen Thầy có tướng ăn như hổ, ý nói một người có thể lực khỏe, mạnh mẽ, mau lẹ và dứt khoát. Riêng tôi nhìn thức ăn thanh đạm dọn cho Thầy chỉ một bữa trưa, so với sức làm việc hàng ngày của Thầy, trộm nghĩ có sự không cân xứng. Tuy nhiên, đó là suy nghĩ của một người chưa từng có kinh nghiệm tu tập nhưng với bậc hành giả luôn đề cao thể lực như một điều kiện học đạo và hành đạo căn bản qua các chương trình huấn luyện được Hội Từ Bi Phụng Sự Xã Hội quảng bá kiên trì và rộng rãi gần hai thập niên qua, tôi tự biết mình đã nghĩ sai. Điều này khiến tôi nhớ lại hình ảnh Thái Tử Tất Đạt Đa khi mới bỏ cung điện ra đi tìm đường giải thoát, Ngài đã nôn nóng giam mình trong hang động, nhịn ăn, nhịn uống, ngồi thiền suốt ngày đêm đến kiệt lực, gần chết, mà ánh đạo vàng đâu không thấy thì thức tỉnh, hiểu ra rằng muốn đi trọn con đường tầm đạo cũng phải có sức khỏe để sống đã. Xem ra Thầy Hằng Trường đang đi con đường rất gần với giáo lý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chủ trương dùng phương pháp trường kỳ khai mở tâm thức bằng giáo dục và đối thoại. Trong các cuộc chiến thế gian phải đương đầu, cuộc chiến trong tự ngã chống lại sự mê muội khó khăn nhất, nói gì hay mơ tưởng gì đến chuyện khuất phục sự mê muội ở tha nhân? Không thể đốn ngã hay đập vỡ vì mê muội không thể bị trấn áp mà nó cần được chuyển hóa, từ tối ra sáng. Không thể phá cửa để thâm nhập nội tâm một người như căn phòng đóng kín vì sẽ bị khước từ, phản kháng và xua đuổi nên chỉ có thể kiên trì, rón rén, chân thành, gõ nhè nhẹ,

nói sau bức tường, khơi gợi niềm tin vào khả năng tự hoàn thiện sẵn có (mà bị bỏ quên) nơi người đó, trao cho họ cái chìa khóa bằng...đối thoại. Như Phật đã làm hơn hai ngàn năm trước, xuất gia rồi nhập thế. Không có tình thương và cả sự đam mê giáo hóa (là đặc ân trời ban hay sứ mệnh tự buộc) để giúp chúng sinh thông suốt cội nguồn của khổ đau, chế ngự, hóa giải nó, bậc hành giả sẽ dễ dàng xa lánh thế gian và đi tìm nơi am thanh cốc vắng, đạt sự viên mãn cho riêng mình. Tôi không biết Thầy Hằng Trường đang ở chặng đường nào trong vô lượng kiếp tu của một hành giả nhưng Thầy đã chọn con đường dấn thân cô đơn và quả cảm. Tôi cũng không được biết tại các đạo tràng lớn trên thế giới, sinh hoạt diễn tiến như thế nào nhưng tại các cơ sở của Hội TBPS Xã hội ở quận Cam, Phật tử tìm đến để cùng nhau sưởi ấm trong tình đồng đạo an vui, cho họ cơ hội phục hồi tâm thể lực, niềm tin thiện hảo vào con người và tương lai. Trong căn bếp vui ở đồi Anaheim trưa thứ hai vừa qua, phần thưởng của chúng tôi không phải là được khoản đãi bữa cơm chay quá đẹp, quá tinh khiết và công phu mà là được nhìn thấy bên cạnh những khuôn mặt sáng ngời an lạc, còn có những khuôn mặt chưa phai hết dấu ấn khổ đau của đời thường nhưng đã thấp thoáng nét cười báo hiệu mùa xuân đang hồi sinh.

BỮA TIỆC LY

Bốn câu thơ buồn bã trong tập Hoa Địa Ngục của cố thi sĩ Nguyễn Chí Thiện có thể áp dụng cho thân phận người trong nhiều trường hợp: một ước mơ không thành cho đất nước giàu mạnh, nhân dân ấm no; một tình yêu không trọn vẹn cho trái tim không chịu đổi thay; một căn bệnh nan y không biến đi sau những đêm dài nhìn lệ nến và sấp mình cầu nguyện v.v...

"Khi mơ ước mãi không thành hiện thực
Sẽ trở thành viên đá tảng lì trơ
Đè óc tim ta nặng trĩu không ngờ
Ta hất xuống nhưng thường không đủ lực"

Hất xuống một ám ảnh, một cơn đau, nỗi tuyệt vọng, tưởng chừng như dễ nhưng thật không dễ. Vì bản năng hiếu sinh. Vì hy vọng như đốm lửa dù hiu hắt vẫn mong chờ gió lên. Vì cuộc đời xung quanh vẫn có tiếng cười và muôn vàn vẻ đẹp đáng yêu thách thức, mời gọi. Làm sao biết, ngày qua ngày, cũng hão huyền như chính cuộc đời là bóng mây qua và đến một lúc, bàn tay không còn đủ "lực" cho một cử chỉ cần thiết cuối cùng?

Betsy Davis, người nữ nghệ sĩ cầm cọ và trình diễn, 41 tuổi, là tuổi chín hồng rực rỡ của mọi người đàn bà, xinh đẹp, tài hoa, vầng trán cao, nụ cười rộng, đôi mắt có đuôi. Từ hơn ba năm qua, được chẩn đoán mắc căn bệnh trầm kha

làm tê liệt toàn bộ hệ thống thần kinh và tủy sống, đặt cô vào tình trạng con búp bê vải với các phần thân thể không tuân theo ý muốn của cô. Cô phải ngồi xe lăn, sau này là ghế điện. Không cầm được cái lược. Không đẩy được cái bàn chải đánh răng.

Đầu tháng 7 năm nay, Betsy gởi điện thư tới một số bạn bè thân thiết của cô, mời họ tới dự bữa tiệc cô gọi là "Rebirth Party," kéo dài hai ngày cuối tuần 23 và 24 cùng tháng. Thư lưu ý các bạn cô là họ sẽ thấy họ ở trong một tình huống không giống những buổi họp mặt bình thường khác mà họ sẽ cần chút sức chịu đựng và tấm lòng cởi mở. Ngoài ra, họ có tự do tùy nghi trang phục, tự do phát ngôn, tự do ca hát, khiêu vũ hay cầu nguyện. Nói tóm lại, họ thoải mái muốn làm gì cũng được trong cuộc họp mặt lần cuối này nhưng cô có một yêu cầu dứt khoát: không ai được khóc. Chỉ duy nhất một lời khẩn khoản xin các bạn hứa như vậy thôi!

Hơn ba mươi người từ New York, Chicago và nhiều nơi khác trong tiểu bang California, nhận lời đến với cô trong căn nhà có hàng hiên xung quanh, ẩn mình giữa thung lũng Ojai, một thị trấn an bình thuộc quận Ventura nằm về hướng đông bắc Los Angelès. Buổi tối đầu tiên, Betsy ngồi trên xe lăn điện, đôi vai gầy guộc nhô lên sau làn vải áo, nửa dưới thân thể phẳng lỳ, bất động, yên lặng nghe mọi người trò chuyện và cười nói râm ran. Cô không còn khả năng phát âm rõ ràng nữa và khi cô nói, người chuyên viên y tế săn sóc cô phải thông dịch cho mọi người những gì cô muốn diễn đạt. Dẫu sao, trên khuôn mặt mờ nhạt như bông hoa thiếu nắng của cô, nụ cười rộng vẫn mãi luôn là tặng phẩm cô giành cho bạn bè để không gian trong mấy căn phòng nhỏ bớt ảm đạm. Một bạn gái của cô mang theo cây đàn cello. Một anh khác thổi khẩu cầm. Bữa tiệc có cocktail. Họ gọi pizza từ tiệm Betsy yêu thích nhất. Họ gọi Chinese foods. Họ gọi Mexican foods. Họ chiếu cho nhau cùng xem những cuốn phim ruột của Betsy, trong đó có phim "The Dance of Reality," dựa trên cuộc đời của một nhà đạo diễn Chilê.

Mọi người cố vui để khỏa lấp nỗi buồn, để ngăn những hạt lệ tràn mi. Thỉnh thoảng có người lẻn ra ngoài, ngước nhìn lên bầu trời xanh thẳm để nước mắt chảy ngược vào lòng.

Betsy đã cho soạn sẵn tủ quần áo của cô, hình dung ra bộ nào hợp với người bạn nào. Họ làm một cái fashion show bỏ túi nhộn nhịp, náo nhiệt. Cô cũng cho soạn sẵn những kỷ vật để tặng riêng từng bạn đến dự buổi tiệc "tái sinh" lạ đời này, gửi họ chút tình khi vĩnh biệt nhau. Trên mỗi món quà, có mảnh giấy ghi rõ lai lịch của nó và tên người được tặng.

Thời giờ vẫn trôi nhanh và hai ngày vui gượng qua mau. Bạn bè ôm hôn từ biệt Betsy, chụp tấm ảnh cuối cùng với cô rồi ra về. Có những bạn ở lại cho đến phút giây nhìn thấy Betsy không còn nữa. Khoảng 4 giờ 30 chiều chủ nhật, Betsy được thay áo, được mặc chiếc kimono cô mua trong chuyến du lịch Nhật Bản năm 2013, sau khi đón nhận kết quả chẩn đoán về bệnh nạn của mình. Cô được người nhà đẩy ghế điện ra chiếc giường đặt ở ven đồi, được đặt nằm thoải mái dưới nếp lụa áo mềm mại chỉ buộc hờ cái giải lưng. Cô gối đầu cao để nhìn ngắm lần cuối mặt trời buổi chiều mùa hè đang lịm tắt dần ở chân trời hoàng hôn. 6 giờ 45 phút, vẫn với nụ cười rộng giờ đây là tiếng khóc vô âm tan chảy trên khuôn mặt tĩnh lặng, cô uống liều độc dược do bác sĩ điều trị cho toa rồi nhẹ nhàng khép đôi hàng mi, chờ đợi giấc ngủ không còn thấy cô thức dậy sáng hôm sau.

Khoảng mười giờ đêm, êm ả như chiếc lá khẽ chao mình lìa cành, Betsy trả lại thế gian hơi thở cuối cùng có sự chứng kiến của em gái, bác sĩ điều trị, người săn sóc cô tại gia và cả nhân viên vật lý trị liệu thường giúp cô bớt những cơn đau nhức. Dưới mắt mọi người, cái chết của cô đẹp như một bức tranh tĩnh vật . Một trong các bạn của Betsy, đạo diễn Niels Alpert, đã phát biểu: "Không ít người ao ước có thể đổi mệnh trời, biến cái chết xấu xí thành một tác phẩm nghệ thuật như Betsy đã làm." Đối với anh, Betsy không chết, cô được giải thoát.

Với cách ra đi chọn lựa dũng cảm này, Betsy là bệnh

nhân đầu tiên sử dụng đạo luật trợ tử dùng cho cư dân California mắc bệnh nan y không thể chữa khỏi và không muốn sống vô vọng trong khổ đau. Cách giải quyết hợp lý này, như mọi trường hợp khác, gây nhiều tranh cãi trong dư luận bênh và chống. Bênh và chống, thoạt nghe qua, ngỡ là người ta cãi nhau để tìm ra sự thật đúng nhất nhưng làm gì có sự thật đúng nhất cho nhiều người nên cãi nhau là cãi nhau với chính mình, về một điều bản thân chưa đủ lý lẽ để tự thuyết phục.

Chắc nhiều người còn nhớ câu chuyện của cô Brittany Maynard , năm 2014, đã phải dời cư từ California qua Oregon, tiểu bang gần Cali nhất, đang áp dụng luật trợ tử nhằm giúp các bệnh nhân nan y được lựa chọn chết trong phẩm giá. Cô Maynard 29 tuổi, vừa kết hôn một năm thì phát hiện bị ung thư não cấp tính, trong tình trạng bác sĩ không thể giải phẫu để chữa chạy. Cô được cái hẹn 6 tháng, như ngọn đèn chờ khô dầu, hàng ngày chịu những cơn đau đầu chết đi sống lại và những cơn động kinh đáng sợ. Là người vợ trong tuổi thanh xuân chưa kịp hưởng hết thời trăng mật, cuộc đời đẹp như giấc mơ thần tiên, cô nói không có một tế bào nào trong thân thể cô muốn chết nhưng cũng không ai có cách nào cứu được cô, cho cô sống nên cô phải tìm lấy cho mình một con đường. Trước khi tự cho mình cái hẹn ngắn hơn 6 tháng của bác sĩ, cô đã dùng ngày giờ ít ỏi còn lại để kêu gọi mọi người ủng hộ thỉnh cầu của cô, thúc đẩy lập pháp tiểu bang California sớm ban hành đạo luật cho các bệnh nhân chờ chết được lựa chọn ngày giờ họ ra đi với sự trợ giúp y khoa của bác sĩ điều trị. Cô nói sẽ không có nhiều người trong hoàn cảnh cô, có thể chuyển đổi chỗ ở dễ dàng và nhanh gọn như cô nên cư dân Cali rất cần đạo luật tôn trọng quyền được chết trong phẩm giá của bệnh nhân khi họ không còn hy vọng được cứu chữa nữa. Kết quả công trình vận động quyết liệt của cô đến vào cuối năm sau, 2015, khi đạo luật trợ tử theo mô hình của Oregon được thông qua ở Cali nhưng bệnh nhân phải chờ tới ngày 9 tháng 6 năm nay, 2016, đạo luật mới chính thức được đưa vào ứng dụng.

Betsy Davis trong câu chuyện trên, đã không chờ thêm để là người đầu tiên sử dụng quyền hạn hợp pháp này.

Hiện chưa biết đích xác con số bệnh nhân nan y chờ ra đi ở Cali là bao nhiêu người nhưng bà mẹ đơn thân Elizabeth Wallner, 52 tuổi, bị ung thư đại tràng giai đoạn 4, đã lan qua gan và lên phổi, đứng trước luật trợ tử đã có hiệu lực, bà vui mừng chia sẻ rằng nay bà có sự bình an trong tâm hồn, biết sẽ không còn bị bắt buộc phải chết dần mòn trong đau đớn nữa!

Riêng kẻ viết bài này chợt nghĩ lẩn thẩn, tự hỏi: chấm dứt cái gì cũng buồn, bằng luật li dị cho một cuộc hôn nhân đầy ải người trong cuộc hay luật trợ tử nhằm giải thoát một bệnh nhân khỏi căn bệnh hành hạ họ nhưng đâu phải ai cũng sẵn sàng li dị và ai cũng sẵn sàng ra đi trong lúc hương hoa hồng còn thơm ngoài hiên và mặt trời, mặt trăng còn hứa hẹn những ngày những đêm biết đâu phép lạ xảy ra? Khuynh hướng bảo thủ sợ sự lạm dụng quá đà, làm đảo lộn trật tự xã hội và trong vũ trụ, lập luận nhiều cuộc hôn nhân chậm đặt vấn đề li dị có khi qua truông, vợ chồng thôi không li dị nữa. Chết thì không thôi chết được nhưng sớm muộn năm bảy tháng, một năm, thậm chí hai năm, có nên tận nhân lực để tri thiên mệnh không ? Hay là nên nhìn cuộc đời với đôi mắt của người nghệ sĩ sáng tạo như Betsy Davis? Cơ hội nào cũng là cơ hội, sao không nghĩ tới xây dựng tác phẩm? Dẫu sao, it nhất, có thêm luật, bệnh nhân chờ chết có thêm tự do chọn lựa: bỏ cuộc hay có thêm thời gian nhìn thấu mình, có thêm thử thách bản thân, bằng hữu, ngay cả có thêm nhọc nhằn để người ở lại dễ nguôi thương nhớ? Chưa kể tín đồ công giáo thì tuân phục thánh ý Chúa. Tín đồ Phật giáo thì muốn trả cho hết nghiệp kiếp này, khỏi mang nợ kiếp sau.

Xét cho cùng, người thời nay nghĩ là vào đời tự do, ra khỏi đời cũng tự do, thật ra chỉ là cái tự do của con kiến bò miệng chén. Sống/chết thế nào, là số cả, duy có cái tâm an nhiên may ra còn thuộc chủ quyền con người.

CÁ CHẾT

Bạn tôi có mấy chục năm làm thơ, là thi sĩ nổi tiếng từ trong nước ra hải ngoại. Chị làm thơ dễ dàng, như thò tay vào túi lấy cái khăn mùi xoa hay viên kẹo bỏ quên một lúc nào đó. Nếu có nói chị nghĩ bằng thơ thì cũng không ngoa.

Thi sĩ có tâm hồn nhậy cảm và tấm lòng mềm như lụa. Ở ngưỡng cửa tuổi cổ lai hy, tấm lụa ấy ướt đầm như có ai đem giặt trên sông Ngân. Chị khóc cũng dễ, nước mắt rơi như những hạt thơ rơi, long lanh, nhẹ nhàng, gội rửa sạch bụi ngày để chiếu ánh lên vạt nắng quái vàng tươi màu rượu vang trong ly thủy tinh.

Gần đây, cá chết hầu như khắp nơi trên quê hương, ở biển, ở ngòi, ở những khúc sông và cả những lồng bè nuôi cá kỹ nghệ của dân. Ghe thuyền nằm úp mặt trên bãi, không biết sẽ trong tư thế này bao lâu nên ngư dân phủ lên chúng những tấm bạt, hệt như tấm vải liệm theo tục lệ dành cho những xác người bị tai nạn mệnh vong giữa đường.

Thi sĩ khóc vùi. Rạt rào. Thánh thót. Như mùa đông Tây Bắc sụt sùi dài theo những đỉnh cây ủ rũ dưới mưa.

Thi sĩ làm thơ:

"Buổi tối tôi đi ngủ, nằm mơ thấy
Cá leo vào giường
xin nằm bên cạnh

thân cá mềm nhũn
vẩy màu xám xanh
mắt màu trắng đục
tôi nằm xích vào
cho cá nằm ké
Cá thở nhè nhẹ
thở hơi cuối cùng
Ôi còn đâu nữa
những con Cá hồng
những con xanh tươi
những con cam đậm
những con mắt trong
những con vẩy bạc
Tôi mở tấm chăn
ôm cá vào lòng
Sáng ra thức giấc
ướt một góc chăn
Cá tan thành nước
hay đã bơi xa
chỉ còn dòng lệ
của tôi vỡ òa." (trích đoạn thơ TMT)

Là một bà nội trợ xuất sắc, thi sĩ (và triệu triệu bà nội trợ xuất sắc khác trên địa cầu này) từng bao nhiêu lần trăn trở những thân cá đánh vẩy, rửa sạch, đôi mắt trơ như viên bi nhỏ, trong cái chậu ở nhà bếp, chuẩn bị cho chúng vào nồi, vào chảo, nấu thành món ăn bổ dưỡng cho cả nhà. Thi sĩ không khóc trừ phi củ hành làm cay mắt. Khi khói thơm từ nồi cá kho, cá hấp, từ chảo cá rán bay lên, khi mở vung nhìn những khoanh cá thấm gia vị, màu nâu đỏ, vàng rụm, óng ánh, mướt mát gợi thèm, nằm lả lơi phơi mình dưới mắt, thi sĩ hài lòng, hình dung ra bữa ăn hạnh phúc của chồng con, bạn bè.

Khắp nơi, loài người ra công đánh bắt cá, coi đây là nguồn thực phẩm thủy sản trời cho (hơn thế nữa, còn là thức ăn thư giãn tinh thần cho các Lã Vọng qua mọi thời đại.) Những đêm còn sâu, những ngày chưa rạng, từ các

bến cảng, bến sông, tàu lớn, tàu bé, thuyền to, thuyền nhỏ, ghe, xuồng tấp nập ra khơi, giăng lưới, thả câu. Ngư phủ nhà nghề hay tài tử, cười vui "vì được khoang cá đầy." Không thấy ai khóc vì cá nặng thuyền, nặng lưới và mối lái đông đầy chờ cân cá cho phiên chợ sớm/chiều trên bến cả.

Thế nhưng cá chết vì biển ô nhiễm thì cả thế giới nổi giận và than khóc. Trong giấc mơ, thi sĩ mở lòng như mở chăn, thương xót ôm cá vào mình, ru cá như ru con trong cơn đại nạn. Sáng ra, lệ đẫm chỗ nằm, thi sĩ mong cho đàn cá tìm lại được giòng nước hiền như nước mắt người thơ đưa chúng trở về nguồn sống an lành cũ.

Tôi không là cá để biết nếu đàng nào cũng phải hóa kiếp thì cá muốn chết như thế nào? Chết thảm thương như những con cá hồi mẹ vượt vũ môn vỡ bụng trứng trên đường về quê xưa, như những con cá hồi bố quặn mình hy sinh cho lũ con chờ mầm sống trong các bể thụ tinh do con người sắp đặt; chết hàng loạt giữa đồng chủng vì bị ngư phủ mang lên cạn, vứt vào hầm nước đá, vây mang hết động cựa; chết ngay đơ như những con cá lóc đầu tóe máu dưới cái chày gỗ của chị hàng cá bán lẻ ngoài chợ; chết vì nước bị nhiễm độc chất thải bởi bàn tay của đám người tham lam ngu muội gây nên ở Vũng Áng; cái chết nào dễ chịu, ít đau đớn cho cá hơn, cá ơi?

Từ khi bắt đầu lịch sử tồn sinh của nhân loại, cá chết tươi roi rói, mỗi giây phút, mỗi ngày, khắp nơi, bằng mọi cách, hàng triệu triệu tấn. Cho nên thế giới bàng hoàng than khóc không vì thương cá chết bởi tội lỗi nhà máy Formosa mà vì đằng sau những xác cá ấy sẽ đến lượt những xác người, chết vì cùng một nguyên nhân như cá. Báo chí trong nước loan tin ngư dân Vũng Tàu đem cá chết rải xuống quốc lộ, làm nghẽn lưu thông. Những xác cá lác đác nằm thành hàng ngang trên mặt đường như hình ảnh báo chí, internet loan tải, thực tế có đủ là chướng ngại vật ở tầm cỡ khiến ô tô các loại không thể cán qua hay chính tài xế run tay lái vì những xác cá ấy là biểu tượng cõi lòng tan nát

của ngư dân đi kèm với cảnh báo mai đây sẽ là những xác người theo sau? Thậm chí đau thương hơn, là những "xác búp bê" dị dạng, tay chân còng queo, rung giật từng lúc, nằm lăn lóc trong những nấm nhà ảm đạm, nằm oan khiên trong vòng tay những bà mẹ bất hạnh chẳng may bị nhiễm độc khi mang thai vì ăn cá ở vùng biển ô nhiễm từ chất thải của các nhà máy Chisso ở Minamata, Showa Denko ở Nigata trên đảo Honshu. Kỹ nghệ gia, tài phiệt sở hữu nhà máy, nhắm mắt chạy hết năng suất nhằm phục vụ nền kinh tế Nhật trong cơn lốc "phát triển diệu kỳ" đầu thập niên 60 thế kỷ trước với không một chút quan tâm đến môi trường để có kế hoạch khu xử an toàn lượng chất thải xả ra trong quy trình sản xuất. Ấy là chuyện của nước Nhật gương mẫu về nhiều phương diện, với các khoa học gia, các giáo sư đại học lương thiện và uy tín mà họ cũng còn cần đến hơn một thập niên, từ 1956 đến 1968, mới xác định được thủy ngân là nguyên do gây ra thảm họa, để lại di chứng tác hại suốt 6 thập niên dài. Chính phủ, giới chức trách nhiệm đã tận lực, bằng mọi phương cách, vừa làm sạch biển, vừa bồi thường thỏa đáng cho nạn nhân trong ngần ấy thời gian, nói chi tới Việt Nam ngày nay coi mạng người không bằng cỏ rác, môi trường sao bằng đẫy bạc kè kè không chỉ vừa lận lưng mà chừng như phải đào hầm mới đủ chỗ chứa?

Chao ôi, cùng với cá chết dài dài ở các vùng duyên hải Việt Nam là những thân tàu thiếu sóng nằm chết trên cát khô, là những bữa ăn vốn đạm bạc của ngư dân bao đời sống nương nhờ biển, nay dù cố vét voi đến cùng kiệt, may ra chỉ còn chút cơm rau cầm hơi, là những bé thơ còm cõi vì thiếu ăn, khát sữa, những thiếu nhi không còn phương tiện tới trường, là những cô giáo quay quắt trong những lớp học vắng vẻ chỉ còn tiếng gió lùa qua cửa, là những đôi mắt đỏ hoe khóc biển lâm nạn và người lâm nạn.

Ôi, đâu rồi quê hương hiền hòa, thanh sạch của tôi những ngày thơ ấu, dù phải tản cư trong chiến tranh, vẫn có một ngôi làng trăng soi vằng vặc những đêm hè cho trẻ

con chúng tôi vui đùa, cho người lớn hò khoan giã gạo trao tình trên các vuông sân đất nện; vẫn có những bờ ruộng thơm ngái mùi rơm rạ lẫn mùi đất ải, mùi phân trâu bò đó đây trong gió thoảng, là mùi đặc biệt quê nhà cho lũ trẻ con chúng tôi căng phổi ra thở mà khôn lớn; vẫn có một con hói nước trong vắt, khép nép cuộn mình bên lũy tre cho chúng tôi vẫy vùng, hò hét rủ nhau tập bơi để mai kia ra sông dài, biển rộng. Mẹ Thiên nhiên cho con người muôn vàn ân sủng. Bị bạc đãi, Mẹ đau buồn, ủ ê. Bị lạm dụng, Mẹ nổi giận, tiếng nói hiếm hoi của Mẹ khi cất lên sẽ vô cùng hung hãn.

Tiến bộ là xu hướng tất yếu của xã hội loài người nhưng không có tiến bộ nào trong việc xén đất của tổ tiên cho ngoại nhân thuê làm bãi đổ rác độc hại, để khói những nhà máy xây trên phần đất thiêng liêng ấy ngày đêm phun thán khí làm ô nhiễm bầu trời quê hương. Tội ác này không có tòa án nào của nhân loại xử cả ngoại trừ tòa án của lương tâm và lịch sử. Khốn thay, không ích lợi gì cho chế độ nên tòa trước đóng cửa đã trên bốn thập niên cùng với miền nam thất thủ, tòa sau đang làm nhiệm vụ hình thành bản cáo trạng cho tương lai, chưa biết bao giờ mới xong?

CANH DƯA HƯỜNG

Giữa những ngày làm việc cật lực, từ 15 đến 18 tiếng đồng hồ thẳng rẵng, ăn uống qua loa, người mệt nhừ, khô như ngói nung, như vỏ cây cổ thụ, chợt thấy lóe lên trong trí nhớ bát canh dưa hường mẹ nấu những ngày còn thơ, lòng xao xuyến, nước dãi đầy lên khóe miệng.

Những quả dưa chỉ bằng quả bưởi bói lần đầu, da xanh non màu thiên lý, có vân sọc y như dưa hấu. Mẹ gọt vỏ, rửa sạch rồi bửa làm tư hay làm sáu, bỏ ruột, thái miếng mỏng, cũng có khi mẹ đổi, bằm dưa thay vì thái miếng, để riêng trong rổ. Mẹ bóc tôm, hai ngón tay bóp cho mình tôm dẹt xuống, nát ra, để trong cái chén. Nước mắm ngon, hành tiêu, chút ớt bột, chút đường, ướp vào tôm. Bắc nồi lên bếp, cho chút dầu. Dầu nóng, trút chén tôm đã ướp vào, tao cho tôm vàng màu hổ hoàng xong thì thêm nước lạnh, áng chừng cho vừa đủ canh để cả nhà ai cũng có phần. Canh sôi, hớt bọt kỹ, đổ dưa hường vô nồi, nêm nếm lại rồi tắt bếp. Hành ngò xắt nhỏ, rắc lên tô canh. Rau xà lách xắt rối chung với húng cây xé nhỏ, và theo canh. Mẹ nhìn con hì hà hì hụp ăn, cười nói: "Thủng nồi trôi rế hả con?"

Ở quê người, con có đủ sơn hào hải vị. Mua nhà lầu thì khó. Mua xe đẹp hay nữ trang lớn cũng khó nhưng thèm ăn, thèm mặc gì thì không khó. Con không thèm bất cứ món ăn nào ngoài nộm bông cau, nộm vả mẹ làm với trái quả trong vườn. Con thèm canh

mít non nấu lá sanh lốt. Con thèm canh dưa hường nấu tôm vừa dòn, vừa ngọt, vừa thơm đến từng chân tóc, vừa mát đến từng kẽ răng. Con nhớ nồi ốc luộc, những cái gai bưởi hăng mùi nhựa tươi để lể ốc chấm mắm gừng. Con nhớ những con cá nục chuối đỏ thẫm, óng ánh nước màu trong cái trách đất, chỉ nhìn thôi đã bứt rứt cả châu thân.

Một hôm đã lâu lắm, lúc chợ Tân Mai còn ở chỗ ngã tư Bolsa và Bushard, buổi chiều tan sở về, tôi tình cờ ghé qua, thấy mấy quả dưa hường lăn lóc trên cái kệ gỗ, mừng như bắt được vàng. Vồ lấy chúng, đem ra quầy tính tiền, hỏi bà chủ: "Chị ơi, ở đâu có dưa hường này? Mà có thường xuyên không?" Bà chủ cười, trả lời bằng tiếng Huế (chắc chắn rồi!): "Ờ, chẳng biết ai đưa tới, lâu lâu mới thấy." Sau duyên may bữa đó, cho đến khi chợ đóng cửa, không bao giờ còn thấy dưa hường nữa.

Nói là nói vậy, mong là mong vậy, đem dưa hường về nhà, nấu nướng như mẹ, bát canh múc ra không phải là bát canh những ngày thơ ấu. Thiếu vạt áo xông mùi hành tỏi, mùi khói bếp của mẹ. Thiếu miệng cười đen lánh những chiếc răng màu hạt huyền của mẹ. Thiếu không gian buổi hoàng hôn trên vuông sân nhỏ, mẹ lúi húi qua lại cùng với đàn dơi chấp chới bay. Thiếu giấc mơ thời mới lớn với biết bao nguyện ước thần tiên mà ngay cả vị ngon ngọt của canh dưa hường lùa qua đôi môi cũng rì rào hạnh phúc. Không biết nếu có một lần nào khác, lại bắt gặp dưa hường trong một ngôi chợ ở xứ Mỹ, liệu lòng có còn háo hức như lần đầu khi hiểu rằng không bao giờ và ở bất cứ đâu, canh dưa hường có hương vị như bát canh mẹ nấu ngày xưa?

Căn nhà tôi mới dọn vào hai năm nay ở sát cạnh nhà hàng xóm có trồng một hàng cau kiểng rất đẹp dài theo bức tường làm ranh giới ngăn đôi hai bên. Mỗi lần đi đâu về, vừa quẹo vào đầu con đường nhỏ, hàng cau bên hông nhà luôn cho tôi cảm giác êm đềm của những ngày thơ ấu trên quê hương. Tuy những tàu cau kiểng ở đây rất khác với những tàu cau cho quả ăn trầu ở Việt Nam vì cau kiểng tàu

lá thấp, tòe rộng như cái tán lọng, không giống những tàu cau sắc cạnh, túm gọn tít trên đầu những thân cau mảnh mai, thẳng tắp ở vườn nhà Việt Nam nhưng dù vậy, chúng vẫn thuộc họ nhà cau và gợi nhắc hình ảnh nhau trong lòng người lữ thứ như tôi.

Huế có món nộm cau rất độc đáo, ngoài Huế không đâu có. Tôi không biết có bao nhiêu người Huế lưu lạc từng thưởng thức món nộm bông cau ở Huế đến nay còn nhớ món ăn đặc biệt này? Ngay bên dưới cái tán lá bung ra, cong cong, mềm mại, in lên nền trời hôm sớm, khi bụng cau phồng lên như bụng một bà mẹ chửa con so, tôi chờ đợi từ đấy nứt ra buồng cau nhỏ xíu lơ quơ mấy cái nhánh gầy non yếu màu vàng mơ, đeo mang những trái cau chưa tượng hình, chỉ mới là chùm hột phơn phớt màu tơ tằm... Nếu may mắn nhằm lúc mẹ tôi không bận bịu việc gì khác, bà sẽ nhờ anh phu kéo xe cho bố tôi quặp chân vào thân cau, leo lên, bóc nó xuống để bà làm món nộm bông cau cho cả nhà ăn. Ngày ấy tôi còn bé quá, ráng sức kiễng cả người cũng chưa cao ngang tầm bếp nên không biết mẹ tôi pha chế những gì, chỉ biết những nụ cau, nhánh cau non vừa thơm, vừa dòn và ngọt, hình như có cả mùi nhựa cau say say, trộn lẫn rau thơm, lạc rang, nước mắm chanh, tỏi, ớt, đường, giấm, tất cả hòa quyện vào nhau cùng với hương vị miếng bánh tráng gạo nướng vừa tới, chao ôi là ngon! Tôi nhớ có ai đó trong nhà được mẹ tôi cho ăn món nộm cau, đã hít hà kêu lên: "Ôi chao, ngon chi vô hậu rứa hè!" Sở dĩ tôi nhớ câu này lâu vì tôi không hiểu tại sao người ăn khen món ăn mẹ tôi làm lại dùng hai chữ "vô hậu" vốn hàm ý chê bai một điều không tốt, không có hậu vận tương lai? Thấy ai làm việc gì ác, thiếu nhân đức, người Huế có câu mắng khá độc địa: "Đồ vô hậu!" Tôi lẽo đẽo theo hỏi mẹ nhưng mẹ tôi bảo: "Em nghe ai nói thì hỏi người đó cho chắc, chữ nghĩa đa đoan, chị không biết ý người ta." Hồi đó tôi sợ, không dám vặn vẹo người lớn nhưng sau này khi chính tôi khôn lớn, hỏi lại đúng câu này thì mỗi người giải thích một cách như mẹ tôi đã trả lời tôi ngày nào. Mẹ tôi hiền nhưng

khôn ngoan, Tôi không thấy bà làm mất lòng ai bao giờ, có lẽ vì cuộc sống của mẹ tôi vốn đã nhiều khó khăn. Sống lâu với Huế và lớn lên ở Huế, dần dần tôi biết thêm nhiều cách dùng hai chữ "vô hậu" với ý nghĩa hoàn toàn tương phản. Khen một nhan sắc làm mê mệt lòng người, "Em ạ, yêu nhau chết cũng đành," người Huế nói: "O nớ đẹp vô hậu!" Tôi không biết "vô hậu" trong trường hợp này và những trường hợp tương tự, ngoài cái nghĩa trách yêu "không để cho người ta sống với," có phải nó ghép từ mấy chữ "vô tiền khoáng hậu" hay không? Thế nhưng chê một ai, một cái gì thậm tệ, người Huế cũng nói: "Ăn ở chi mà vô hậu rứa?"

Món ăn Huế thứ hai, home made, cũng ngoài Huế không tìm được ở đâu khác và mẹ tôi hay làm là nộm vả. Nhà tôi có cây vả ở vườn sau. Lá vả to, giông giống lá sen nhưng sờ nhám tay, không nhẵn như lá sen. Quả vả tròn, dẹt ở hai đầu như quả quýt, màu xanh lục, lớn nhất cũng chỉ vừa lõm tay. Hái vào, rửa sạch, luộc cho mềm. Xong, gọt vỏ, thái lát vừa rồi xới tơi ra. Tôm thịt tao lên, nêm nếm vừa ăn, trộn vào vả, rau răm xắt mỏng, lạc rang giã rối, vừng rang vừa vàng, giã sơ. Nộm vả không cần nước mắm pha vì nhân tôm thịt đã rim rồi. Khi ăn, dùng bánh tráng gạo nướng để xúc thay cho muỗng đũa. Khác với nộm bông cau, tươi, dòn, mát, nộm vả bùi và ngậy, mỗi món một vẻ, món nào cũng tê tái ngon. Ngoài nộm, trái vả nhờ vị chát và thơm còn được ăn sống như một thứ rau củ dọn với món bánh khoái bên cạnh rau cải con, khế chua và tỏi sống.

Món thứ ba khiến khi xa Huế rồi cũng rất nhớ nhung là món canh mít non lá sanh lốt (theo cách người Huế gọi.) Vài năm trước, một buổi chiều mùa hè nắng muộn, trên đường về nhà qua phố Bolsa, tự dưng tôi thèm canh mít xót xa. Tôi tạt xe vào chợ, mua hai lon mít non hiệu Chao-Koh xong ra hàng rau tìm lá lốt thì không có. Chợt nghĩ chắc chỉ tiệm bò bảy món là có sẵn lá lốt nên tôi chạy tới nài nỉ xin mua lại một ít nhưng chủ nhân lịch sự trả lời là mối bỏ chỉ đủ cho tiệm làm và bán ra mỗi ngày, không có dư. Thì thôi,

đành cất hai hộp mít vào tủ bếp để làm kỷ niệm. Cuối tuần làm chương trình phát thanh, ông thần khẩu xui tôi buột miệng than sao lá lốt khan hiếm quá, chợ không có, vườn nhà không có, tiệm chuyên bán bò lá lốt thì có nhưng không dư cho tôi nài lại. Mấy ngày sau, tôi nhận được một phong bì ưu tiên của bưu điện gởi từ Florida tới đài, bên trong có ba liếp lá lốt rửa sạch sẽ, lau khô và xếp như lá trầu không, vẫn tươi nguyên như vừa hái vì được gói trong paper towel trước khi bỏ vào Ziploc, rất cẩn thận và mỹ thuật. Người gửi là chị Vân, cho biết rất thông cảm với "cơn thèm" của tôi mà vườn nhà chị thì xanh mướt lá lốt không biết làm gì cho hết. Thời đại kỹ thuật cao này, hàng xóm có thể ở cách nhau vài ngàn dặm đường, còn gì tuyệt vời hơn nữa? Hôm đọc tin bão Irma đánh vào Florida, băn khoăn không biết khu vườn hoa lá xanh tươi của chị Vân có bị hề hấn gì không nhưng may quá, khu vực chị ở không bị ảnh hưởng trực tiếp. Nhớ ơn chị bát canh mít non lá lốt. Mít hộp không ngon bằng mít tươi hái từ vườn của bố mẹ tôi ngày xưa nhưng lá lốt chị gửi dường như thơm hơn, hương vị ở lại với mình thật đậm đà chị Vân ạ! Ai đọc bài chia sẻ lẩm cẩm này mà muốn thưởng thức canh mít lá sanh lốt, xin nhắc (anh hay chị) nhớ đừng quên nêm chút nước ruốc sau cùng, trước khi bắc nồi canh xuống nhé!

Cali nhiều nhà có cây khế sau vườn nhưng khổ nỗi Cali ít mưa. Dẫu sao, thay vì dầm khế cả vại như khi mùa đông tới ở Huế, trời mưa suốt mấy tháng, Cali chỉ cần một cơn mưa nhỏ để đủ nước mưa cho người Cali dầm khế một hũ lớn thôi là bếp gia đình sẽ có những bát canh khế xâm trong veo, ngọt ngào và thơm ngát, ăn xong bữa mà vị khế thanh tao còn đọng lại trong kẽ răng. Có điều bầu trời Huế khi tôi lên 9 hay lên 10, chưa biết ô nhiễm là gì, không gian trong trẻo, đêm đầy sao long lanh như ngọc vãi, mưa rơi (và rơi nhiều) không cuốn theo bụi bặm hay hơi khói từ các nhà máy, có lẽ vị nước mưa cũng tinh khiết hơn?

Món ngon của Huế quá nhiều, nhất là những món của

nhà nghèo. Những ai đã ăn món chột nưa kho ruốc hay dưa nưa chấm nước cá kho chắc sẽ không bao giờ quên được cái hương vị nồng cay đến cháy lòng, thấm đượm trong từng hạt cơm nhai nuốt thong thả ở một nơi chốn cuộc sống bình an, chưa hề lo âu hay vội vã.

Tôi được ăn nhiều món ngon, rẻ tiền và dễ nấu của Huế. Bây giờ, những vật liệu rẻ và dễ kiếm ấy đã trở thành rất đắt (tôi không cách nào mua được) và rất hiếm (tôi không còn tìm thấy ở đâu nữa): mẹ hiền, khu vườn cũ và tuổi thơ tôi. Cho nên, đành cất riêng nỗi tiếc thương trong lòng, nhai lại ký ức mình như con bò rời khỏi đồng cỏ xanh tươi bát ngát về chuồng, nhai lại không chỉ nắm cỏ đã tan vào xác thân nó mà cả màu trời xanh, làn gió mát, tưởng còn nguyên vẹn nhưng đã khác rất nhiều qua một giờ, qua một ngày, qua một dặm đường, như chính nó cũng không còn nguyên vẹn như hôm qua.

CÂU TRẢ LỜI

Một người bạn gởi cho cái link để xem bộ phim 54 tập, kể câu chuyện cuộc đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ lúc lọt lòng mẹ cho tới lúc Ngài nhập đại niết bàn năm 80 tuổi, giữa cảnh trí thiên nhiên cỏ cây hoa lá tuyệt dẹp của khu rừng từng ghi dấu chân Ngài cùng các môn đệ trong nhiều chuyến đi hoằng dương đạo pháp và giờ đây, do thiện duyên, cũng là điểm hẹn cuối cùng tiễn Ngài về cực lạc quốc.

Cuốn phim dài 54 tập, sẽ lấy rất nhiều thời gian trong thời khóa biểu quá bận rộn của tôi nhưng ở quãng đời này, tôi có ưu tiên cho câu trả lời vốn chờ mong với muôn vàn khắc khoải, biết đâu tôi sẽ tìm được nó dưới chân đức Phật?

Trải qua 2500 năm, hẳn nhiên câu chuyện và cả sự nghiệp giáo huấn của đức Phật sẽ có ít nhiều thêm hay bớt, điều mà trí tuệ siêu việt của Ngài đã lường trước lúc bấy giờ và cho mai sau, nên đã mở lời dặn dò thính chúng đến nghe Ngài giảng pháp, rằng: "Đừng vội tin những gì nghe được, kể cả lời ta nói. Hãy dùng trí huệ riêng, sự tỉnh thức nơi chính mình mà sàng lọc, đắn đo, cân nhắc để tìm kiếm chân lý." Khoảng 600 năm trước công nguyên, tri thức của loài người còn rất thô sơ. Thời điểm ấy ở Ấn Độ, giáo pháp Bà La Môn khuynh loát cả triều đình, hướng dẫn đường lối cai trị của nhà vua và tín ngưỡng của người dân. Đối ngoại, Bà la môn cổ võ chiến công của giai cấp Sát đế ly, chuẩn bị

họ cho những cuộc trường chinh chiếm đất của lân bang để mở mang bờ cõi. Đối nội, họ bày ra nghi lễ cúng bái rườm rà, hiến tế súc vật cho thần thánh để đổi lấy thịnh vượng và an lạc. Là Thái tử kế thừa ngai vàng của vua cha Tịnh Phạn Vương nước Ca Tì La Vệ, văn võ song toàn khi chưa qua tuổi 20, Tất Đạt Đa kiên quyết chống lại mọi hình thái hủ tục, xâm hại sinh mệnh của muôn loài để mưu cầu lợi lạc cho kẻ nắm quyền. Chống nhưng không rơi vào bế tắc. Thái tử có giải pháp cho những vấn đề "bất ổn" dưới mắt mình. Thái tử minh chứng được chiến tranh cân não, bằng chiến thuật/chiếnlược, bằng ngoại giao/thương thuyết, cũng đạt kết quả không kém mà bớt hao tổn sinh linh ngoài trận địa. Về pháp tu của Bà la môn, sau này khi đã thành Phật, trên con đường hành đạo, để giải thích tín ngưỡng không bao giờ là sự cầu tìm ở thần lực vô hình, Ngài đưa ra một ví dụ thật giản dị, dễ hiểu và thuyết phục. Ngài hỏi một vị Bà la môn muốn tranh biện với Ngài ở ven sông: "Có một người nọ muốn sang bờ bên kia, anh ta phải làm sao?" "Sông cạn thì lội, sông sâu thì bơi hay chèo thuyền." "Nếu anh ta không muốn cả ba cách này mà chỉ cúng lễ, hiến tế súc vật để cầu xin thần thánh ban ơn, bờ sông bên kia có ở ngay dưới chân anh ta không?" Phật không tranh biện hơn thua, Ngài nói chậm rãi, giọng từ tốn, sắc diện an nhiên và khiêm cung. Để dẫn giải. Để lay thức tri giác người nghe. Nghe được hay không còn tùy phước phận và duyên nghiệp của họ. Ngài chỉ làm công việc gieo hạt xuống đất, phần còn lại sẽ tùy nghiệp lực của người đó mà hạt bám rễ, phát sinh hay theo gió bay đi...Một ngày đông giá lạnh khác, trong khi thiền hành, Ngài thấy một người không mặc áo, lặn hụp hàng trăm lần dưới hồ, mình mẩy rét run lật bật, bèn lên tiếng hỏi vọng xuống: "Ông làm gì vậy? Có biết là trời lạnh thế này mà ông dầm mình lâu thế sẽ có thể bị bệnh không?" Người kia trả lời: "Tôi vừa làm một việc sai quấy, tục truyền rằng đây là cách gội rửa hết tội lỗi." Phật cười bao dung: "Ông nói vậy, có nghĩ là bao nhiêu ếch nhái lặn hụp trong hồ thảy đều thánh khiết hết không?" Người kia ngẩn ra một

giây rồi tất tả chạy lên bờ để được Phật lấy tấm y trong bọc ra, khoác lên người ông, căn dặn: "Đừng để mình bị bất cứ gì trói buộc khiến vì sợ hãi mà mất tư duy tự do."

Lọt lòng mẹ giữa một đêm trăng tròn trong vườn Lâm Tỳ Ni, thoát khỏi âm mưu sát hại sớm sủa của Thúc phụ Hộc Giác vương muốn giành ngôi cho con trai mình, hài nhi cả triều đình mong đợi, đứa con cầu tự hiếm hoi của tộc Thích Ca, là một thái tử dung quang khôi vĩ, được tiên A Tư Đà khen có 32 quý tướng, sẽ trở thành một đại chuyển luân thánh vương tài năng xuất chúng hay một bậc giác ngộ uy danh lẫy lừng thiên hạ. Tuy nhiên, tiên A Tư Đà lại quả quyết rằng dù vua cha Tịnh Phạn không muốn và sẽ tìm đủ mọi cách ngăn chặn, sau cùng, Thái tử nhất định sẽ xuất gia tu hành và sống đời khó nghèo khổ hạnh.

Ngay từ bé, Thái tử Tất Đạt Đa đã tỏ lộ nhiều thiên khiếu nổi trội và tấm lòng từ bi vô hạn. Một mặt lớn lên trong hoàng cung xa hoa nhung lụa, một mặt bị cách ly hoàn toàn với đời thường bên ngoài, thậm chí không được nghe kể hay nhìn thấy sự chết chóc, ốm đau, già nua của loài người xung quanh, ngay cả không được cho biết mẹ ruột của Thái tử là hoàng hậu Maya đã qua đời chỉ bảy ngày sau khi hạ sinh Thái tử và người mẹ dưỡng nuôi Thái tử chỉ là hoàng hậu em gái của mẹ. Thuở nhỏ, Thái tử không thích phải đeo nhiều trang sức vì chơi đùa không thoải mái nhưng tận tình vỗ về, chăm sóc một con chim bị thương, cứu sống nó. Tuổi dậy thì, được phụ vương khuyến khích đến chơi hoa viện, mong tửu sắc sẽ khiến Thái tử đam mê nhưng Thái tử mắt như lòng, trong trẻo, không gợn chút ham muốn. Dẫu thế nào, dòng sống vẫn ngày qua ngày trôi chảy và triều đình sắp đặt hôn lễ cho Thái tử với công chúa Da Du Đà La, con gái vua nước láng giềng. Cả hai là một đôi uyên ương hoàn hảo, yêu thương, tôn kính, hòa hợp, chia sẻ. Đến đây, bầu trời đang quang đãng trong tâm hồn Thái tử bắt đầu có những áng mây mờ, bên trong khởi đi từ ganh ghét, tỵ hiềm do thèm muốn danh lợi giữa thân thích trong hoàng gia,

không qua được tầm nhận thức sáng suốt của Thái tử dù người lớn tưởng đã che giấu kỹ; bên ngoài, Thái tử chứng kiến nhiều cảnh khổ của dân chúng mà đức vua cố công tìm cách bôi xóa trong mắt Thái tử để Thái tử không sinh lòng buồn bã. Nhát chém cuối cùng vào trái tim từ ái của Thái tử là quang cảnh một chiến trường với nhiều binh sĩ đã hy sinh hay bị thương đang rên la khắp nơi khi Thái tử vừa trở về từ cuộc du thuyết gian khổ để tìm kiếm hòa bình, mong tránh cảnh máu đổ thịt rơi với lân bang.

Đêm không ngủ, ngày biếng ăn, Thái tử âu sầu, ray rứt niềm đau. Công chúa Da Du Đà La tuyệt đối thấu hiểu và cảm thương chồng. Bên cạnh tình riêng nồng đượm, công chúa không đành lòng nhìn Thái tử mòn mỏi từng giây, từng phút vì những câu hỏi không có câu trả lời để biết cách nào khiến cho nhân loại bớt trầm luân? Mắt nàng đầy lệ, lòng nàng bão táp phong ba, giấc ngủ của nàng chập chùng lo sợ vì Thái tử rời chăn êm, nệm ấm, ra vườn tâm sự với trăng sao, cỏ cây, muông thú, với con ngựa quý sẽ có một ngày đưa Thái tử vào cuộc hành trình đi tìm câu trả lời cho những băn khoăn của Thái tử về kiếp người? Họ đã có với nhau một hoàng nam khôi ngô tuấn tú. Thái tử đã bối rối, xót xa, nhìn vợ đau đớn lúc lâm bồn qua song cửa sổ hẹp. Thái tử đã vui sướng ôm con trong tay, nhìn ngắm phần máu thịt của chính mình và hôn lên trán con như mọi ông cha bình thường trên thế gian. Thế nhưng, phải chăng định mệnh đã an bài cách khác và con người không thể nào cãi được số phận nên khi Thái tử quyết định rời cung vàng điện ngọc, công chúa Da Du chỉ còn biết khẩn khoản xin chồng nếu có đi, hãy đi giữa đêm khuya để công chúa không nhìn thấy biệt ly. Nàng nói vậy để Thái tử yên tâm bên vợ con lần cuối trong căn phòng lờ mờ lửa nến rồi quay đi, bỏ lại đôi hài gấm trên ngưỡng cửa như một lời chào xé nát tim gan người vợ trẻ bỗng nhiên trở thành góa bụa. Nàng chỉ giả vờ nhắm mắt, lắng nghe trong thinh lặng tiếng chân Thái tử ngập ngừng xê dịch, tiếng cửa nhẹ nhàng khép lại. Biết Thái tử đã rời đi, công chúa bật dậy, nấp sau rèm, đau đớn

dõi mắt theo chồng trên lưng con bạch mã chậm rãi tan dần trong ánh trăng im, cả người nàng đổ xuống như một thân cây bị cuồng phong đốn ngã.

Bạch Phật, 2500 năm sau, con vẫn mãi ghi ơn công đức khai sáng của Ngài, mở mắt, mở lòng cho con nhận biết:

* Chánh pháp, chánh niệm khởi sinh từ khả năng kiểm soát bản thân, bắt đầu bằng kiểm soát hơi thở, còn gọi là thiền định, con đường đã đưa Ngài tới ngôi vị của bậc Đại Chánh giác, ra khỏi vòng đọa đày của thất tình lục dục.

* Tri thức là của riêng mỗi người, tự do, vô úy, là ngọn đèn sẵn có trong tâm cần được thắp lên để soi rọi chính mình và phá vỡ vô minh. **Đừng cầu tìm giải thoát ở đâu xa.**

* Cuộc đời là vô thường, còn mất như nhau, chỉ là con u mê không chấp nhận chúng biến hóa và khổ đau vì vọng tưởng chi phối con trong tự ngã. Con phải biết buông bỏ, như dòng sông mỗi ngày chảy qua những bờ bến mới theo tính năng của nó, trải hàng vạn, hàng trăm, hàng tỷ năm, ra biển, thành mây, thành mưa rồi lại trở về sông. Cũng tương tự vậy, loài người không có cháu sao có ông bà? Không có chắt sao có ông bà cố? Cứ thế mà luân lưu, xoay chuyển. Chân lý tối thượng đằng sau sự bí ẩn của sinh mệnh là thông hiểu vòng quay luân hồi trong tạo vật để biết an trú trong hiện tại và sống đẹp nhất như bông hoa lúc mãn khai.

2500 năm trước, giờ khắc sắp nhập đại niết bàn, Phật vẫn ân cần hỏi các tỳ kheo theo Ngài, ai còn thắc mắc hay ngờ vực gì về con đường đạo do Ngài dẫn dắt, hãy hỏi đi. Không có ai hỏi. Con tiếc là 2500 năm trước, hoặc con chưa có thân phận làm người hoặc cũng có thể con ở đó nhưng chưa kịp hỏi, nay con xin được hỏi. Con tin rằng hạt cát phật tính trong con thừa hưởng từ đại công đức của đấng Thế tôn, sẽ cho con tiếp nhận được câu trả lời của Ngài.

Khi có người hỏi Xa Nặc, người hầu cận thân tín được Ngài giao trọng trách săn sóc Hoàng Hậu và tiểu Thái tử sau khi Ngài ra đi tầm đạo, sao không quy y làm tỳ kheo của Ngài, Xa Nặc trả

lời: "Tôi không thể xa rời bổn phận đã nhận lãnh" thì Ngài chỉ tay vào anh ấy, thốt lên câu ***Đây là vị tỳ kheo vĩ đại****. Từ việc này, con hiểu con đường xuất gia không phải là con đường giải thoát khổ đau và luân hồi duy nhất sau khi một mình Ngài đã đi và đạt tới mầu nhiệm cao nhất để giác ngộ chúng sinh trong bối cảnh xã hội đầy rẫy bất công và khổ đau thời của Ngài. Thứ nhất tu tại gia, nếu ai đó giờ đây nhờ ân hưởng công đức tu tập Ngài chỉ ra, đã tu tập để đạt được khả năng kiểm soát trọn vẹn thân/tâm/ý, làm chủ cảm xúc bản thân, thì sống buông xả giữa đời như bông hoa mãn khai dâng hương cho thập phương, có khác với xuất gia, dứt bỏ thâm tình cha mẹ, vợ hiền, con thơ và cả con vật trung thành vì thương nhớ chủ mà buồn đau cho đến chết, hay không? Định tâm buông xả ngay giữa ngổn ngang dục lạc như ly nước đục được làm cho lắng trong, để hạt cát phật tánh trong đáy ly được tỏa rạng mỗi sát na hiện hữu, như Xa Nặc nhìn thấu hạnh phúc đích thực của anh ấy và không động tâm vì cái bóng hạnh phúc kêu đòi ở một ngoại cảnh nhiều hứa hẹn khác. Hay, sau lưng Ngài, Công chúa Da Du Đà La dù không có 32 quý tướng cũng như phẩm hạnh qua vô lượng kiếp tu của Ngài, đã vì tình yêu không chút vị kỷ, tự nguyện ăn chay nằm đất giữa cung điện phù hoa, đóng góp phần khổ hạnh của nàng để giúp Ngài thực hiện quyết tâm và đi tới đích, một mình lãnh nhận trách nhiệm thay Ngài phụng dưỡng cha mẹ già và giáo dưỡng con thơ, vượt qua hết mọi chê bai thị phi, mọi dèm pha biếm nhẻ, giác ngộ trước cả những thành tựu vĩ đại của Ngài, làm cho phần đất nơi nàng hiện hữu trở nên đáng sống hơn, những chuẩn mực bồ tát ấy có đủ để công chúa được xem là bậc chánh giác không?*

Bản thể cuộc sống buồn vui lẫn lộn. Ôm hết thì nặng quá, qua sông đắm đò. Bỏ hết thì phụ rẫy công trình tạo tác của Thượng Đế. Vậy, bạch Phật, ứng xử khôn ngoan phải chăng là biết chọn lựa, như lời Phật nhắn nhủ: mỗi buổi sáng mở mắt ra cùng mặt trời, tự hát lên trong lòng những giai điệu du dương chào đón một ngày mới, dẫu thế nào cũng không là bi kịch trong tỉnh thức và cõi lòng an tịnh.

CHÂN VẠC

Mô hình tổ chức xã hội trước đây ở quê nhà thể hiện qua ba chữ QUÂN, SƯ, PHỤ có lẽ không chỉ ngụ ý định ra vai vế, thứ bậc của các nhân vật chịu trách nhiệm lãnh đạo quần chúng như thường được hiểu, được dùng làm thước đo lòng trung hiếu. Nhiều sự việc các thế hệ tiền nhân thực hiện một cách hồn nhiên, theo trực cảm và sự khôn ngoan sẵn có, sau này con cháu thấy ra tính cách khoa học hoặc xã hội rất tiến bộ hàm chứa trong nội dung những sự việc ấy.

Ngày nay, nhập cư vào Mỹ, người Việt chúng ta đọc được câu "It takes a village to raise a child," về mặt giáo dục, ý nghĩa không khác Quân, Sư, Phụ là bao ngoài khác biệt về ngôn ngữ cùng một khoảng cách không gian và thời gian khá xa giữa sinh nhật của hai phát biểu ấy.

Thế kỷ 21 chỉ còn số ít quốc gia duy trì thể chế quân chủ như một biểu tượng có tính truyền thống vì việc điều hành đất nước trong tay Thủ tướng, Chính phủ và Quốc hội. Chữ Quân không mang trọn vẹn ý nghĩa một ông/bà Vua có chân mạng đế vương nên ngồi ở chỗ cao trọng nhất mà thay hình đổi dạng đôi chút để trở thành một tập hợp đứng ở vị thế lãnh đạo, làm ra, thể hiện đường lối điều hành cả nước.

Nói đến sự vững chãi, bình dân nôm na có câu thành

ngữ *"Vững như kiềng ba chân."* Nếu nghĩ rằng, tin rằng chân lý muôn đời đúng cho sự phát triển tốt đẹp của một cá nhân, một cộng đồng, một xã hội, một quốc gia, là Giáo Dục, thì hơn bất cứ yếu tố nào khác, Giáo Dục cần sự vững chãi và QUÂN chiếm vị thế đầu bảng, là cái chân thứ nhất trong cái kiềng ba chân Quân, Sư, Phụ, định hướng/hỗ trợ chính sách. Một cách văn vẻ hơn, không dùng hình ảnh cái kiềng đun bếp thì dùng hình ảnh cái vạc, cũng ba chân, chứa trí khôn của nhân loại. Cái chân thứ hai, SƯ, là ông/bà thầy hay đội ngũ giáo chức nói chung. Cái chân thứ ba, PHỤ, là các ông cha, nói chung là gia đình.

Như vậy, sự nghiệp giáo dục luôn là một công trình ở thế chân vạc, gồm Xã hội-Nhà trường-Gia đình. Hay như cách nói của người Mỹ: It takes a village to raise a child. Ở một đất nước văn minh, tôn trọng dân chủ, nhân quyền, ba cơ chế này không trực tiếp xen vào nội bộ của nhau nhưng khi cùng nhìn chung về một hướng, sẽ song hành và ảnh hưởng lên nhau. Nước Mỹ cổ võ tinh thần trách nhiệm, đề cao danh dự, tính nhân bản và khai phóng nhưng nhà trường không dạy môn công dân giáo dục, gia đình không hàng ngày đọc lời rao giảng những giá trị tốt đẹp ấy đối với con cái mà ở khắp nơi trên đất nước này, người dân được mời gọi suy nghiệm về các tiêu chí chung nói trên và mỗi người có cơ hội thể hiện trong cuộc sống của mình các giá trị làm nên nước Mỹ. Chính là bằng cung cách này, hai chữ Tự Do phát huy hết ý nghĩa cao quý của nó. Như tiền nhân đã nói: "Hết ngọt đến xẵng." Bên cạnh Tự Do là một nền pháp lý nghiêm minh áp dụng đồng đều cho mọi trường hợp khi Tự Do thất bại. Nước Mỹ có lịch sử lập quốc hơn hai thế kỷ, tiến bộ không ngừng bằng đi hia bảy dặm song vẫn còn và còn nhiều nhà tù, chứng tỏ Tự Do là báu vật được mơ tưởng, nhắc nhở luôn trên đầu môi nhưng thật không dễ thụ đắc.

Trở lại câu "It takes a village to raise a child," một hôm, cô M. nói chuyện với kẻ viết bài này, cô nói: "Chị nhìn xem,

phó TT nước Mỹ Joe Biden từng đưa ra chính sách "No Child Left Behind." Nói là làm, dù ít dù nhiều, nên những đứa trẻ kém may mắn (chúng ta không nên dùng chữ 'bất hạnh' đầy tính cách áp đặt, sẽ ám ảnh đứa trẻ và cả gia đình nó) trót sinh ra tật nguyền, chậm lụt, thiếu tay, thiếu chân, thiểu não, khiếm thị...vv..vẫn được nước Mỹ tạo phương tiện để có cuộc sống không những tự bản thân có ý nghĩa mà còn làm gương cho nhiều trẻ khác cùng hoàn cảnh. Đặc biệt hơn nữa, khi đứa trẻ khuyết tật được quan tâm khuyến khích nắm bắt cơ hội để trở thành nguồn cảm hứng cho trẻ cùng cảnh ngộ, nó cũng sẽ bằng lòng (nếu không là tự hào) thấy ra sự kém cỏi của mình, cũng đủ tự tin để mang theo vào đời một sứ điệp to lớn qua trải nghiệm riêng. Được như vậy vì đường hướng/chính sách có rồi, chỉ cần cộng đồng và gia đình trân trọng nụ mầm non yếu ấy, nâng niu, bảo dưỡng, cho các em tình thương và niềm tin, các em sẽ trở thành những tay đua điền kinh, họa sĩ, nhạc sĩ, nhà văn, khoa học gia, điêu khắc gia, những nghệ nhân tài ba, hưởng cuộc sống cho phép các em ngước mặt nhìn đời. Người Mỹ có câu ngạn ngữ: "Khi cha mẹ thương yêu, cảm thông và ưu tư cùng con cái, không một bác sĩ tâm lý nào sánh bằng."

Muốn đạt tới thành quả tốt đẹp này, bước đầu, người Việt chúng ta cần bỏ hẳn ý nghĩ/cách nhìn đã đóng vôi, cho rằng cha mẹ nào có con em khuyết tật là vô phước, là nặng nghiệp, là bị quả báo..vv..những "phán xét" hoàn toàn vô căn cứ vì chẳng ai chứng minh được điều này. It takes a village to raise a child thể hiện rõ nhất trong cộng đồng chúng ta khi cách đây chừng hơn mười năm, nha sĩ Nguyễn D. Liên Hương đọc tin trên mạng, đã kêu gọi bạn bè góp công góp của cùng với bà, nhờ khoa chỉnh hình lắp lại đôi tay cho cậu bé Hoàng Em,17 tuổi, ở một làng quê Việt Nam, ngoài giờ học, đã đi làm thêm ở lò gạch để giúp đỡ mẹ, chẳng may bị máy công nghiệp cưa cụt hai cánh tay tới trên khuỷu. Sau khi được qua Mỹ điều trị, em trở về đi học tiếp và ra trường, nay có công ăn việc làm đủ nuôi

thân và báo hiếu mẹ già. Tin mới nhất cho biết em đã xây được nhà và đã tạo dựng được mái ấm gia đình riêng.

Theo cô M. "Hãy bắt đầu từ chỗ có thể bắt đầu." Sự nghiệp giáo dục là một giòng chảy liên lỉ qua nhiều thế hệ nối tiếp nhau đảm đương sinh mệnh của một dân tộc. Những người học trò ra trường, cập nhật kiến văn với thời đại, bài trừ hủ tục, thanh tẩy trí óc, có trách nhiệm góp phần định hướng phát triển cho bản thân và cộng đồng, đến lượt họ trở thành thầy cô giáo cho chính mình và cho con cái ngoài trường đời. Một gia đình, một cộng đồng, một xã hội, một đất nước coi nhẹ giáo dục là tự chôn vùi trong bóng đêm tối tăm. Trái lại, một gia đình, một cộng đồng, một xã hội, một đất nước có nhiều thành viên luôn tự trau dồi mình với lòng tự hào dân tộc sẽ đi trong ánh sáng ấy hướng về mặt trời những buổi sớm mai tinh khôi nhiều hứa hẹn.

bbh

9/2015

CHỈ SỐ HẠNH PHÚC

Tôi làm việc với văn phòng du lịch ATNT của anh TNT nhiều năm, nghe anh tường thuật nhiều chuyến đi qua nhiều quốc gia có những địa danh thu hút du khách rất nổi tiếng. Với bản chất của một người có óc nhận xét tinh tế, anh không chỉ là một hướng dẫn viên du lịch nhiều kinh nghiệm mà hơn thế, còn là một nghệ sĩ say mê vẻ đẹp của cảnh vật trong thiên nhiên, một triết gia đứng trước những đổi thay của thời tiết, những khác biệt của con người ở các vùng đi qua nên nắm bắt rất nhanh mọi tình huống ở chiều sâu nghiêng về văn hóa của từng quốc gia. Câu chuyện anh kể có sự linh động của những thước phim vì nó phản chiếu con người, không chỉ là những bức tranh sao chép ngoại cảnh.

Có lần anh nói về Bhutan, gọi đây là đất nước mà người lãnh đạo tối cao đặt chỉ số hạnh phúc của người dân (Gross National Happiness) là mục tiêu cao hơn tổng sản lượng quốc gia. Anh cũng nói về cách hành trì tôn giáo ở nơi này nặng tính cách nhân sinh hơn là tuân thủ giới pháp..vv.. Tuy nhiên, tôi vẫn chưa hình dung ra được thế nào là chỉ số hạnh phúc mà quốc vương Bhutan toàn tâm toàn ý hướng đường lối cai trị của Ngài vào đây nhằm tạo cho thần dân của Ngài một cuộc sống vui tươi và có ý nghĩa.

Cho tới tối hôm qua, tôi được chị bạn chuyển qua email bài đọc về bốn hoàng hậu xinh đẹp của xứ sở này thì tôi mới

vỡ lẽ và bàng hoàng hiểu ra. Cùng với địa vị cao sang của các bà trong hoàng cung, họ là những phụ nữ có cá tính, biết tự phát triển năng khiếu, trau dồi bản thân và nhiệt tình đóng góp cho xã hội. Tôi thành thực không biết thổ ngơi của Bhutan ẩn mình dưới bóng dãy núi Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ hay môi trường thấm đẫm triết lý Phật giáo của đất nước Bhutan (hay cả hai) đã là tác nhân tích cực tạo nên tâm thế người phụ nữ Bhutan nhẹ nhàng như mây trời, ngời ngợi như ánh dương?

Đức Vua thứ tư của Bhutan nối ngôi cha rất sớm, ở tuổi 17, sau khi phụ hoàng bất ngờ băng hà năm 1972. Hai mươi hai tuổi, trong cùng một năm 1979, theo phong tục đa thê của Bhutan, Đức Vua tuyển cung bốn chị em ruột trong một gia đình thế gia lệnh tộc nề nếp, cô nào cũng xinh đẹp, phong họ là Hoàng hậu. Thứ tự giữa 4 chị em trong gia đình cũng là thứ tự trong hoàng cung: chị cả là hoàng hậu đệ nhất và cứ thế tính xuống đến cô út là hoàng hậu đệ tứ. Tuy xếp đặt vậy nhưng Đức Vua thương yêu, nể trọng và cư xử với các hoàng hậu cùng một cách như nhau, không có chút phân biệt nào. Song song với việc sinh cho Ngài 10 hoàng tử và công chúa, các hoàng hậu tuy không trực tiếp tham dự việc triều chính nhưng mỗi bà tùy khả năng riêng, hỗ trợ nhà vua trong các lãnh vực cần thiết của đất nước Bhutan. Sinh hoạt yên ấm, trên thuận dưới hòa của hoàng gia khiến thần dân Bhutan rất ngưỡng mộ. Về mặt trị quốc, nhà vua tiến hành cải cách hệ thống giao thông để góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội, tăng cường dịch vụ y tế, tạo nguồn nước sạch và nâng cao chuẩn mực dinh dưỡng toàn dân. Họ cung kính nhà vua như Thánh sống. Những năm cuối triều đại, Ngài có khuynh hướng chuyển đổi chế độ từ quân chủ tuyệt đối sang quân chủ lập hiến với nghị hội do toàn dân bầu lên để chia sẻ trách nhiệm lãnh đạo đất nước phòng khi người kế thừa không đủ tài năng đức độ để tận trung chăm lo cho dân, cho nước.

Năm 2006, sau 34 năm trị vì trên ngôi báu và sau khi đã

tuyển chọn được thái tử nối nghiệp dựa trên tài năng, đức hạnh và lòng dũng cảm, là con trai của hoàng hậu đệ tam, nhà vua nhanh chóng thoái vị, giao việc trị quốc an dân cho con nay là vị vua thứ năm của Bhutan, cũng là vị vua tiên khởi của nền quân chủ lập hiến được hình thành qua cuộc bầu cử nghị viện lần đầu năm 2008. Từng được vua cha cho đi du học ở các quốc gia tây phương, tốt nghiệp Đại học Oxford, sau khi gặp gỡ và chọn được ý trung nhân vốn là cô bạn nhỏ từ tuổi niên thiếu ở quê nhà, cũng du học Anh quốc cùng thời, tân vương Khesar Wangchuck nhân dịp đất nước đổi mới, đã quyết định chấm dứt chế độ đa thê, chỉ cưới và chỉ lập một ngôi hoàng hậu, viết xuống sử sách Bhutan câu chuyện tình đẹp hơn cổ tích và hoàn hảo hơn chuyện tình của cha mẹ.

Trở lại 4 hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ của Bhutan, đệ nhất hoàng hậu Dorji sinh cùng năm 1955 với nhà vua, được toàn dân kính trọng và yêu mến vì tài năng và đức độ. Bà khởi xướng các chương trình cải thiện cuộc sống của người dân Bhutan tại các thôn làng xa xôi nhất bằng cách thiết lập quỹ Tarayana tặng nhà ở, cấp học bổng để đào tạo nhân sự, sản xuất và tiếp thị các nông phẩm giúp dân làng gia tăng thu nhập. Về mặt văn hóa, bà ủng hộ và tài trợ các hoạt động nhằm phát triển văn học. Bản thân là một nhà văn lỗi lạc, bà biên soạn nhiều sách về thi ca, lịch sử, văn học dân gian, hồi ký, cả sách luận bàn quốc sự. Không ngừng ở từng đó công việc, bà còn đề xuất các chương trình bảo vệ môi trường bao gồm các khu công viên quốc gia, các trường học; các chương trình dân sinh xóa đói giảm nghèo, nâng cao vị thế của nữ giới trong xã hội. Vẫn chưa hết, bà còn là sáng lập viên bảo trợ Viện Bảo Tàng Di Sản Dân Gian ở thủ đô Thimphu; là Chủ tịch Danh Dự của mộtTổ chức lâu đời và uy tín liên quan tới thanh thiếu niên và vấn đề giới tính.

Từ gia đình đến hoàng cung, bà luôn là người chị cả tình nghĩa vẹn toàn với các em, làm gương cho các em

trong cuộc sống chung/riêng sao cho ích nước lợi mình để cùng nhau thăng tiến.

Sinh năm 1957, kém chị cả 2 tuổi, Hoàng hậu đệ nhị Tshering Pem tích cực tham gia sinh hoạt cộng đồng, hỗ trợ phát triển thanh thiếu niên. Bà sáng lập Bhutan Youth Development Foundation, qua tổ chức này, vừa giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn, vừa khơi gợi và truyền đạt cảm hứng sáng tạo cho giới trẻ với nhiều chương trình đem lại cơ hội trải nghiệm thực tế hữu ích, làm giàu vốn sống cho thế hệ công dân rường cột của Bhutan mai sau.

Sinh năm 1959, hoàng hậu đệ tam Tshering Yandon kém chị hai 2 tuổi, sau này là mẹ của quốc vương thứ năm nối ngôi phụ hoàng trị vì Bhutan. Quan tâm đặc biệt đến cuộc sống của phụ nữ và các bé gái, năm 2009, bà thành lập quỹ Bhutan Nun với mục đích hỗ trợ việc nâng cao nữ quyền thông qua giáo dục để xây dựng ý thức tự túc về kinh tế cho nữ giới. Song song với công việc này, bà còn là người bảo trợ Hội Bảo vệ và Chăm sóc các động vật của hoàng gia.

Sinh năm 1963, Hoàng hậu đệ tứ Sangay Choden ít tuổi nhất nhưng nổi tiếng hơn cả về sự cống hiến tận tụy cho công việc trong nội bộ hoàng gia lẫn ngoài xã hội. Bà tham gia tích cực vào các hoạt động bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống Bhutan. Năm 2011, bà thành lập Bảo tàng Dệt/May quốc gia nhằm quảng bá và gìn giữ các sản phẩm dệt/may nhiều màu sắc, được xem là một mảng rất sinh động của nền văn hóa đặc thù dân tộc. Với vẻ đẹp sắc sảo, vóc dáng thanh lịch, giỏi giang và năng động, bà nhiệm chức Đại sứ Thiện chí của Bhutan năm 1999 và tham gia Quỹ Dân Số Liên Hiệp Quốc. Sáng chói theo cách riêng trên trường ngoại giao quốc tế, bà hoạt động giúp Bhutan cởi mở hơn với cộng đồng thế giới ngày nay.

Chao ôi, trông người lại ngẫm đến ta! Cả bốn hoàng hậu Bhutan nổi trội những dấu ấn hiển thị trí tuệ và phong cách riêng của mỗi người, là hiện thân giấc mơ tuyệt vời nhất của nữ giới khắp nơi từ ngàn xưa tới ngàn sau, trong tình yêu,

trong sự nghiệp, thăng tiến hài hòa và quân bình về mọi mặt, tưởng là chung song vẫn riêng và trong từng cái riêng vẫn có cái chung gom hết tinh hoa tạo nên một khối ngọc lưu ly tỏa rạng.

Nếu lấy việc nơi này xét việc nơi kia, hẳn là có nhiều bạn gái thời nay không đồng thuận với bốn hoàng hậu Bhutan về nếp sống đa thê trong hoàng cung nhưng đây là tập tục văn hóa của xứ sở Bhutan. So với tam cung lục viện của các vương triều Á châu, xử sự của nhà vua và các hoàng hậu Bhutan nếu chưa văn minh thì cũng rất nhân bản và tiến bộ. Đứng trước một điều bất như ý, nâng vạt áo lau nước mắt ngày này qua tháng khác cho đến khi mù lòa hay biết tận dụng một vài yếu tố có thể chấp nhận để từ đó thay đổi chính mình, hoàn cảnh và cả tha nhân xung quanh? Con đường nào xứng đáng với đời người hơn? Làm vợ, làm mẹ theo thiên chức Tạo hóa ban tặng là hạnh phúc tự nhiên của người phụ nữ. Những lý luận, suy nghiệm hay đòi hỏi xung quanh việc thể hiện thiên chức ấy là sản phẩm của con người bị xã hội điều kiện hóa. Xã hội thay đổi tốt hơn, điều kiện sẽ thay đổi tốt hơn.

Người viết bài này thực sự không biết trường Đại học Oxford và nước Anh hay chính Hoàng hậu đệ tam triều đại nhà vua thứ tư của Bhutan đã thực sự khai mở tình yêu chuyên chính và hằng cửu trong trái tim của con trai bà để khi lên ngôi, kết hôn với người phụ nữ mình chọn, tân vương đệ tứ dứt khoát bãi bỏ chế độ đa thê để tận hiến cho tình yêu?

Từ nay cho tới ngày đáp chuyến tàu không khứ hồi đi vào vũ trụ, tôi ao ước được có một lần đặt chân tới đất nước Bhutan huyền ảo, xanh bóng núi, xanh rừng nguyên sơ, đi trong không gian tinh khôi dưới trời hạo nhiên, đi trên những con đường tĩnh mịch không có cột đèn lưu thông, đi qua những ruộng đồng bậc thang thơm mùi lúa mới, màu mỡ, đẹp và sạch như tranh vẽ, đi để có duyên lành chiêm ngắm tu viện Taktshang cheo leo đầu núi và để biết thế nào

là kiếp đời tu hành lánh xa phiền trược. Nhìn bản đồ, Bhutan bé nhỏ nằm nép giữa hai đại cường dân số đông hàng tỷ nhưng nhìn từ trái tim, Bhutan là viên ngọc quý giấu mình trong hang động ẩn mật, là quà tặng trời ban cho một dân tộc nuôi thiện tâm sống từng phút giây để xưng tụng yêu thương, hòa bình và niềm an lạc.

CHIA SẺ

Tôi dọn nhà, dư một cái tủ lạnh còn tốt. Một người quen ngỏ ý muốn lấy dùng nên nhờ một người mover chuyên nghiệp tới lấy giùm. Buổi chiều vào thu bầu trời lãng đãng mây xám, chiếc xe vận tải to đùng de vào drive way nhà tôi rồi đậu hẳn lại, máy vẫn nổ. Tôi đoán là người và xe mà tôi đang chờ nên sốt sắng hỏi: "Anh đến chở tủ lạnh, phải không?" Người đàn ông tầm thước, vóc vạc đậm đà, đội cái nón lưỡi trai che hết tóc khiến rất khó đoán tuổi, bước xuống xe và trả lời ngắn gọn bằng cái gật đầu.

Trái với ý nghĩ của tôi, ông không vội vàng hỏi chỗ để cái tủ lạnh mà lúi húi thả cái bửng phía sau xe xuống. Đây là thao tác bình thường của người mover để chiếc xe sẵn sàng đón nhận đồ đạc chuyển lên. Tôi sẽ không ngạc nhiên lâu nếu không thấy ông cứ lúi húi mãi ở chỗ đó. Nhìn kỹ, tôi thấy ông đang điều chỉnh hai cái kềm vặn bù loong cỡ vừa, dùng như cái khóa để giữ yên một bộ phận nào đó trên tấm bửng. Khi vừa ý rồi, ông bấm nút cho tấm bửng hạ sát xuống nền xi măng. Xong xuôi, ông mới hỏi tới tủ lạnh. Tôi buột miệng khen ông có tài vá víu chỗ khuyết điểm của chiếc xe. Ông chỉ cười yên lặng đáp lại rồi đẩy cái dolly vào gara. Thấy ông làm việc nhanh nhẹn, gọn ghẽ, tôi lại buột miệng khen ông lần nữa và nói sẽ nhờ ông nếu có lúc nào cần di chuyển đồ đạc. Khi ông đẩy cái tủ lạnh lên tấm bửng

và bấm nút để tấm bửng đưa cái tủ lên ngang lòng xe, tôi hơi có chút tò mò, muốn đợi xem tấm bửng được "chữa chạy" một cách thủ công nghiệp như đã thấy, liệu có vận hành đúng mức không? Công việc êm xuôi, trót lọt, an toàn, khiến tôi thở phào.

Câu chuyện lúc chia tay cho tôi biết trước khi định cư ở Mỹ, ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Phú Thọ, ngành kỹ sư cơ khí (hèn gì ông sử dụng mấy cái kềm vặn bù loong -clé à mollette- dễ dàng và hiệu quả như cô thiếu nữ kẹp hai cái kẹp lên tóc.) Ông nói: "Đến đây hơi chậm, kiến thức bên nhà chẳng dùng được vào việc gì, mọi thứ upside down hết, bạn bè mỗi người bày biểu một cách, tôi hoang mang nhưng nhận thức rõ phải tự mình tìm một hướng đi phù hợp với hoàn cảnh riêng Tôi vào Santa Ana College, ghi danh lớp counselling, định làm công việc hướng dẫn sinh viên chọn ngành học nhưng thấy con đường dài quá mà trách nhiệm với gia đình thì nặng nên học vừa đủ để tự hướng dẫn mình và hai đứa con thôi rồi nhào ra đi tìm việc làm. Chợ búa, môi giới nhà cửa, thứ nào cũng đa đoan nên cuối cùng tôi chọn dịch vụ dọn nhà, có lẽ thích hợp hơn cả vì xã hội Mỹ nhiều nhu cầu thay đổi và công việc này không cần vốn lớn để khởi đầu. Mua cái xe làm phương tiện, có thể cũng bị lỗ, mất tiền, nhưng mất chậm và mình thì có việc làm, ít nhất có đồng tiền vô ra lo được cho hai đứa con ăn học. Cảm ơn Trời, hai cháu nay đang học nha khoa, sắp ra trường.

Ngưng một chút, ông nói tiếp: "Nhiều người nói không có Anh văn, không làm gì được. Tôi tự nhủ vậy mấy người Mỹ vô gia cư đứng đầu đường cầm tấm bảng xin tiền, anh văn giỏi biết mấy, sao họ vẫn không đi làm? Cho nên anh văn chỉ là một điều kiện, không phải tất cả và không đóng hết mọi cánh cửa với mình. Tôi bình tĩnh trước cuộc sống mới, dồn tâm lực giúp và khuyến khích các cháu học hành, bản thân thì đón nhận mọi cơ hội lớn nhỏ tới trong tầm tay nhưng không ngừng dò dẫm thử thách cơ hội mới. Tôi an lòng với cách xã hội Mỹ đánh giá không nệ bằng cấp khoa

bảng, chỉ cần nhiệt tình và chuyên môn nên làm gì cũng không ngại. Tuy nhiên, đó là chuyện hội nhập thực tiễn của một người không có may mắn được chuẩn bị cho cuộc sống mình tình cờ bước vô nhưng với thế hệ con cái mình thì tôi luôn nói với hai cháu: "Các con sống ở Mỹ, có điều kiện tốt, nên ráng học kẻo uổng phí." Các cháu hỏi lại: "Ba nói rõ hơn được không? Điều kiện tốt là sao, trừu tượng quá đối với tụi con." Tôi kiên nhẫn cắt nghĩa cho chúng: "Ba lớn lên khi đất nước chìm đắm trong khó khăn, ban ngày vừa học vừa phụ gia đình việc này việc kia, ban đêm cần bù đắp thì nhà không có ngọn đèn điện để học. Ba phải ôm tập vở ra ngồi dưới cột đèn đường mà cũng đâu có sáng đủ, lại tít trên cao, phải nghiêng ngó mới thấy được chữ. Ấy là khi đó ba còn trẻ, có sức khỏe. Các con ở đây, từ trường lớp tới học cụ, cái gì cũng tân tiến, cũng dồi dào, chỉ cần các con lập chí là thành công. Chưa hết, nhà trường còn cho các con lựa chọn nhiều môn học, môn để làm sinh kế, kiếm tiền; môn để thỏa mơ ước riêng. Các con không bị ép buộc mặt nào cả, ba gọi những thuận lợi đó là điều kiện để các con có một căn bản giáo dục toàn thiện, có đúng không?"

Tôi ngây người nghe ông nói, nhận ra rằng cái vốn bách khoa ông mang theo không hoàn toàn vô dụng. Nếu nó không giúp ông nhận được một công việc văn phòng nhẹ nhàng (nhưng bó buộc) nó đã cho ông khả năng nhận định, phân tích, lý giải mọi việc, dẫn ông tới những lựa chọn giúp ông có sự hài lòng trong cuộc sống mà nếu thiếu những khả năng nói trên, có lẽ ông đã trôi nổi theo cuộc đổi đời kinh khủng trên chặng đường di tản, nói chi tới vai trò làm người hoa tiêu lèo lái con thuyền gia đình tới bến bờ an vui như hiện nay.

Nói về người bạn đời của mình, ông cười hồn nhiên: "Bà Xã tôi không hiểu sao, tiến bộ nhanh lắm. Bà làm công việc nào cũng thành công dễ dàng, từ bưu điện qua medical billing v.v... trước khi ổn định với công việc hiện nay ở trường Santa Ana College." Trong cách nói khen tặng người bạn

đời một cách khách quan, vui vẻ của ông, thoáng chút tự tin, biết rằng thái độ ứng xử trầm tĩnh, khôn ngoan và sáng suốt của chính ông đã là một yếu tố vững chãi làm bệ phóng cho bà cất cánh trong cuộc sống mới.

Tôi cảm ơn duyên may có dịp gặp gỡ ông T. để được nghe ông kể câu chuyện thật lý thú vừa rồi. Những chương trình giúp người di dân tới Hoa Kỳ hội nhập tốt đẹp vào xã hội họ chọn định cư nên mời các nhân vật có nhãn quan tích cực như ông T. để con đường họ đi bớt gập ghềnh, ngay cả thoang thoảng thơm hương hoa hồng trong giấc ngủ giữa những ca làm để chu toàn nợ cơm áo.

Riêng tôi, cảm ơn ông đã cho tôi thêm một minh chứng điều tôi thường nghĩ và thường tiếc vì con người tuy sống gần gũi, hàng ngày chạm mặt nhau, thở chung một bầu không khí nhưng dường như chúng ta chỉ đi bên cạnh nhau trong sự lãnh đạm không một chút quan tâm (có khi tệ hơn với ngộ nhận chủ quan) cho đến khi một biến cố dữ xảy ra, unveiled những bức tượng người và cho chúng một linh hồn để chợt biết xót thương.

CHIẾN TRANH

Thập niên 90, khi tôi làm việc ở bộ phận kiểm phẩm công ty Baxter/Irvine, ông là cấp trên của tôi. Khoảng thời gian đó, tôi đoán ông ngoài 40 nhưng trông ông trẻ hơn nhiều người Mỹ trắng khác cùng trạc tuổi nhờ vóc dáng cân đối, vẻ linh hoạt, bước đi dài và nhanh. Ông ít cười nhưng nụ cười tươi, hóm hỉnh, hiền hậu, đôi mắt thông minh xanh biếc có ánh nhìn phảng phất nét buồn.

Nhân viên thuộc cấp rất quý mến ông vì ông rộng lượng, công bằng và bênh vực họ khi cần thiết. Một hôm, ông ghé vào ngân hàng Credit Union trong khuôn viên công ty, gặp tôi đang đứng chờ ở chỗ xếp hàng mà cô bank teller thì đang hào hứng nói chuyện với bạn qua điện thoại, làm như không thấy có tôi đợi. Ông chào hỏi tôi rồi đến thẳng cửa sổ, nói với cô: "Cô có thấy khách chờ không?"

Tháng 4 hàng năm, tiêu chuẩn xét tăng lương nhân viên của công ty là 4% cho những người ưu tú nhưng ông luôn tranh đấu với bên tài chánh/nhân dụng để tất cả chúng tôi được hưởng từ 5 đến 7% với lý do "Họ xứng đáng vì công việc vất vả và trách nhiệm." Được hai năm, tới năm thứ ba, ông buồn rầu nói với chúng tôi: "Xin lỗi các bạn, tôi rất tiếc phải nhượng bộ công ty và tuân thủ con số 4% là tiêu chuẩn chung cho toàn thể nhân viên, không làm khác được. Tôi cố xin bonus để thay thế, cũng không được. Các bạn làm việc tận tụy lắm, tôi biết và tôi cảm ơn các bạn. Mong đừng ai buồn cả nhé!"

Có một việc quan trọng khác, để lại ấn tượng mạnh mẽ và lâu dài cho tôi về tính nhân hậu của ông. Một lần, một trong các đồng nghiệp của tôi phạm một lỗi lầm chuyên môn rất nặng. Nếu chiếu theo kỷ luật, bạn tôi phải bị cho thôi việc. Ông gặp riêng tôi và hỏi tôi nghĩ thế nào? Thấy tôi ngập ngừng, ông trả lời thay: "Tôi biết chúng ta phải áp dụng kỷ luật theo nội quy nhưng tôi phân vân quá vì biết ông ấy vừa mới đón gia đình từ Việt Nam qua, hẳn là cần việc làm. Tôi phải suy nghĩ thêm." Vài ngày sau, ông gặp lại tôi và thông báo: "Tôi mất ngủ mấy đêm liền về việc này." Giải pháp dung hòa cuối cùng của ông là bạn tôi phải nghỉ việc ba ngày có ghi hồ sơ. Thế nào thì thế, vẫn hơn là mất việc.

Ông ở với công ty đúng 5 năm thì phân bộ chúng tôi giải thể. Ngoài các nhân vật cấp điều hành chọn ra đi, phần lớn nhân viên cấp dưới được điều phối qua các phân bộ khác. Ông tìm được việc tốt hơn ở công ty mới, không quên gọi điện thoại hỏi thăm có ai trong chúng tôi cần việc làm thì cho ông biết. Sau đó, thời gian trôi chảy và vì cuộc sống bận rộn nên chúng tôi mất liên lạc.

Một ngày cuối thập niên đầu thế kỷ mới, khi đã nghỉ hưu, tôi bất ngờ nhận điện thoại của một người kỹ sư cùng phân bộ trước đây ở Baxter, gọi báo tin buồn ông qua đời và có nhã ý hỏi tôi nếu muốn tới viếng ông thì anh chị sẽ đón tôi cùng đi. Tôi bàng hoàng, chưa bao giờ nghĩ ông mất sớm như vậy. Dẫu sao, thực tế là ông đã không còn nữa. Đêm cuối cùng trên hành tinh này, ông nhắm mắt ngủ yên trong áo quan phủ đầy hoa, giữa đèn nến lung linh, không gian lao xao tiếng thì thầm của thân quyến, bạn bè quây quần thương tiếc ông trong gian phòng thiên thu vĩnh biệt. Hôm đó, cũng mùa đang lạnh. Cơn mưa chiều còn rơi rớt những bụi nước bên ngoài, trên tóc, trên vai người, trên bãi đậu xe ướt át, quạnh hiu.

Trong tang lễ, tôi gặp lại người vợ trẻ Việt Nam của ông và cô con gái của hai người ở tuổi 16 lẽ ra rất ngọt ngào như

người Mỹ thường xưng tụng. Nhớ lại những ngày cùng làm việc ở Baxter, có lần chúng tôi nghe ông tâm sự: "Tôi từng ở Đà Nẵng hai năm, rất yêu thương đất nước của các bạn. Tôi tâm niệm sẽ lấy vợ người Việt đấy các bạn ạ!" Câu chuyện nghe qua trong một lúc bất ngờ, mọi người đều nghĩ giản dị là ông vui miệng thốt ra như một cách làm vui lòng những người Việt Nam đang nghe ông hoặc để phân bua về lý do ông còn độc thân chỉ vì kén chọn. Thế nhưng đấy là nỗi lòng chân thật của ông vì chỉ một thời gian ngắn sau, ông kết hôn với một phụ nữ xuất thân từ miền Trung Việt Nam, tới Mỹ theo diện thân nhân bảo lãnh hơn 15 năm sau biến cố 30 tháng tư đen. Cô mảnh mai, mái tóc mây óng ả buông xuống phiến lưng thon. Cô có khuôn mặt trái soan, đôi mắt to đượm nét rụt rè, sợ hãi. Ông nâng niu, bảo bọc cô cách đặc biệt, như muốn đền bù cho cô những năm tháng tuổi xuân sớm tàn úa trong chiến tranh. Như để chuộc lại lỗi lầm đất nước ông đã gây ra cho một Việt Nam bị bỏ rơi trong tình cảnh đáng trách nhất. Đổi lại, riêng cô rất yêu quý ông, đặt trọn đời mình trong đôi tay rộng mở ân tình của người chồng không cùng chủng tộc.

Trưa hôm nay chủ nhật, trời hửng nắng sau mấy ngày mưa gió bão bùng. Tôi ngồi bên cạnh cô, nghe lại giọng nói mềm mại pha chút âm hưởng miền Trung ngày nào của cô, hình dung ra những trang sách đời đã khép lại trong cuộc hành trình buồn tủi nơi xứ người cách đây ba mươi năm, thầm cảm ơn sự may mắn đã cho tôi cơ hội làm việc một thời gian dưới quyền người chồng quá cố của cô, không thật lâu song đủ để học được từ ông tâm tình biết ơn, cách nhìn lạc quan từ những góc đời buồn bã nhất, cách pha những ly nước giải khát thơm ngon từ những quả chanh người cho bằng nghiệt ngã.

Cô vén mái tóc lòa xòa đổ xuống một bên mặt, hai mắt ngấn nước, giọng nghẹn ngào: *"Em tiếc hồi đó ông thường nói với em là em làm thơ, viết nhạc, em hãy giúp ông viết về cuộc chiến tranh Việt Nam có ông và nhiều bạn bè ông tham dự, nhưng*

dù ông khuyến khích, thúc đẩy, khẩn khoản với em, chiến tranh là một đề tài quá lớn và xa lạ, em từ chối, biết không làm được." Ngưng một chút, cô kể tiếp: *"Có một buổi chiều em đi làm về, thấy ông ngồi trước gara và đang đọc một cuốn sách. Chừng tới gần, thấy ông đầm đìa nước mắt, em hoảng hồn, thụp xuống bên cạnh ông và hỏi: Chuyện gì vậy mình? Sao mình khóc?"* Một tay lau mặt, một tay vỗ nhẹ lưng áo em, ông trả lời: *"Chỉ huy trưởng của anh hồi đó là tác giả cuốn này, anh đang đọc và không ngăn được xúc động." Em không biết nói gì để an ủi ông, chỉ hỏi một câu ngây ngô thoáng qua đầu em: "Lúc ra trận, anh có sợ không?" Câu trả lời bất ngờ của ông chiều hôm ấy ghi sâu trong trí nhớ em: "Em không tưởng tượng nổi đâu vì bọn anh không có thời giờ để biết mình sợ nữa!"* Nghe cô thuật lại, tôi hiểu được điều ông muốn diễn tả: những cựu chiến binh tham chiến ở Việt Nam sống và chết cùng một lúc, không kịp biết lúc nào cái này trượt sang cái kia, nơi chính bản thân họ hoặc đồng ngũ của họ. Sợ không còn là ám ảnh mà thường hằng, như hơi thở. Đeo sát họ. Thấm lậu vào máu họ.

Cô kể tiếp: *"Em được nghe ông thuật lại một trận đánh lớn, xáp lá cà ở Khe Sanh. Quân số Bắc Việt nhiều gấp ba lần lực lượng phòng vệ căn cứ phía quốc gia và đồng minh. Chúng áp dụng chiến thuật tấn công biển người. Quyết định của thượng cấp là đành phải câu pháo/thả bom ngay trận địa. Nhiều đồng ngũ của ông hy sinh, ông bị thương nặng ở chân. Khi trực thăng tải thương vào được khu vực chiến sự, ông được kéo lên với chân bị thương treo toòng teng bên ngoài nhưng ông nói nỗi đau của ông ở vết thương chẳng là gì so với nỗi đau trong tim về bạn bè nằm lại mà ông chỉ kịp giật ra khỏi họ những tấm thẻ bài."*

Cuộc chiến đã hạ màn, chấm dứt. Ông đã hồi hương, làm lại cuộc đời trong tưởng nhớ những người ngã xuống trong chiến tranh, vinh danh họ, mải miết nghĩ về họ, đi tìm cuộc hôn nhân đem lại cho ông người bạn đời đến từ khổ đau của một quá khứ chung, sẽ cùng ông chia sẻ quãng đời mãi mãi còn là cơn mộng dữ.

Người phụ nữ xinh đẹp, vợ góa của ông xếp tôi, còn giữ

trong điện thoại của cô bức ảnh ai đó đã chụp những dấu chân lõm sâu trên bãi cát vắng ở một ven biển hoang vu, dài hút tầm mắt, kể rằng thông qua một kỳ thi tuyển chọn nhan đề hay nhất cho bức ảnh ấy do hiệp hội các cựu binh thủy quân lục chiến Hoa Kỳ tổ chức, chồng cô đã chiếm giải khôi nguyên với lời chú giải mang nhiều hàm ý về một kiếm tìm đầy yêu thương và tuyệt vọng: ***Looking for a Buddy.***

Rất nhiều khi viết lách, tôi thường bày tỏ sự hối tiếc khôn cùng vì con người đã không đủ quan tâm đến nhau trong các mối liên hệ đời thường. Chỉ khi nào cơ hội qua đi, bóng những người đã khuất bỗng nhiên lớn lên gấp bội bởi không gì có thể che chắn họ, những người ở lại mới nghe đau xót tận tâm can. Quả thật vậy, ở Baxter, chúng tôi không biết gì về nhau ngoài tư cách chuyên môn và vị trí của mỗi người trong guồng máy vận hành của công ty. Làm sao tôi biết được dưới cái bề ngoài thanh lịch, phục sức nghiêm chỉnh đúng với vai vế của cấp lãnh đạo, ông xếp tôi ngày ấy đã từng là một cựu binh thủy quân lục chiến thương tích cùng mình, cả thể xác lẫn tâm hồn, từng cười vui khóc hận, từng sống nay chết mai trên phần đất quê hương tôi xa tít tắp bên kia bờ đại dương, bỏ lại nơi đó máu của mình và sinh mệnh của những đồng đội vắn số mà ông không thể nào nguôi quên trong suốt phần đời còn lại của ông? Như tất cả mọi chiến binh trong mọi cuộc chiến tranh, họ ra đi không hẹn về, dâng hiến tuổi 20 cho vinh quang của xứ sở hay ảo vọng của lịch sử. Ít nhất có 58,000 gia đình người Mỹ trải qua những cuộc chia tay đánh dấu bằng tấm ảnh chân dung nhỏ bày trên lò sưởi, trong một mùa đông rất lạnh không bao giờ chấm dứt trong căn nhà của họ.

Tôi thực sự không biết các cựu chiến binh Việt Nam chiến đấu bảo vệ chính quê hương và dân tộc mình, một thời sống chết vì lý tưởng cao cả ấy, có bao nhiêu người có cùng tâm sự trăn trở như ông xếp Mỹ của tôi, mang theo mình cho đến hơi thở cuối cùng, mỗi ngày, trong mỗi ý nghĩ/hành vi, trong mỗi hạnh phúc/khổ đau, trong mỗi thành công/thất

bại, món nợ phải trang trải với các đồng đội đã hy sinh, một phần hay tất cả hình hài/tâm hồn họ cho sự an nguy của những người còn lại, cho cuộc sống của mọi người tốt đẹp hơn. Hãy thật lòng ngợi ca, hãy thật lòng quý trọng những anh hùng vị quốc vong thân hay đang sống tàn phế ấy, để họ được tiếp tục chiến đấu trong mỗi bàn tay/khối óc của những ai còn lại hay kế thừa, một cuộc chiến tuy thay đổi diện mạo nhưng không thay đổi mục tiêu đòi lại những giá trị nhân sinh tốt đẹp cho quê hương và con người.

CHIỀU BA MƯƠI TẾT

Tôi đã trải qua không biết bao nhiêu những buổi chiều ba mươi Tết ký ức ghi nhớ nhiều kỷ niệm buồn vui khác nhau.

Những chiều ba mươi Tết đẹp nhất của tôi gắn liền với cái thành phố nơi tôi sinh ra và lớn lên, quanh năm soi bóng xuống một dòng sông nên thơ chỉ vài cơn mưa trong mùa đông đủ làm lụt lội những vùng đất trũng hai ven bờ tả hữu. Mặc dầu vậy, hết tháng mười một qua tháng chạp, thời tiết ở đây chỉ còn những ngày mưa phùn mịn như sương dưới bầu trời mây mù. Tôi thường nghe mẹ tôi chép miệng cảm tạ trời đất khô ráo những ngày áp Tết để nhà nghèo chạy gạo bớt cơ cực, may ra gia đình có mâm cơm cúng ba ngày xuân. Những sáng mùng một Tết còn đọng lại trong trí nhớ tôi có cái mát lạnh của sương sớm trong khu vườn rậm rạp và vầng thái dương phơn phớt hồng ở chân trời bên kia cánh đồng trống.

Từ chiều ba mươi những năm có tháng chạp đủ, thành phố thơm ngát trầm hương và rộn rã tiếng chuông chùa. Đối với tuổi thơ tôi, chỉ còn một buổi tối nữa thôi, sáng mai thức dậy cùng mặt trời, tôi đánh răng, rửa mặt xong là được xâu tay vào cái áo dài mới, súng sính quần lụa mới, xâu chân vào đôi guốc mới. Khi bố và mẹ già tôi đã khăn áo tề chỉnh chờ đón người đến xông đất đầu năm và phong pháo đỏ dài cả chục thước đã được anh người làm treo vào cái

sào gỗ đong đưa từ cửa sổ căn gác cao, chờ được châm ngòi đón khách; khi trà mạn sen đã được pha nước đầu trong chiếc ấm gan gà đặt trong cái khay khảm xà cừ, bên cạnh cái chén tống và mấy cái chén hạt mít mỏng tang; khi mứt mơ, hồng khô và hạt dưa đã được bày biện mỹ thuật trong cái mâm quả sơn son thếp vàng có nhiều ngăn; khi trầu không đã được têm cánh phượng và cau tươi đã được cắt chũm, bổ sáu xếp gọn ghẽ vào các ngăn tráp lót giấy hồng điều, trẻ con chúng tôi biết là sắp sửa phải xếp hàng anh trước, em sau, đến trước mặt cha mẹ, khoanh tay, cúi đầu, lễ phép đọc thuộc lòng lời chúc Tết hàng năm để được nhận lại phong bao đỏ lì xì lấy hên.

Tôi chỉ được hưởng chừng mười năm tuổi thơ vô tư lự trong cảnh nhà sung túc trước khi đất nước bị chia cắt bởi giòng sông Bến Hải năm 1954 và bố tôi mất hết phần tài sản phía bắc vĩ tuyến 17. Từ mốc thời gian này trở đi, gia cảnh cha mẹ tôi như cái cây hết lộc, bị sấm sét đánh ngã, tàn tạ, khô héo dần rồi tan thành tro bụi. Tuổi niên thiếu và tuổi trưởng thành của tôi buồn bã trôi theo ngày tháng. Những chiều 30 Tết chỉ còn thấy mẹ tôi lúi húi trong gian bếp mờ tối, làm mâm cỗ truyền thống cúng gia tiên; thấy bố tôi khăn áo tề chỉnh lễ bàn thờ không có tấm hình nào của ông bà nội ngoại. Chiều 30, mẹ tôi thổi xôi vò, nấu chè đường, luộc gà, bầy mâm ngũ quả, bóc bánh chưng, sửa soạn mâm cúng giao thừa giữa trời và bố tôi canh đồng hồ đúng nửa đêm thì thắp nến, đốt nhang và trầm, thành tâm khấn khứa tiễn quan hành khiển năm cũ, đón quan hành khiển năm mới, cầu cho gia đình và cầu cho quốc thái dân an. Đêm xung quanh vắng lặng, chỉ có những đốm sao nhỏ xa tít tắp, sáng lung linh trên nền trời đen thẫm làm cho đêm như sâu hơn. Giao thừa năm nào đất trời yên ắng, không có tiếng chim lạc bầy thảng thốt kêu, không có tiếng chó sủa bâng quơ trong ngõ xóm, không có tiếng gà giật mình gáy giữa khuya, bố tôi vui mừng tiên đoán một năm mới an lành, ít tai ương. Tôi không biết do đâu người lớn hay gọi tháng chạp âm lịch là tháng Củ Mật, được xem là bầu

trời ban đêm tối hơn đêm những tháng còn lại trong năm và mọi người bảo nhau gia tăng đề phòng trộm đào ngạch hay đánh bả chó rồi cậy cửa vào nhà. Sau này lớn lên, tôi nghĩ kẻ trộm hoạt động nhiều hơn trong đêm tháng chạp chỉ là vì lý do họ cần tiền ăn Tết thôi!

Duyên số đẩy đưa khiến tôi lấy chồng xa. Hai câu thơ cổ chẳng biết của ai, "Khấp như nữ tử vu quy nhật, tiếu tựa nam nhân lạc đệ thì," diễn nôm với ngụ ý châm biếm, cho rằng giọt lệ cô dâu là giọt lệ mừng và nụ cười của sĩ tử thi trượt là nụ cười gượng. Tôi không biết thực tế có bao nhiêu cô dâu về nhà chồng rơi lệ làm duyên và bao nhiêu cô dâu "chiều chiều ra đứng ngõ sau, ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều?" Riêng tôi, hôn nhân không đầm ấm nên mùa xuân không về, những chiều ba mươi Tết tha hương chỉ "lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang." Đêm ba mươi Tết nào của tôi cũng chập chùng trong trí nhớ hình ảnh bố tôi khăn áo nghiêm trang, lễ bàn thờ lúc giao thừa, khói trầm hương tỏa bay thơm ngát, có con gà mẹ tôi luộc rất khéo, mỏ nó ngậm một bông hoa đỏ. Tết nhà tôi ở nơi xa không bao giờ có hoa tươi. Mâm cỗ Tết trong lòng tôi là những món ngày xưa đã nguội lạnh. Chiều ba mươi Tết nào tôi cũng đi ra chợ hoa không để mua hoa nhưng để nhìn những khoảnh đất của khu chợ hoa đã vãn, còn rơi rớt lại đôi ba cành nhánh gãy, vài bông vạn thọ hay vài cánh thược dược nhầu nát trên mặt đường vừa ngưng rộn rịp bước chân người qua lại. Tôi đứng ngẩn ngơ, mơ hồ tìm kiếm chút gì còn sót lại trong tôi giữa ngổn ngang những mộng ước tàn héo, cũng nhầu nát như con đường chợ hoa quét dọn vội vàng để đóng cửa. Tuổi thơ các con tôi không có những cái Tết thần tiên của tôi ngày tôi bằng tuổi chúng ngoài mấy cái phong bao đỏ.

Định cư ở Mỹ hơn ba mươi năm, ngay cả khi đã nhận nơi này là quê hương thứ hai trên địa cầu, nhắm mắt lại cũng thấy rõ hàng quán, chợ búa, đường phố, xa lộ, phi trường, có một chỗ gọi là nhà để sớm hôm đi về, nắng mưa ẩn náu, tôi vẫn không tránh được tâm lý sống tạm của một

người thực sự "không biết nơi đâu là chốn quê nhà" như lời trong một bản nhạc của Trịnh Công Sơn, nhất là thời gian những ngày áp Tết. Có lẽ tâm trạng này không khác bao nhiêu với tâm trạng những người vô gia cư sống lang thang, vạ vật trên các vỉa hè thành phố, ban ngày ngồi nhìn cuộc sống trôi qua mình như những thước phim câm, đêm về kê đầu lên mấy cái quần áo cũ, co đầu gối vào lòng tìm giấc ngủ để cùng mặt trời thức dậy sáng hôm sau, hệt như những cái kim không biết vì sao cứ mãi chạy quanh cái mặt đồng hồ chưa biết bao giờ hết pin cho dù giờ giấc không còn đúng nữa.

Tuần lễ trước, đến thăm các cháu ngoại, tôi ghé mắt nhìn vào bài homework của cô bé Kaitlyn Mai An 17 tuổi, chị cả của đàn em hai đứa, ngạc nhiên trước một rừng ngữ vựng đầy màu sắc và cảm xúc thể hiện dưới mấy ngón tay gõ lên bàn phím PC của cháu. Tôi vừa cảm phục, vừa chạnh lòng, nhận ra tuổi thơ của trẻ con Việt Nam thế kỷ 20 trên quê hương rất khác với trẻ con thế kỷ 21 ở quê người. Sự khác biệt ấy càng được nhân rộng nhiều lần hơn khi kỹ nghệ tin học có những phát minh thần kỳ, thu nhỏ thế giới trong tầm nhìn của con người trong những chi tiết vi tế nhất. Mọi cánh cửa mở ra không một giới hạn cấm kỵ nào và mỗi không gian có những thử thách riêng cho mọi lứa tuổi không phân biệt giới tính hay chủng tộc. Vì vậy, trẻ con lớn lên ở Mỹ hiểu biết và khôn ngoan hơn tuổi, trưởng thành sớm hơn những đứa trẻ được cha mẹ gói ghém kỹ trong văn hóa truyền thống, thường có cả khuynh hướng sống giùm con một phần đời của chúng.

Bài tập ở nhà thầy giáo cho K. với chủ đề dùng hình thức một bài thơ để mô tả một khu cắm lều của người vô gia cư, nội dung gồm 3 phần:

1.- Chuẩn bị tư liệu do quan sát tại chỗ.

2.- Nhân vật sinh sống trong môi trường ấy.

3.- Bài thơ.

Quang cảnh những khu người không nhà cắm lều ven giòng sông Santa Ana chạy qua các thành phố Anaheim và Santa Ana khá quen mắt với bộ hành hay người lái xe thường đi qua những địa điểm này, là sự vướng bận dai dẳng duy nhất của giới chức quận hạt có trách nhiệm cũng như cư dân quận Cam nói chung. Chúng ta sẽ rất ngạc nhiên khi thấy phần đông trong số này lựa chọn cách sống hiện nay của họ và việc thuyết phục họ dời vào các trung tâm tạm trú an toàn đạt tỷ lệ không cao, chưa kể họ còn được Liên đoàn Tự Do Dân sự Mỹ (ACLU) hết sức hỗ trợ, giúp họ đòi hỏi quyền được giữ ý muốn riêng. Cho tới khi nào tập hợp người vô gia cư có biểu hiện xâm hại đến an ninh và vệ sinh môi trường nơi họ có mặt thì việc giải tỏa mới có thể được nhân viên công lực thi hành.

Có một thời gian ngắn tôi phải bỏ thói quen thường lệ đi bộ mỗi buổi chiều dọc theo giòng sông xi măng cạn nước này vì người vô gia cư đến đây dựng lều, không bởi lý do nào khác hơn là tôn trọng sự riêng tư của họ. Tôi cũng nghiệm ra rằng tình trạng ăn ở của người vô gia cư có những nét chung nhưng yếu tố con người ở những nơi này luôn luôn cá biệt. Cháu K. của tôi đã "nhặt" ra một trong số những con người cá biệt ấy để bày tỏ suy nghĩ của cháu: "Một người đàn ông gầy gò, cao lênh khênh với ánh nhìn buồn nản, vô hồn, đôi mắt chất chứa niềm đau âm ỉ, nhìn chăm chú vào lũ trẻ chúng tôi với sự trống rỗng."

Tôi mừng rỡ biết ra tuổi 17 của thời đại say mê Iphone, Ipad, hóa ra còn có những đứa trẻ khi cần, vẫn có một tâm hồn, một trái tim, một khả năng tiếp nhận phi điện tử và rất con người.

Và sau đây là nguyên văn bài thơ:

The Riverbed

By Kaitlyn Mai An

Smoke suffocates the sand's newest tenants
As the Sun scorches their scarred, filthy skin

A spoiled county hides behind forced grins
Ignoring the men with battered, blue shins

Their tents cling to the charcoal path
Each resident a husk needing a place
Rubbery, yellowed skin hangs off each face
Colorless eyes stare blankly into space

Lost like the river, their words are not heard
As they become onother grain of sand.

Có lẽ phải đợi thêm một thời gian nữa thì nhà thơ non nớt này mới hiểu được mỗi hạt cát cũng chứa trong chúng tiếng sóng của cả đại dương mênh mông. Không một thanh âm nào đã cất lên sẽ mất đi mà chỉ là cần một cơ duyên để hội tụ và làm nên sức mạnh.

CHỌN LỰA

Kể từ khi có trí khôn và được sống làm người một số năm tháng buồn/vui, thành công/thất bại, tôi nghiệm ra yếu tố quan trọng nhất, định hình (và ngay cả định đoạt) cuộc đời một cá nhân chỉ đơn giản là sự chọn lựa của chính người đó khi cần.

Chọn lựa thì rất nhiều, đặt ra thường xuyên, vì vậy, khả năng đúng/sai cũng rất cao. Trong xã hội "cổ" Việt Nam nhiều thập niên trước, sự chọn lựa thiết yếu này được tập tục ủy nhiệm cho thế hệ tiền bối, kẻ hậu sinh đi sau chỉ biết nhắm mắt vâng lời và thi hành. Nếu chọn lựa ấy được thực tế chứng minh là sai, bề trên tiếp tục muốn kẻ dưới cắn răng gánh vác hệ lụy để "làm cho nó có vẻ đúng" vì bề trên không thể sai. Tình thế này kéo dài hàng thế kỷ trên quê hương chúng ta, tốt hay không tốt, ít nhất đã tạo cho xã hội bộ mặt ổn định, nét văn hóa trên thuận dưới hòa đặc thù của dân tộc. Nước mắt cứ chảy ngược vào lòng. Rác cứ thu dọn gọn ghẽ sau cánh cửa. Khắt khe làm vậy nhưng đó đây thỉnh thoảng vẫn có những đầu óc mạo hiểm, muốn thoát khỏi cái trật tự bất di dịch nói trên nên liều mình đi theo tiếng gọi từ trái tim bất kham của mình. May mắn thành công thì sự thành công ấy không hề được cổ võ. Rủi ro thất bại, hình phạt sẽ đi kèm, làm nhụt chí cả những lựa chọn lưng chừng bởi vì không chỉ gia đình mà cả cộng đồng xã hội đều không cho người trong cuộc cơ hội sửa chữa.

Từ khi ra hải ngoại, bắt buộc phải hội nhập vào mô hình xã hội nghiêng về chủ nghĩa cá nhân, trẻ con sớm được khuyến khích tự lo thân, lối sống "ủy nhiệm" trước đây ở quê nhà cáo chung, mỗi ngày mỗi người thấy mình đứng trước không biết bao nhiêu lựa chọn lớn/nhỏ quyết định sự thành bại của chính họ. Từ một món ăn nhanh có tên trong cái thực đơn các thức ăn hay uống treo trên tường một tiệm fast food cũng đã được chọn lựa trước rồi mới bước chân vào, lâu dần thành thói quen và về sau rất khó bỏ dù biết nó không có lợi cho sức khỏe; chọn lựa một người thợ cắt tóc hay làm móng tay, theo người này qua nhiều địa điểm hành nghề của họ hàng chục năm chỉ vì vào một lúc nào đó, thích kiểu cách hay mẫu mã họ làm dù rằng với thời gian, một người thợ khác có kỹ thuật và kiểu dáng tân kỳ hơn; đến những chọn lựa được xem là quan trọng trong đời: chọn nghề, chọn bạn, chọn chồng hay vợ, chọn ở lại hay đi ra khỏi một tương quan đã trở thành chua chát, chọn hòa bình hay hiềm thù, chọn để dành tiền phòng khi mưa nắng (có khi không kịp tiêu theo dự tính) hay du lịch để biết thêm những chân trời mới; chọn gia nhập hay không gia nhập một đảng phái chính trị, tin là có những thể hiện phù hợp với mong muốn của chính mình hoặc chỉ đơn giản đi theo đám đông bạn bè. Tuổi từ 62 trở lên, chọn lựa về hưu non hay đúng kỳ hạn, thậm chí trễ hạn? Chọn lựa lãnh lương hưu hàng tháng hay lấy ngay một lúc trọn vẹn tiền hưu để tự mình hoạch định đầu tư hoặc tiêu xài? Chọn lựa di chuyển quỹ 401K đi đâu? Chọn lựa thủ tục định đoạt cách từ giã trần gian cho tuổi già, thủ tục tang lễ, mai táng hay hỏa thiêu? Ngoài ra, không quên kể thêm một chọn lựa nhiều thách đố, gây cảm giác mạnh, là chọn lựa công ty có cổ phiếu trên thị trường chứng khoán sinh lời cao và ít rủi ro..vv..Vẫn chưa hết! Ngoài những chọn lựa kể trên, còn những chọn lựa cấp kỳ theo trực giác, theo bản năng sinh tồn khi lâm nguy và cần thoát hiểm. Ôi chao, sống là chọn lựa nên có thể nói chọn lựa nhiều và liên tục bằng với hơi thở.

Đa phần các chọn lựa của một người có thể được quyết định vào một lúc tinh thần minh mẫn và tự do để lý luận, cân nhắc hay vào một lúc thể xác mệt mỏi vì chịu nhiều áp lực từ ngoại cảnh, chỉ muốn buông xuôi. Dù chọn lựa thế nào, cách nào, động cơ căn bản của chọn lựa luôn khởi đi từ cái TÔI chủ quan, muốn được đáp ứng hay thỏa mãn nhiều nhất, ngay cả cái chọn lựa của người chiến binh đem sinh mạng mình thách đố với đường tên, mũi đạn một khi đã coi đây là lý tưởng bình sinh cho họ nhiều tự hào nhất.

Trong mỗi cái TÔI nào cũng có 2 nguồn khởi động: bộ óc và trái tim. Mỗi chọn lựa sẽ nhận lệnh từ một trong hai nguồn khởi động ấy: duy tình hay duy lý. Duy lý thường dựa vào nguyên tắc để đi tới kết luận mang tính thuyết phục nên không dễ nhưng duy tình thì thật đáng sợ vì sẽ không có một điểm tựa nào giúp cầm cân nẩy mực cả. Tình như sấm như chớp, đến và đi đều bất ngờ và phi lý như nhau. Thích hay không thích là mệnh lệnh của trái tim, không thể cắt nghĩa, không thể phân giải. Các nhà tâm lý cố tìm ra nguyên nhân vì sao chàng thanh niên 27 tuổi tên Kevin James Loibl kia bỗng vô cớ trở thành tay sát thủ chọn bắn chết cô Christina Grimmie lúc cô đang vui vẻ ký tên vào CD tặng khán thính giả hâm mộ tiếng hát cô tại một hý viện ở Orlando, Florida? Sự việc xảy ra hoàn toàn không có một lý cớ cụ thể nào ngoại trừ một thoáng cảm xúc xẹt qua nội tâm anh và đẩy viên đạn ra khỏi nòng súng. Cuộc điều tra của cảnh sát cho biết đây là một vụ ám sát có dự mưu vì hung thủ đã đi từ một thành phố khác đến nơi phạm tội. Dự mưu hay không dự mưu, nguồn cội hành vi của Kevin James Loibl là một chuỗi chọn lựa bắt đầu từ chọn lựa gây ra một biên cố kinh hoàng biết là sẽ đánh động dư luận, để được là một tia chớp lóe sáng giữa cái tối đen triền miên của đời anh, trước và sau giây phút lóe sáng rất ngắn ngủi và bi thảm ấy. Phần còn lại của câu chuyện là chọn lựa của những ai chứng kiến, nghe, biết câu chuyện này: thờ ơ, bỏ qua, quan tâm, suy nghiệm, rút tỉa bài học để ứng dụng v.v...

"...Đem ánh sáng vào nơi tối tăm. Đem thứ tha vào nơi hận thù..." Chúng ta có cả một triết thuyết nhân bản rao giảng mọi nơi, mọi lúc những lựa chọn phúc hậu này để làm cho mặt đất trở thành nơi chốn an cư cho loài người, tiếc thay, triết thuyết như bức tranh quý treo ở chỗ của nó, không có ưu tiên phổ quát trên đường phố, trong giòng sống cuồng nhiệt của con người quay quắt với những chọn lựa riêng.

Chỉ mười ngày sau cái chết oan nghiệt của Christina Grimmie, một ngôi sao khác của giải The Voice là anh Alejandro Fuentes, 45 tuổi, cũng mất mạng bởi một tay súng còn tại đào, ngay trước ngôi trường dạy nghệ thuật trình diễn do anh điều hành với mục đích đào tạo những người trẻ vùng tây nam Chicago. Vừa kết thúc bữa tiệc mừng sinh nhật anh cùng tổ chức với bạn bè, ngồi vào ghế lái chiếc xe của mình để về nhà, theo bản tin BBC, anh bị một nghi can tiến đến gần bắn trọng thương nhân thương trí mạng chỉ vì anh từ chối không chịu ra khỏi xe theo lệnh của hắn. Nhiều người nghe hay đọc bản tin chép miệng tiếc thương, cho rằng chọn lựa anh đã làm vào giây phút đó là sai vì sinh mạng anh quý trọng hơn chiếc xe. Sự thật là anh có ngay dự cảm không an toàn dù ở ngoài hay ở trong chiếc xe, hiểu rằng chọn lựa nào của anh lúc ấy cũng không ích gì một khi định mệnh đã chọn lựa cho anh tình huống đang xảy ra vào giây phút đó và sẽ quyết định việc anh còn hay mất. Có một lý thuyết tin rằng tự do của con người chỉ là tự do của con kiến bò trên miệng chén. Bò loanh quanh cho đời mỏi mệt dưới quyền sinh sát tối thượng của *"Tạo Hóa gây chi cuộc hí trường?"* Rất may mắn vì vẫn có một đa số tuyệt đối kiến nhân loại vui chơi với những cái miệng chén mà nếu khám phá cho hết một vòng quay cũng thấy khối điều huyền diệu. Cho nên, chọn lựa dù chỉ một thái độ ngao du sơn thủy lại thuộc về "cái kiến" bé tí chỉ bằng nửa hạt gạo; dù chỉ một hành động làm một ly nước chanh với trái chanh lại thuộc về bàn tay nhỏ xíu của con người và thực tế này xóa nhòa biên giới giữa những điều có thể và những điều không thể vốn là bi kịch của kiếp người!

Trong số kinh nghiệm sống hạn hẹp của riêng kẻ viết bài này, điểm tựa vững chãi khi cần làm một chọn lựa khó khăn là xác định mục tiêu của chọn lựa ấy: sự bình an, lợi ích của tha nhân, một thành tựu tốt đẹp, một nghĩa cử, bất cứ gì được xác tín từ cái tâm lành và lòng khiêm nhượng. Mọi chọn lựa dù khởi đi từ thiện ý cũng không nhất thiết là đúng và đưa đến thành công nhưng nhờ được dẫn dắt bởi cái tâm lành và lòng khiêm nhượng, nó được thấu hiểu, tha thứ, được chấp nhận, nâng đỡ để trở thành bài học.

Sau cùng, lựa chọn nào cũng có cái giá phải trả, hệt như mọi món hàng phục vụ đủ mọi nhu cầu của con người bày la liệt khắp nơi trong tầm mắt thế gian. Khác với các món hàng có đeo cái nhãn trị giá bằng tiền tệ, đôi khi tăng lên hay giảm xuống theo thị trường, có khi on sale rất hời, những lựa chọn tinh thần được trao đổi với người xung quanh bằng một chút gì hay rất nhiều của tấm lòng mỗi bên, không bao giờ on sale nên đừng chờ giá hời. *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui, cùng với anh em tìm đến mọi người, tôi chọn nơi này cùng nhau ca hát, để thấy tiếng cười rộn rã bay (TCS)* Có khi là những lựa chọn giữa thiên nhiên độ lượng để cùng nhau san sẻ: *Tôi nhận gió trời mời em giữ lấy, để mắt em cười, tựa lá bay. Tôi chọn nắng đầy chọn cơn mưa tới, để lúa reo vàng tựa vẫy tay (TCS).*

Cũng có khi chọn *ngồi thật yên, nhìn rõ quê hương và nghĩ lại mình để biết rằng vì sao tôi sống? Vì đất nước cần một trái tim (TCS).*

Chọn đọc một áng văn hay, chọn nghe một bản nhạc chan chứa tình người, chọn uống một tách trà thơm, chọn nhớ về một người bạn ý nhị, chọn sống một ngày không buồn phiền, ôi biết bao chọn lựa dưới bầu trời nắng gió thênh thang này chỉ với cái giá của một thời khoảng riêng tư tạm xa rời hệ lụy. Năm tháng đời người tuy ngắn ngủi nhưng đâu có thiếu niềm hoan lạc?

CHỮ NGHĨA

Di tản qua Mỹ sau 11 năm kẹt lại Việt Nam trong biến cố 30 tháng 4/1975, tôi đi làm lao động chân tay để cấp tốc ra khỏi trợ cấp xã hội chỉ sau chưa đầy 2 tháng, từ ngày 13 tháng 1/năm 1986 đến ngày 6/3 năm 1986. Một công việc không chuyên môn, lương thấp, không đủ để bao bọc cuộc sống tươm tất cho 4 mẹ con, bà cháu, tôi phải kiếm việc làm thêm. Thấy công ty điện thoại AT&T mở lớp huấn luyện ngắn hạn (vào buổi tối) tiếp viên phục vụ trả lời điện thoại khách hàng trong phân bộ Customer Services, tôi ghi tên đi học. Sau 8 tuần lễ học vào các buổi chiều thứ ba, thứ năm trong tuần, tôi cùng các bạn đồng học được gửi tới thử việc tại các chi nhánh AT&T trong quận Cam. Ngay buổi sáng đầu tiên, khi trả lời điện thoại một khách hàng đàn ông nói tiếng Anh khiếu nại về hóa đơn, tôi áp dụng đúng tài liệu hướng dẫn của công ty để giải quyết tình huống, một cách cẩn trọng và lễ độ nhưng ông ta đã sẵn sự bất bình, lại nghe thứ tiếng Anh mang âm hưởng tiếp Pháp của tôi, ông ta quát lên trong điện thoại: "Mày cút về xứ của mày đi, tao muốn nói chuyện với supervisor của mày." Tôi chuyển điện thoại của ông ta cho xếp rồi lập tức thu dọn chỗ làm việc chưa có đồ đạc gì riêng và rời khỏi lò luyện ngục đầu tiên nơi xứ người.

Lúc đó mấy mẹ con, bà cháu tôi share phòng ở Santa Ana, trên đường Fairview, gần với trường Đại học Rancho

Santiago, bây giờ là Santa Ana College. Nghĩ tới tương lai, tôi ghi danh đi học ban đêm để trau dồi thêm Anh ngữ. Cũng ngay đêm đầu tiên, tôi lái cái xe Toyota Corona cũ trị giá $600 mỹ kim nhờ cậu cháu mua giùm, còn chạy tốt, tới trường. Thấy cổng vào và chỗ trống ở parking, tôi đậu xe rồi tìm đường vào lớp. Ấn tượng còn mãi lưu lại trong trí nhớ tôi là các giáo sư dạy đại học nói tiếng Anh rất rõ ràng và dễ nghe, khác hẳn tiếng của các giáo sư ghi âm trong đĩa để cho sinh viên trắc nghiệm xếp lớp. Ngày ấy, tôi chỉ đạt 47% khi được trắc nghiệm khả năng nghe. Kể chuyện lại với các con, chúng cười thông cảm và căn dặn: "Lần tới, khi mẹ nghe không ra một câu, mẹ bỏ liền để tập trung nghe câu sau, nếu không, mẹ sẽ bị chậm trễ và mất thêm nhiều câu tiếp theo." Tiếc rằng hôm đó là cơ hội duy nhất vì tôi không còn dịp nào được trắc nghiệm một lần nữa, lý do là sau buổi học đầu tiên mà cũng là cuối cùng hôm ấy, khi tan lớp lúc 10 giờ đêm, tôi đứng ngẩn ngơ trên bãi đậu xe, không biết mình đã đậu xe ở đâu? Hỏi thăm, người ta hỏi lại: "Bà đậu xe ở phía nào?" thì tôi chịu trận vì hoàn toàn không có phương hướng. Chẳng lẽ đứng yên, tôi rảo bước đi tìm, qua mỗi bụi cây rậm là một nỗi lo sợ bất trắc làm tim đập như trống trận. Phải đợi tới khi sinh viên các lớp lấy xe của họ xong, lái đi, tôi mới thấy chiếc xe của mình lộ ra giữa bãi đậu xe vắng vẻ. Quá sợ, hôm sau tôi bỏ học. Nghĩ đi nghĩ lại, chưa biết làm gì để cải thiện đồng lương eo hẹp dù lúc đó, ngoài công việc lao động chính tại công ty Baxter, tôi đã làm thêm một việc văn phòng từ 4 giờ chiều đến 8 giờ tối ở một chi nhánh bảo hiểm All States. Dịp may khi tôi gặp lại anh Trần Đ. Quân, một đồng môn thời trung học ở Huế, lúc đó đang làm việc cho công ty Người Việt. Anh bảo tôi: "Toa viết lách được, phụ moa làm trang Phụ Nữ cho tờ báo đang thiếu trang này nhé!" Nghe anh đề nghị, khuyến khích, tôi nhận lời ngay, mừng rơn.

Từ đó, 5 ngày trong tuần với thời khóa biểu mỗi ngày từ 5 giờ sáng đến sau 12 giờ đêm không ngưng nghỉ, tôi chu toàn được chi phí sinh hoạt gia đình trong tình trạng thiếu

ngủ thường xuyên. Dẫu sao, suốt 15 năm tiếp theo, tôi trải qua một thời gian tuy vất vả đấy nhưng vô cùng hạnh phúc, vừa sinh nhai vừa vui chơi với chữ nghĩa. Tôi viết truyện ngắn, tùy bút, làm thơ, trả lời thư độc giả gởi tới tòa soạn và được công ty Người Việt giúp xuất bản cuốn truyện ngắn đầu tay Buổi Sáng Một Mình. Năm 2001, tôi về Huế lo mộ phần hoang phế của phụ thân và thăm lại khu vườn thơ ấu xưa, thăm lại bạn bè chỉ còn đôi ba người vì hoàn cảnh riêng, đã chọn ở lại đây. Quê nghèo nay càng nghèo thêm. Dân khổ nay càng khổ thêm. Cái nghèo, cái khổ một thời thanh tao của Huế bây giờ nhầu nát, nhem nhếch đến mủi lòng. Hà Nội 36 phố phường như huyền thoại nay thêm cảnh điêu ngoa, chao chác trên khắp các ngả đường người xô lấn nhau mà đi. Sàigòn vẫn còn nguyên cảnh những đứa bé ngủ vạ vật trên vai áo mẹ rách bươm, những đứa lớn hơn mắt hau háu chờ khách buông đũa bất cứ vì lý do gì là nhào ngay vào chụp lấy cái tô hay cái đĩa khách đang ăn dở rồi chạy ra một góc xa, cắm cúi lùa hết vào miệng. Tôi quá buồn và chán nản, thấy ra trong khi tôi an thân ngồi trước bàn phím máy điện toán, dùng chữ nghĩa văn chương phù phiếm để mô tả, vẽ vời, son phấn cho những cảnh đời và những nhân vật trong tưởng tượng của tôi thì những con người thật ngoài xã hội muôn ngàn lần khác hơn, khốn khó tận cùng. Nhớ lại tâm trạng cụ Tú Vị Xuyên sống phong sương, lăn lóc với người nghèo, gởi gấm trong câu *"Chữ nghĩa ích gì cho buổi ấy?"* mà cảm thông tấm lòng người xưa và nghe ray rứt hổ thẹn trong tâm tư mình.

Trở về Mỹ, tôi bỏ hết các chương trình đang thực hiện cho VOA, nhờ Hồng Vân thay thế; bỏ luôn chương trình đang làm trên Little Saigon Radio và ngưng cộng tác với các báo. Sáu tháng sau, hoàn hồn, tôi viết lại nhưng không làm văn chương nữa. Là một người cầm bút tầm thường song tôi hiểu được ma lực của chữ nghĩa. Nó đem lại sự thôi thúc, vừa hạnh phúc vừa mệt mỏi, một khoái cảm tự do, huyền bí, đôi khi bệnh hoạn, của một thứ quyền lực cho phép những giấc mơ sánh mình với thượng đế nhìn xuống

nhân loại buồn, vui, sống, chết trong tay mình. Chữ nghĩa vô thanh là một phần của ngôn ngữ, có thể tánh và linh hồn. Được nuôi nấng lành lặn, nó là hoa thơm, cỏ lạ trong vườn đời. Được nuôi nấng độc hại, nó là những con thú sổng chuồng, cắn xé người và cắn xé luôn chủ vì sự hung hiểm không bao giờ phân biệt được cái đúng và cái sai. Lạm dụng nó, bạc đãi nó, lộng ngôn, lộng ngữ, nó hiển linh đưa vào mê lộ không có đường ra. Ma túy quá liều, overdose, đưa tới chết thảm. Chữ nghĩa quá liều là một thứ độc dược khác, giết mình lặng lẽ với nhiều di chứng. Nhớ thuở mới lớn, phụ thân tôi thường căn dặn con cái không được dùng giấy tờ có chữ nghĩa vào những việc uế tạp, cũng không được dẫm đạp lên chữ nghĩa. Phải biết quý trọng và kính sợ, thần thái, trí tuệ mới được chữ nghĩa giúp tỏa sáng.

Nhưng đó là quan niệm của cổ nhân. Ngày nay, đã thật xa rồi cái thời của câu phương châm "Văn dĩ tải đạo." Giờ đây, ngôn ngữ, chữ nghĩa tinh tế hơn, phong phú hơn, gây hệ lụy nhiều hơn, được tận dụng để chuyên chở tham vọng và sự tàn nhẫn là cặp đôi khăng khít không rời nhau.

Có dịp nói chuyện với anh Daniel Phú, chuyên viên thẩm mỹ ghép những rèm lông mi làm đẹp đôi mắt giai nhân, anh kể: "Mỗi khi chuẩn bị một công trình mới trên dung nhan khách hàng, em luôn giành ra ít phút để tĩnh tâm và cầu nguyện, xin ơn trên ban phước lành xuống những ngón tay em, cho người đang nằm chờ có được nét đẹp mong đợi." Tôi cảm phục sự khiêm nhượng của anh đối với tài năng thiên phú trời cho (Tôi vào đời chỉ để làm lông mi) dù rằng từ hạt giống lành ban đầu này, anh đã có những nỗ lực riêng để gặt hái được mùa màng sung mãn. "Có tài mà cậy chi tài" bởi vì có tài mà thiếu đức chỉ là nhà xây trên bãi cát, không có nền móng để tồn tại, nói chi tới cơi thêm lầu? *Chữ tài liền với chữ tai một vần.*

Cho nên, nhiều người tin rằng vương mang chữ nghĩa là nghiệp quả. Một là giải nghiệp, hai là nghiệp chồng chất. Cái khó là sự lựa chọn giữa hai điều trái ngược ấy, một lựa

chọn con người không tin ai ngoài chính mình nên có khi đúng, có khi sai vì chủ quan. Sống gần hết đời mình, tôi nghiệm ra ngọn hải đăng soi biển lòng người bão tố chính là cái lành, cái thiện. Nó giải nghiệp. Nó đem lại bình an và tha thứ, cơ hội để sửa chữa sai lầm. Cảm ơn nhà văn Phạm Xuân Đài, cái tựa bài đâu đó của ông ghi khắc sâu trong trí nhớ tôi hình ảnh "Chùa là cái thiện của làng." Bây giờ, sống xa những ngôi chùa u mặc của Huế, hàng ngày tôi đi qua mấy con đường quen thuộc, những ngôi chùa trong mắt tôi lộng lẫy trăm lần hơn những ngôi chùa xưa song cũng xa cách hơn, xa tới nỗi tôi không còn nghe được tiếng chuông công phu sớm chiều như ở cái thành phố của tuổi thơ và tuổi mới lớn của tôi. Bù lại, tôi có những gác chuông nhà thờ êm đềm đứng ở ven đường, nhìn xuống những thảm cỏ yên ả, không cao quá để tôi cảm nhận được ôm ấp trong vòng tay; những thánh giá thiên thu phơi mình trong nắng mưa, là hình ảnh con người bị đóng đinh trên thập tự đời riêng, kêu gọi nhân loại xót thương nhau và đáp đền ơn cứu chuộc.

Dẫu sao, cũng xin vô vàn biết ơn chữ nghĩa vì nếu không có mấy giòng này, lấy gì chia sẻ cùng nhau?

CHỮ TÂM

Tôi vẫn thường được H. Thơ rủ đi đến những nơi có những sự kiện cô quan tâm tìm hiểu, hoặc để tham gia, hoặc để thực hiện phóng sự cộng đồng. Mỗi nơi có một khung cảnh riêng biệt, phản chiếu một mảng sinh hoạt của một số đồng hương chúng ta tìm tới với nhau vì nhu cầu chung và sự đồng cảm.

Một thứ sáu cuối tháng 9, thời tiết bắt đầu mát lạnh vào buổi tối, tôi theo HT và hai người bạn chung tới trung tâm của nhóm Trường Sinh Học tham dự buổi thiền tập của nhóm. Được biết, ban ngày, trung tâm hoạt động chữa trị bệnh nhân nhiều trường hợp nan y, được bác sĩ báo tin không còn hy vọng. Tối thứ sáu hàng tuần, cả nhóm có buổi tọa thiền nửa tiếng đồng hồ. Tôi nghĩ vị Chưởng môn đề nghị thời khóa biểu này có lẽ với dụng ý để các môn sinh lắng đọng tâm hồn sau những ngày làm việc bận rộn, nói theo kiểu văn hoa của người Mỹ, là *cùng chậm bước, dừng lại, để thưởng thức hương thơm những đóa hồng.* Với tư thế lắng đọng ấy, khi về nhà, các anh chị sẽ có cơ may triển khai thành thời gian nhìn lại những ngày qua, nhìn lại mình và nhìn sâu trong nội tâm mình, biết rõ mình hơn để thích nghi tốt hơn, tránh bớt hệ lụy.

Sau giờ thiền tọa là bữa ăn tối dọn thành khẩu phần cá nhân trên cái khay nhỏ, hình như gồm một chén xôi khoai mì và một chén chè. Sau bữa ăn là phần trao đổi giữa một

vài môn sinh đã có khả năng chữa bệnh với cử tọa và cuối cùng là phần nói chuyện của vị Chưởng môn, thầy T. D. Thành.

Tôi ra về, không mang theo một ấn tượng rõ nét nào rồi quên đi trong dòng sống bận rộn ở nơi này. Tháng 10, HT nhắc tôi buổi tưởng niệm sinh nhật lần thứ 169 vị Sư Tổ khai sáng Trường Sinh Học, Ngài Dasira Narada, sẽ được tổ chức chiều ngày 25 tháng 10 tại nhà hàng Seafood Paracel, lúc 6 giờ.

Đúng hẹn, tôi đến địa điểm nói trên và được hướng dẫn vào bàn tiệc dành cho giới Truyền thông. Các anh chị phóng viên truyền hình, truyền thanh, báo chí, đến làm phỏng vấn các yếu nhân xong là chạy, có lẽ do lịch làm việc đầy ắp của họ vào chiều chủ nhật. Rốt cuộc, bàn chỉ còn tôi và một ông khách mời tôi không được quen biết trước. Khi chương trình bắt đầu, Thầy Chưởng môn đến ngồi bên cạnh tôi, với mỹ ý nếu tôi có câu hỏi nào cần giải thích (tôi đoán thế.)

Cũng giống như mọi buổi lễ của nhiều hội đoàn hay tổ chức khác, chương trình gồm phần nghi thức thường lệ, lời phát biểu của các nhân vật quan trọng , phần ẩm thực và sau cùng, phần văn nghệ giúp vui. Tôi chú ý nghe khi Thầy Chưởng môn nói chuyện, nội dung nhằm giới thiệu thân thế và cuộc đời hành đạo của Sư Tổ Dasira Narada, con đường Ngài tu học và đi tìm chân lý trước khi khai sáng pháp môn Trường Sinh Đạo để lại cho hậu thế. Thầy cũng nói về cơ duyên đưa bước chân của Thầy đến với pháp môn qua các giai đoạn thực hành, chứng quả và truyền bá. Cuộc nói chuyện với thời lượng vừa phải, trình bày khúc triết, giản dị, về một nội dung sâu rộng song cố gắng tóm gọn, điều chỉnh cho vừa tầm thính chúng tham dự, cho thấy người nói có sự tự chế để không quá đà.

Mấy tuần lễ sau gặp lại HT, cô để một bàn tay lên vai tôi và hỏi tôi có cảm giác gì không? Tôi trả lời: "Thấy bàn tay HT rất ấm và vai chị dễ chịu." Sực nhớ lại đã nghe nói về cách chữa bệnh của Trường Sinh Học là thu hút năng

lượng trong thiên nhiên để chuyển cho bệnh nhân, giúp họ tự lấy lại sự quân bình sinh hóa và tự phục hồi thể lực, tôi tò mò muốn tìm hiểu thêm nên nhờ HT xin giùm cái hẹn với Chưởng môn T. D. Thành.

Lúc tôi đến Trung tâm, Thầy đang chữa cho một bệnh nhân từ Seattle về đây trong tình trạng gọi là còn nước còn tát vì chứng ung thư não của cô đã tới giai đoạn cuối, y khoa đã bó tay. Sau sáu tháng điều trị theo pháp môn Trường Sinh Học, nay cô đang dần ổn định và bệnh của cô tạm lùi bước. Nhìn khuôn mặt cô còn xanh xao, phảng phất nét hao gầy và thấp thoáng âu lo, biết cô chưa khỏe hẳn nhưng dáng đi đã nhanh nhẹn so với một người mắc bệnh nan y.

Tôi mở đầu câu chuyện:

- Thưa Thầy, xong một ca chữa trị như vừa rồi, lẽ ra nội lực phải ít nhiều hao hụt nhưng thấy dung quang và thần thái của Thầy vẫn an nhiên, không thay đổi?

Thầy trả lời, giọng nói ấm và nhẹ:

- Nếu chữa trị mà gây hao tốn nội lực nhiều thì chắc không thầy nào dám chữa hoặc là chữa cuội thôi. Chúng tôi học cách thu năng lượng từ vũ trụ, tồn trữ trong bản thể và dùng nguồn năng lượng này tiếp sức cho bệnh nhân.

Ngưng một lúc, Thầy nói thêm:

- Ngài Dasira Narada mất 19 năm ẩn mình trong hang động mới tìm ra nguyên lý Trường Sinh Đạo không phải chỉ để chữa bệnh vì nếu chỉ chữa bệnh thôi, không cần phải học nhiều thời gian và càng không cần tự cô lập mình lâu đến thế. Một bác sĩ y khoa chuyên môn, chỉ cần 10 năm tới trường. Sư Tổ của chúng tôi ôm ấp và theo đuổi mục tiêu cao hơn trong việc chữa trị, làm sao để mọi người tự tìm được cho mình con đường giúp đưa tới thân tâm an thái, là điều kiện căn bản để xây dựng cuộc sống tốt đẹp, lành mạnh từ trong ra ngoài, ngăn ngừa bệnh tật. Hành trình đơn độc trong rừng sâu, núi thẳm suốt 19 năm cho đến khi Ngài bước ra hành đạo cứu đời cách nay gần 2 thế kỷ, hoàn

toàn không lệ thuộc vào kỹ năng của cả hai ngành đông và tây y còn thô sơ thời đó, chính là minh chứng hùng hồn con người tự mình có thể là thầy thuốc của chính mình với hệ miễn nhiễm hoạt động đúng chức năng của nó, không bị (con người) bỏ quên hay lạm dụng. Cho nên cần nói rõ, chúng tôi không chữa bệnh mà bệnh nhân đến với chúng tôi để được tiếp năng lượng giúp họ tự hoàn thiện sức đề kháng bị tổn thương hay suy yếu bởi cuộc sống trước đây của họ. Trường hợp bệnh nhân vừa rồi chị gặp và nhiều bệnh nhân khác, khi họ hoàn toàn tuyệt vọng, không còn trông đợi vào ai, vào cái gì nữa thì họ dễ tập trung vào chính họ và đây là lúc khả năng chữa trị bẩm sinh của mỗi người khai triển tác dụng của nó. Dư luận bên ngoài gọi hiện tượng này là phép lạ, thật ra chẳng có phép lạ nào hoặc nếu có thì đó là cái tâm giác ngộ bên trong con người thôi.

- Ý Thầy muốn nói con người chọn một cách sống nào đó là chọn luôn cho mình những hệ lụy buồn vui từ đấy mà ra và hãy phòng bệnh để không phải chữa bệnh? Như vậy, thưa Thầy, trẻ con chưa có khả năng chọn cho chúng một cách sống mà mắc bệnh nan y thì chúng ta phải giải thích thế nào?

- Khoa học chứng minh mầm bệnh di truyền qua nhiều đời, phát tác sớm muộn đều do những tác nhân cấu kết vào một lúc nào đó.

- Thưa Thầy, trong các bài nói chuyện, Thầy có dẫn giải cho thính chúng được nghe rõ những điều chúng tôi vừa được nghe không? Tôi thấy nhiều người đến dự tiệc hôm trước có thái dộ tôn vinh Thầy theo cách dành cho một bậc siêu phàm?

- *(Cười)* Chị thấy chúng tôi treo di ảnh Sư Tổ Dasira Narada trong phòng hội này để nhắc nhở mọi người đi theo dấu chân của Ngài, học tập và cố gắng áp dụng minh triết của Ngài trong cuộc sống, loại bỏ tạp niệm để thanh tẩy thân tâm hầu đạt tới sự an lạc. Tôi chỉ là một môn đệ noi gương Ngài và muốn có thật nhiều người noi gương Ngài

để bớt trầm luân. Nếu có sự khác biệt nào với bà con, cô bác lui tới đây thì chỉ là tôi đi trước họ vài bước trên con đường giác ngộ.

Câu trả lời giản dị của Thầy khiến tôi hình dung lại những hình ảnh trùng hợp tôi ghi nhận về Thầy trong bữa tiệc ở nhà hàng Seafood Paracel. Quả thật hôm đó, ngồi cùng bàn với tôi, chuyện trò, trao đổi, nhưng xem ra Thầy không bận tâm về sự hiện diện của tôi. Thầy cư xử tự nhiên, bình thường, như bất cứ một "chúng sinh" nào, trân trọng bản thân và người xung quanh như nhau, trong một nhân duyên biết mình ở trong nhưng đồng thời cũng ở ngoài. Thức ăn đưa ra, Thầy lấy cho mình miếng ngon (như chính tôi đã chọn bằng mắt cho chính tôi) nhưng ăn uống điềm đạm. Thầy ăn nhiều (so với tôi) và ăn đủ các món, săn sóc bản thân đúng mức nhưng nhẹ nhàng, thanh thản, không chút vồ vập. Theo thiển ý tôi, bậc chân tu (hay người có tâm tu) sống như thở, không màu mè, yêu và trọn hưởng cuộc sống mà lòng nhẹ như mây, không tham úy, giữ hay buông đều giống nhau, như cơn gió thoảng.

Trở lại cuộc nói chuyện, tôi hỏi:

- Trong số các môn đệ theo Thầy, ước chừng có bao nhiêu phần trăm có khả năng sẽ tiếp nối con đường của Thầy?

- *(Ngậm ngùi. Thoáng ưu tư trong mắt)* Chừng 3%. Con đường tu học, tu thân, xả kỷ khó lắm, không đơn giản. Thật ra, mục tiêu tôi nhắm tới xa hơn việc chữa bệnh nhưng nó trừu tượng so với kết quả thấy ngay của việc chữa bệnh, nên, với tâm lý phổ cập của quần chúng muốn cái gì cụ thể, tôi đành phải mở cái cánh cửa dễ mở và dễ đi qua nhất trong khi chắc chị cũng biết, chữa bệnh chỉ là cái ngọn, phòng bệnh mới là cái gốc.

Nghĩa là…

Cái gốc là cái TÂM, chắc chị cũng biết rồi. Thượng Đế sinh ra con người, cho nó có đủ phương tiện để tự tồn nhưng

chúng ta dùng (hay dùng quá mức) những phương tiện ấy vào các việc khác hơn là tự tồn nên tự hại đến thân. Tất cả vấn đề nằm ở chỗ ý thức về những sự quá đà ấy để lập lại thế cân bằng của thân tâm thì có thể phục hồi sức lực. Với các bệnh nhân đến với trung tâm, trong tình cảnh ít nhiều thấm ngấm lẽ vô thường, kết quả việc chạy chữa tùy thuộc cái tâm buông xả của mỗi vị. Nói là do số phận cũng không sai vì tục ngữ ta có câu "Người làm sao, của chiêm bao làm vậy," tương tự như câu của người Mỹ "Man's character is his fate." *(Cười)* Không có sự bí ẩn nào, cũng không có phép lạ.

Ngưng vài giây, Thầy nói tiếp:

- Tôi thường nói với các bệnh nhân: "Chữa cho quý vị nhưng ngay cả tôi rồi cũng trong vòng sinh tử, sự chết không trừ ai. Thế nhưng sống thêm một quãng đời để thưởng thức được ý vị của một kiếp mới sau cơn bệnh ngặt nghèo, để làm đẹp thêm ít nhiều cho đời thì đấy chẳng là ý nghĩa cao quý nhất của việc chữa bệnh hay sao?"

Tôi ra về giữa những giòng xe xuôi ngược trên đại lộ Beach vẫn còn bận rộn lúc gần nửa đêm, lại nhớ hai câu thơ của thi sĩ Tô Thùy Yên (?):

Sống ở trên đời thật khó quá
Mà ta sống được, có kỳ không?

Sống được, đã đành là khó. Sống thế nào, lại càng khó hơn.

CHỮ TÌNH

Khắp nơi trên địa cầu loài người, từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, bằng đủ mọi ngôn ngữ, người ta không ngớt ca tụng Tình Yêu dưới muôn vàn hình thức: thơ, nhạc, văn xuôi, tiểu thuyết, biên khảo, phim ảnh, tranh vẽ, điêu khắc..vv..

Để mô tả Tình Yêu, người ta dùng những mỹ từ tinh tế và diễm lệ nhất. Tình Yêu luôn là nguồn cảm hứng để hình thành những bức họa độc đáo, những bản nhạc với giai điệu sống mãi qua thời gian, những câu thơ nuột nà nhung gấm trở thành kinh nhật tụng cho nhiều thế hệ.

Nói tóm lại, Tình Yêu lung linh, rực rỡ, ban phát hạnh phúc và là mạch sống của loài người. Đôi khi Tình Yêu hiện ra đơn giản nhưng mang theo nó cảm xúc của một lần sẽ mãi mãi không thể nào quên: *"Tình yêu như trái táo thơm..."*

Tôi cũng tin như nhân loại quanh mình. Như lời của bài hát Love Is a Many-Splendored Thing của hai ông nhạc sĩ Sammy Fain và Paul Francis Webster: *"Tình yêu* là lẽ sống tự nhiên của chúng ta. Có một lần trên ngọn đồi cao đầy gió và trong sương mai, đôi người tình trao hôn khiến vũ trụ *ngất ngây và ngừng chuyển động. Những ngón tay anh chạm vào trái tim thinh lặng của em và dạy nó cất lên tiếng hát. Anh ạ, tình yêu chân thật là một điều gì rực rỡ muôn màu..."*

Chỉ có một chút bất tiện là thỉnh thoảng (hay rất nhiều khi) chúng ta chạm phải mặt trái của cái mề đay.

Tuy nhiên, đầu tuần này, một người bạn gởi cho tôi cái video clip ngắn, ghi lại sinh hoạt hàng ngày của một đôi vợ chồng già yếu ở đâu đó trên quê hương tôi. Cụ bà 89 tuổi, thời gian và cuộc sống cơ cực để lại trên khuôn mặt đôn hậu của cụ những nếp nhăn sâu như những luống cày. Cụ ông 99 tuổi, thính lực kém, có lẽ chỉ còn nghe được tiếng nói quen thuộc của cụ bà ở cái tần số duy nhất mà tai cụ tiếp nhận được. Cả hai cụ là sự thách đố kỳ lạ nhất mọi quy luật về dinh dưỡng và tuổi già không cần cao lương mỹ vị, không cần sở học chuyên môn, thuốc men và bàn tay người y sĩ.

Ba năm nay, để làm nhẹ đôi vai gánh nặng của mấy đứa con cũng khó nghèo như cha mẹ, hai cụ chuyển về sống trên cái xác ghe cũ bỏ hoang gần bờ một cái lạch cạn đầy rác. Chiếc ghe chỉ có cái khoang nhỏ đủ để máng cái võng vải cho cụ ông nằm, cụ bà chắc là trải chiếu để ngủ qua đêm ngay trên ván sàn. Cái ghe trống lốc với mấy khung cửa sổ đã mất hết cửa. Cụ bà phải nhặt nhạnh bất cứ cái gì có thể che bớt sương gió cho cả hai: mấy tấm mền rách, mấy tấm bạt ni lông, mấy cái hộp cạc tông còn tốt. Họ có một cái lò đất duy nhất chụm củi, để ở mé sau ghe, thổi nấu thức ăn đa phần là cháo trắng.

Ở cái tuổi bình thường trong hoàn cảnh cụ, chỉ sống thôi cũng đã là phép lạ, cụ bà Nguyễn thị Dung vẫn nói năng rành mạch, thứ tự, lớp lang, không lẫn lộn, không quên quên, nhớ nhớ. Cụ ngồi bên bếp lửa, đun mấy thanh củi vào giữa lò cho lửa cháy đều mọi phía, kể chuyện:

"Tụi tui dời về đây được ba năm rồi! Ở với con, nhà chật chội, chúng nó cũng nghèo khổ, mình cứ ngồi chờ con nó lo cho ăn, thấy nó quạu cọ mình cũng không chịu nổi. Thôi thì cứ ra đây, mai mốt già nữa đứa nào nó nuôi thì chết nó chôn. Hai ba đứa, chẳng biết đứa nào lãnh nợ..." Cụ nâng cái khăn vải lên thấm lệ ở đuôi mắt mà đôi môi gượng cười.

Có lẽ người quay video đem thịt gà rô ti xà lách tới cho hai cụ ăn trưa. Cụ bà xé thịt gà, gói gọn ghẽ vừa miếng ăn

vào lá rau xà lách, âu yếm bón cho cụ ông ăn. Cụ hỏi cụ ông: "Ông ăn ngon không? Lâu lắm mới có được bữa ăn ngon!" Cụ ông móm mém gật đầu. Sau miếng thứ hai, cụ ông nói với cụ bà: "Bà ăn đi!" Nhưng cụ bà lắc đầu. Khi cụ ông ra dấu không muốn ăn nữa, cụ bà dỗ dành: "Không ăn thịt gà thì ăn cháo nha?" Có lẽ cho đủ bữa thường lệ của cụ ông.

Dọn dẹp xong, cụ bà lấy nón, đeo giỏ lên vai, ghé sát bên tai cụ ông và căn dặn: "Ông chờ tui đi bán vé số một chặp tui về." Cụ nói nếu không dặn thì cụ ông khi không thấy vợ, sẽ bỏ chân xuống võng đi tìm. Xong xuôi, cụ bà bước xuống ghe, lội nước một khoảng ngắn mấp mô những miếng xi măng vỡ để vào bờ, bắt đầu một ngày rủi may trông cậy vào những khách hàng tốt bụng sẽ mua giùm cụ vài chục tờ giấy số cụ ráng bán mỗi ngày để có tiền mắm muối củi lửa nuôi nhau. Cụ đi lắc lư trên con đường vùn vụt xe gắn máy xuôi ngược, một tay xòe vé số chào mời. Cụ ghé quán ăn, tiệm nước, với niềm hy vọng những khách hàng cụ mời mọc cũng nuôi hy vọng giống cụ, cho một may mắn lớn hơn nên họ vui lòng mở ví.

Cụ cho biết cả năm nay cụ cảm thấy sức khỏe suy giảm, cái đầu bưng bưng (chẳng có ai đo áp huyết cho cụ) người mệt mỏi, đi một lúc thấy chóng mặt, phải ngồi xuống nghỉ, khi lại sức thì đi tiếp (chẳng có ai khám tim cho cụ.) Cụ nói nhiều khi tưởng như không dở chân lên nổi nhưng cụ cứ phải ráng lê mình đi tới để lo cho cụ ông. Dù vậy, chắc qua năm không đi được nữa rồi. Ở tuổi cụ, chuyện gì xảy ra cũng không sao nhưng nếu cụ mất trước thì cụ ông sống với ai? Với tâm tư nặng trĩu ân tình ấy, cụ chỉ biết cặm cụi với bổn phận trước mắt, không nhìn xa hơn chặng đường đi/về quen thuôc hàng ngày, phó thác mọi sự cho Trời Đất. Nghe mà nao lòng!

Có lẽ không hào nhoáng và nên thơ bằng hình ảnh đôi tình nhân trẻ trung trao hôn trên đồi gió nhưng thực tế hơn và xúc động không kém là hình ảnh bà cụ gần 90 tuổi, quê mùa, mộc mạc, lo âu ghé vào tai người bạn đời gần 100 tuổi,

hom hem, yếu ớt, dặn dò chờ tôi đi kiếm gạo, chút xíu tôi về. Tôi không chắc thời còn trẻ, có khi nào hai cụ nói với nhau những lời tình tự không nhưng họ thật đã sống và cho nhau thương yêu, khăng khít, cho nhau gắn bó, nương tựa, trăm ngàn lần tha thiết hơn những lời tình tự để cơn gió thanh xuân cuốn đi.

Cuộc đời của hai cụ cùng đi bên nhau đến chỗ hẹn cuối như mọi người thấy, là bức tranh minh họa rõ nét nhất lời ca *Tình yêu là lẽ sống tự nhiên của chúng ta* trong bản nhạc Love Is a Many-Splendored Thing, xuất hiện lần đầu trong cuốn phim có cùng tên, đoạt giải Oscar, năm 1955. Riêng bản nhạc cũng được bình chọn và trao giải bản nhạc hay nhất.

Tôi thật sự không biết bằng cách nào, nếu không là bởi chữ Tình trong tâm hai cụ, mà cả hai đã đi một hành trình bình an quá dài trong cuộc đời cơ cực của họ? Ăn uống kham khổ, làm việc lam lũ, trần thân với nắng mưa sương gió, không bệnh hoạn, không thuốc men, không người săn sóc, con cái có cũng như không, xem ra tuổi thọ an nhiên của họ là một nghịch lý hoàn toàn đi ngược lại các chuẩn mực y khoa hiện nay. Liệu các nhà bác học nghiên cứu về tuổi già có khám phá nào mới để giúp quý cụ cao niên trong mọi hoàn cảnh, sống trường thọ và...đẹp lão, như người Mỹ vẫn diễn tả bằng mấy chữ "age gracefully" hoặc thậm chí, ageless, không?

Tôi nghiệm ra hai cụ trong câu chuyện này không chỉ có chữ Tình trong tương quan vợ chồng hay đôi bạn mà các cụ còn có Tình với mọi người, với cả cuộc đời luôn có những sự bất ưng và bất như ý nữa. Họ không cưỡng cầu, không than thở, trách móc, buồn giận hay oán hận. Họ chấp nhận. Họ xót thương. Họ tha thứ. Họ yêu những gì họ có. Họ vun quén, làm cho những điều tệ hại nhất trở thành không đến nỗi nào.

Ôi, một chữ Tình mà bao la đến thế! Mà có sức mạnh chế ngự những điều ngoài tầm tay đến thế! Mà có vẻ đẹp làm rung động lòng người đến thế!

Tôi không biết các con của hai cụ có bao giờ đến thăm cha mẹ, biết ơn cha mẹ đã tự gồng gánh đời họ thay cho chúng hay không? Hay là cuộc sống lầm than của chúng trong một xã hội ngày càng khô cạn Tình Người đã cho chúng đủ sự lãnh đạm để ngoảnh mặt, quay lưng, trong cả một kiếp đời không có quá khứ để nhớ lại và không có cả tương lai để nghĩ về?

Thiếu một chữ Tình có khả năng thánh hóa, cuộc sống còn lại gì ngoài sự nhơ nhớp mà Tạo Hóa từ khai thiên lập địa, đã lập trình con người là sản phẩm của Ngài, như chiếc mề đay luôn có hai mặt? Quyền năng tuyệt đỉnh và tinh vi vượt mức nhưng Tạo Hóa không kiến tạo một bản vẽ hoàn hảo, phải chăng con người vào đời mang theo thông điệp của Ngài về sự bất toàn không chỉ trong nhân loại mà biết đâu, cả Tạo Hóa là mẫu mực cao nhất, cũng khiếm khuyết trong sứ mệnh tạo sinh muôn loài? Để có chỗ cho Tình thương, Cảm thông, Chấp nhận và Tha thứ? Để Khiêm nhượng có chỗ nẩy mầm và Tự do có một đích nhắm. Để loài người nhìn vào thân phận chung, nhận chân được rằng trong cuộc đua, dù mỗi tham dự viên thi thố tài năng cách riêng, thành công hay thất bại cách riêng, kết thúc cuối cùng lúc chung cuộc đều giống nhau.

Riêng chữ Tình không có tuổi, là bù trừ đẹp nhất Tạo Hóa ban tặng cho những ai biết tìm kiếm và nhận diện được nó.

CHÙM HOA TI GÔN

Một người ở điện thoại vùng 626 gửi cho tôi cái text có mấy tấm hình chụp những chùm hoa ti gôn sum suê màu hồng thẫm rất đẹp. Tôi vừa thích thú ngắm hoa, vừa ngạc nhiên tự hỏi thầm: "Ai vậy nhỉ?" Mãi đến cái text thứ tư, tôi mới đọc được vài giòng thăm hỏi thân tình của con gái một người bạn chí thiết hiện định cư ở San Diego, như sau: "Cháu là con của mẹ Vân. Mẹ cháu bảo gửi cho cô xem hình mấy bụi ti gôn mẹ cháu trồng trong vườn nhà để cô nhớ lại ngày xưa. Lâu lắm cháu không gặp cô nhưng biết cô vẫn khỏe..."

Không có hoa ti gôn, tôi vẫn chưa bao giờ quên mẹ của cô bé và cả cô nữa vì cô là hình ảnh đúc khuôn của bà, có khác chăng là khi mẹ cô và tôi "đàn đúm" với nhau loanh quanh ở khu Đò Cồn thì có lẽ chúng tôi chỉ ở tuổi con gái của cô bây giờ thôi, nghĩa là rất trẻ, trẻ lắm.

Nhà chúng tôi gần nhau. Đứng ở cổng vào nhà Vân thấy rõ mồn một cổng vào nhà tôi. Chúng tôi chỉ bắt đầu thân thiết với nhau sau khi cả hai đứa cùng thi đậu kỳ thi nhập học lớp đệ thất trường nữ trung học Đồng Khánh. Tuy nhiên, vì được xếp lớp khác nhau, tôi ở đệ thất B1 và Vân ở B3 nên chúng tôi lại có những bạn cùng lớp riêng. Ở trường, vào giờ chơi, chúng tôi ra chơi ở những khoảng sân khác nhau. Không biết Vân có để ý gì đến tôi những lúc ấy không nhưng tôi thường thấy Vân đi lại trong sân, chuyện trò với

Cầm và Giảng, hai cô bạn họp với Vân thành một bộ ba không rời suốt những năm trung học đệ nhất cấp cho đến hết lớp đệ tứ. Ở tuổi mới lớn, cả ba như những bông hoa hàm tiếu đầy hương sắc, mỗi cô một vẻ. Vân có khuôn mặt phúc hậu, đôi lông mày đậm ôm kín khuôn mắt với ánh nhìn hiền hòa, đôi môi đầy đặn, hơi cong, như cánh một đóa hồng chớm nở. Đặc biệt Vân có đôi tai rất đẹp, thành quách tròn trịa, rất cân xứng với toàn bộ dung mạo sáng như trăng của cô. Bên cạnh Vân, Giảng có khuôn mặt vuông, làn da bánh mật, hai mắt to màu hạt giẻ và nụ cười rộng. Cầm ở giữa, là gạch nối dịu dàng với khuôn mặt thon, đôi mắt bồ câu tươi tắn, da trắng mịn, chiếc cằm hơi đưa ra khiến khi nói hay cười, đôi môi cô có một chút nũng nịu tự nhiên đầy nữ tính.

Cả bốn chúng tôi nhà ở bên tả ngạn sông Hương, cách trường từ 5 tới 7 cây số, tôi ở gần Vân nhưng xa nhất. Vân đi và về học với Cầm, Giảng qua Gia Hội, rẽ vào đường Trung bộ, chỉ còn chừng nửa cây số mới một mình qua Ngự Viên hay Ao Hồ là về tới nhà. Trái lại, tôi từ biệt các bạn đồng hành rất sớm, ngay từ bên này đầu phố Trần Hưng Đạo, một mình đi quãng đường còn lại theo lộ trình tùy thích: Gia Long với phố phường đông vui, tấp nập hay Hàng Đường men theo bên này nhánh sông êm ả xuôi về Bao Vinh với hàng thuyền neo bến, bên kia sông là Hàng Bè với những khóm nứa san sát ngâm mình dưới nước, ngọn vươn lên trời. Cũng có hôm nhớ ngôi nhà cũ tuổi thơ, tôi chọn đi con đường Gia Hội, qua ngôi chùa nhỏ cheo leo ở mom sông, thẳng xuống Ngự Viên hay Đò cồn-Ao Hồ. Những chiều vui chân, tôi mải miết xuống tới ngõ Trường Trạch để về nhà vì nhớ mấy cây mít trĩu quả, mấy cây khế hoa tím li ti trong vườn những ngôi nhà dọc hai bên con ngõ chật, nhớ cái am lên đồng có cây bàng rơi những trái chín vàng nằm khêu gợi trong vũng nước mưa.

Chỉ những ngày nghỉ cuối tuần không đi học, Vân mới chạy đi tìm tôi, có lẽ chạnh lòng vì biết tôi cô đơn trong khu

vườn rộng nên muốn rủ tôi sang bên nhà Vân lúc nào cũng đông vui tiếng nói cười của cả một gia đình con đông mà bố mẹ còn trẻ. Bố Vân trong quân đội, xuề xòa, dễ tính. Mẹ Vân ở nhà nội trợ, trông nom con cái, hầu như chưa bao giờ tôi thấy bà vắng nụ cười. Bố mẹ Vân xưng hô anh em với nhau, khiến tôi ngạc nhiên khi nghe lần đầu nên tôi hỏi Vân: "Sao bố mẹ Vân là vợ chồng mà lại gọi nhau là anh em?" Vân trố mắt nhìn tôi nhưng không biết trả lời sao, chỉ òa ra cười trừ: "Mình không biết, thấy hai ông bà vẫn thế mà!" Vân là con gái thứ hai trong năm chị em gái (có hai em sinh đôi) và hai em trai, người nào cũng đẹp. Chị Thuyết lớn nhất lấy chồng xa, thỉnh thoảng mang con về thăm gia đình. Nếu khuôn mặt Vân là trăng mười bốn hay rằm thì chị Thuyết là trăng mười sáu, làn da trắng tươi, hồng mịn, tôi thường mê mải ngắm chị ngồi bế con ở sân trước nhà Vân những buổi chiều hè nồng nực, tiếng ve sầu kêu ran khắp bốn xung quanh. Mẹ Vân thương tôi như con, hôm nào nhà nấu món gì ngon, bà hay bảo Vân chạy sang gọi tôi, xếp cho tôi ngồi vào giữa cái phản rộng với cả nhà cùng quây quần quanh cái mâm đồng thật lớn.

Vườn nhà tôi có nhiều cây ăn quả nhưng có lẽ Vân thích nhất cây roi ở bên trái mặt tiền ngôi nhà. Roi rất ngon, dòn, thơm và ngọt. Cây đã thấp, lại có cái chạc ba, chỉ cần tay níu cành, co một chân đu người lên là đứng ngay vào vị trí đắc địa này, tha hồ tung hoành. Có lẽ Vân cũng thích cả cây vú sữa nếp ngay cạnh giếng nước vì đến bây giờ, Vân vẫn còn nhắc những quả vú sữa màu xanh cốm non, bóng mượt như lụa. Trái lại, vườn trước nhà Vân chỉ có một cây trần bì thôi nhưng tuyệt vời. Những chùm trần bì vàng hươm, vỏ mỏng, mọng nước, bứt từng trái nhỏ bỏ vào miệng, nhè ra mấy cái hột xanh và nghe mùi thơm tỏa lan đến tận óc. Những đêm trăng sáng, ở cái góc sân này, vài khi đôi song ca Ngọc Cẩm-Nguyễn Hữu Thiết về chơi, cùng đàn ca rộn ràng, náo nhiệt.

Ôi, những ngày xưa thân ái của một thời trẻ dại hồn

nhiên ấy bây giờ chỉ còn là kỷ niệm ngủ vùi trong ký ức chập chùng sương phủ. Bao nhiêu nước đã chảy dưới chân cầu. Bao nhiêu tháng năm đã rụng rơi vào hư vô theo những tờ lịch mỏng. Bao nhiêu tóc trên đầu cả hai đã bạc. Thế mà hôm nay Vân vẫn còn dặn con gửi cho tôi tấm ảnh chụp hoa tigôn Vân trồng ở vườn nhà, bảo tôi nhớ lại những ngày xưa ấy. Những ngày đứng ở cổng nhà Vân nhìn sang cổng nhà tôi là thấy hoa ti gôn hồng ôm kín ngõ.

Đây không phải là lần đầu Vân làm tôi khóc vì tình bạn thâm sâu, cao quý của Vân. Lần đầu là khi chúng tôi gặp lại nhau ở đây, sau 40 năm bặt tin vì mỗi đứa như con thuyền trôi theo những nhánh sông riêng.

Sau trung học, tôi tiếp tục học lên vì không biết làm gì khác. Có lẽ do bản tính mẫn cảm và nhân hậu, Vân chọn theo ngành điều dưỡng. Về sau, có lúc tôi tự hỏi hay là Vân linh cảm trước rồi sẽ phải làm công việc này từ trong nhà ra tới xã hội? Ở cái thành phố Huế nhỏ xíu, mọi người đều quen biết nhau. Gia đình bên chồng Vân là chỗ thâm giao với gia đình tôi. Chồng Vân là bạn học của anh ruột tôi. Chuyện trăm năm của Vân do gia đình hai bên sắp đặt và Vân có hôn nhân hạnh phúc bên chồng với một đàn con hiếu thảo. Cũng như anh em chúng tôi có nhiều hơn một bà mẹ, ngoài bà mẹ sinh, chồng Vân cũng có bà mẹ già. Vân săn sóc, phụng dưỡng các cụ tươm tất, chu đáo, xong mẹ này tới mẹ kia, cho đến giây phút cuối cùng của hai cụ. Nay trong tuổi già của đôi lứa, Vân tiếp tục là người điều dưỡng đặc biệt cho "nửa kia" của mình. Cũng như mẹ Vân ngày xưa, Vân hay cười mặc dầu quãng đời Vân đang sống không phải là quãng đời thần tiên khi tất cả chúng tôi còn là những thiên thần nhỏ của gia đình và cha mẹ chúng tôi không có những nỗi lo âu của chúng tôi bây giờ nơi xứ người.

Món quà bất ngờ Vân cho tôi ngày tái ngộ là hai tấm hình, một hai đứa chụp chung, một tôi riêng. Áo trắng học trò. Tóc kẹp ngang vai. Tôi chắc chính Vân đã vì tình bạn, thu xếp buổi chụp hình này nên xong rồi là tôi quên, không

nhớ nữa. Vậy mà Vân đã cất giữ chúng, đã mang chúng theo với Vân trong mọi cảnh đời, cả trong cuộc di tản kinh hoàng ngày 30 tháng tư 1975, như một kỷ vật không rời.

Thời xa xưa ấy, nữ học sinh đệ nhất cấp chúng tôi lớn lên ở thành phố Huế cổ kính không đứa nào biết trang điểm. Có lẽ Vân đã một mình giành dụm rồi khi đủ tiền thì hẹn tôi (cả Cầm và Giảng nữa chăng?) một buổi chiều nào đó trên đường về học, cùng ghé lại tiệm chụp hình La Cảnh Lưu ở cuối đường Trần Hưng Đạo, ngay khúc quanh vào đường Gia Long, để có những tấm ảnh nay trở thành quá đỗi lạ thường với tôi. Tôi để những tấm ảnh ấy trên bàn đêm đầu giường, những tấm ảnh ngỡ là im lặng, không có tiếng nói nhưng không phải thế. Những tấm ảnh chỉ có hai đứa chúng tôi "ngây ngô như đá cuội" nhưng không phải thế. Tôi nghe từ chúng âm vang những tiếng lặng dội vào bốn bức tường quá khứ xa xôi. Tiếng những đêm mưa dai dẳng, buồn thê thiết trên khu vườn rét mướt. Tiếng những đêm trăng nồng nàn mùi hoa bưởi ru giấc ngủ tuổi thơ tôi. Tiếng chị hàng chè bán rong qua cổng lúc chập tối, áo vá vai, quang gánh nhỏ, lửng lơ mấy hạt đậu ván trong cái âu nước đường trong veo. Và, xót xa ơi, tiếng những mái đầu tóc rậm như rừng chúi vào nhau cười nói râm ran giữa sân trường. Và, nhớ thương ơi, tiếng của cha, của mẹ. Của lời gọi tan vào hoàng hôn khói lam quặn trên nóc bếp khi chén cơm chiều chờ tôi trong bàn tay lam lũ của mẹ. Là những tiếng xưa vô tận phả vào mấy tấm hình bạn tôi đã giữ cho tôi như một sống sót kỳ diệu qua bao nhiêu cuồng phong bão tố của cuộc đời. Là *"Cung đàn ngân buồn xa vắng trong tiếng thầm"* như Văn Cao đã viết trong bài hát Cung Đàn Xưa. Tôi nhìn thấy từ mấy tấm hình cả cái nơi chôn nhau cắt rốn không ngớt đeo bám tôi từ ngày cất bước ra đi vào cuộc đời riêng. Cũng hệt như câu chuyện của mẹ tôi ngày nào, đâu biết một lần đi là mãi mãi chia ly, mãi mãi chỉ còn *"Ngàn lau thấp thoáng bóng kinh kỳ sầu bao la..."*

Bạn ơi, tất cả chữ nghĩa mình có, không thể nào đủ để

tạ ơn bạn, để ngợi ca bàn tay miệt mài vun xới hạnh phúc trong vườn đời của bạn. Bụi hoa ti gôn bạn trồng cách nào trong thổ ngơi xa lạ này, chăm bón cách nào trong thời khóa biểu nhiều lo toan và bận rộn của bạn hiện nay, cặm cụi hà hơi cách nào cho nó tốt tươi để chia sớt cho nhau niềm vui, ôi, có phải đây chính là *"của tin còn một chút này"* giữa ngổn ngang những gì đã mất, là bài thơ đẹp nhất gửi cho quê hương và tình bằng hữu bền vững hơn định mệnh ngắn ngủi của kiếp người?

CHÚT TÌNH CHO NHAU

Bà là một phụ nữ Nhật Bản làm việc trong lãnh vực truyền thông. Bà tới Hoa Kỳ hầu như cùng thời điểm với những người Việt thế hệ thứ nhất nhập cư trong đợt di tản đầu tiên khỏi Sàigòn tháng 4/75.

Với dáng người nhỏ nhắn, thanh mảnh, đôi mắt cực kỳ thông minh, nụ cười ấm áp, giọng nói nhẹ, nhiều âm điệu, bà dễ gây thiện cảm trong lần gặp gỡ đầu tiên. Bà vừa có cơ sở làm ăn riêng tại thành phố Fountain Valley, vừa phụ trách một chương trình thời sự truyền hình trên băng tần nói tiếng Nhật, chuyên phỏng vấn các nhân vật chính trị quốc tế. Phục sức theo kiểu phụ nữ chức nghiệp, giản dị và chọn lọc, bà giao tiếp với phong thái hòa nhã, tự tin và thuyết phục. Là đại diện thương mại cho một công ty sản xuất mỹ phẩm lớn của Nhật, bà muốn đi vào thị trường Việt Nam nhưng không phải chỉ để tiêu thụ sản phẩm mà để giới thiệu phong cách sử dụng những sản phẩm ấy làm đẹp cho người phụ nữ. Bà có những đòi hỏi với tiêu chuẩn nhất định trong câu chuyện trao đổi để tìm đối tác khiến lòng riêng tôi rất ngạc nhiên và ngưỡng mộ. Vừa rồi, bà điện thoại mời tôi và bạn bè đến văn phòng của bà để tham dự một buổi làm "facial" được thực hiện tại đây.

Cũng cùng một cách trang trí tổng quát như nhiều phòng làm dịch vụ chăm sóc da quanh vùng Little Sàigòn mà tôi có

dịp biết qua do nhu cầu công việc: ánh sáng mờ tối, các căn phòng đóng cửa hay có màn che, yên lặng chìm trong tiếng nhạc cổ điển êm dịu, người khách hàng nằm thẳng trên cái giường nhỏ, dưới tấm đắp mỏng, hai mắt nhắm lại. Khác biệt nhỏ là trong phòng này có trà thơm đãi khách khi cần với bộ tách trà bằng sứ thanh lịch, mỏng và nhẹ. Càng mỏng và nhẹ hơn trong không khí tuyệt đối thinh lặng khiến mọi cử chỉ đều trở nên rón rén, cẩn trọng.

Người chuyên viên thẩm mỹ cũng là một phụ nữ Nhật ở tuổi trung niên. Bà có khuôn mặt trần, không trang điểm. Bà đứng ở đầu giường, cả người bà phút giây là hiện thân của một thứ nghi lễ, tập trung, nghiêm nghị. Bà thao tác theo một trình tự thuộc lòng, hết bước này sang bước khác. Tôi nhìn, quan sát, chiêm ngắm hai bàn tay bà, nét mặt bà nhưng không có một ý niệm nào về kỹ thuật bà áp dụng, chỉ cảm thấy thích thú những khi bà đắp cái khăn mặt nhỏ lên mặt người khách hàng, xếp hai góc khăn chéo lại như một búp sen, lần nào cũng giống lần nào, không sai một ly. Mấy ngón tay bà di động mềm mại dọc theo hai bên cánh mũi, xuôi ngược, đánh vòng quanh miệng, quanh mắt, vuốt từ cằm lên hai má, thái dương, tỏa theo đường lông mày. Bây giờ hình dung lại, tôi không thể nhớ hết "lộ trình" những ngón tay huyền ảo của bà được bóng tối sau các rèm cửa phụ họa, đã ru ngủ, đã đánh thức, đã vỗ về làn da trên khuôn mặt bà khách cách nào mà tôi chỉ nhớ nét mặt tập trung cao độ của bà, dường như dồn hết thần lực vào mười ngón tay mù trong một trao truyền, thể nhập trọn vẹn giữa kẻ cho và người nhận. Một tiếng rưỡi đồng hồ trôi qua trong êm ả lãng quên đời. Và, sau khi khách hàng nhận lớp mưa sương phủ lên khuôn mặt giờ đây tươi mát như một đóa phù dung vừa bung nở thì người chuyên viên thẩm mỹ bắt đầu công việc dọn dẹp...chiến trường.

Bước ra vùng ánh sáng bên ngoài, tôi và vài vị khách cùng dự khán ngẩn ngơ nhìn. Tôi thì thầm với người bên cạnh: "Có lẽ thế này mới gọi là làm facial!" Tôi đoán bà

khách ở độ tuổi 60 nhưng làn da mặt của bà giờ đây sáng như một đồng xu mới, mơn mởn và phấn lên như da một quả đào đẫm sương sớm mai. Mỹ phẩm, kỹ thuật, đã hẳn nhiên nhưng không hẳn là tất cả làm nên sự thành công nhường ấy.

Tôi chợt nhớ lại khuôn mặt cô K. trong một lần được thấy cô làm body massage thử nghiệm cho người bạn thân của tôi cách đây khoảng 8 năm, khi cô đang có tâm sự buồn và muốn tìm khuây trong công việc cô đang làm. Tôi đã ghi nhớ trong ký ức mình và sẽ không bao giờ quên hình ảnh cô ngày ấy: đầu hơi cúi, đôi mắt tập trung cao độ, đắm chìm, trầm tư nhìn theo hai bàn tay miết lên những vùng huyệt đạo ẩn dưới vai, cánh tay và sống lưng khách hàng, như muốn gởi vào đó sự quan tâm của cô và lời chúc thư thái, khỏe mạnh đến họ. Trong bóng tối mờ mờ của gian phòng lẩn khuất tiếng nhạc êm ả, tiếng lách cách trong trẻo của những viên đá đen khẽ va vào nhau trong cái nồi điện, đôi mắt cô để lại trong tôi một ấn tượng đẹp, khó quên. Vài năm sau, tình cờ gặp lại cô trên đường phố, cô xưng tên thì tôi mới nhận ra. Cô đẹp lên rất nhiều, vẻ đẹp lồ lộ, tươi tắn và đầy sức sống. Khen tặng. Hỏi thăm. Cô cười trả lời: "Em vẫn làm việc cũ. Cho đi và nhận lại, giản dị thế thôi chị ơi!" Chao ôi, thật vậy sao? Con người giống như cái bình điện xe hơi, jump-start cho chiếc xe chết máy rồi tiếp tục chạy để nạp lại năng lượng cho chính nó?

Bữa nay, tôi thấy lại một phần hình ảnh K. ở người chuyên viên thẩm mỹ Nhật Bản vừa hoàn thành tác phẩm làm đẹp cho khách hàng của bà. Quả nhiên, không có tác phẩm giá trị lớn nhỏ nào được tạo nên mà không có sự gởi gấm chân tình một chút gì nhiều hơn tài năng hoặc kỹ năng chuyên môn đã thành thói quen của tác giả. Làm talkshow thương mại với Daniel Phú, tôi không ngạc nhiên khi nghe cậu chia sẻ: "Em thường chú tâm cầu nguyện rất lâu trước khi thực hiện dịch vụ cho khách hàng. Xin cho họ được vui, được hạnh phúc với những gì họ tìm kiếm. Những ngón tay

thiện nghệ của em vẫn cần được hướng dẫn bởi thành ý cầu mong điều tốt đẹp nhất cho khách hàng." Tôi không biết có một trường dạy thẩm mỹ nào bỏ những gì tôi vừa nghĩ hay nghe nói như trên vào học trình hay giáo án dành cho học viên hay không? Tôi cũng không biết mỗi học viên khi rời trường lớp, bước vào giai đoạn thực hành kiếm tiền, tùy theo tâm lượng và trải nghiệm cá nhân, có ai dựa vào những điều ấy để lựa chọn phong cách ứng xử của riêng họ trong nghề nghiệp hay không? Chắc chắn đây chính là điểm làm nên bản sắc khác biệt giữa những người cùng làm một nghề giống nhau nhưng thành công ở mức độ khác nhau.

Một bản tin trên mạng Yahoo News đi kèm với tấm hình làm tôi chú ý: một bà mẹ mặc nguyên váy áo mầu đen nằm nghiêng trên bãi cát. Ảnh chụp nửa người từ bên phải nên tôi không nhìn rõ dung nhan bà. Bản tin kể, nguyên văn tiếng Anh của Bridgette White, tạm dịch như sau: *"Phản ứng đầu tiên của tôi (bà mẹ) là bất bình. Ai đã chụp tấm hình dị hợm này chứ? Cảm giác vừa thấy ghét vừa tởm lợm tràn ngập, tôi suýt khóc òa. Đúng cái lúc tôi vừa định bấm nút xóa thì con trai tôi bước vào phòng. Tôi hỏi nó ngay: "Con có biết gì về tấm ảnh này không hả?" Hỏi xong, tôi xoay màn hình ra ngoài cho cháu thấy. Nó toác mồm ra cười: "Con chụp mẹ ở Tahoe chứ ai? Mẹ nằm đó, đẹp ơi là đẹp nên con phải chụp thôi!" Tôi bảo nó: "Lẽ ra con cần phải hỏi mẹ trước khi dùng phone của mẹ mà chụp hình." Nó trả lời: "Con biết rồi nhưng mà này, thật tình nhé, mẹ có thấy mẹ đẹp không?" Tôi nhìn lại tấm hình và cố gắng thấy cái gì nó thấy. Con gái tôi vừa đi qua, cũng ghé mắt vào, nó mỉm cười: "Làm postcard được đấy mẹ! Trông mẹ đẹp ghê đi, con thích lắm!" Tôi hít vào một hơi thở sâu, tự nhủ: Đây đúng là cái mình cần. Lỗi tự tôi cứ xăm xoi, xét nét những cái khiếm khuyết, những cái bất toàn. Tôi cần bắt đầu nhìn thấy nhiều cái khác nữa thay vì cứ bị ám ảnh với làn da không còn phẳng phiu trên hai bắp đùi đọng mỡ của mình. Tôi chỉ thấy bà mẹ nằm sóng soài trên bãi cát, không thấy chính bà mẹ ấy đã cùng với con cái mình thăm thú hàng giờ cả thiên nhiên xung quanh hồ. Tôi chỉ thấy đôi cánh tay quá tròn trịa của tôi*

nhưng tôi cũng nên thấy đó là hai cánh tay của một bà mẹ đã giúp con mình leo qua các hốc đá, bước đi trên cát nóng, sao cho những bàn chân non nớt của chúng không bị đau. Tôi chỉ thấy tôi trong quần áo màu đen bởi vì tôi cũng giống như những bà mẹ khác, hầu như suốt đời lúc nào cũng mặc cảm vì thân thể nặng cân của mình. Tôi vốn chẳng bao giờ thanh mảnh cả, chẳng bao giờ! Ngay lúc này, tôi mập nhất kể từ mười năm trở lại đây. Thì đã sao? Tôi chớ nên để tôi bị cầm tù vì số cân của thân thể mình mà hãy bắt đầu mặc áo ngắn, phong phanh mùa hè, mặc áo tắm nơi đông người, cùng các con rong chơi và ngay cả cảm thấy mình cũng hấp dẫn chứ? Đúng vậy! Bạn nghe tôi nói đấy! "Tôi đang cảm thấy tôi xinh đẹp, chao ôi, quá xinh đẹp ấy chứ! Tôi thông minh, sáng láng." Chậc! Không hoàn toàn thế nhưng cũng tương tự thế! Phải chăng vì tôi đang già đi, chững chạc hơn? Phải chăng vì tôi có nhiều điều cần bận tâm hơn là dáng vẻ bề ngoài của mình? Hay có thể vì các con tôi đã nhìn tôi bằng đôi mắt ngưỡng mộ của chúng? Sự thực, không có gì quan trọng cả. Tôi sẽ không ghét bỏ bản thân nữa. Chấp nhận là điều khó và chú tâm vào đó càng khó hơn. Tôi sẽ tiếp tục phấn đấu, không bỏ tập thể dục để được khỏe mạnh. Ngay bây giờ, tôi bằng lòng với thân hình tôi đang có. Tôi chẳng có vấn đề gì khi tự nhìn mình theo cách các con tôi nhìn tôi. Mẹ cảm ơn các con."

Câu chuyện của bà mẹ này cho tôi một bài học thú vị. Tôi vẫn thường có dịp được nghe quý vị cư sĩ Phật giáo am hiểu đạo thâm sâu, nói rằng: "Hình tướng mọi vật trên đời thảy đều hư huyễn, không có gì thật là thế mà chỉ do mắt nhìn và tâm thuận một lúc nào đó. Bởi vậy, cùng một đối tượng, người khen, kẻ chê. Cùng một thanh âm, lúc trong, lúc đục. Cho nên, hãy nhẹ nhàng và dễ buông xả để được an lạc." Bà mẹ nặng cân, quá khổ, vẫn y nguyên. Phút trước, phút sau, thấy mình là ai khác vì tâm được soi sáng cách khác. Hóa ra, con người trong cuộc đời đâu có mãi là nạn nhân của những nỗi đau bên ngoài nó, tưởng như không bao giờ dứt? Chẳng qua con người tự giam hãm mình đấy thôi! Hãy mở cửa đón chờ nhân duyên để "ngộ" một lối ra...

Lúc này tôi thường thích xem các shows tranh tài nấu nướng của các ông/bà chefs chuyên nghiệp hoặc tài tử chiếu trên truyền hình Mỹ. Vài lúc rảnh rỗi, mở TV giải trí, chộp được một show, tôi say mê theo dõi không chớp mắt. Đối với tôi, đây là mội loại thiền tập thú vị, nó cho tôi cảm giác nhẹ nhàng, khinh khoái, lâng lâng như chạm được tay vào hạnh phúc. Tùy theo món ăn dự thi, thường thường thí sinh chỉ có tối đa 15 hoặc 20 phút để hoàn thành. Họ nhanh như cắt, biến chế vật liệu qua nhiều công đoạn chính xác và đầy nghệ thuật. Mỗi món ăn dự thi là một tác phẩm điêu khắc tuyệt tác, màu sắc tươi mát, hài hòa, sinh động, nằm lả lơi, kiêu kỳ, khêu gợi, trên mặt cái đĩa men trắng thật lớn khiến cho thực khách hàm thụ như tôi nhìn mà thòm thèm vì nó mỹ miều quá, hấp dẫn quá, trau chuốt quá và cũng...ít quá! Nhìn chúng, tôi nghiệm ra, ngoại trừ những lúc bà nổi giận, mẹ Thiên Nhiên rất chiều đãi lũ con của bà, cho chúng biết bao của ngon, vật lạ, chỉ cần chúng biết mở mắt ra nhìn để lọc lựa, mang những thứ sẵn có trong trời đất ấy về nhà, kết hợp và tận dụng chúng, cho chúng một dáng dấp, một hương vị bằng khả năng sáng tạo của mình. Có người nói với tôi nấu nướng cũng là một liệu pháp an thần đem lại cho những ông bà "bếp" tài tử sự lạc quan và tình yêu cuộc sống. Nó như một trò chơi thử thách nhiều khả năng khác nhau của một người với phần thưởng vừa no mắt, vừa no bụng. Tôi có một chị bạn cậu con trai út làm bếp rất giỏi, tới mức cầu kỳ. Cậu tốt nghiệp đại học ngành tài chánh, đi làm lương cao, phục sức áo veste, sơ mi cổ cồn, cà vạt là ủi thẳng tắp. Cậu rất thích nấu nướng sau giờ làm việc và mời bạn bè đến nhà ăn uống. Tủ trong nhà bếp của cậu chất đầy những vật liệu thượng đẳng phục vụ nhu cầu ẩm thực. Từ nồi niêu, soong chảo, dao thớt, muỗng nĩa, cậu sắm sửa toàn thứ đắt tiền mà cậu gọi đùa là "đẳng cấp." Quan niệm cũ trước đây có lẽ cho là cậu hơi nhiều nữ tính. Tôi không nghĩ như vậy khi nhìn phong thái làm chủ căn bếp của cậu. Ai đó đã nói "Con đường tới trái tim người đàn ông đi qua cái bao tử." Để bắt đầu, cậu nhìn vào cookbook, sửa soạn

vật liệu, cân đong chuẩn xác rồi xắn tay áo mở lò, mở bếp. Khi món ăn hoàn thành, bày lên bàn, cậu ung dung mời cả nhà thưởng thức công trình của chính mình, chia sẻ với cha mẹ, anh chị em và bạn bè niềm vui chế ngự được mọi bất ngờ để đạt mục tiêu nhắm tới. Mỗi người một câu, bữa ăn trở thành bữa cỗ lớn và phòng ăn nhà họ vui như tết!

Căn bếp sang trọng, tiện nghi ở Mỹ nhắc tôi nhớ lại những gian bếp ám khói ở Việt Nam, cảnh mẹ tôi tất tả mồi lửa, dập lửa trước và sau khi nấu những bữa cơm cho hàng mấy chục người ăn. Mùa đông, củi ướt, mẹ tôi phải đánh vật với củi, nước mắt ràn rụa vì khói cay. Dưới tro than còn lại, mẹ tôi hay vùi mấy củ khoai lang bới từ ngoài vườn vào, ruột khoai bột vàng thơm nức mũi.

Sau ba chục năm ở Mỹ, nếu có ai hỏi tôi thích đi ăn ở nhà hàng nào, món gì? Câu trả lời ngay lập tức của tôi là nhà hàng của đồng hương người Việt với thực đơn Việt Nam. Tuy nhiên, giả dụ có ai đó đề nghị đi một nhà hàng của những thực đơn khác, tôi cũng sẽ rất hân hoan được thay đổi không khí và nếm những hương vị lạ. Khung cảnh các nhà hàng khác nhau cho tôi những không gian mới và những phong cách thưởng thức cuộc sống đa dạng, phải nói là rất thú vị. Những lần đi ăn như thế, bao giờ tôi cũng để ý xem có đồng hương của mình xung quanh không nhưng rất hiếm khi thấy. Ông chủ một tiệm ăn Ý tọa lạc giữa Tiểu Sàigòn nói với tôi ông kinh doanh ở khu phố này nửa thế kỷ, với những ngày đầu tiên phải đứng ngay ở cửa để mời người qua lại mua bánh mì. Có nhiều đề nghị ông chuyển nhà hàng về phía biển, ở đấy với thực đơn đặc sắc của nhà hàng như hiện nay, ông có thể kiếm nhiều tiền hơn nhưng ông không đi. Ông nói ông là di dân, ông yêu mến những di dân người Việt. Ông lưu luyến cái nơi ông lập nghiệp thành công từ thuở hàn vi mới tới. Ông tâm sự: "Tôi có nhiều khách từ các cộng đồng khác, chỉ không có người Việt. Bà có thể giúp tôi mời họ đến được không? Tôi rất muốn được phục vụ họ." Tình cảm chân thật cùng với hảo ý của ông ta

khiến tôi xúc động và hâm mộ. Món sườn trừu nướng của nhà hàng ngon tuyệt vời. Người Việt đến thưởng thức có thể mang theo ít lá mơ là đông tây hòa điệu. Nhà hàng Ý nguyên thủy nhưng ông không dọn bánh mì chấm dầu ô liu pha với dấm balsamic có rắc mấy lá rosemary mà ông có món sauce cà chua tươi, homemade, thơm ngon đặc sắc. Bữa ăn tối của tôi ở đấy thường chỉ gồm mấy khoanh bánh mì chấm xốt này, một chén xúp claimchowder rắc nhiều hạt tiêu, thêm chút ớt Tabasco và tráng miệng bằng một miếng bánh teramisu đặc sản của nhà hàng Renato's.

Mới đây, nghe nói ông đã về hưu, nhường quyền quản trị nhà hàng cho người con trai. Tôi không có dịp nào ghé lại để biết thế hệ nhập cư thứ hai, sinh trưởng tại Hoa Kỳ, tuy vẫn không thể chối bỏ nguồn gốc mình nhưng liệu có còn giữ được tấm lòng lân mẫn với người di dân như thân phụ của cậu hay không?

Thái Hà

Cõi khác

Ngày tôi còn bé, người lớn hay hỏi: "Cháu có sợ ma không?" Tôi thường trả lời: "Cháu không sợ ma, chỉ sợ ăn trộm." Chẳng là ngôi nhà nghỉ hưu của bố tôi ở Bãi Dâu xây trên thửa đất rộng cả mẫu tây, vườn tược um tùm. Ngoài cây ăn trái, vườn nhà tôi còn mùa nào thức nấy, mẹ tôi gieo trồng đủ thứ: bắp, bầu, bí, mướp, su su, khế chua. Năm 1945 đói kém, những người thiếu ăn quanh vùng cứ chờ nửa đêm về sáng, ai cũng say ngủ, thì nhẩy qua hàng rào vào vườn nhà tôi hái trộm quả. Hôm nào không may bị phát giác, họ bỏ chạy tán loạn. Sáng ra, tôi thấy trái su su lăn lóc đầy vườn do bọn trộm vứt lại. Thế nhưng, ma thì tôi chưa từng thấy nên tôi chỉ sợ kẻ trộm.

Những năm thơ ấu ấy, anh tôi được chú Tư, thợ mộc của bố tôi, đóng cho anh cặp cà kheo cao lênh khênh. Tối trăng sáng, anh lấy chăn trải giường trùm đầu, giả làm ma đi nát trẻ con trong xóm, làm chúng sợ, la khóc ầm ỹ. Thế giới người âm, đối với tôi thời đó, nới rộng đến khu mả ông Trạng trên đường Trung Bộ. Dư luận đồn đãi rằng khu này toàn chôn các hài nhi yểu mệnh nên rất thiêng nhưng thực sự, thiêng như thế nào thì cho đến ngày theo chồng rời Huế, tôi chưa một lần được chứng kiến chuyện gì xảy ra. Trong trí nhớ tôi, mỗi lần về học qua khu này, chỉ nhìn thấy trong nắng mưa những nấm mộ thấp tè, tuồng như ở đầu một con ngõ, thỉnh thoảng có ai đó cúng giấy tiền, vàng bạc, kẹo

bánh và cả những giây bông sứ trắng bày ngổn ngang trên đất, trong mấy cái bẹ chuối.

Năm ngoài 30 tuổi, tôi sinh một cháu trai thiếu tháng, không nuôi được. Tôi chôn cất cháu ở nghĩa trang đô thành, xây mộ và dựng bia. Nhiều người bảo tôi lẽ ra không được làm như vậy vì cháu qua đời sớm, có khi u uất và lưu luyến gia đình thì không siêu thoát. Đã lỡ lo cho cháu cách đó, tôi nên quên cháu đi, đừng cúng giỗ. Tôi chưa biết sao thì năm kế đó, tôi sẩy thêm một cháu trai non tháng hơn và mất cháu tại bệnh viện Dung Anh. Mẹ tôi không nói gì nhưng tôi thấy bà lẳng lặng cùng bà nhũ mẫu thuê xe đi tắp mãi đâu, lo liệu cho cháu giùm tôi. Tuần lễ sau khi tôi về nhà, mẹ tôi và mọi người tuyệt đối giữ im lặng, không một ai hé môi nhắc về cháu nữa. Tôi vừa đau buồn, vừa cảm thấy rờn rợn một cảm giác sợ hãi mà không biết tâm sự với ai để được giải tỏa. Mãi lâu về sau, chuyện đã nhạt bớt, có một lần tôi rụt rè hỏi bà nhũ mẫu thì bà gạt phắt đi, chỉ nói ngắn gọn: "Bà và tôi đã lo cho cháu yên ấm rồi, mợ đừng bận tâm nữa." Hai lần sinh nở sau, tôi sinh hai cháu gái.

Từ những biến cố này, tôi mơ hồ có thêm vài ý niệm về một cõi huyền bí khác, bên kia thế giới loài người. Cho đến tháng 4 năm 1979, tôi gửi cháu gái đầu lòng 15 tuổi đi vượt biên và cháu mắc nạn, bấy giờ tôi mới có cơ hội thực sự biết chắc về hiện tượng linh hồn và không gian của những người đã qua đời.

Tuần lễ đầu tiên sau khi cháu mất, một đêm đang ngủ vùi vì ảnh hưởng của thuốc, tôi chợt thức giấc. Nằm mãi không ngủ lại được, tôi trở dậy, định bụng xuống nhà dưới làm một việc gì đó. Khi tôi mở cửa phòng, toan bước ra, tôi thấy cháu mặc quần áo trắng, tóc xõa vai, quay lưng đi xuống cầu thang. Tôi nghĩ cháu đã về nhà, đứng trước cửa phòng ngủ của mẹ và các em lâu lắm nên khiến tôi tỉnh giấc. Người ta thường nói khi gặp người cõi âm (hay gọi là ma) thì da mọc ốc và xương sống lạnh toát. Tôi hoàn toàn không có cảm giác này mà nhớ ngay là cháu đã chết và lòng buồn

vô hạn, thấy cháu tan biến trên mấy nấc thang trước mắt.

Thời gian sau đó, sức khỏe của tôi sa sút trầm trọng. Tôi chỉ còn cân nặng 37 ki lô và hai chân không đỡ nổi thân mình. Một xế trưa, tôi té bất tỉnh trong phòng ăn của ngôi nhà ở Phú nhuận. Mẹ tôi năm ấy 83 tuổi, nghỉ trưa ở nhà ngoài. Hai con nhỏ của tôi đi học. Không ai hay biết tôi lâm nạn. Chừng tỉnh dậy, tôi thấy mình nằm trong bệnh viện Nguyễn văn Học. Cháu Hằng, bạn thân thiết của con gái tôi mà tôi coi như con, vừa cười như mếu vừa kể: "Tự nhiên con nóng ruột quá! Hình như có tiếng H. kêu con chạy qua nhà má vì má bệnh mà bà ngoại không hay. Vậy là con bỏ việc, tuôn về, thấy má nằm bất tỉnh trên gạch. Con kêu la ầm ỹ, hàng xóm đổ tới chở má vô nhà thương. Bác sĩ bắt mạch, nói má không còn mạch nữa. Con khóc quá trời, tưởng má chết. May quá, má tỉnh rồi!"

Vì ốm đau nên tuy đã đặt xong tấm mộ bia cho cháu, định bụng đem xuống chỗ cháu nằm trong khuôn viên đất chùa xã Bình Thủy như đã hẹn với ông lão coi sóc khu nghĩa trang này nhưng tôi không thể đi được. Phải mất gần 6 tháng, tôi mới hồi phục dần. Khoảng đầu tháng tư năm kế, khi chuyến xe lôi vừa thả tôi ngay lối vào xóm, tôi hết sức ngạc nhiên thấy trẻ con, người lớn ùa ra đón tôi, tiếng trẻ con la chói lói: A! Mẹ cô TH về! Mẹ cô TH về! Đoàn người vây quanh, đi theo tôi đến chỗ mộ cháu nằm ven con đường mòn vào sâu bên trong xóm. Tôi ngạc nhiên lần nữa, thấy nấm đất đắp điếm sơ sài cho cháu hồi năm ngoái nay được vun cao và có hàng rào kẽm gai vây quanh. Trên mộ cháu có bánh ít, bánh bò, xôi, thịt quay, trái mận v.v... Dân xóm kể cho tôi nghe cháu rất linh thiêng, ai bán chè cháo ế ẩm ngoài chợ, cứ chạy ra kêu cầu cháu, xin cho buôn may bán đắt thì chỉ một thoáng là hết hàng. Những chuyện này xảy ra tiếp theo sự việc đầu tiên khi một trong hai người tù mà công an xã giao nhiệm vụ đào huyệt chôn cháu đêm tháng 4 năm ngoái, tên là Sơn, được thả ra. Anh ta mua một tấm vé số, đem vùi dưới đám cỏ chỗ cháu nằm, khấn khứa xin cháu

có khôn thiêng thì trả ơn anh, cho anh trúng số để có vốn làm lại cuộc đời. Đến ngày xổ số, anh được toại nguyện với lô độc đắc trị giá $8,000 đồng hồi đó. Tin này loan ra, cả xóm mới đổ xô vào nhang khói cho cháu kể từ sau biến cố ấy.

Đã lâu, dân làng không thấy tôi về qua, ai cũng nghĩ chắc tôi đã đi nước ngoài. Tôi được nghe kể lại, một buổi chiều chạng vạng tối, vài hôm trước ngày tôi khăn gói xuống thăm mộ cháu, khi không cháu về, nhập vào một bà để trả lời mọi người là: "Mẹ cháu chưa đi đâu, mẹ cháu bệnh nhưng mùng 5 này mẹ cháu về đấy!" Vì vậy, khi tôi về tới, mọi người đã biết trước, họ vui mừng chắc không vì gặp lại tôi mà có lẽ vì biết cháu thực sự linh thiêng.

Vì việc gia đình tôi xuất cảnh đi Mỹ do đơn bảo lãnh của anh tôi đang tiến hành nên tôi biết sớm muộn gì, tôi cũng phải cải táng cho cháu, hỏa thiêu và gởi tro cháu vào chùa để tôi được yên tâm cháu nương náu cửa Phật khi tôi đi xa, không thể mang cháu theo. Do đó, 3 tháng sau, tôi trở xuống Bình Thủy làm giấy tờ với chính quyền xã, xin phép bốc mộ. Bà con biết tin này, hết sức ngăn cản tôi, nhất là chị Dung, cán bộ làm việc cho công ty Rau Quả Cần Thơ. Chị khóc sưng cả mắt, cố van nài tôi để cháu lại đây, chị hứa sẽ trông nom mộ cháu tử tế vì chị rất thương yêu cháu. Tôi cảm tấm lòng của chị nhưng ngày ấy, ra đi đâu có hẹn trở về? Vì vậy, tôi cũng khóc với chị, xin chị hiểu dùm hoàn cảnh khó xử của tôi và cho phép tôi được mang cháu đi. "Cháu linh thiêng, ở đâu cũng phù hộ chị và bà con."

Có giấy tờ rồi, về Sàigòn, tôi thu xếp với nhà đòn lo việc cải táng cháu. Các vị phu chuyên bốc mộ cho biết phải khởi hành từ tối hôm trước để kịp hoàn tất công việc trước khi mặt trời mọc lúc 5 giờ sáng tại nghĩa trang. Tôi được dặn đem theo chừng 10 lít nước ngũ vị hương để tắm rửa xương cốt cho cháu và một cái quách dài vừa với thi thể cháu trong trường hợp cháu chưa rã mục hết. Nửa đêm, xe chờ qua phà bắc Mỹ Thuận, trăng sáng vằng vặc trên bến phà giờ đó vắng người và xe cộ lưu thông, tôi đi loanh quanh cho đỡ

chồn chân, đôi mắt mỏi mệt ngước lên trời cao xanh thẳm, nghẹn ngào hỏi thầm: "Dấu chân con đã in ở nơi nào trên con đường này, trong chuyến đi định mệnh mang con ra khỏi đời mẹ?"

Sau phần hương khói cáo mộ, nhát cuốc đầu tiên bổ xuống vào khoảng 3 giờ sáng. Hai người phu rất chuyên nghiệp nên khi vừa ló dạng tấm poncho màu xanh, họ vứt cuốc xẻng, quỳ thụp xuống và dùng hai tay bới tiếp. Tôi chờ đợi sẽ ngửi thấy mùi hôi của xác chết bị khai quật nhưng mọi người và tôi đều ngạc nhiên, không có gì khác trong không khí đồng quê mát rượi mùi sương sớm chúng tôi đang thở. Hai người phu cẩn trọng gom hết những gì còn lại trong hố đất và bưng nguyên tấm poncho gói cháu đặt lên mặt đất. Họ bắt đầu tìm kiếm và xếp đặt. Hai mắt tôi hoa lên, đầu gối khuỵu xuống. Tuy nhiên, tôi còn kịp nhớ đến mấy can nước thơm và nhắc họ. Các anh nói: "Đã mang theo thì dùng thôi, cháu sạch lắm." Và họ đưa một mảnh xương của cháu lên cao cho mọi người cùng thấy, mảnh xương khô, trắng lốp, như một khúc xương giả trong bộ xương cách trí bày ở phòng thí nghiệm. Trong khoảnh khắc bàng hoàng, nửa mê nửa tỉnh, tôi nghe tôi lẩm bẩm: "Con ơi, mới hơn một năm mà con đã tan biến hết, không còn gì của con cho mẹ nhìn thấy con nữa sao?" Chỉ một tích tắc đồng hồ sau khi lời than buột ra khỏi miệng tôi, một trong hai người phu bốc mộ dơ cao một bàn tay vẫy vẫy, mấy ngón của bàn tay kia đưa gần vào mặt tôi một miếng da trắng tươi, dài chừng 5 phân, mặt trong còn bám chút thịt đỏ hồng lấy từ một chỗ nào đó trên di hài của cháu. Trong khi tôi sửng sốt, không thể tin vào mắt mình thì người phu bốc mộ tử tế vừa bỏ miếng da vào trong quách của cháu, vừa nói to: "Để vào đây cho cháu cho đủ."

Công việc hoàn tất đúng như dự liệu. Xung quanh chúng tôi, đã có đông bà con trong làng tụ tập để chứng kiến và tiễn đưa cháu. Chị Dung ôm tôi lần cuối cùng và chúng tôi cùng khóc khi chia tay, biết rằng khó còn cơ may gặp lại.

Về tới Sàigòn, chúng tôi đưa cháu thẳng vào an dưỡng địa Phú Lâm để cháu được hỏa thiêu. Sáng hôm sau, khi tôi trở lại theo hẹn, trên mặt bằng xi măng của an dưỡng địa mỗi bề rộng chừng 5 thước, những cái khay nhôm đầy tro than được đặt nằm thẳng hàng song song bên nhau, ở đầu mỗi khay có tên của mỗi người viết bằng sơn màu đen. Thân nhân được phát cho mấy đôi đũa và được hướng dẫn cách lấy tro của người quá cố. Tro từ xương cốt có màu trắng xám, mỏng và nhẹ, lẫn vào tro từ than củi dùng để thiêu. Tôi cố nhặt hết những gì được xem là còn sót lại của cháu, kể cả những chiếc răng khỏe mạnh và những chiếc răng sâu đã trám, để tất cả vào chiếc bình gốm, thuê nhân viên ở đây dùng xi măng hàn kín nắp bình và gắn chân dung cháu bên ngoài, tên họ, ngày sinh, ngày mất, rồi đem gởi vào bảo tháp của chùa.

Thời gian ở Mỹ, tôi vẫn đều đặn hàng năm gởi tiền về Chùa Ấn Quang (nơi ký vong cháu) và về An Dưỡng Địa Phú Lâm (nơi gởi tro cốt cháu) để nhờ quý vị trụ trì các nơi này hương khói, giúp săn sóc chút di hài của cháu. Năm 2001, tôi về quê hương thăm mộ thân phụ ở Huế xong thì vào nam thăm nơi an nghỉ của con gái. Cái hộp kiếng trong suốt bên ngoài hũ tro của cháu ngày tôi ra đi, sau 15 năm trong một góc tối của bảo tháp, chen chúc với nhiều tro cốt khác tới sau, đã bám đầy bụi đen như bồ hóng hay muội đèn. Quá đỗi thương tâm, tôi vội vàng đóng lệ phí cho chính quyền ở cả hai nơi để xin trích xuất cháu ra. Chúng tôi thuê sẵn xe và trực chỉ con đường oan nghiệt bất ngờ đưa cháu về cõi khác 23 năm trước, tính từ ngày miền Nam Việt Nam thất thủ. Xe tới bến Ninh Kiều, Cần Thơ, chúng tôi xuống thuyền máy trong một buổi trưa nắng chói lòa trên giòng sông Hậu gió lồng lộng. Thuyền ra giữa mênh mông trời nước Tây Đô, tôi ôm bình tro của cháu, đặt nằm nghiêng trên mặt sông cuồn cuộn sóng để gió lùa hết những gì còn lại của kiếp người ngắn ngủi, thả xuống đáy mộ sâu.

Cùng với cháu, một phần xương thịt của tôi cũng mãi mãi ở lại khúc sông này của quê hương một thời tan tác khổ đau.

CÕI TỊNH KHÔNG

Trong đám tang cụ ông, thọ 97 tuổi, cô cháu nội vừa lau nước mắt vừa vuốt lên mặt chiếc điện thoại thông minh, khoe tấm hình cô mới chụp ông bà nội của cô cách đây vài tuần.

Mấy hôm ấy thời tiết Cali lạnh quá, cô đưa cụ bà đến nhà an dưỡng thăm cụ ông vừa được bệnh viện gởi vào. Cụ bà đội khăn len mỏ quạ, mặc áo bông, chống gậy. Hai cụ ngồi trên hai cái ghế bành, như một đôi bạn già cũ kỹ. Mà hai cụ là bạn của nhau thật, một tình bạn bền vững tới 74 năm. Trải bao mưa nắng. Chia nhau bao cay đắng, ngọt bùi. Thương yêu có, giận hờn có, vinh quang, tủi cực đủ điều. Mặc cho dâu bể tang thương, mặc cho núi mòn, sông cạn, quê hương chia cắt mấy lần, hai cụ không bao giờ rời nhau nửa bước. Đàn con 8 đứa khôn lớn, nên người, như những cánh chim bằng bay ra trời cao, đất rộng. Hai cụ như hai thân đại thụ, tựa vào nhau sống an vui trong căn nhà nhỏ, khu vườn nhỏ quanh năm hoa hồng nở ba phía hàng rào. Cuối thu sang đông năm ngoái, cụ ông không được khỏe, phải vào nhà thương rồi vào nhà an dưỡng. Cụ bà mỗi ngày nhờ con cháu đưa đi thăm cụ ông, trò chuyện vui vẻ như khi hai cụ cùng ở nhà. Thấy cụ bà đến, cụ ông chừng như yên tâm hơn. Cụ bà thấy cụ ông ngồi tề chỉnh trước mặt, nghĩ không lâu cụ ông sẽ lại về bên cụ thôi.

Hôm đó, cô cháu nội chợt nghe cụ ông hỏi cụ bà: "Thế

bao giờ thì tôi về nhà?" Cụ bà cười móm mém, trêu cụ ông: "Ông muốn về nhà nào chứ?" Cụ ông ngẫm nghĩ một giây rồi cười mỉm, trả lời: "Về nhà chỗ cột đồng hồ." (Đây là ngôi nhà cụ ông đã sống thời trai trẻ với cha mẹ và các anh chị em ở Hà Nội trước cuộc di cư năm 1954.) Cụ bà cũng mủm mỉm cười, đáp lại: "Nhà ấy bị Việt cộng lấy rồi, không về được nữa, ông quên à?" Cụ ông lại ngẫm nghĩ rồi bùi ngùi nói tiếp: "Thế thì về nhà ở ngõ Phát Diệm vậy?" (Là ngôi nhà hai cụ ở cùng với các con còn nhỏ lúc mới di cư vào Nam) Biết cụ ông lẫn lộn xa gần chuyện cũ rồi, cụ bà cố làm vui cho cả hai người nên giữ nguyên nụ cười, nói chậm rãi: "Nhà Phát Diệm chúng nó cũng lấy rồi, không về được!" Cụ ông lại ngẫm nghĩ thêm một lúc rồi thong thả, ậm ừ trả lời cụ bà: "Thế thì tôi theo bà. Bà ở đâu, tôi ở đấy!"

Trong đám tang cụ ông, trước bàn thờ nghi ngút khói hương, cụ bà thấm nước mắt trách yêu người bạn đời đã về thiên cổ: "Ông bảo tôi ở đâu, ông ở đấy, thế sao ông lại bỏ tôi mà đi? Bây giờ ông đi đâu hả ông?"

Cái tổ chim rơm rạ ấm áp nay chỉ còn con mái vào ra ngơ ngác, thật buồn, thật đau lòng. Cụ bà kể lể: "Đôi chân yếu ở tuổi gần 90, có khi ra thăm vườn, vấp hòn đất cũng té bổ chửng." Cụ ông không làm gì được trong lúc chờ có người tới giúp nâng cụ bà dậy thì cụ mở cái ô, đứng ngay bên cạnh, che nắng cho cụ bà nhưng qua cơn ấy rồi, cụ bà lại vui vẻ chập chững vào bếp luộc bó rau, rán miếng đậu hũ, kho con cá cho bữa ăn hàng ngày của hai cụ. Mỗi buổi sáng trên chiếc bàn trong căn bếp nhỏ, bao giờ cũng có 2 tách cà phê sữa thơm lừng, cụ ông một, cụ bà một, ai dậy sớm thì làm cho người kia. Hai cụ vừa nhâm nhi cà phê vừa đọc báo, xem truyền hình hay nghe radio, bàn chuyện thời sự, chuyện cộng đồng, chuyện nước non. Các cụ thuộc hết danh tính và phong cách của các xướng ngôn viên truyền hình/truyền thanh của cộng đồng, tên các chương trình họ thực hiện và cả giờ giấc phát sóng. Cuộc sống của hai cụ êm đềm như một bài thơ lục bát tưởng chừng không có đoạn

kết. Cụ bà bản tính cương nghị, quyền biến và rất lạc quan, phần nào lây sang cụ ông. Có ai hỏi thăm, cụ bà vui vẻ phân trần: "Tuổi già cao máu thì uống thuốc, ăn nhạt; cao đường, cao mỡ cũng uống thuốc, bớt ăn chè, bớt ăn bánh ngọt, có sao đâu? Cứ là trăm tuổi." Khi cụ ông kêu mệt, cụ bà vừa pha ly nước chanh đưa vào tay cụ ông vừa dỗ dành: "Ông ơi, cố lên!" Con cái đứa ở xa, thỉnh thoảng điện thoại; đứa ở gần vài hôm tạt về thăm, tùy hỷ. Hai cụ không bao giờ phàn nàn hay trách móc.

Kể từ hôm cụ ông cảm thấy trong người yếu hẳn đi, cụ nói với cụ bà: "Tôi sợ không ở thêm với bà được nữa đâu, tôi có mệnh hệ nào, bà ở lại giữ gìn sức khỏe nhé! Đừng kinh kệ cúng lễ cho tôi nhiều quá, phiền nhiễu cho bà và các con cháu." Cụ bà xua tay như đuổi tà: "Ôi dào, nay ông yếu thì mai ông mạnh, đừng có mà nói lôi thôi nó thành gở đấy! Ông đi thì tôi theo chứ ở với ai nữa?"

Thế nhưng số Trời đã định, nào ai thoát khỏi tử sinh? Cụ ông ra đi thật nhẹ nhàng, chỉ như cái quả chín khẽ bứt cuống, lìa cành, chao mình nằm yên trên mặt đất, trong vòng tay mẹ hiền Quan Âm mở ra đón đứa con khôn trở về với cõi tịnh không. Chuyện đã xảy ra thật rồi, cụ bà đã nhìn thấy cụ ông nằm ngủ ngoan hiền, thôi không thở nữa trong áo quan, hai tay xếp lại ngay ngắn trên bụng có tờ điệp quy y; cụ bà đã một tay quán xuyến sắp đặt việc chung sự cho cụ ông, kinh kệ chuông mõ theo đúng nghi thức từ nhà tới chùa, từ chùa ra nghĩa trang, đã lịch thiệp tiếp khách/tạ khách tới thăm viếng; đã thấy sô gai trắng toát trên đầu và xung quanh mình nhưng sao trong mắt cụ cảnh vật cứ loàng nhoàng như những buổi sớm mai ngày nào với con phố nhỏ rịn nước, phủ đầy sương muối ở Hà Đông, những lối vào nhà tuyết ngập lạnh lẽo ở Nữu Ước lèng xèng tiếng xẻng khua thời mới đến Mỹ...

Cụ ông đi rồi, ngôi nhà 4 phòng ngủ trở nên vắng vẻ khác thường. Hàng hiên trước cửa vẫn còn cái bàn sắt, cái ghế sắt và cái gạt tàn thuốc sạch sẽ. Tháng chạp, cây quất

sai quả không có người hái vàng rực một góc vườn, từ ngọn xuống mặt đất. Những gốc hồng hoa mới chen lẫn những đài hoa cũ đã rụng hết cánh, thâm đen, không che hết được nét võ vàng, tiều tụy của khu vườn thiếu bàn tay người chăm sóc.

Không gian xê dịch của cụ bà thu hẹp chừng năm bảy bước giữa phòng ngủ và nhà bếp, tạt qua một góc phòng khách bày bộ bàn ghế khảm xà cừ, đệm gấm đỏ dệt chữ thọ vàng đã lâu không ấm hơi người. Phần lớn thời giờ cụ bà ngồi yên trong phòng bếp, đối diện với ảnh cụ ông trên bàn thờ lúc nào cũng đầy ngập hoa quả tươi, tách cà phê pha lúc sáng sớm mỗi đầu ngày, cái máy truyền hình ở góc bên cạnh mở sẵn, âm lượng vừa đủ nghe dường như để căn nhà bớt im ắng hơn là để cụ bà giải trí. Thỉnh thoảng, tiếng cái cửa nhà xe gầm gừ rít lên, khiến cụ nhìn về phía lối vào từ gara, bâng khuâng không biết cô cậu nào trong số hơn chục người vừa con, vừa dâu, rể sẽ khệ nệ bước ra, tay xách nách mang những thứ cụ thật sự không cần đến nhiều như thế nữa mà họ cứ mua và chất đầy các tủ trong bếp. Trước đây, cụ mặc kệ, chờ hai cô Mễ đến dọn dẹp nhà cửa thì cho họ vì cụ biết họ đông con và cần thực phẩm. Sau này, chỉ còn một mình cụ, con cháu thay nhau làm công việc vệ sinh chút đỉnh vài nơi cụ đặt chân hàng ngày nên cụ không biết làm gì với các đồ ăn thừa thãi ấy, cũng không ngăn được họ mua nên càng buồn phiền nhìn chúng bị lôi ra bỏ vào thùng rác.

Cụ muốn nói với họ rằng có một nơi thật trống trải trong lòng cụ không gì có thể lấp đầy kể cả những thứ họ mang tới và để lại rồi ra về. Cụ nghĩ thầm: "Phải chi lòng cụ giống như cái tủ lạnh để con cái có thể bỏ vào đấy bất cứ thứ gì họ thu góp được bằng cách vội vã ghé qua chợ này, tiệm kia, hy vọng thay thế họ trong ngôi nhà vắng vẻ mà có lẽ họ thầm mong biết đâu cũng có lúc cụ cần?" Cụ thường chép miệng một mình: "Thật tội nghiệp quá! Làm sao các con có thể hiểu được tâm sự của mẹ khi cái khoảnh

đất nhỏ nhoi này là biên giới trôi giạt cuối cùng mẹ đành chấp nhận trên địa cầu nhiều tai ương của loài người?"

Biết cụ kiên quyết gắn bó với nơi chốn sống gởi cho tới lúc thác về này và chỉ có sự chết mới đem cụ ra khỏi đây, không một người con nào dám ngỏ lời đưa cụ vào nhà già. Cái hôm người con cả rụt rè trao vào tay cụ cái dụng cụ báo động cho phép cụ kịp thời gọi cứu cấp lúc cần, cụ mỉm cười hài lòng, âu yếm đảo mắt một vòng nhìn cái khung cảnh quen thuộc với cụ bốn mươi năm qua, những buồn/vui đã trải, những dự tính hay ao ước hình thành bằng tất cả ý chí và nghị lực của cụ, người duy nhất trong cái gia đình đông đảo này thổi sinh khí vào cuộc sống của mọi người trong mọi tình huống.

Có thể cụ sẽ sử dụng đến cái dụng cụ báo nguy tiện lợi ấy (vì bản năng sinh tồn hay vì cụ chưa nỡ rời) nhưng cũng có thể không (vì có hôm cụ không muốn đeo nó vào cổ) bởi đã suốt một đời phấn đấu cam go, không để số phận đẩy đưa, giờ đây đứng trước điểm hẹn cuối cùng, cụ tự biết mình đã cố tới trễ hơn nhiều người khác, kể cả cụ ông mà cụ đang muốn gặp lại, nên cụ sẽ buông tay, hưởng đôi ba giây phút nhẹ tênh, thấy thân thể già nua của mình êm ái trôi theo con nước cuốn đi, may ra về lại được quê nhà.

CỨ LÀ MƠ ƯỚC THÔI!

Chị là một trong số ít hiếm hoi nữ giới người Việt hải ngoại ở độ tuổi ngoài 60, định cư tại Hoa Kỳ, còn giữ được nhiệt tình đối với việc nước non quê nhà. Từ hơn hai thập niên qua được quen biết chị, tôi thấy chị ngoài trách nhiệm mưu sinh và nuôi dạy con, đã dùng hết thời giờ đi tìm gốc gác của tổ tiên người Việt, lịch sử hình thành và phát triển ngôn ngữ Việt. Nhiều bằng hữu không mấy khi chèo kéo được chị vào nhiều cuộc vui đời thường, đã lắc đầu, không dám nói gì hơn là ngả nón khâm phục.

Về hưu, chị càng lặn kỹ. Điện thoại để máy nhắn tin. E-mail lặng ngắt. Tôi được Hội Bảo vệ Di sản VN (VHF) nhờ mời chị tham dự buổi họp mặt của họ, phải lùng sục bằng mọi phương tiện mới nói chuyện được với chị mấy phút qua phone. Như thường lệ, chị sốt sắng nhận lời nhưng khác với mọi khi, chị... bỏ hẹn. Một hôm nào đó, chị bỗng dưng gọi tôi, giọng reo vui như có điều gì khiến chị phấn khích. Chị thanh minh thanh nga chuyện đã qua nhưng mục đích có lẽ để báo tin với tôi chị sắp đi xa, ý chừng không nỡ để tôi lại phải lặn lội đi tìm chị mà bóng chim tăm cá mịt mù.

Sau cùng thì tôi cũng hiểu chị "đi xa" là đi đâu? Chị về Việt Nam. Một chuyến đi được sửa soạn nhiều thời gian và giữ bí mật tuyệt đối, hiểu theo nghĩa là chị muốn giữ riêng cho mình sự nguyên vẹn của một quyết định quan trọng,

được chị một mình cân nhắc kỹ lưỡng và tin là không thể không làm. Tôi có cảm tưởng chuyến đi đã được nung nấu và đợi chờ, không biết bao lâu nhưng cho tới ngày chị nghỉ hưu, để không còn bị thời gian ràng buộc.

Trong tấm hình một người bạn chung chuyển cho tôi qua e-mail, chị mặc chiếc áo blazer màu đỏ, may cắt hoàn hảo, thắt lưng to bản màu đen, xuất hiện tươi tắn tuy ánh mắt đượm buồn, trong tư thế đứng, thân thiện và khiêm nhượng, giữa khung cảnh khá trang nghiêm của buổi nói chuyện với nội dung đại khái về lịch sử phát triển của nhạc bolero qua nhiều giai đoạn, giá trị và sự ngộ nhận. Các chủ đề lớn, mang tính nhân văn hay nghệ thuật, đòi hỏi công trình khảo cứu nghiêm túc và dài hơi là dấu ấn của chị, tôi không ngạc nhiên tuy biết rằng nếu không vì lý do giao hữu lần đầu với quốc nội, chị có nhiều chủ đề lớn khác ưu tiên hơn.

Trích đoạn nguyên văn từ bài tường thuật đọc được trên mạng YouTube viết như sau:

"Cuộc trò chuyện sáng thứ Bảy 20/1/2018 tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn với đề tài BOLÉRO, DI SẢN ÂM NHẠC TRONG DÒNG CHẢY VĂN HOÁ CỦA CƯ DÂN NAM BỘ khá đông thính giả, gồm cả người trẻ lẫn người không còn trẻ, cả sinh viên và nhà báo lẫn những người làm việc ở các lĩnh vực không phải văn hóa nghệ thuật, đã diễn ra trong một không khí hào hứng và thân tình hết sức đáng quý. Có lẽ những người tới đây đều thật sự muốn biết thêm thông tin về văn hóa miền nam, muốn tìm hiểu tường tận một vấn đề đang nóng. Chỉ tiếc là khán phòng khá nhỏ khiến nhiều người phải đứng ra hành lang, và một số phải ra về."

Hiện tôi chưa có hồi âm nào từ buổi thuyết trình của chị. Về mặt hình thức, tấm hình không cho thấy toàn bộ khán thính phòng nhưng ở góc độ bên cánh trái diễn giả, ngồi phía sau mấy chiếc bàn gỗ đỏ là hai bạn trẻ, một nam, một nữ, hai vị tuổi trung niên mặc thường phục tề chỉnh, cho phép người nhìn đoán ra sự đón tiếp trang trọng vừa đủ ban

tổ chức dành để đáp lại thiện ý của người khách phương xa về thăm cố quốc. Căn cứ trên các thông tin đi kèm bài tường thuật, người đọc hiểu rằng buổi gặp gỡ qua nghìn trùng sông núi địa dư và lòng người này được thu xếp giữa hai người bạn FB có cùng tâm nguyện muốn thực hiện giấc mơ nối vòng tay lớn, mong hàn gắn mọi đổ vỡ thương đau của một dân tộc bị cuộc chiến tranh ý thức hệ làm chia ly. Tôi nói điều này với ít nhiều tiêm nhiễm một nét văn hóa nhân bản đáng yêu của người Mỹ: "Khi chưa có bằng chứng nào ngược lại, hãy cho đối phương được hưởng "sự nghi ngờ," benefit of doubt. Tôi muốn tin vào tình cảm chân thành giữa hai người bạn có chung một nguồn gốc lịch sử.

Cũng căn cứ trên thái độ chuẩn bị chuyến đi của bạn tôi "vào nơi gió cát," áp Tết Mậu Tuất 2018, món quà Xuân bạn tôi mang về cho người ở quê hương là chân tình và thanh lịch, đủ để khơi gọi niềm tin ban đầu. Tình tự này khiến tôi ngậm ngùi nhớ lại một kỷ niệm không vui mới đây, hồi cuối năm ngoái, 2017, khi một người cũng gọi là "bạn" từ trong nước ra, đem theo món quà văn học nghệ thuật có tên là "40 Năm Thơ Hải Ngoại," trao tặng chúng tôi dưới hình thức một "nghĩa cử" đầy chua chát.

Theo tựa sách, tuyển tập được xem là một tập hợp nhiều tác phẩm của nhiều nhà thơ sống và sáng tác tại hải ngoại qua bốn thập niên lưu vong, được người trong nước thưởng thức nên đã ưu ái tổ chức in ấn để cổ vũ việc giao lưu văn hóa giữa các văn thi hữu đồng hội đồng thuyền. Chúng tôi theo chân một nhà thơ có tên trong tuyển tập đến tham dự buổi ra mắt với niềm vui và sự hứng khởi tràn ngập lòng, bỏ qua mọi nghi ngại thường lệ. Tuy nhiên, dường như sự thật chỉ có một và sẽ muôn đời vẫn cứ là cái một khó di dịch ấy. Tất cả chúng tôi, người ở gần, người ở xa, lục tục đáp máy bay hay tự lái xe đường trường vạn dặm về quận Cam trong một ngày nắng đẹp tháng 9 chỉ để chạm mặt với sự bẽ bàng khó hình dung ra dù chỉ một phút trước giờ khai mạc.

"Anh bạn thơ" đến từ Việt Nam, trịnh trọng tuyên bố

rằng tuyển tập có mặt hôm nay do trong nước thúc đẩy hình thành và hoàn tất dự án. Ra là thế, vỡ lẽ rồi, chúng tôi xin vô vàn cám ơn anh bạn thơ hào hiệp đang đứng ở bục phát biểu để nhận tiếng vỗ tay của người tham dự. Chúng tôi sẵn sàng vỗ tay thêm nhiều lần nữa nếu như nội dung tuyển tập phản ảnh đúng sinh hoạt 40 Năm Thơ Hải Ngoại. Tiếc thay, thực tế thật đáng buồn. Mặc dầu ban chủ biên cố minh xác về sự thiếu vắng trong tuyển tập nhiều tài thơ lẫy lừng làm đẹp dòng thơ hải ngoại suốt bốn mươi năm buồn vui quê người bằng vài lý do không thật xác đáng, cốt lõi của vấn đề là trong những điều kiện khập khiễng ấy, vì sao tác giả vốn là một nhà phê bình thi ca có tiếng tăm lại phải nhận trách nhiệm về một quyết định tắc trách, vượt quá vai trò của mình như thế? Chưa hết, để vấn đề bỗng dưng trở nên trầm trọng khi ông đặt dự án lớn lao ôm ấp trong 5 năm này, theo cây bút phê bình không khoan nhượng Trần Trung Thuần trên trang mạng Hợp Lưu, "dưới sự **chỉ đạo** của hai thi sĩ trong nước là Hoàng Hưng và Ý Nhi," cũng là ghi nhận khách quan của thính chúng có mặt trong buổi họp mặt ra mắt tác phẩm. Đây là sự thật, không phải tin đồn thất thiệt vì ông Hoàng Hưng đã đích thân "kể công" không úp mở ngay trong buổi ra mắt cuốn sách 40 Năm Thơ Hải Ngoại ngày 3/9/2017 tại Little Saigon. Một nhà thơ di tản ngày 30/4/75, có cả một gia tài Thơ đồ sộ và đa dạng, được ban chủ biên chiếu cố đưa vào tác phẩm nhưng chỉ khi cầm được sách mới ngẩn ngơ thấy mình trong mấy bài thơ đẫm lệ chiến tranh do nhà xuất bản chọn lựa giùm.

Nghĩ về "mối nhân duyên" làm lòng tôi quặn thắt như nói trên, tôi không thấy có lý do nào khác hơn đằng sau bi kịch này như chính tác giả cuốn sách đã trần tình: đây là cơ hội hiếm hoi để người viết trong nước và ngoài nước cùng hợp tác.

Nỗi buồn đau cám cảnh của tôi không nhỏ mọn, thấp hèn vì một chút kèn cựa hay tỵ nạnh hơn kém trong cái gọi là tương quan "hợp tác" giữa ngoài nước và trong nước mà

ở chỗ chúng ta không có cái kiên tâm, cái lãnh đạm cần thiết để nói không trước sự lập lại những kinh nghiệm đã biết trước là sẽ chua chát, thậm chí đắng cay. Dường như chúng ta không đau đớn đủ hay vì quá đau đớn nên cứ để trái tim mình bị ước mơ dẫn dắt, tin người như tin cái bóng chính mình, thất vọng rồi lại sẵn sàng quên và hy vọng lần tới...

Tôi càng buồn thấm thía, thương người bạn áo đỏ cùng tấm lòng son sắt của chị dù xa xôi, cách trở thế nào vẫn chưa hề nguôi quên tình yêu quê cha đất mẹ, vẫn không ngừng gắn bó với đồng bào cùng một bọc sinh ra, đã không tiếc những ngày vàng nghỉ hưu, đã hy sinh vùi thân vào công việc sửa soạn chuyến đi Việt Nam cho kịp cái hẹn ngày 20/1/2018 tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn mặc dầu chị cũng đã có mặt trong buổi ra mắt sách hy hữu giới thiệu 40 Năm Thơ Hải Ngoại, đã nghe ông Hoàng Hưng hân hoan nói về kinh nghiệm hợp lưu hai dòng chảy văn học/nghệ thuật trong và ngoài nước. *"Nhà Bè nước chảy chia hai,"* câu ca dao Nam Bộ hằng trăm tuổi nghe mà não lòng.

Tôi thực sự không biết chị đã tự mình chọn cái chủ đề âm nhạc đặc thù của cư dân Nam bộ làm lý do cho chuyến đi, làm món quà yêu thương cho một lần về hay chị đã nhận sự gợi ý này để mong tìm lại chút hơi hướm quê hương mà chị đã thiếu vắng suốt bao nhiêu năm lưu lạc, đã suýt chết trên đường đào thoát để nhận ra nơi mình bỏ đi vẫn là nơi mình để lại quá nhiều mơ ước dở dang, rất khó mà dứt khoát quay mặt bước ra.

Bỏ qua mọi trở ngại địa dư và lịch sử, bỏ qua mọi đè nén của hoàn cảnh nghiệt ngã, cái lỡ làng ngăn cách lớn nhất cho giấc mơ hòa thuận của chúng ta, những đóa hướng dương nhìn thấy mặt trời ở hai phương hướng có múi giờ khác nhau, hoặc xin phép mượn ai đó câu ví von, *"những người tình như những con tàu được đặt trên cùng một tuyến ray đối đầu nhau,"* sẽ mãi mãi là cái lỡ làng của người hành khách chậm chân 5 giây đồng hồ trên sân ga. Ấy là nói cho văn vẻ, thực chất, chúng ta trong và ngoài nước, thở những khí hậu

khác nhau nên đã quá khác nhau từ máu trong buồng phổi, trong trái tim, thị chứng rõ qua hai câu thơ tiêu biểu của Tố Hữu thời cách mạng, được nhà phê bình Trần Trung Thuần trích dẫn để kết luận bài viết của ông trên Hợp Lưu:

Tôi giẫm giầy đinh trên thành phố Huế
Lòng dửng dưng không chút cảm tình chi.

Còn tôi và các bạn Huế khác của tôi, biết đến bao giờ mới thôi sụt sùi khi nghĩ đến Huế hay nói về Huế, khi nghe bản nhạc Chuyện Chiếc Cầu Đã Gãy của nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng vẫn được hát lên đó đây, nói chi đến giẫm giầy đinh lên những hè phố thân yêu ấy mà lòng dửng dưng như gạch đá dưới chân. Mà, ngay cả gạch đá, làm sao biết chúng không đau?

CUỘC HÍ TRƯỜNG

"*Tạo Hóa gây chi cuộc hí trường,*" câu thơ đầu trong bài Thăng Long Thành Hoài Cổ của Bà Huyện Thanh Quan đã khắc ghi đậm nét trong trí nhớ tôi từ những năm ngồi ghế trung học đệ nhất cấp, giờ cổ văn với cô Hòe lớp đệ ngũ trường Đồng Khánh. Đối với tôi ngày ấy, câu thơ không chỉ thuần là câu thơ nổi tiếng của một bài thơ nổi tiếng trong văn học sử nước nhà, được viết xuống bởi một bậc nữ lưu thi tài lỗi lạc, ngẫu hứng khi về qua cố đô một buổi chiều phai nắng, nhìn cảnh vật tiêu điều qua bao lớp sóng phế hưng:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

Mà hơn thế, câu thơ còn diễn đạt nỗi ngậm ngùi trước những cảnh đời đổi thay hệt như những màn kịch trên sân khấu, khiến tôi không khỏi ngạc nhiên và thầm cảm phục nhân sinh quan đầy đạo vị của nhà thơ ngày ấy. Sau này khôn lớn, bản thân chứng kiến thế sự thăng trầm, tôi vẫn đọc thơ bà để suy ngẫm. Bị bứng khỏi đất lề quê thói như một cái cây trốc gốc trôi theo cơn lũ thời cuộc ra đại dương, nhiều khi tôi trạnh lòng nhớ về hoàng thành cổ kính ở Huế, nơi bắt đầu và chấm dứt triều đại nhà Nguyễn qua 13 đời vua và 143 năm trị vì trên ngai vàng. Bến Thương Bạc, lầu Ngọ Môn, điện Thái Hòa, cung An Định, phủ Bà Chúa Nhất, Cửa Đông Ba, Cửa Thượng tứ, hồ Tịnh Tâm. Đức Từ

Cung, Hoàng đế Bảo Đại, hoàng hậu Nam Phương, hoàng thái tử Bảo Long. Những phương danh quen thuộc, những địa danh ghi dấu một giai đoạn lịch sử với nhiều biến thiên làm nên một Việt Nam minh châu trời đông rạng ngời gần hai thế kỷ, nay đâu rồi những người muôn năm ấy? Nay đâu rồi những áo mão, cân đai, lọng vàng, xa mã, một thời lung linh sắc màu và hạnh phúc, một thời vinh quang và một thời tủi nhục? Tất cả xóa đi, chỉ còn trơ lại cái bàn cờ cũ kỹ xếp vào trầm hương cổ tích. Chỉ còn linh hiển một vầng trăng xanh biếc không nơi nào tôi đi qua trên mặt đất này có một màu trăng "gọi hồn Thục đế" huyền ảo như thế.

Vở kịch đã hạ màn. Nhân vật đã ra khỏi sân khấu. Để lại một hậu trường ngổn ngang hoài niệm, hoen ố và buồn bã. Để lại những khán giả hậu sinh như tôi lạc loài phương trời, đem theo mình nỗi u hoài khiến nhìn đâu cũng tưởng chừng chan chứa biệt ly.

Ngày chủ nhật 14 tháng 5/2017, dưới bầu trời Paris trong xanh và nắng vàng trải lụa khắp nơi, lễ nhậm chức của Tổng thống Emmanuel Macron diễn ra trang trọng tại điện Elysée với tất cả vẻ đẹp của một nước Pháp cổ kính. Ông rời nhà riêng để tới nơi hành lễ trên chiếc công xa bóng loáng, được hộ tống rầm rộ bởi đoàn mô tô của cảnh sát chạy theo đội hình trên đại lộ Champs Elysée sạch như vừa được dội nước, qua những vòm cây xanh mướt bên lề đường trang hoàng nhiều cờ tam tài tung bay trong gió. Dân chúng vui vẻ tụ tập phía sau cái rào gỗ thấp để vẫy chào tổng thống mới của họ. Trên các bao lơn những ngôi nhà gần khu vực hành lễ, nhiều gia đình tề tựu, người lớn tay cầm biểu ngữ viết lời chúc mừng.

Thảm đỏ trải từ chỗ xe dừng bánh tới tận thềm điện Elysée. Tân tổng thống đắc cử đi những bước dài, chững chạc, tự tin, gót giầy chạm đất trước, mũi giầy nhấc cao, đều đặn, là cách đi của người muốn làm việc khó và làm thành công, bền lòng, tự chủ, kỷ luật, chăm chỉ. Tổng thống mãn nhiệm Francois Hollande đứng chờ người kế vị trên thềm

cao, nét mặt căng thẳng, đôi lông mày khẽ cau không biết vì nắng chói hay vì những giây phút đợi chờ bao giờ cũng dài quá. Họ bắt tay nhau, mở ra cánh cửa phân định vị thế của mỗi bên. Họ sẽ cùng đi một chặng đường thật ngắn để tới nơi bàn giao chính quyền rồi cánh cửa sẽ đóng lại sau lưng một người. Chiếc công xa đổi vị trí, mũi xe bây giờ hướng ra cổng. Hai tổng thống một cũ một mới từ biệt nhau ở cuối cái thảm đỏ, một chút buồn vội vàng trong mắt người rời đi, một chút bâng khuâng trong mắt người quay lại cái chỗ họ vừa bắt tay chào nhau và tân tổng thống thấy mình đang ở ngày thứ nhất trong vị thế của người ông vừa từ giã.

Trong đại sảnh điện Elysée, đông đảo khách mời tham dự lễ nhậm chức của tân tổng thống kiên nhẫn đứng hàng giờ đồng hồ chờ ông xuất hiện sau nghi thức bàn giao. Nước Pháp từng trải qua chiến tranh, từng bị đoàn quân chiến thắng chiếm đóng nhưng may mắn làm sao, các đền đài, cung điện ở Paris vẫn giữ nguyên kiến trúc lộng lẫy mang dấu ấn của nền văn minh cổ đại La Hy. Trần nhà cao, chạm trổ tinh vi. Những hình tượng điêu khắc tuyệt kỹ. Những chùm đèn trần pha lê lấp lánh sáng. Khung cảnh tráng lệ của triều đình Pháp hiện diện nhiều thế kỷ hôm nay mở màn phiên bản mới với dàn diễn viên mới, vở kịch đã diễn ra nhiều lần ở đây. Những toán quân lính trực thuộc phủ Tổng thống bồng súng gắn lưỡi lê sáng bóng, dàn chào trong quân phục thời Nã Phá Luân, giầy ống cao, quần chẽn, nón chóp với chùm lông ngất ngưởng, nón sắt kiểu La Mã hoặc mũ nồi kiểu thuộc địa, ngù vai, giây biểu chương, trông rất đẹp mắt trong ngày hội lớn.

Quả nhiên, khung cảnh lễ nhậm chức của tổng thống thứ 8 trẻ tuổi nhất trong lịch sử nước Pháp có đủ tình tiết và các yếu tố thẩm mỹ của một vở kịch lớn. Tôi bâng khuâng tự hỏi liệu cái sân khấu ở điện Elysée sáng nay có liên quan nhân quả gì tới cái sân khấu nhỏ ở ngôi trường trung học tỉnh Amiens, nơi cậu học trò 15 tuổi Emmanuel Macron được cô giáo môn kịch nghệ cố vấn trong một vai diễn, kh-

iến cậu khám phá cùng một lúc vừa tư chất bản thân vừa tài năng của cô giáo ra đời trước cậu 24 năm? Emmanuel gọi mối tình của ông và cô giáo là sự bí ẩn lạ thường, có nghĩa là chỉ một mình ông biết nguyên do để tự giải thích với mình.

Ở khắp nơi, người ta thấy không ít những cuộc hôn nhân so le tuổi nhưng chúng có những động lực bắt nguồn từ vài nguyên nhân đời thường: nhan sắc, dục tình, lợi lộc, danh vọng, tiếng sét, sự thách đố..vv.. Hầu như không một đôi lứa nào trong cảnh ngộ bất thường ấy gắn kết vào nhau bền chặt và đạt tới một sự nghiệp chung lẫy lừng như tân Tổng thống Pháp Emmanuel Macron và đệ nhất phu nhân Brigitte Trogneux. Hình như Tạo hóa trớ trêu tạo ra người này cho người kia nhưng bắt họ, những con người ngoại khổ, phải trả một cái giá không dễ dàng. Cả hai có 15 năm để tự vấn về tình yêu của họ, trong sự sáng suốt tuyệt đối. Trả lời phỏng vấn của báo chí, ông Macron nói: "Chúng tôi quyết định không có con vì sự chênh lệch tuổi tác, tôi còn quá trẻ…" Về phần bà Trogneux, bà ý thức rõ sự già nua của mình trên hai cánh tay để trần, trên khuôn mặt đầy dấu vết thời gian, không cần đi mỹ viện, không cần bất cứ hình thái che đậy nào. Bà nói với ông: "Nếu ông định ra ứng cử tổng thống thì đừng chần chờ nữa, mười năm tới ông sẽ có vấn đề với khuôn mặt của tôi đấy!" Rõ ràng ông Macron không nhìn vợ bằng con mắt của những người đứng ngoài sự bí ẩn của họ. Trong mắt ông, bà là hiện thân hoàn hảo những gì ông muốn có, cần có trong cuộc đời. Không già. Không trẻ. Không xấu. Không đẹp. Là giấc mơ kỳ lạ nhất, khó nhất, trở thành hiện thực. Cả hai không chỉ kề cận, cũng không chỉ là hai nửa ghép lại. Họ thẩm nhập vào nhau, liền lặn, toàn vẹn, tuyệt đối, không có chỗ cho bất cứ thứ gì ở giữa. Với họ, trở thành vợ chồng là trong ý nghĩa ấy. Người đàn bà có thể kháng cự với cám dỗ hay đe dọa nhưng rất khó từ chối định mệnh lạ thường khi nó gõ cửa.

Xử sự trước đám đông của tổng thống và vợ ông biểu tỏ sức mạnh phi thường của niềm tin, của tình yêu có lựa

chọn, cam kết và trách nhiệm, một thứ hạnh phúc tín thác trong bình an giúp họ vượt qua mọi dị nghị/đàm tiếu vốn thường xảy ra với mọi đôi lứa không chỉ vì một lý do chênh lệch tuổi tác.

Các thủ tục và nghi lễ chuyển giao quyền hành tại điện Elysée giữa cựu và tân Tổng thống chấm dứt khi bầu trời bên ngoài thả xuống Paris những hạt bụi nước của cơn mưa nhẹ cuối xuân. Theo phong thủy, là dấu hiệu phát triển phồn thịnh cho sự nghiệp chính trị của Tổng thống với các tiêu chí ông theo đuổi: phục hồi tư thế của một nước Pháp vững mạnh trong khối liên Âu, an ninh và đoàn kết tiến bước trong thời đại toàn cầu!

Khách dự lễ lác đác ra về dưới những cái ô xinh xắn và cơn mưa "làm phép" nhanh chóng tạnh, trả lại nắng vàng trên đại lộ Champs Elysée, Khải hoàn môn uy nghi, ngọn lửa thiêng trên nấm mộ người chiến sĩ vô danh Tổng thống vừa thắp lên, vòng hoa vinh danh Tổng thống để lại với lòng biết ơn và cuộc diễn binh theo truyền thống có những con tuấn mã gõ móng xuống mặt đường, là hình ảnh của hàng hàng lớp lớp tuổi trẻ sẵn sàng bước ra khi tổ quốc kêu gọi.

Xin chúc lành đến Tổng thống, gia đình và sự nghiệp của ông. Ở bước ngoặt lịch sử này, rồi ra Tổng thống sẽ phải một mình một ngựa xuất hiện ở nhiều nơi, bắt đầu với chuyến công du Đức quốc nhưng chúng tôi biết, dù ở đâu, trong hoàn cảnh nào, người đàn bà của ông vẫn hiện diện trong tim ông, nồng ấm và chói lòa như đã thế suốt những năm tháng qua.

Nếu cuộc đời là một sân khấu lớn có lúc buông màn, vì sao mỗi người không là một diễn viên sống đẹp và sống trọn vai trò của mình?

ĐÃ QUÊN HAY CÒN NHỚ?

Cho đến nay, đã nhiều người từng biết, từng xem hình ảnh, thậm chí, từng đi qua thắng tích kỷ niệm các anh hùng tử sĩ đã hy sinh trong cuộc chiến Đông Dương kể từ 1945, một công trình được xây dựng với nhiều tâm huyết, bằng xi măng, đá tảng, sừng sững trong không gian bát ngát của rặng núi Rocky, Colorado.

Không có nhiều người chứng kiến lúc nó bắt đầu, cách thức khiến nó nên hình nên vóc, lúc nó hoàn thành sau chặng đường 10 năm, từ cái buổi sáng một cựu trung tá hồi hưu quân lực Hoa Kỳ bước vào cửa tiệm đá của ông Donelson ở Rocky Ford. Đối với dân thể thao thích đi bộ ven núi, khi bất ngờ chạm mắt vào khu tượng đài ở một nơi hẻo lánh, giữa bốn bề cỏ cây tịch mịch, trời đất hoang vu, đã giật mình kinh ngạc vì tầm vóc, kích cỡ của các khối đá hình thành nó, không một chỉ dấu nào về xuất xứ ngoài mấy cái địa danh xa tít mù tắp bên trời Á, những câu danh ngôn bằng nhiều ngôn ngữ chạm khắc bằng tay trên 36 phiến đá tảng màu xám nhạt, to hơn những mộ chí bình thường và đặt rải rác trong chu vi 30 bộ xung quanh tượng đài. Là một bí ẩn lạ thường.

Tháng 10 năm 2013, một video về tượng đài chiến sĩ trận vong này xuất hiện lần đầu trên YouTube, đã lôi cuốn 66,000 lượt người truy cập vào. Tra cứu tài liệu sở Kiểm Lâm Hoa

Kỳ tại địa phương, không thấy bất cứ một thông tin hay chỉ dẫn nào. Vẫn chỉ có những người thích môn thể thao đi bộ xuyên rừng núi tình cờ bắt gặp rồi truyền miệng nhau con đường tới đây theo trí nhớ được trực giác hỗ trợ thay vì bản đồ. Với dân lướt mạng gà mờ, chậm lụt như kẻ viết bài này, phải chờ tới lúc được bạn gởi cho cái link vào Facebook của một đôi vợ chồng Mỹ trẻ mê hiking thì mới biết đến nơi chốn linh thiêng, chạm vào hồn sông núi Việt Nam kia!

Hôm trước, người chồng đi rừng cùng vài người bạn, ngẫu nhiên phát giác kiến trúc kỳ lạ này. Khi về lại nhà, anh kể cho vợ nghe. Người vợ hiếu kỳ, muốn được chồng đưa tới tận nơi để "thập mục sở thị." Người chồng hơi ngần ngại, sợ không tìm ra con đường bọn anh đã đi không chủ ý nhưng chiều lòng vợ, anh chỉ giáo đầu là có thể khó khăn song anh sẽ cố nhớ. Vì lộ trình khá xa, vài chục dặm nên họ bảo nhau dùng xe gắn máy và họ nai nịt áo mũ an toàn rồi lên đường.

Qua mô tả của người vợ trên Facebook, con đường mòn trườn lên núi dốc cao, nhiều đoạn gập ghềnh, chật, mấp mô, khó di chuyển, chồng phải lái chiếc xe phân khối to hơn của anh lên trước, tìm chỗ đậu rồi trở xuống, chạy giùm xe của chị và chị lội bộ qua khúc đường này. Đã có lúc họ thất vọng, tưởng không tìm ra dấu lông ngỗng My Châu thì họ thấy thấp thoáng tượng đài qua rặng cây thưa, không thật sự vĩ đại, chỉ lạ mắt, đứng chơ vơ giữa cái tam giác bằng đá xếp chồng lên nhau, có thể hiểu là ẩn dụ tượng trưng ba nước Việt-Miên -Lào, làm thành bức tường thấp chừng qua khỏi đầu gối. Trên chóp tượng đài bằng phẳng, có một vật trang trí nhìn trong ảnh không rõ, có vẻ là mô hình khẩu bazooka thu nhỏ như đồ chơi. Ở một mặt bia, trên cùng, là hai chữ "Soldier Stone" hàng dưới là ba chữ "In Memory of" hàng dưới nữa là nhóm chữ dài hơn: LONG WARS LOST and the Soldiers of " dưới nữa là hai chữ VIET NAM tô đậm, nổi bật. Dưới nữa, là hai câu văn xuôi, đọc lên nghe như thơ: *"Nếu khóc than mà có thể biến đổi được tiến trình sự*

việc/thì dòng lệ của tôi sẽ đổ xuống không ngừng cho đến ngàn thu." Trên mặt phiến đá tiếp theo cùng chiều thẳng đứng, khắc câu: "Still in Death lies everyone and the Battle lost." Và phiến đá trước phiến đá cuối cùng để trống, có chữ SACRIFICE, cũng tô đậm.

Các từ chọn lựa và câu trích dẫn bằng tiếng Việt chứng tỏ tác giả công trình này rất tinh thông cả hai ngôn ngữ Anh/Việt. Chắc cũng không ai khác ngoài chính tác giả với phần chia sẻ tâm tư bày tỏ niềm hối tiếc khôn nguôi về diễn tiến xảy ra trong cuộc chiến Việt Nam mà tác giả từng hăng say trong nhiệm vụ huấn luyện binh sĩ, thúc đẩy họ cầm súng ra trận để sau cùng, thấy xót đau máu xương đổ xuống cho một lý tưởng hão huyền và một niềm tin khờ khạo. *"Sự chết đã vùi chôn mọi sinh linh vào tịch mịch* và *cuộc chiến* đã *mất"* để chỉ còn lại chữ hy sinh cao quý nhưng vô nghĩa mà nhiều thế hệ người dân nhược tiểu sau này nên lấy làm bài học của thời mạt sử.

Giờ đây, người ta đã tìm ra tung tích nhân vật bí mật quyết tâm bỏ công sức, bỏ tiền bạc, bỏ thời gian một thập niên từ 2005-2015 để xây lên đài tưởng niệm này, ở một địa thế tuyệt đẹp và hẻo lánh trên núi đồi Colorado, ngày đêm chỉ có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, mây và gió phủ lên nó ánh sáng, bóng tối, mùi cây cỏ dại khắp xung quanh, xa lánh chốn bụi hồng.

Năm 1973, sau 11 năm quân vụ tại Việt Nam, Trung tá lục quân Hoa Kỳ Stuart Allen Beckley về hưu, một năm sau khi cuộc hòa đàm 4 bên nhóm họp tại Paris kết thúc nhằm khép lại cuộc chiến tranh Việt Nam để Mỹ rút chân ra một cách thanh lịch và trong danh dự. Những cái mặt nạ sân khấu nửa đêm về sáng phấn son nhếch nhác, nhìn gần ở góc độ của Trung tá Beckley, tất đoán thấy sự thật chung cuộc. Ông về Mỹ, mang theo nỗi ngậm ngùi tiếc thương các đồng ngũ của ông với nhiều quốc tịch, đã tình cờ gặp nhau, chia nhau một quãng đời với nhiều mơ ước đẹp cho một lý tưởng họ cùng theo đuổi, khác nhau ở chỗ các đồng ngũ ấy,

nhất là các chiến hữu Việt Nam của ông, sau khi ông đi rồi, sân khấu chưa thực sự hạ màn, hý viện chưa thật sự tắt đèn, họ vẫn ung dung cống hiến đến giọt máu cuối cùng cho Tổ quốc oan khiên. Họ về đất, *"rải rác biên cương mồ viễn xứ,"*[1] và ông trở về quê hương với một cõi lòng đầy thương tích, sống những năm tháng còn lại của đời mình trong ray rứt, không thôi nghiền ngẫm ý nghĩ phải làm một cái gì để sự hy sinh kia được nhìn nhận.

Ông sống ở Texas nhưng gia đình sở hữu đất đai ở Westcliffe, Colorado, nơi rặng núi Rockies là lời gọi chân mây đầy quyến rũ cho những ai từng nghe tên nó. Có lẽ cựu trung tá hồi hưu Stuart Allan Beckley không ngoại lệ khi đi tìm một nơi yên nghỉ thích hợp, xứng đáng với những người chiến sĩ vô danh đã hy sinh mà ông ngưỡng mộ và muốn lịch sử tôn vinh họ với tất cả sự công chính cần thiết.

Từng là chứng nhân/nạn nhân gián tiếp của biết bao hệ lụy trần gian xung quanh cuộc chiến, theo ông, đã thua đậm, điều quan trọng đầu tiên ông tâm niệm là phải tránh những tạp âm làm hoen ố một lần nữa linh hồn những anh hùng đã chết cho tình yêu nước, yêu con người và yêu tự do, đã thánh hóa vì sự cao cả ấy. Ông biết một kiến trúc có tính cách riêng tư, của duy nhất một người lính Mỹ vô danh muốn bày tỏ lòng tôn kính đối với những người chiến binh bị lãng quên mà lại muốn được xây lên ở đất công thì không dễ, phải trải qua nhiều thủ tục hành chánh nhiêu khê, phải chịu sự xăm xoi của nhiều cơ quan liên hệ không có mỹ cảm với dự án, ngay cả của nhiều cá nhân không chấp nhận cuộc chiến nên khi thỉnh cầu sự chấp thuận của sở Kiểm Lâm địa phương về địa điểm ông đã cất công tìm kiếm, đã chọn, ông yêu cầu (như một mật ước) không được công chúng hóa, không có điều trần ở quốc hội, không thông báo với truyền thông. Mong muốn tha thiết của ông là sẽ không có nhiều những bước chân hoặc lãnh đạm, hoặc thù nghịch, dày xéo

[1] *Thơ Biên Cương Hành của Phạm Ngọc Lư*

nơi chốn thiêng liêng này mà chỉ có những tâm hồn đồng điệu, nhờ duyên lành đưa đẩy khiến tìm ra viên ngọc quý ông giấu giữa khu rừng rộng tới 1.8 triệu mẫu tây ở quê hương ông.

Như một thiên tình sử đẹp cho đến giòng chữ cuối cùng, đơn xin phép của cựu Trung tá Beckley thoạt đầu bị bác nhưng kết quả khám nghiệm y khoa cùng trong năm 1995 bất ngờ cho biết ông bị ung thư và bản án nghiệt ngã này đã làm mềm lòng ông Giám đốc sở kiểm lâm, khiến ông nhanh chóng bật đèn xanh cho dự án.

Tượng đài hoàn tất vào tháng 7 năm 2005, theo đúng ý nguyện của người chủ xướng. Ông Beckley khi đó đã quá yếu để có thể tới tận nơi nhìn ngắm tác phẩm của mình và chỉ 4 tháng sau, ngày 5 tháng 11, ông qua đời, lấy cái chết của chính ông thay cho cả nước Mỹ, đền tạ ân tình sâu nặng với những người đã khuất.

Năm 2014, dù khó khăn cỡ nào, vẫn có vài du khách đầu tiên đã đến đây, có người kể lại, có người giữ im lặng vì tôn trọng tinh thần người dựng tượng đài nhưng tuyệt đối không một ai chỉ dẫn lộ trình đưa tới thắng tích này. Một hình ảnh bằng ngàn lời nói. Sau này, ông Donelson, chủ nhân tiệm đá ở Rocky Ford, người thợ và cũng là người nghệ sĩ đã giúp ông Beckley thực hiện ước mơ ấp ủ đằng đẵng qua hai thập niên, đã nói về ông Beckley, đại ý: "Qua thư từ trao đổi trong nhiều năm trước khi khởi công tượng đài, tôi linh cảm ông ấy có nỗi băn khoăn mãi gặm nhấm tâm can ông, như thể có điều gì đó trong cuộc chiến để giờ đây ăn năn."

Với kẻ viết bài này, ông không làm gì sai cả ngoại trừ sở hữu một trái tim trong trẻo. Nó khiến ông muốn nhận tội và tạ tội thay cho cả đất nước ông khi cần một lý do để đi ra khỏi cuộc chiến tranh đã hết ý nghĩa thì vội vã phủ nhận vinh quang máu xương của đồng minh, trút lên họ những cáo buộc thiếu công bằng để chính mình không phải trả lời câu hỏi trước giờ lương tâm phán xét.

Đáng yêu thay, nước Mỹ vẫn là xứ sở của những giá trị nhân bản, của những công dân biết tôn trọng lịch sử, yêu vẻ đẹp và muốn công lý cho mọi người. Nói như Bill Gates, một đất nước hưng thịnh không chỉ căn cứ vào sản lượng quốc gia mà ở cung cách người dân hành xử trong cuộc sống. Đôi vợ chồng trẻ trên Facebook đã vượt mọi khó khăn, cùng nhau đến chiêm ngắm SoldierStone, kể lại chuyến đi của họ với lòng thành khẩn: *"Tôi nhắm mắt lại, lắng nghe tiếng gió trong rặng cây. Tôi thở bầu không khí núi, lắng đọng hương rừng và trong giây phút ấy, tôi thề tôi đã nghe tiếng thì thầm Hãy Nhớ Chúng Tôi nhé!* Tôi hứa là tôi sẽ nhớ."

Vài bức ảnh cho thấy nhiều bạn trẻ đi xe gắn máy tới đây. Phải chăng gởi gấm tâm huyết của cố trung tá Stuart Allen Beckley đã tới với đúng đối tượng mà ông mong muốn, thế hệ sẽ theo đuổi một cuộc chiến khác, vì Tự Do đã đành mà còn cả vì đồng loại nữa.

Đại lễ an vị tượng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn

Sáng chủ nhật ngày 17 tháng Giêng năm 2016, nhằm ngày mùng 8 tháng Chạp âm lịch năm Ất Mùi, thời tiết quận Cam rất đẹp. Trời cao, nắng nhẹ, gió hiu hiu mát. Tôi và vài người bạn đi chung xe hướng về công viên Mile Square thuộc địa phận thành phố Fountain Valley, phía đường Euclid gần ngã tư Edinger. Dài theo bờ lề phía này, xe hơi nối đuôi nhau đậu san sát. Đó là xe của những người dân quận Cam thường lui tới công viên để đi bộ, tập thể thao, bắn cung. Của các thanh thiếu niên đến để đá banh hoặc chơi các trò chơi tập thể. Chúng tôi đi dự lễ an vị tượng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn nên chạy thẳng đến cổng vào gần đường Edinger. Buổi sáng trong công viên đông người nhưng không gian ở đây thoáng đãng, bãi cỏ mênh mông trải mình êm ả giữa những lối đi xi măng sạch trắng và đàn vịt trời nhởn nhơ bơi lội dưới hồ nước trong trẻo. Hai bãi đậu xe dành cho khách mời có ưu tiên hết chỗ, chúng tôi chạy theo sự hướng dẫn của nhân viên trật tự xuống khu đất trống tạm dùng làm bãi đậu xe phụ rồi đi bộ vòng trở lại một quãng khá xa để đến nơi hành lễ. OC Park đã cho dựng các lều che nắng đối diện với khán đài và pho tượng phủ khăn xanh trên bệ cao, phía sau bàn thờ có 2 lọng che. Một rừng cờ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa phơ phất gió, làm sáng trưng một góc công viên. Đồng hương và quan khách ngồi kín tất cả các hàng ghế trong các lều và

một số đông nữa đứng rải rác hoặc đi lại quanh địa điểm đặt tượng. Đội tế nữ quan của hai hội Cao Niên Á Mỹ và Bà Triệu trang phục lộng lẫy với áo dài gấm, khăn vành giây, mỗi vị một đóa hồng trên tay, xếp hàng chờ sẵn. Chúng ta không quên binh chủng Hải quân VNCH đã tôn vinh Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn là Thánh Tổ của binh chủng do binh thư chiến lược xuất chúng Ngài đã sử dụng để đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông trên Bạch Đằng Giang, giúp nhà Trần giữ yên bờ cõi. Các anh em cựu quân nhân binh chủng Hải quân mặc binh phục hồ cứng trắng toát, đeo giây biểu chương, nhắc nhở mọi người bờ sông Bạch Đằng với tượng của Ngài uy nghi, lẫm liệt, ngày đêm đứng đấy phù trợ những con tàu của hải quân Việt Nam ra khơi và trở về, một thời oai hùng trong sứ mệnh bảo quốc an dân bên cạnh Không quân và Lục quân.

Nhìn một vòng địa điểm hành lễ đông đầy người tham dự, ước tính con số gần hai ngàn, ngoài các trẻ em đi theo ông bà/cha mẹ, các bạn trẻ tham gia trình diễn trong nhiều tiết mục khác nhau, nhân viên các đài truyền hình/truyền thanh, phần đông khán thính giả đến dự lễ an vị tượng và vinh danh các chiến sĩ vị quốc vong thân trong trận hải chiến Hoàng Sa – Trường Sa năm 1974, đều ở lứa tuổi từ trung niên đến cao niên, thiếu vắng hẳn thành phần trẻ. Kinh nghiệm thực tế cho chúng ta biết nếu đời sống của một dân tộc không phản chiếu liên tục nền văn hóa kết tinh từ lịch sử dựng nước và giữ nước của giòng giống mình thì những trang sử sẽ chỉ là những trang sách cũ vàng úa thời gian, những danh nhân lịch sử sẽ chỉ là cổ tích, là những tấm gương không được lau chùi rạng rỡ cho đời sau soi mình noi theo. Hiểu được điều này, Giám sát viên Andrew Đỗ đã kết thúc bài diễn văn khai mạc của ông bằng câu nói đầy cảm xúc: "Chúng ta cùng nhau giữ cho lịch sử dân tộc luôn sống động."

Tôi không biết lời hiệu triệu tha thiết và đầy nhiệt huyết của Ông Giám sát Andrew Đỗ đánh động đến bao nhiêu cõi

lòng những người đang nghe ông, có làm lịch sử bừng sống dậy cùng với tiếng trống bồi hồi, nao nức, vuông vải xanh được lấy xuống khỏi bức tượng đứng giữa khói hương nghi ngút, để lộ rõ dung quang Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, uy vũ, tuấn tú, sừng sững in lên nền trời hửng nắng một ngày mùa đông nơi xứ người? Đối với riêng tôi, bức tượng như có linh hồn, khiến tôi mường tượng ra đất nước và dân tộc ở một khúc quanh nghiệt ngã và bi thảm, liệu có thoát khỏi ngoại xâm nếu không có một con người cao cả, tiết tháo, vĩ đại như Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, không tham sống sợ chết, không màng phú quý danh lợi, suốt đời một lòng một dạ vì nước, vì dân, đã chỉ lấy cái cổ giữ cái đầu nhỏ bé của mình chống đỡ cả sơn hà xã tắc lúc ngửa nghiêng: "Xin bệ hạ hãy chém đầu thần rồi hãy hàng địch?"

Sử sách ghi rõ. Trước khi được tôn vinh trên bệ cao, trước khi hiển thánh và được thờ phượng, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cũng là một chúng sinh như mọi ai, cũng có những đêm không ngủ, ngày quên ăn, cũng buồn vui, cũng lo âu, cũng hy vọng, cũng thất vọng, cũng chịu dày xéo giữa thù nhà nợ nước, cũng chao đảo ở những ngã ba đường nhưng rồi tất thắng nhờ ở trái tim quá lớn, quá thánh thiện, thương đến muôn dân hơn cả thân mình. Nhìn thấy Ngài ở đây, tha hương ngộ cố tri, lòng hổ thẹn và đau đớn như đã phụ rẫy công ơn trời bể của Ngài, nước mắt tuôn rơi, tự hỏi phải chăng Ngài vẫn theo phù trợ con dân dù chúng lưu lạc góc bể chân trời nào, dạy cho chúng bài học phục quốc: *"Vua tôi đồng tâm. Anh em hòa mục. Cả nước góp sức, giặc phải tan. Nên khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy."* Quyền lực tuyệt đỉnh trong tay nhưng không một mình thao túng mà theo đuổi kế sách huấn luyện thêm người, tiến cử hiền tài cho đất nước (Dã Tượng, Yết Kiêu, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Ngô sĩ Thường...) Đất nước còn, dân mới còn nên quyền lợi của đất nước luôn được đặt lên trên hết. Những khoảng thời gian ngừng chinh chiến, Ngài lui về Vạn Kiếp

ẩn dật, viết sách binh thư, di dưỡng tâm hồn, chứng minh với đôi vầng nhật nguyệt và với đấng sinh thành lúc lâm chung, trối trăng Ngài phải gồm thâu thiên hạ để trả thù nhà: Ngài không phò nhà Trần vì vinh hoa phú quý, cũng không phải vì bất tài không làm được điều cha căn dặn mà chính vì nghĩa khí, coi trọng xã tắc và muôn dân hơn những tỵ hiềm riêng. Nghĩ được như vậy, sống được như vậy, quả Ngài đã hiển thánh ngay giữa cõi đời tục lụy này.

Dựng tượng Ngài giữa công viên đẹp nhất quận Cam để làm đẹp thêm lịch sử của người Việt Nam, một cộng đồng hãnh diện đóng góp phần mình một cách sớm sủa, vào sinh hoạt văn hóa/chính trị đa chủng tại vùng đất này, bên cạnh một Tổng thống lỗi lạc làm nên thời thế của nước Mỹ, Ronald Reagan; bên cạnh một anh hùng chống ngoại xâm, dâng hiến trọn đời mình cho nền dộc lập của Mễ Tây Cơ, linh mục Miguel Hidalgo và trong tương lai, hẳn sẽ có sự góp mặt lịch sử của các cộng đồng nhập cư khác nữa.

Cảm ơn Hội đồng Giám sát quận Cam đã lắng nghe và hỗ trợ tiếng nói thể hiện khát vọng tự do, dân chủ của cộng đồng người Việt di tản, cũng là những giá trị thiết thân của cả khối nhân loại tiến bộ, trong đó, Hoa Kỳ là quốc gia hàng đầu đã xây dựng sức mạnh của mình trên những giá trị muôn đời ấy.

Qua lời phát biểu phấn khích và nồng nhiệt của Giám sát viên địa hạt 3, Todd Spitzer: "Với tượng Hưng Đạo Đại Vương uy nghi, tuấn tú, hiện diện tại công viên này, đất nước này cũng thuộc về quý vị, những công dân Mỹ gốc Việt," cộng đồng chúng ta đã tiến xa hơn một bước trong nỗ lực thắt chặt thêm mối tương quan thân thiện và bình đẳng với chính giới Hoa Kỳ. Ước mong chúng ta không bỏ qua khởi đầu tốt đẹp này, không xao lãng việc giữ gìn thể diện, sức mạnh đoàn kết và uy tín của cộng đồng để tiếng nói của chúng ta luôn được lắng nghe, được tôn trọng, được hỗ trợ, làm bệ phóng vững chãi cho con em thế hệ sau bước vào xây dựng một Việt Nam nhỏ bé, kiên cường, mẫu mực

bên ngoài lảnh thổ, chuẩn bị một ngày không xa, trở về xây dựng lại đất nước hậu cọng sản bằng những hạt mầm tinh hoa từ bàn tay, khối óc các em luôn yêu thương, gắn bó và tự hào về nguồn cội mình.

Riêng chúng tôi biết chắc rằng, từ nay, mỗi khi chạy xe qua bốn phía đường bao quanh Mile Square Park, dù bận rộn tới đâu, cũng để tâm trí có một giây hình dung ra tượng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn ngự giữa công viên, cũng để lòng bàng hoàng thấy một khoảnh đất quê nhà dưới chân Ngài như một phép lạ linh hiển mà chỉ một năm trước đây, có lẽ không ai có thể ngờ...

DÀI/NGẮN THẾ NÀO?

Câu nói cửa miệng của mọi người thường nghe thốt lên mọi nơi, mọi lúc, là "Đời người ngắn ngủi quá, vừa sáng sớm chớp mắt đã hoàng hôn." Có vẻ cảm nhận không sai mấy nhưng biết vậy mà không nghĩ ra được cách nào để, nếu không thay đổi được lịch hay kim đồng hồ thì chí ít, có thể tận dụng sự ngắn ngủi ấy, cứ ngồi nhìn thời gian hao mòn như cát lở ven sông thì có nên không?

Viết ra hay nói với nhau điều này tưởng như lý thuyết suông, triết lý vặt nhưng thiết nghĩ lý thuyết cũng rất cần. Bản thân kẻ viết bài này thậm dốt về môn Toán nói riêng và Khoa học nói chung, thật lòng không dám ví von gì nhưng nhớ là có nghe ai nói đâu đó mấy chữ "Lý thuyết toán học" trước khi đi vào phần chứng minh. Gần đây nhất, nhân cái tang nhà Vật lý lỗi lạc của nhân loại Stephen Hawking vừa qua đời ngày 14 tháng 3/2018, ở tuổi 76, sau hơn nửa thế kỷ vật lộn với bệnh tật trong những điều kiện gay gắt có một không hai, qua đó, cho thấy đời sống ngắn hay dài còn một cách đo đạc khác, hạnh phúc hay khổ đau còn một cách đón nhận khác, mọi người bảo nhau tìm xem cuốn phim Hollywood thể hiện một trong hai di sản to lớn ông để lại cho đời nay và đời sau: "Theory of Everything," tôi càng thêm tin tưởng rằng Lý thuyết rất quan trọng để bắt đầu một việc quan trọng, miễn là Lý thuyết cần được

Hành động thích hợp hỗ trợ. Hành động thiếu Lý thuyết hướng dẫn, có thể đưa tới tình trạng thiếu tập trung, tản lạc, mất tác dụng; ngược lại, Lý thuyết thiếu Hành động dễ đưa tới huyễn mộng, *"mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây."* Làm một điều gì, dù lớn dù nhỏ, dù chỉ có ảnh hưởng tích cực tới bản thân vẫn hơn là không làm gì vì thời gian lạnh lùng trôi chảy, không hề ngừng.

Cũng giống như nhiều người khác, cuộc sống chịu ảnh hưởng của một ai đó xung quanh mình. Riêng tôi, ngoài cha mẹ dạy dỗ, có hai người đã trở thành bậc thầy vĩ đại của tôi trong một cơ duyên tuyệt diệu, giúp tôi cách đi tìm và khám phá những kho báu vô hạn của cuộc đời này.

Người thứ nhất là Thầy giáo dạy kèm môn toán cho tôi chỉ trong một mùa hè của tuổi thơ tôi ở Huế. Thầy dạy chúng tôi: "Cuộc đời có những hương thơm và mùi xú uế, các em hãy chọn lấy hương thơm. Cuộc đời có những hạt ngọc và nhiều sạn sỏi, các em hãy chọn lấy những hạt ngọc." Câu nói của Thầy đi vào trí nhớ tôi, ở yên đấy cho tới khi tôi thấy mình đứng trước những lựa chọn thì ngộ ra sự khôn ngoan Thầy truyền dạy.

Thời thơ ấu ở Huế, tôi cũng thuộc nhiều thơ của Hàn Mặc Tử, *"Trời hỡi làm sao cho khỏi đói? Gió trăng sẵn có, làm sao ăn?"* Hai câu thơ lặn sâu trong trí nhớ cho tới khi tôi bắt đầu chương trình đi bộ mỗi ngày 45 phút, vừa để thư giãn, tái tạo, bồi bổ năng lượng, cơ thể được hoạt động, vừa để có chút thời gian "thưởng thức hương thơm của cuộc đời" như lời Thầy tôi dặn: hương thơm của những bụi hồng ngoài hiên, của bình trà gia đình hàng xóm vừa pha sau bữa cơm chiều; của gói mì ăn liền, một người cha, người mẹ hay người con đi làm về muộn nấu vội cho mình; của cái máy giặt đang nhả khói thơm mùi xà bông trong gara ngôi nhà bên đường; của mái tóc một thiếu nữ trẻ tuổi bước nhanh qua mặt tôi, có lẽ trên đường đi đến chỗ hẹn với người yêu... Đến đây, tôi chợt có câu trả lời trễ tràng cho nhà thơ họ Hàn và cảm thấy xót xa ông hơn. Có hôm, con đường tôi đi dài

theo bờ sông Santa Ana, dù nước không đầy lòng sông xi măng nhưng không gian trên đầu và xung quanh tôi thoáng đãng, gió mát lùa giữa hai kè đá thoải sạch sẽ và trăng non như một nét mày thanh tú hay trăng già tròn vo như cái đĩa ngọc treo ở chân trời, tha hồ cho tôi ngậm miệng hít vào những hơi dài, cảm thấy no nê bằng ngũ quan, không nhai nhưng nuốt đầy thần trí và căng buồng phổi nguồn sinh lực mới.

Người Thầy thứ hai dạy tôi bài học khác là thân mẫu một người bạn thiết. Cụ thọ ngoài chín mươi, dung quang tươi tốt, dáng đứng thẳng băng. Cụ cười, nói với con cháu và bạn bè của chúng đến chơi nhà: "Chao ôi, cuộc đời biết bao nhiêu cái đẹp đẽ thế này mà bà phải đi, không được sống thêm để an hưởng, thật tiếc quá!" Tôi ngẩn người trước tinh thần lạc quan yêu đời của cụ. Ngày còn bé, linh cảm về hạnh phúc của tôi ở tuổi lên bẩy, lên tám là vài khi thấy mẹ tôi buồn ngủ ríu cả mắt giữa trưa hè râm ran tiếng ve sầu trong khu vườn rộng vắng, bà vừa cầm cái quạt mo phủi quèn quẹt một chỗ trên sàn xi măng xám, đủ cho bà ngả lưng, vừa nói với tôi líu cả lưỡi: "Ui dào, được chợp mắt cái, thích quá!" Hạnh phúc và cách bộc lộ của mẹ tôi thật giản dị nhưng xem ra những giây phút ấy không nhiều. Dường như, thảng hoặc những lần ngủ ngày chốc lát chỉ có hai mẹ con với nhau như thế, bà phải lấy trộm chúng từ gia nương bận rộn, bề thế của bố tôi, phải trả lại bằng những giờ khuya khoắt để công việc vẫn đâu vào đấy trong một ngày, không có tâm trạng thảnh thơi và phong cách an nhàn như cụ thân mẫu bạn tôi.

Được biết cụ góa chồng sớm, một mình tần tảo gánh gia đình thời còn trẻ. Hai lần di tản, khi về già ở quê người, cụ cũng có lúc đau nhức mình mẩy nhưng không bao giờ nghe cụ thở than. Con cháu đứa nào rảnh rỗi, chở cụ đi chơi, vãn cảnh đó đây, cụ rất vui. Tiệm ăn nào mới mở, tiếng đồn có món ngon, cụ theo con cháu đến thưởng thức. Cụ luôn có nụ cười trên môi và lời nói ân cần với mọi người. Một hôm

cụ bảo tôi: "Tôi làm món thịt bò xào cần ngon lắm, cô đến ăn cơm với các cháu nhé?" Tôi tới theo hẹn. Các thứ cần dùng để nấu nướng món ăn đã chuẩn bị tinh tươm sẵn trên mặt bàn. Cụ lăn xe gần vào bếp lò, hướng dẫn chị giúp việc từ lúc bắc chảo lên bếp, phi dầu với hành tỏi cho thơm, xào rau cần nhanh tay theo công thức "cần tái cải nhừ" rồi sau cùng xào thịt bò đã ướp sẵn. Chảo xào dậy mùi thơm lừng lẫy trong khi quạt hơi ở nhà bếp hoạt động hết công suất. Cơm dọn ra, có cả món thịt quay chọn rất khéo của ông trưởng nam gửi về để mẹ đãi khách và gia đình các em, các cháu. Cụ không ăn mà lăn xe đến, ngồi vào bàn, nhìn mọi người ăn uống với đôi mắt tinh anh, ấm áp tình cảm. Đĩa thịt quay tuy trông rất ngon nhưng vẫn y nguyên. Cụ cười tươi như hoa, nói đùa: "Món của tôi ngon hơn thịt quay, phải không? Mua phí tiền!"

Một tuần sau, tôi được tin cụ quy tiên. Các cháu kể lại: "Nửa đêm bà thức giấc và muốn uống nước. Bà chỉ trở mình vài lần rồi ngủ giấc nghìn thu. Nhẹ nhàng. Yên ả. Như chiếc lá cuối đông rời cành về với đất.

Từ đấy, bên tai tôi thường văng vẳng tiếng cụ lẫn vào hình ảnh đôi môi mỉm cười: *"Chao ôi, cuộc đời với bao nhiêu cái đẹp đẽ thế này mà mình không được sống để hưởng..."* Ngay cả sự tiếc nuối, nếu quả thật là thế, đối với cụ cũng đượm nét an hòa. Ngay cả sự ra đi gần kề, cụ cũng bình tâm đón đợi, như người vừa nhẩn nha nhấm nháp tách cà phê thơm, vừa lắng nghe tiếng chim hót ngoài cửa sổ, tiếng trẻ thơ bi bô dưới mái nhà. Nhờ cụ, tôi thấm ngấm ca từ trong bản nhạc của Trịnh Công Sơn, có một lúc, tôi thấy nó vô duyên và nhà quê: *"Tôi là ai mà yêu quá* đời này?" Bây giờ, có lúc tôi cảm thấy trong tôi rạt rào ý muốn kêu lên như ông khi tôi đã quen lắm với lời Thầy tôi dặn dò: "Hãy nhặt lấy những hạt ngọc, hãy đón lấy những hương thơm." Cuộc đời bỗng dưng đẹp ở những mắt nai bé thơ, ở những cung đàn muôn điệu ru hồn người, ở đôi tình nhân cầm tay nhau đi dưới hàng cây trong công viên, ở những cửa hàng hoa rực rỡ,

thắm tươi bên hè phố, ở ngay cây chanh sau vườn nhà tôi bông nở trắng xóa, chi chít quả non vừa đậu, ở thương yêu có chút vụng về nơi ông bố trẻ cho con bú bình giữa một tiệm ăn đông khách, ở bàn tay người y tá cẩn thận nâng ly nước vừa tầm uống của một bệnh nhân không còn khả năng tự lo liệu cho mình...Ôi, bút giấy nào kể hết vẻ đẹp của thế gian này? Tất nhiên cuộc đời cũng có những quy luật khắt khe, là cái giá phải trả cho nhiều điều khác. Biết thế và biết ứng xử, như Thầy tôi, như cụ thân mẫu bạn tôi, để chân bước đi trong càn khôn nhẹ nhõm, để túi lúc nào cũng rủng rỉnh, leng keng mấy đồng xu hạnh phúc, để ly rượu uống chậm say đắm đến giọt cuối cùng. Vẫn hơn là cứ phải ép mình nghĩ đời là bể khổ.

Người tu khổ hạnh mong được niết bàn mà quên niết bàn không ở đâu khác, trái lại, sẵn có trong tâm lành. Thượng đế tạo sinh con người với cả hai khả năng khổ đau và hạnh phúc, cho con người có tự do lựa chọn, vì sao con người tự đặt ra luật lệ, tự tìm kiếm cực hình để giam hãm, đày đọa mình trong ngục tù khổ đau (vô ích) thay vì chắp cánh cho mình bay cao, vượt thoát những giới hạn trầm luân ấy? Nỗi đau dài ba, bốn thập kỷ không còn là nỗi đau với cường độ ban đầu nữa mà chỉ còn là ý niệm, là cái vỏ rỗng đã khô ruột, là hồn ma bóng quế ám ảnh, là hình dung từ vẽ vời của ngôn ngữ như một món trang sức làm đẹp của văn chương. Đừng quạt mãi những hòn than đã lịm tắt trong nước mắt mình rỏ mãi vào đống tro tàn. Đừng chốc chốc quen tay châm ít giọt dầu nếu không thể gây nên đám cháy lớn cho phượng hoàng bước ra từ lửa đỏ.

Sau hết, di sản to lớn thứ hai của Stephen Hawking là "Theory of Love" được thể nghiệm qua cuộc đời dài của ông, bắt đầu từ tình yêu bản thân, nghe qua chừng như nghịch lý nhưng thực sự, từ đây, con người luận ra sự đền đáp là tố chất không thể thiếu để tình yêu được mãi xanh tươi.

DẤU CHÂN ĐỂ LẠI

Nhà thơ Phùng Quán hạ bút viết mấy câu: "Có những lúc ngã lòng, tôi vịn câu thơ mà đứng dậy." Thi sĩ yêu thơ, thơ là tình yêu của thi sĩ. Vịn câu thơ là vịn vào tình yêu. Sách vở, thi phú, kinh nghiệm truyền khẩu kể lại quá nhiều những cơ hội hồi sinh do (sức mạnh) tình yêu. Tình yêu vượt qua nỗi chết. Kỳ diệu như thế, quyền lực như thế, sao vẫn có người xua đuổi tình yêu? Nhổ vào mặt nó. Vùi dập nó. Ném nó vào thùng rác. Xong lại cầy cục, mò mẫm đi tìm. Tìm được tình yêu mới, ba bẩy hai mươi mốt ngày, như người uống xong nước trà đầu tiên đem bã trà đi đổ, rồi mọi việc lại tái diễn theo chu kỳ cố hữu. Cũ/mới, mới/cũ. Kịch bản y hệt nhau. Lần sau kém nồng nhiệt hơn lần trước, chóng phai tàn hơn lần trước vì đã lẩn quẩn chút hồ nghi.

May mắn thay, cuộc sống muôn màu. Cũng có những lứa đôi yêu nhau toàn vẹn. Hai người là những sợi tơ quấn quyện dệt vào vuông lụa đẹp như mây, ấp ủ, dịu dàng, êm ả, *"Tay anh em hãy tựa đầu, em ơi hãy ngủ anh hầu quạt đây."*

Cuộc hôn nhân của cụ ông Patrick Roach và cụ bà Rose Scott đã vượt qua lễ kim hôn 13 năm. Họ cưới nhau trong một ngày đẹp trời cuối tháng 6 năm 1952, khi nữ hoàng Elizabeth Đệ Nhị của Anh Quốc vừa mới lên ngôi và nước Mỹ đang dưới thời Tổng thống Harry Truman. Con đường hạnh phúc của đôi uyên ương có vẻ lên thác xuống ghềnh,

đi tìm rơm rạ xây tổ từ Bắc Mỹ qua Ireland rồi bay tuốt tới Nam Phi. Họ dọn nhà nhiều lần và nơi này tới nơi kia xa quá, chắc là tay xách nách mang nên một lúc nào đó, cuốn album bìa bọc da giữ trọn bộ hình cưới của họ bị thất lạc trước khi họ định cư tại Staffordshire.

Trong suốt thời gian họ nuôi dạy hai đứa con khôn lớn, trưởng thành, lấy vợ lấy chồng và sanh cho họ 4 đứa cháu, cuốn album quý giá của hai ông bà, không biết vì duyên cớ nào, lại tìm tới nằm nghỉ ngơi trong cái thùng chứa đồ phế thải của một công ty luyện thép trong vùng Birmingham để rồi cuối cùng, lọt vào tay bà Tina Bradley, 56 tuổi, nhân viên tiếp thị. Khi bắt đầu việc dò tìm chủ nhân của cuốn album, bà Bradley nói với tờ báo địa phương Birmingham Mail như sau: "Tôi nghĩ là bố tôi đã lượm được cuốn album trong cái thùng chứa xà bần và có lẽ ông nghĩ chủ nhân của nó chắc phải khổ tâm lắm vì đã đánh mất nó nên ông đem nó về nhà với ý định sẽ hoàn trả cho khổ chủ một dịp nào đó, cũng y như mong muốn của tôi giờ này đây."

Bà Bradley tìm thấy cuốn album khi dọn dẹp các di vật của thân phụ, một cựu chiến binh thế chiến II, sau khi cụ qua đời ở tuổi 83, cho biết bà cần trao nó lại cho người sở hữu nó để vinh danh cụ, một người sinh tiền luôn luôn làm điều phải.

Ngày 28 tháng sáu năm 2011, vừa tròn 61 năm ngày cưới của ông bà Roaches, tờ Mail khởi sự đăng tải vài tấm hình chụp hôn lễ của họ kèm với lời rao tìm tung tích hai ông bà. Một tháng sau, nhờ cô con gái của một trong mấy cô phù dâu ngày vui năm xưa nhận ra, cuốn album được trao trả tận tay chủ nhân của nó.

Với lòng biết ơn và tâm trạng buồn vui lẫn lộn, đôi uyên ương đầu bạc vẫn hạnh phúc bên nhau trong tuổi già, lần dở từng tấm ảnh cũ, kiểm điểm người còn kẻ mất, thấy nước mắt dâng lên mi. Cụ ông Patrick ở tuổi 84, nói với BBC News: "Chúng tôi không còn chữ nào đủ để cảm ơn vị ân nhân đã tìm được kỷ vật quý giá này cho chúng tôi." Cụ bà

Rose Scott phụ họa thêm với chồng: "Thật hết sức cảm động trước công khó bà ấy đã bỏ ra để đi tìm chúng tôi."

Nhờ vào sự phát triển của Internet và truyền thông, người ta ghi nhận nhiều bức hình kỷ niệm bị thất lạc vì nhiều lý do, đã được thu hồi. Trong trận bão Sandy năm 2012, một phụ nữ ở Connecticut bắt gặp cuốn album cưới năm 1962 tấp vào gần nhà. Sau đó, được biết nó thuộc về cụ bà Betty Elio, 82 tuổi, tài sản bị lũ cuốn trôi sạch sành sanh, thế nhưng *"của tin còn một chút này."* May mắn châu đã về Hiệp Phố nhờ một người bà con của cụ nhận ra cuốn album khi tờ báo địa phương đưa hình ảnh lên mạng. Trong cuộc phỏng vấn với cơ quan truyền thông này, cụ Elio vừa ngắm nghía những tấm ảnh ghi lại ngày vui trọng đại của đời mình vừa nói: "Như thể tôi đang đi ngược lại thời quá khứ vậy."

Ông bà mình ngày xưa đã nói (và hẳn là đã thực chứng): "Tâm động quỷ thần tri," đồ vật thất lạc mà duyên may vẫn còn thì cố nhân sẽ có ngày tìm lại được nhưng ngoài duyên may, liệu tâm thành tưởng nhớ, mong cầu của đi không đi mất có khiến cho cái ngỡ mất sẽ quay về không? Tôi đặt câu hỏi này vì mới đọc cuốn The Secret của bà Rhonda Byrne nói về định luật hấp dẫn trong vũ trụ. Giả dụ cuốn album cưới trong hai trường hợp trên thuộc về hai cuộc nhân duyên tan vỡ, không còn ai mong đợi, chúng nó đâu có địa chỉ nào để tìm về?

Sống ở Mỹ gần 30 năm, tôi có nhiều dịp đi nhiều tiểu bang vì nhiều lý do. San Jose chỉ cách quận Cam một giờ bay hay nửa ngày lái xe thì với tôi vẫn rất xa lạ. Một lần đi gần tới, rẽ về Sacramento trong ngày cưới của cậu em họ. Vài lần đi qua để chạy thẳng lên San Francisco thăm con gái đang học ở đấy rồi chạy tuốt lên Reno ngắm hồ nước ven đường và thưởng thức bình minh ửng hồng trên những đỉnh cây nhìn xuống thung lũng. Vẫn chưa lần nào đặt chân xuống San Jose. Nay nhân dịp cần đi thăm một người bạn thân lâm trọng bệnh, thay vì đáp máy bay,TD từ San Diego

đề nghị hai chị em lái xe tàn tàn lên bắc Cali, vừa đi vừa ngắm những khu vườn cây trải mình hai bên xa lộ 5 rồi lượt về ngắm biển dài theo xa lộ 101. Lâu lắm tôi mới có lại cái thú vào những quán ăn giữa chuyến đi, cảm giác sự tạm bợ vừa lôi thôi vừa đượm chút buồn vui của gặp gỡ và chia tay không hẹn hò. Chị TD cười cười: "Đúng là cơm hàng cháo chợ nhé!"

Đến Milpitas gần 6 giờ chiều. Nắng cuối ngày vàng nhạt trên dãy hành lang khách sạn lác đác người vào ra. Mấy bụi chuối dại. Vài khóm hoa không tên nở đó đây. Tôi chắc cảnh trí vẫn bình thường như mọi ngày thôi nhưng có lẽ nỗi buồn trong lòng tôi lúc này đã khiến nó trông ủ ê đến tội nghiệp.

Sáng hôm sau, TD thức dậy sớm. Chắc chị đi một vòng thể dục như thường lệ. Trở về phòng, chị khoe: "Tìm được đường đi tới Vườn Tre rồi, chỉ chừng 20 dặm về phía Nam, tiện lắm!" Không nghe chị nhắc nhở gì về bữa điểm tâm Continental do nhà hàng hứa khoản đãi khách mướn phòng. Hỏi. Chị lắc đầu: "Mình ăn nửa cái bagel rồi! Có mỗi một cô vừa làm nhiệm vụ tiếp tân, vừa lo ăn sáng, chẳng ra làm sao cả! Thảo nào trông con bé không thân thiện chút nào ngay từ đầu." Hóa ra chân lý "Hiểu để Thương" do thầy Nhất Hạnh rao giảng muôn đời đúng (tuy để "hiểu" được, lắm khi phải bửa cái đầu ra!)

Buổi sáng mùa hè ở một thành phố lạ, tự nhiên có nét quyến rũ riêng. Của cảnh quan mới thấy lần đầu. Của hứa hẹn những điều chưa biết. TD và tôi đồng ý sẽ ăn sáng ở nơi nào muốn dừng chân trên đường đến làng Saratoga, nơi có Vườn Tre cả hai đang muốn tới thăm. Khởi đi từ năm 1915 với một đôi vợ chồng cư dân San Francisco có tấm lòng nhân ái, ông Oliver và bà Isabel Stine, khi họ chọn mua khu đất 18 acres này để làm nơi lui tới di dưỡng tinh thần cho gia đình, các nhân sĩ trên thế giới và bằng hữu yêu chuộng nghệ thuật. Bà Stine thân hành đáp tàu thủy qua Nhật, lưu lại đây gần trọn năm 1916 để đi chiêm ngắm các khu vườn Nhật, đặc biệt trong vùng Fuji-Hakone National Park. Trở

về Mỹ, bà cho mời các kiến trúc sư người Nhật chuyên vẽ kiểu nhà và chuyên vẽ kiểu vườn để khởi công xây cất khu lâm viên này theo lối đồng quê Nhật, được bà đặt tên là Hakone.

Gần một thế kỷ trôi qua với rất nhiều thăng trầm và thử thách, quyền sở hữu cũng qua tay nhiều người. Mãi cho tới năm 2000, chi phí bảo trì khu vườn trở thành gánh nặng quá lớn khiến cho sự sống còn của nó bị đe dọa nghiêm trọng. May mắn thay, Quỹ tài trợ của ô/b David & Lucile Packard đã rót vốn ban đầu giúp thành lập ngân sách bảo trì riêng cho khu vườn. Với chế độ tự quản như hiện nay, hy vọng trong tương lai, Hakone sẽ mãi còn là thắng cảnh rất nên ghé lại giành cho khách du lịch và vãng lai đến từ khắp nơi trên địa cầu.

Ngoài các kiến trúc khác trong khu lâm viên, vườn tre được thêm vào trong một dịp đại trùng tu năm 1987, dưới sự giám sát của ông Kiyoshi Yasui, thế hệ thứ 14 của một giòng họ chuyên về kiến trúc của hoàng gia Nhật.

Bỏ đồng token vào cái khe của chiếc hộp sắt ở cổng và lách mình vào trong, dù trời đang nắng chang chang giữa trưa hè, sự yên tĩnh mênh mông xung quanh lập tức cho tôi cảm giác thư thái cũng mênh mông không kém. Cũng bầu trời chung, cao thăm thẳm ấy nhưng sao như gần gũi, thân thiện và hiền hòa hơn. Cũng con đường đất cát như mọi nơi nhưng sao mỗi bước đi như có tiếng thì thầm êm đềm ngân dội. Tôi đoán là do những cái cổng gỗ kiểu Nhật mang đầy thiền vị. Tôi cũng nghiệm ra có lẽ vì dân Nhật chịu nhiều thảm nạn từ miền đất và thổ ngơi họ sinh sống, thiên nhiên và con người có những lúc hung hãn đến điều nên, như phượng hoàng thoát thai từ lửa đỏ qua hai trái bom nguyên tử rót xuống Hiroshima và Nagazaki, kết thúc Đệ nhị thế chiến, người Nhật tái sinh một kiếp mới và có một nền văn hóa khác. Hơn ai hết, họ thực chứng nguyên tắc sống lấy nhu trị cương vì cứng chọi với cứng là gẫy. Phải như xe hơi cần lắp hệ thống ống nhún để đi qua con đường mấp mô

hầm hố. Phải như giòng nước mềm chảy qua ghềnh thác để tung tăng reo vui. Phải như những hạt mưa để làm nguội mặt đất cho cỏ cây nhú mầm và xanh lộc. Phải buông lơi cảm xúc, thư giãn hình hài để nương theo cơn đau và làm chủ hơi thở. Lịch sử của dân tộc đã tôi luyện cho người Nhật bản năng hay kỹ năng sinh tồn tuyệt diệu.

Động mà tĩnh. Tĩnh mà động. Tôi đứng trong khu vườn Hakone, cảm nhận cả tâm hồn và châu thân bung nở, từng tế bào thấm đượm rào rạt, no nê, khí uyên nguyên trong trời đất, ngỡ mình như quả bong bóng sắp bay lên tầng không. Lầu Vọng nguyệt bốn bề trống trải nhưng tôi biết trăng sẽ rất đẹp, rất huy hoàng trên cái hành lang gỗ nhìn xuống hồ nước này. Những dây hoa wisteria chờ đến mùa để phô nhan sắc nhắc tôi vạt áo lụa mát rất Huế ơi của Trần thị Lai Hồng. Bước vào khu vườn tre xanh nghít, thẳng tắp, yên lặng tuyệt đối, thỉnh thoảng lắm mới nghe một tiếng chim trong trẻo như ngọc rơi, tôi hỏi TD đang thoăn thoắt tả xung hữu đột với máy ảnh trên tay: "Sao tre ở đây không kẽo kẹt như ở vườn nhà mình ngày xưa nhỉ?" Chị trả lời không cần một giây nghĩ ngợi: "Nhìn đi. Những thân tre thanh mảnh, thẳng tắp như thế kia, làm sao cọ vào nhau thành tiếng được? Vườn Nhật mà kẽo kẹt suốt ngày thì sốt ruột quá!"

Quả nhiên, tôi xem lại lịch sử khu vườn, thấy mãi tới năm 1987, bậc thầy của ngành kiến trúc thuộc Hoàng gia Nhật là ông Kiyoshi Yasui, mới thêm công trình kén chọn này vào. Thời đó, tôi đã định cư ở Mỹ được hơn một năm rồi, đang cặm cụi làm thợ trong một xí nghiệp sản xuất y cụ ở Irvine. Trẻ con lớn lên trong gia đình, trong lớp học, trong xã hội. Vườn tre xanh biếc, cao vút, lớn lên giữa thiên nhiên. Tôi chợt nghĩ mình có già đi cũng đành!

Tôi đã đi thăm vườn Nhật ở thành phố Bellevue, WA và nhiều vườn Nhật lớn nhỏ đó đây, có khi ở tư gia bạn hữu. Những không gian ấy có khác nhau về kích cỡ nhưng các họa tiết tạo nên khung cảnh đều theo một công thức chung, mang đến cho người chiêm ngắm sự tĩnh lặng. Riêng ở Ha-

kone, diện tích quá lớn để được gọi là vườn. Cũng thú vị khi được biết Hakone từng được sử dụng để thực hiện phần lớn ngoại cảnh cho cuốn phim Memoirs of a Geisha đoạt tới 3 giải Academy Awards.

Ngoài khu Vườn Tre, làng Saratoga còn có suối ôn tuyền và khu phố xá thương mại ở đầu con dốc thật xinh xắn và thơ mộng. Trên đường ra, TD hỏi bâng quơ: "Bao giờ người Việt Nam mình để lại đất nước này những dấu chân như vậy?" Khi không có câu trả lời, tôi hay đổ thừa cho duyên số. Mãi về sau, tôi mới nhớ ra tin tức về một triệu phú Việt Nam, ông Phạm Đình Nguyên 39 tuổi, cách nay vài năm, đã mua thành phố Buford của tiểu bang Wyoming với giá $900,000 mỹ kim và giữ luôn chức thị trưởng từ người chủ cũ. Tuy nhiên, đến từ một xứ sở nghèo khó vì chiến tranh và giờ đây hãnh tiến chen chân vào thương trường quốc tế để làm giàu, nghe nói ông ta dự tính biến Buford thành trung tâm phân phối cà phê Việt Nam.

Sắp sang tháng bảy âm lịch rồi! Ở đây không có mưa ngâu nhưng chiều tối ở quận Cam thời tiết giữa mùa hè mà sao dịu dàng đến lạ. Có người bạn gởi cho tôi mấy tấm ảnh chụp trời mưa ở Huế, làm tôi buồn muốn khóc, thương nhớ biết bao những mùa mưa thời thơ ấu ở nơi xa xôi ấy, với cha, với mẹ, với anh, với chị, với mộng mơ ngập lòng. *"Gió bao lần từng trận nhớ thương đi, mà kỷ niệm ơi, còn gọi ta chi?" (Xuân Diệu)*

ĐÊM THÁNH VÔ CÙNG

Sau lễ Tạ Ơn cuối tháng 11, nhiều ngôi nhà xung quanh chỗ tôi ở (và có lẽ khắp nơi trên thế giới) bắt đầu chăng những giây đèn màu quanh mái hiên, các khung cửa ra vào, các khung cửa sổ, những thân cây, những bụi hoa trong vườn để chào đón Giáng Sinh. Tại những khu phố sang trọng, người ta trang trí mặt tiền nhà với máng cỏ, thiên thần, xe tuần lộc, ông già Noel, người tuyết, với hàng nghìn bóng đèn lớn nhỏ, sáng lung linh trong đêm mùa đông. Ở các khu thương xá lớn, cây Giáng Sinh nhân tạo to tướng, cao vút, ngự ngay lối vào, cành lá chi chít đồ chơi và chen chúc những bóng đèn màu tráng thủy ngân, đẹp ơi là đẹp! Thuở bé, nằm trong lòng mẹ nghe kể chuyện thần tiên cành vàng lá ngọc, trí tưởng tượng non nớt của tôi ngày ấy không hình dung được, chỉ lơ mơ hơi áo mẹ rồi chìm vào giấc ngủ. Lớn lên chút nữa, ngỡ cành vàng lá ngọc là chữ nghĩa hoang đường nên không cất vào bộ nhớ. Bây giờ, *nai cao xuống rừng* thấy cành vàng lá ngọc đầy hai bên những lối đi trong khu South Coast Plaza, bàng hoàng nhận ra thần tiên ở giữa trần ai.

Hàng xóm của tôi là những gia đình lao động. Sáng sớm, con phố vắng tanh, trơ hai bờ lề không một chiếc xe đậu vì xe đưa người tới nơi làm việc. Xẩm tối, những chiếc xe ấy như đàn trâu ban ngày ra ruộng lo việc đồng áng, lại lục tục kéo nhau về chuồng, đậu ngay ngắn, êm ả, thẳng tắp

dưới lòng đường, đợi bình minh hôm sau trở lại đi cày tiếp. Thế nhưng mùa này, chỉ nhoáng một cái trong buổi chiều, tôi thấy đèn Giáng Sinh đồng loạt lấp lánh sáng suốt dãy phố từ đầu này tới đầu kia con đường ngắn. Vài chú hươu non lóng lánh như thếp vàng, đong đưa thân mình trong khu vườn hoa hồng chỉ bé bằng một vuông chiếu. Những chùm chuông đỏ rực buộc nơ hai màu xanh trắng chờ báo tin mừng nửa đêm Giáng Sinh. Những bàn tay lam lũ, bụi bặm, chai sạn, chủ nhân những cái tổ ấm khiêm nhường chấp chới lũ chim bay đi bay về mỗi ngày, đã vui sướng treo chúng lên, bày chúng ra, như một cách bộc lộ niềm hạnh phúc có bát cơm ăn, có tấm áo mặc suốt năm qua, như một lời tạ ơn Đấng quan phòng chăm sóc họ trong cuộc sống nhiều khổ đau song cũng nhiều ân sủng. *Sáng danh Chúa Cả trên trời* hay Đem ánh sáng vào nơi tối tăm, phải chăng đó là ý nghĩa những giây đèn Giáng Sinh cháy lên trong mùa cứu chuộc?

Trong hành trang tôi mang theo ngày rời quê hương đến xứ người, có cây vú sữa già đổ bóng xuống góc khu vườn nhỏ nhà bà Tư, đối diện với nhà tôi trên đường Phan Đình Phùng, từ Lò heo ra chợ Bà Chiểu. Cây vú sữa cằn cỗi ấy mỗi năm chỉ đẹp một lần vào mùa Giáng Sinh, khi con cháu bà Tư treo lên ngọn nó chiếc đèn lồng hình ngôi sao năm cánh bằng giấy màu xanh da trời với một chùm tua màu vàng nhạt. Không biết vì sao, từ góc sân nhà tôi bên này con đường chật, mỗi tối mùa Giáng Sinh, tôi hay nhìn lên ngôi sao ấy, mường tượng như nó mở ra cho tâm hồn tôi một lối đi, cho cuộc đời tôi một hy vọng và làm tôi khóc lặng lẽ. Những giọt nước mắt vì chờ đợi, vì hạnh phúc, vì tuyệt vọng, vì tất cả những gì làm nên đời sống tôi như một ân huệ từ Trời hay một tội tình trong cõi trầm luân. Những giọt nước mắt không cầm được vì vẻ đẹp bao la của đêm thánh vô cùng ngập tràn ơn bí nhiệm.

Đã 40 năm trôi qua, tôi chỉ còn nhìn thấy cái đèn ngôi sao ấy trong tâm tưởng cùng với mấy con đường chạy vòng

quanh Vương Cung Thánh Đường Sàigon, lũ lượt người đi bộ, nam thanh nữ tú dập dìu trong những đêm Noel đã bị cơn lốc thời cuộc cuốn đi. Bà Tư chắc đã về nước Trời với những sáng, những chiều chăm chỉ lần chuỗi và đi nhà thờ trong những tấm áo dài đẹp nhất của bà, với đôi dép lúc nào bà cũng giữ gìn thật sạch để bước vào giáo đường. Ngôi nhà cũ kỹ, mái ngói xô lệch ấy giờ đây ai ở và đèn ngôi sao có còn được thắp lên mỗi mùa Giáng Sinh không?

Tôi cũng nhớ những Noel xa xôi hơn nữa khi cha mẹ còn tại thế. Mỗi Giáng Sinh, bao giờ mẹ tôi cũng làm món ăn Réveillon cho bố tôi mở rượu champagne uống cùng bằng hữu sau lễ nửa đêm. Năm tháng rơi rụng dần, bạn bè rơi rụng dần, phú quý rơi rụng dần, sức khỏe rơi rụng dần. Những nửa đêm Noel cuối đời, bố tôi chỉ bày champagne ra bàn cho rượu không tủi thân, nhìn ông ăn bát cháo trắng thanh đạm và hiểu kiếp người không lên men với thời gian như rượu.

Hôm qua xem TV, thấy chiếu lại hình ảnh những đội quân Đức và Anh từ hai chiến tuyến đối nghịch trong Đệ I thế chiến, thực hiện lệnh ngưng bắn tạm thời trong ngày lễ Giáng Sinh. Họ vẫn ở tư thế nai nịt sẵn sàng, để gây sự hay phản công nhưng từ dưới chiến hào và sau những ụ cát, họ gọi nhau chúc mừng Giáng Sinh trong khoảng cách không gian mà sự yên lặng khác thường làm cho sâu lắng hơn, những lời chúc mừng tôi tin là rất chân thật trong giờ phút thiêng liêng ấy. *MERRY CHRISTMAS! MERRY CHRISTMAS! We don't shoot! We don't shoot!*

Tinh thần Giáng Sinh là Thương Yêu và Hòa Bình. Qua hai thế kỷ, Giáng Sinh vượt lên trên nghi thức tôn giáo để trở thành một ngày lễ cả thế giới tôn vinh những giá trị cao quý của loài người, ca tụng cuộc sống đùm bọc và lòng biết ơn nhau.

Lang thang trên mạng, bắt được câu chuyện kể về cây tầm gửi thường bị văn hóa Á châu nói chung, Việt Nam nói riêng, chê bai sự nương tựa vào người khác. Lẽ ra, sự nương

tựa ấy là ưu điểm, là niềm tin của kẻ yếu, là chia sẻ của kẻ mạnh để cùng nhau tồn tại. Tầm gửi quấn quít thân tùng bách nhưng tươi tốt bằng nhựa sống luân lưu trong chính vóc vạc gầy gò của nó, như giây trầu không quấn vào thân cau để làm biểu tượng cho nhân duyên vợ chồng. Đẹp quá đi chứ, đâu có gì sai?

Từ thời Trung cổ, tầm gửi nguyên thủy tượng trưng cho sức sống và khả năng sinh sản. Thế kỷ 18, tầm gửi đường bệ bước vào vị thế một thứ trang sức ngày Giáng Sinh, lý do vì sao hiện vẫn chưa hết tranh cãi. Tuy nhiên, sự tích vinh quang của tầm gửi được lưu truyền tới nay thì chao ôi là dễ thương!

Thoạt tiên, đây là tập quán trai gái hôn nhau dưới cây tầm gửi, bắt đầu từ giới tôi tớ Anh quốc trước khi lây lan qua giới trung lưu. Ngay lúc khởi đầu, người nam được phép hôn bất cứ người nữ nào đang đứng bên cây tầm gửi và nếu cô từ chối, có nghĩa là cô bỏ qua vận may. Một phần khác của tập quán cho và nhận này có lẽ nhằm giới hạn lòng tham của người nam nên căn dặn chàng cứ sau mỗi *nụ hôn vội vàng* kia, phải ngắt xuống một nụ tầm gửi và khi cành hết sạch nụ thì chàng phải ngưng đi tìm cơ hội. Có ai biết trước khi đáo hạn, có bao nhiêu lứa đôi đã trở thành bạn trăm năm?

Câu chuyện cho tôi vài suy nghiệm ngộ nghĩnh. Có phải tầng lớp tôi tớ dễ dàng chia nhau thiện ý từ trái tim họ vì đó là của báu duy nhất họ có thay vì giới thượng lưu quý tộc không biết lựa chọn gì giữa quá nhiều thứ họ sở hữu nhưng lại khó định giá mỗi thứ? Có phải giới trung lưu vai vế xã hội vốn cao hơn giới tôi tớ, hân hoan tiếp nhận ngay tập quán này không một chút câu nệ đẳng cấp là vì tiếng gọi hồn nhiên của trái tim làm rung động lòng người nên có sức thu hút mãnh liệt? Có phải hàng giáo phẩm tổ chức nghi thức chào mừng Giáng Sinh đã cho tầm gửi góp mặt với những vật dụng trang trí ngày đại lễ là vì ý nghĩa nó biểu trưng rất gần với thông điệp tình yêu của

Thiên Chúa, một tình yêu xóa nhòa mọi biên giới ngăn cách của đời thường?

"Vinh danh Chúa Cả trên trời, Bình an cho người dưới thế". Mơ ước hiền hòa ở vế thứ hai ấy có bao giờ thành sự thật? Giáng Sinh năm nay thế giới đau buồn vì những vụ khủng bố ghê rợn trong đó tình mẫu tử thiêng liêng nhất được dùng như một mặt nạ ngụy trang tội ác. Hàng triệu nạn nhân chiến tranh ở Syria chạy trốn tham vọng và sự tàn nhẫn của con người, không tìm được nơi tá túc vì sự nghi kỵ và chán ghét bạo lực của dân cư những xứ sở có thể mở cửa. Xã hội văn minh từ lâu không còn chấp nhận giáo dục bằng roi vọt nhưng các quốc gia văn minh vẫn hô hào biện pháp răn đe/trừng phạt các mâu thuẫn bằng vũ khí và chiến tranh.

Không biết nếu đèn, hoa, bong bóng, giây kim nhũ mừng Giáng Sinh không được gỡ xuống sau mùa lễ, nếu nhạc Giáng Sinh vẫn vang vọng khắp nơi như trong không gian đêm thánh vô cùng, liệu bộ mặt trái đất có đổi thay hay con người sẽ như con nghiện chợt tỉnh cơn say, lại thấy trống vắng và nhớ rượu đi tìm?

Di sản

Tháng 7 năm 2015, tôi có nhu cầu chuyển đổi nơi cư trú. Ngôi nhà mới các con mua cho tôi ở thuộc thị xã Santa Ana.

Nếu tin rằng mọi việc trên đời xảy ra, thành tựu là do duyên nghiệp thì nơi cư trú của một người luôn chứng minh rõ điều này. Một ngôi nhà trong tình trạng ở được, vừa với khả năng tài chánh của giới trung lưu thời điểm cuối năm 2015, không đáp ứng mọi ao ước của người mua dù chấp nhận trải qua nhiều tháng/nhiều ngày kiên trì theo chân một vị chuyên viên mua bán nhà đất, nhòm ngó đỏ con mắt.

Cuối cùng, khi tới số, rồi cũng sẽ có một căn nhà nào đó với ít nhiều khuyết điểm nhưng giữa nó và người mua làm như có sự cột buộc, là cảm giác bằng lòng nhau. Ví dụ, bên trong căn nhà trông rất vừa mắt nhưng nhìn ba bề bốn bên hàng xóm, thấy ngại ngần vì xe cộ đậu nghênh ngang, những chiếc xe không vì cũ mà vì chủ nhân không săn sóc, trông chúng nhếch nhác, lôi thôi như quần áo không giặt. Xem chừng không nên ráng chen vào, đành tháo lui. Một nơi khác, may mắn được chị bạn đi cùng. Căn townhouse mới tân trang trong một khu nhiều thảm cỏ xanh, thấy được quá, lại trong tình trạng short sale, giá hời. Kín đáo quan sát nét mặt bạn, thấy chị lạnh tanh. Ra khỏi đó, gặng hỏi, chị miễn cưỡng trả lời: "Coi bộ bồ kết quá, không tiện ý kiến ý cò nhưng mình thấy đông trẻ con, sợ ồn ào." Câu nói khéo

của chị gợi ra đủ thứ hệ lụy, làm tan rã kết quả cuộc đi coi mắt nhà với nhiều hy vọng.

Thế nhưng, sau 90 ngày hoài công tìm kiếm, khi tôi đã chán, muốn bỏ cuộc và bảo con tự quyết định lấy, không cần tôi nữa thì cô địa ốc gọi: "Bác ơi, có căn này mới ra thị trường bữa nay mà đã gần 10 offers rồi, con đưa bác đi coi." Cô nói không sai, tuy có một chi tiết về ngôi nhà tôi vốn không mặn lắm, là nó nằm trong thị xã Santa Ana. Kỷ niệm sớm sủa ngày đầu tiên tới Mỹ ở thành phố này vẫn còn đậm nét trong tôi. Những buổi tối ăn cơm vội vàng rồi đi học ESL trong khu công viên Centennial Park, chỉ qua một đoạn đường ngắn chừng nửa dặm mà cứ chốc chốc tiếng chân người đi những bước nặng nề phía sau lại khiến tim tôi đập muốn vỡ lồng ngực. Ban đêm đã vậy, sáng sớm mùa đông trời còn tối, khi tôi xách túi cơm trưa đứng chờ bên ngoài cái hàng rào sắt nhà cô bạn đồng nghiệp hàng xóm nhận cho tôi quá giang xe tới sở làm mà có hôm cô ngủ quên, chưa dậy, đèn đóm trong nhà chưa sáng, hè đường vắng tanh dưới hai hàng cây cao làm tôi bơ vơ một mình, khiếp sợ đến tê dại.

Thời gian trôi qua chưa hết năm, tôi quen dần với cuộc sống Trời cho sao, nhận vậy. Đang tạm yên lành thì mẹ tôi bất ngờ ngã bệnh, không hồi phục và qua đời. Rời bỏ hai gian phòng trong căn nhà thuê chung với một gia đình đồng hương, chúng tôi dọn ra chung cư. Con gái lớn của tôi xong đại học, có bạn trai, một lần cô ngập ngừng hỏi tôi: "Mẹ, con có nên để bạn con đến đây đón con không?" Hiểu nỗi băn khoăn của con và xót xa mình không bảo bọc được con tươm tất hơn, tôi trả lời: "Nếu bạn thân, mẹ nghĩ sự chân thật là cần thiết. Nếu không, con không có gì phải miễn cưỡng." Ít lâu sau, điều kiện sống khá lên, các con nhỏ khôn lớn thêm, đi làm phụ, chúng tôi dọn đi thành phố khác, tự nhủ thầm không trở lại nơi này nữa.

Thế mà rồi duyên nghiệp đẩy đưa, 25 năm sau một mình tôi về lại chốn cũ, nơi ở này cách nơi ở kia chỉ một cây

cầu chia chung một giòng sông Santa Ana quanh năm cạn khô, phơi lòng xi măng trắng hếu.

Ngôi nhà "mới" tôi ngắm thuộc loại được xem là điển hình cho những ngôi nhà 3 phòng, nhỏ xíu, xây cất từ đầu thập niên 60, theo kiểu dáng phổ thông hình chữ L, thường được các thầy phong thủy của ta chê là bất lợi vì chỗ bụng bị khuyết, muốn chữa, phải trồng một cái cây ở chỗ khuyết này. Có lẽ cũng là nhân duyên Trời định, chủ nhân căn nhà đã trồng sẵn giùm tôi cái cây có năng lực trấn yểm ấy, tán lá rậm tròn xoe như cái lọng màu xanh lục lấm tấm những cái nụ đỏ.

Bước vào bên trong căn nhà lúc xế chiều một ngày tháng 5, tôi cảm giác như đứng trong một cái lò sưởi mở lớn hết cỡ. Cô chuyên viên địa ốc phải mở toang cánh cửa chiếc tủ lạnh bỏ không nhưng vẫn cắm điện để lấy chút hơi mát, chẳng thấm tháp gì trong cái nóng ghê hồn xung quanh. Cô địa ốc vừa gạt mồ hôi trên trán vừa thành khẩn giải thích: "Không sao bác, nóng dễ chữa thôi vì nhà hiện không có insulation nhưng..." Và cô kể ra hàng loạt ưu điểm của căn nhà để hướng dẫn cách nhìn và suy nghĩ của tôi. Những gì cô đưa ra đều hiển nhiên, nhãn tiền, nên đều đúng cả tuy chúng ở dạng không sẵn sàng như cái cây ở ngoài sân, khiến tôi phải loanh quanh tính nhẩm trong đầu những việc sẽ phải làm, không biết có kham nổi không?

Ấy là xem hay tính thì cứ xem, cứ tính nhưng căn nhà có tới mười bảy người muốn mua và hiến giá, chắc con số sẽ cao vời vợi, dễ dầu gì với tới được. Con gái tôi lượng sức, viết xuống một đề nghị rồi hai mẹ con bảo nhau cầu nguyện và...chờ xem. Thêm hai tháng nữa trôi qua với không một tin tức nào phấn khởi. Kế hoạch từ mua đành chuyển sang thuê, chấp nhận mỗi tháng chi một khoản tiền vô tang tích để có chỗ ở gần khu tiểu Sàigon với nhiều hơi hướm quê nhà. Một buổi trưa chưa biết nên làm gì trong tâm trạng ê ẩm và mệt mỏi vì phải bắt đầu lo dọn dẹp mấy tủ sách, con gái tôi điện thoại báo tin chủ nhân căn nhà nhận bán nó cho

chúng tôi vì hai người trả giá cao hơn không ai vay được nợ ngân hàng cả.

Kinh nghiệm dân gian dường như lúc nào cũng đúng, "có phước, có phần," chúng tôi dọn vào căn nhà do người thừa kế đứng bán, được hưởng nhiều di sản tinh thần của người chủ không biết mặt vì ông nghỉ hưu ở nơi xa. Những gì ông để lại không thực sự đáng giá về mặt tài chánh nhưng chúng thể hiện một nhân sinh quan đáng nể, hoàn cảnh nào cũng tạo được niềm vui: cây Trà Hoa Nữ ngoài cửa sổ nhà bếp; cây bìm bịp đỏ ngoài cửa sổ phòng ngủ, mấy khóm hồng ở vườn sau, mỗi cây cho cả trăm bông; sự chịu đựng khắc khổ thật khó hình dung đối với cái nóng nung người trong ngôi nhà suốt nhiều thập niên dài chỉ có một cái quạt trần duy nhất trong phòng ngủ chính, mà tôi kinh ngạc không hiểu vì sao ông không tìm cách thay đổi? Ông lựa chọn lối sống hãm mình, khắc kỷ triệt để ấy hay ông chỉ có đủ phương tiện tạo dựng một căn nhà khiêm nhượng rồi từ đó không có may mắn nào tới với ông nữa, cho phép ông tu bổ cái tổ ấm của ông cho khang trang hơn? Hay người đàn bà của ông đã bỏ ông đi để ông thấy khoảng trống bà để lại không gì có thể lấp đầy và không còn nỗi thống khổ nào to tát hơn, không còn hư hao nào trong căn nhà có thể sửa chữa? Tôi tự hỏi trẻ con đã lớn lên, đã trưởng thành trong ngôi nhà này với cùng một sự chịu đựng khắc khổ như ông ư? Ông đã nuôi dưỡng, dạy dỗ chúng cách nào mà tôi đọc thấy trên cái bồn hoa sát lối đi ở sân trước, một đứa cháu không biết nội hay ngoại của ông, đã âu yếm khắc trên xi măng ướt tiếng gọi đầy thương yêu của chúng "Stewart, grand Pa." Tuy người con gái thừa kế bán ngôi nhà cô không cần tới nữa nhưng tôi chắc ông đã thực sự để lại tình cảm mến sâu sắc với hàng xóm, láng giềng bởi khi tôi về đây, các gia đình hai bên niềm nở chào hỏi tôi một cách thân thiện lạ thường, cho biết họ sẵn sàng giúp đỡ những gì tôi cần, thể hiện hình ảnh của ông ngày trước: một người tốt bụng, dễ hòa đồng, đã lưu lại trong lòng mọi người những dấu ấn tình người khó quên.

Khi căn nhà dần dần ổn định, chúng tôi xới đất ở vườn sau, định trồng mấy cây ăn trái tuyển chọn giống thật ngon. Các con tôi cười, chế diễu: "Mẹ trồng cho người khác ăn, sao phải kén cây kỹ vậy?" Tôi biết các con tôi không nhìn thấy những điều tôi nhìn thấy, không nghĩ, không cảm giống tôi, mà có lẽ tôi thật sự cũng chẳng khác gì chúng ngày tôi bằng tuổi chúng.

Lớn lên ở Huế, miền trung Việt Nam, cho tới biến cố 30/4/1975, tôi được thấy rất nhiều những ngôi nhà cha truyền con nối qua nhiều thế hệ, hầu như không bao giờ thay đổi chủ quyền ngoại trừ một số hoàn cảnh hãn hữu như làm ăn thua lỗ, mùa màng thất bát, cờ bạc ham vui phải bán nhà trả nợ. Ngoài những ngôi nhà hương hỏa mà người trưởng tộc phải giữ bằng mọi giá, kể cả với sự đóng góp tài chánh hàng năm xuống tận các chi nhánh của dòng họ, ở xa hay gần, nếp sống ít di chuyển của người Việt Nam thường chứng kiến cuộc đời của một người sinh ra, lớn lên, trưởng thành, già đi rồi qua đời dưới cùng một mái nhà, đi về cùng một con đường và từng lên xuống cùng một bậc thềm.

Cuộc sống tại nhiều đô thị kinh tế ở hải ngoại rất khác. Người dân thay đổi chỗ ở như làm những chuyến đi ngắn hạn, nhắm tới những mục tiêu phù hợp với nhu cầu vào một thời khoảng nào đó trong đời họ, với hành trang cũng thay đổi khác nhau. Cuộc sống vội vã, hướng về phía trước. Di sản tinh thần của môt người, nếu có, sẽ được xướng lên lần cuối trong những bài ai điếu bên mộ phần, đẹp đẽ nhiều lần hơn những gì người ấy đã làm và được ghi nhận khi còn tại thế, là những bông hoa thoảng hương lần cuối ngậm ngùi ném xuống áo quan thay lời tiễn đưa. Rồi thôi. Rồi hết. Rồi mặt nước loang vì viên sỏi rơi khép lại và bốn bề tịch mịch.

Thời nay, dường như ít ai còn bận tâm về hai chữ di sản. Nó như món đồ trang sức cổ xưa, óng ánh trong bảo tàng ngôn ngữ của loài người.

ĐỊA TẠNG SÁM

Ở cái thời đại mà phần lớn tin tức nghe được hay xem được trên các đài phát thanh, truyền hình, Internet và báo giấy, thường là tin xấu: khủng bố, chặt đầu con tin, tàn sát hàng loạt nạn nhân vô tội, vợ chồng giết nhau, cha mẹ giết con cái, con cái giết cha mẹ, người tình bạc đãi hay phụ phàng, đồng loại thù oán v.v... mọi người dường như chợt tìm ra chân lý: thiên đàng/địa ngục không ở đâu xa mà ở ngay trong bản thân mỗi người.

Như vậy, tu tập là vấn đề lo cho mình trong kiếp hiện tiền, trong giây phút hiện tại và trong từng sát na mình đang thở, đâu phải đợi tới đời sau?

Thầy Hằng Trường, hội Từ Bi Phụng Sự, đã cho ấn hành và phổ biến rộng rãi cuốn Địa Tạng Sám. Đây là một công trình tâm huyết, được kiến tạo hết sức công phu và tuyệt đẹp, hướng chúng sinh đến tâm nguyện sám hối chuyện đã qua để khai mở thiện tánh bị bỏ quên trong cõi lòng tăm tối. Người hành giả dâng hiến đời mình phục vụ đại tâm từ bi của chư bồ tát bằng pháp giới ngôn từ siêu việt, hiểu rằng ý tốt lành này phải cần đến đại hùng lực của đức Địa Tạng mới mong chuyển hóa được chúng sinh từ bỏ ác nghiệp, thoát khỏi bờ mê bến lú để tới được miền an lạc.

Chữ có câu: "Tâm động quỷ thần tri," chú tâm cầu phước cho người của hành giả, hy vọng khởi được duyên

lành trong bá tánh dẫu biết rằng công việc này không khác nào đội đá vá trời, hà hơi mong làm lay động vạn lý trường thành.

Lời lẽ trong Địa Tạng Sám diễm lệ như ngọc châu, thơm ngát trầm hương, long lanh tỏa sáng. Người đọc bồi hồi, ôm ngọc trong hai bàn tay cạn, dễ nắm, dễ buông, ngắm nghía cho thỏa nhưng không có chỗ đeo. Là bởi vì tâm chưa mở, trí huệ chưa mở, cảm xúc chưa thấm, sách gối đầu giường hay bày lên án thư cũng tựa như cẩm nang xem qua rồi gấp lại, để thời gian phủ bụi lãng quên.

Hành giả đi trao truyền Phật pháp, lời nói hay nhất thị hiện ngay chính trong cuộc đời mình: ta đâu còn là ta nữa? Phần quý giá nhất, tinh nhuệ nhất của ta thuộc về chúng sinh. Hình hài, thân tứ đại, có hợp có tan, có sạch có dơ, phải tự mình gạn lọc, vun trồng, cấy hái mỗi ngày, mỗi giờ để có trái quả tốt tươi mà ban tặng thập phương.

Hành giả miệt mài gõ đến chẩy máu mười đầu ngón tay những cánh cửa đóng. Cửa nhà giàu bằng gỗ quý, khóa đồng, khóa sắt. Cửa nhà nghèo tuy dễ mở nhưng nội thất trống trơn. Chỗ không vào được, chỗ vào khoảng không. Đành sấp mình đảnh lễ, cầu nguyện, xin ơn. Cho nhà giàu mở cửa, ít nhất là cửa ngoài. Cho nhà nghèo mải tha phương cầu thực quay về. Ước chi họ thâm nhập được vào tâm hành giả, như căn nhà bốn bề rộng mở nhưng người đi qua lãnh đạm, có khi ghé mắt nhìn vào rồi vội vã ra đi. Giàu nghèo, tâm thế có khác, cảm nghĩ có khác nhưng cái đích tới thì chung: giàu đi tìm thêm những cái đang có. Nghèo đi tìm những cái chưa có. Tiền bạc thế gian tưởng là thật vì mua được mọi thứ, hóa ra mua toàn hàng giả. Chả thế mà Bill-Melinda Gates, Warren Buffet lại sẵn lòng cho đi hết của cải để có được những thứ mà tài sản của họ, to lớn nhường nào, cũng không mua được: sự an vui trong tâm hồn, là phước báu của đời người, tới từ nhiệm ý biết thế nào là đủ và biết làm cho số phận hẩm hiu của những kẻ kém may mắn xung quanh họ được sáng sủa hơn.

Thái tử Tất Đạt Đa muốn nhìn thấu cốt cách thực sự của bản ngã, biết rằng phải rũ bỏ màn che trướng rủ, phải ra khỏi hoan lạc như ly rượu uống tới cặn, phải nhỏ xuống bằng một hạt bụi trên đường đi. Ngài từ bỏ ngai vàng, cung điện, vợ đẹp con khôn, tự mình bước ra khỏi ảo ảnh những vinh hoa tạm bợ, là xiềng xích óng ánh giam hãm thân tâm, thần thức, để giải phóng mình, đạt đến cái thức cao cả nhất, to lớn đến vô biên, vượt qua cả Đại Ngã và tan vào Vô Ngã. Tới được chỗ này, hai chữ Tự Do đi với Vô Úy sáng lòa, chói chang.

Liễu đạo rồi, đức Phật khuyến dụ chúng sinh: ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Quãng đường giữa hai thì động từ "đã" và "sẽ" ngắn hay dài, dễ hay khó tùy thuộc người tu tập hấp thụ bài học của đấng Thế Tôn nhanh hay chậm.

Nhỏ xuống như một hạt bụi để không còn chỗ cho hệ lụy trần gian bám vào. Nhỏ xuống như một hạt bụi để không có gì án ngữ được nó trên đường bay. "Nhu thắng cương, nhược thắng cường," nhiều người không áp dụng được triết lý này vì không tin, vì không chấp nhận mình thua trước khi thấy mình thắng. Nhỏ mạnh hơn lớn, trong mắt người thường, càng huyễn hoặc hơn nữa. Nghĩ được như thế, nếu không có căn cơ, ắt cần có Đức Tin.

Tu tập là đi tìm sự hoàn chỉnh, cho mình trước, cho người sau. Tục ngữ có câu: "Thương người như thể thương thân." Nói như vậy vì ông bà chúng ta sống ở một thời đại mà nội lực trong nội tâm mỗi người chưa bị soi mòn, hư hao; mà của cải tổ tiên để lại còn dồi dào, nguyên vẹn, như những cái chum chứa đầy nước mưa trong trẻo từ trời. Đến thời chúng ta đang sống, văn minh càng cao, nhu cầu càng nhiều, càng tiêu xài hoang phí tài sản cha ông để lại, túi cạn kiệt, lòng cạn khô, lấy gì mà thương người? Nên phải đổi lại: tích lũy cho mình trước, nhiên hậu mới có của mà trao tặng tha nhân. Nghĩa là "biết thương thân, sẽ khắc biết thương người." Trong thực tế, chưa trọn với mình, khó mà

trọn với người. Miễn là trọn với mình, hưởng hết ân sủng may mắn này thì biết nghĩ đến người mà san sẻ, để cái trọn riêng mình ngày càng tràn trề hơn, sung mãn hơn do không ngừng được nhân lên và phát triển đến vô cùng. Hẳn đây cũng là suy nghĩ của bậc hành giả: trong ta có người, trong người có ta. Không nhận ra anh chị em mà ganh ghét, thù oán, hãm hại, triệt hạ nhau là vì bức màn vô minh dày đặc quá. Thêm một khía cạnh tâm lý trong góc tối vô thức của con người là con người muốn làm khổ nhau, thích làm khổ nhau, bày mưu tính kế làm khổ nhau vì cứ ngỡ người kia sung sướng hơn mình, quên rằng đời là bể khổ, nhân loại trầm luân ở những khúc sông khác nhau nhưng không ai sung sướng cả, không ai khô ráo cả, có chăng là những ai sớm biết thương thân để biết bỏ của chạy lấy người, leo lên bờ giác, dang tay vẫy gọi người còn mải mê lặn hụp giữa giòng.

Nhân sinh quan "bỏ của chạy lấy người" là một hình thức đối kháng tiêu cực nhưng ở mặt khác, đó là bước chân khôn ngoan trên hành trình đi tìm hạnh phúc viên mãn. Giữa người và của (đều phù du cả) hãy chọn lấy người vì người làm ra của. Của đây bao gồm của cải thế gian hay của là phước báu do tâm thế an lạc mà có.

Thầy Hằng Trường biên soạn Địa Tạng Sám là muốn kêu cầu tới sức đại gia trì của Bồ Tát Địa Tạng, đã tinh tấn thành tựu qua vô lượng kiếp tu của Ngài, cùng sự hiệp lực của cả đạo tràng cất lời van xin Ngài xuống oai thần, giúp cho mọi ai trong Đạo Tràng chuyển họa thành phước, giải thoát nghiệp tiền thân, chấm dứt ốm đau bệnh hoạn. Hành vi này do từ tâm của bậc hành giả trên đường hành đạo, từng va chạm, nhìn rõ, thấu hiểu nghiệp lực sân si của đại chúng và cũng tự biết một sức mình không thể nào làm lay chuyển hay hóa giải nó nên trải hết tâm thành, một mặt thiết lập trai đàn kêu gọi đại chúng khiêm cung dọn mình nhập sám, một mặt xin mười phương chư Phật, chư đại bồ tát và đức Bồ Tát Địa Tạng dùng oai lực tiếp trợ. Tri thức

hữu hạn của con người cần đến lễ vật và nghi thức hành đạo trang nghiêm để thức tỉnh mình, để làm cho mình biết sợ và biết trông cậy, thiết tưởng sự sắp đặt này không thừa.

Tuy nhiên, triết lý Phật giáo nhằm khai mở và mọi công trình tu tập phải bắt đầu từ cá nhân. Một hay một số người không lo cho tỷ tỷ nhân loại được nhưng mỗi chủng tử trong nhân loại tự lo cho mình thì mặt đất này sẽ dần dần thánh hóa.

"Những tâm thái tốt lành, ai ai cũng sẵn có."(Sách Địa Tạng Sám, trang 05) Tựa như hạt thóc giống đã được gieo trong đất, con người muốn có lương thực nuôi sống mình, phải dầm mưa giãi nắng, cày bừa, cấy hái mới nhận được hạt ngọc từ Trời. Trông cả vào nhà nông, như một câu ngạn ngữ đã nói: Hết gạo chạy rông...Công khó của ai, thành quả thuộc về người đó. Làm thay, tu hộ, là tâm lý ỷ lại, là đi đường vòng, là có ngọn, không có gốc. Nhà buôn quanh năm miệt mài làm ăn, thâu lợi. Lâu lâu nhớ tới các bậc xuất gia sớm tối kinh kệ cầu an, cầu phước cho mình, bèn lái xe chở phẩm vật tới thiền môn hay cúng dường tịnh tài vào chùa mà nghĩ là mình đã tu, xin được gọi đây là pháp môn Ủy Nhiệm. Nếu như bản thân các thí chủ đại gia này không hề dâng cúng hương hoa từ cõi lòng tinh tấn của họ thì lễ vật cũng bằng không. Trên thang điểm từ 1 đến 10, quý vị ở mức thấp nhất, để bắt đầu.

Suy cho cùng, kiến thức là những gì còn lại sau khi đã đọc qua, đã chiêm nghiệm thiên kinh vạn quyển. Cũng vậy, bản đồ gấp lại nhưng nếu đã ghi nhận, đã thông thuộc đường đi thì lộ trình thuộc về ta. Con đường đạo không có gì phức tạp, chỉ vỏn vẹn gom vào hai chữ Từ Bi. *"Yêu em, lòng chợt từ bi bất ngờ...*Cây từ bi sinh trái yêu thương. Muốn yêu thương người khác, hãy thấy ta trong họ. Muốn tôn trọng người khác, hãy thấy ta trong họ. Muốn giúp đỡ người khác, hãy thấy ta trong họ. Muốn tha thứ người khác, hãy thấy ta trong họ. Muốn chấp nhận, tránh soi mói lỗi lầm của người khác, hãy thấy ta trong họ.

Ở đâu có yêu thương, ở đó có hòa bình và hạnh phúc. Ở đâu có hòa bình, hạnh phúc, ở đó có phát triển và phồn thịnh.

Con đường đạo không cản trở, không làm chậm lại sự tiến bộ của nhân loại. Trái lại, nó ban cho những công trình xây dựng của loài người vẻ đẹp sống động của một nền văn minh nhân bản.

ĐIỀU GIẢN DỊ

Một người bạn trong nước gửi cho tôi cuốn video thu hình toàn cảnh một lễ cưới cử hành với màu sắc Phật giáo hết sức lộng lẫy và sang trọng. Tấm bảng nhỏ có hai hàng chữ Lễ Hằng Thuận (trên) Budhism Wedding Ceremony (dưới) trình bày trang nhã với màu xanh thiên lý tươi mát bên cạnh khóm hoa Tú Cầu để ngay cửa vào. Máy bay chụp từ trên không trung. Đoàn xe rước dâu mang các nhãn hiệu đắt giá chạy qua các đường phố Hải Dương, từ tư gia nhà trai/ nhà gái tới chùa. Cả thành phố hay khu vực này của thành phố chừng như mới tân trang. Những con đường rải nhựa thẳng tắp, sạch bóng, cây kiểng xanh tươi, cắt xén mỹ thuật, ngăn đôi hai chiều xe cộ lưu thông.

Chùa tọa lạc trên thửa đất ngoại thành. Không ảnh từ trên cao nhìn xuống cho thấy lều vải cất san sát trong khuôn viên chùa, chuẩn bị tiếp đón nhân sự cho lễ cưới. Dưới đất, dọc hai bên lối vào chánh điện trang hoàng với nhiều chậu hoa tươi trình bày rất nghệ thuật. Khách mời ngoài quan viên hai họ, đông hàng trăm người, có sử gia Lê văn Lan và ngót nghét ít nhất chừng trên dưới ba mươi quý vị Thượng tọa, Đại đức, Tăng ni trong sa y màu vàng, nâu, xám tro, tràng hạt đeo cổ, đeo tay, đi thành hàng một tiến vào nơi hành lễ trước Phật đài. Ngoài địa phận nhà là Hải Dương, tăng đoàn từ nhiều ngôi chùa ở nhiều nơi: Bắc Ninh, Nghệ

An, Hạ Long, Thái Bình, Hải Phòng, Thanh Hóa, Saigon... cùng vân tập về đây để cử hành hay tham dự hôn lễ của đôi uyên ương trẻ, chắc hẳn xuất thân từ hai gia đình Phật tử có hằng tâm và thanh thế lớn trong xã hội nên mới có sự quen biết rộng rãi nhường ấy.

Tam Bảo với bốn pho tượng Phật uy nghi sáng choang ánh đèn điện. Những chậu lan tím hoa rủ, lạ mắt và sang cả, được bày theo hàng dọc từ thấp lên cao. Không có hoa sen hay hoa huệ ta trên bàn thờ nhưng hoa tươi đủ loại ở khắp nơi trong đại điện rộng rãi. Tám vị tăng sĩ quỳ theo hàng ngang bắt đầu khai kinh. Tiếng tụng niệm qua loa khuếch âm lan tỏa khắp chánh điện. Tất cả khách mời an tọa trên những hàng ghế đặt san sát hai bên lối đi trải thảm xanh ở giữa. Những đôi tay thành kính chắp ngang ngực, những khuôn mặt càng trang nghiêm hơn trong khung cảnh trầm mặc tràn ngập đạo vị. Xong phần kinh kệ cầu an cho đôi tân hôn, sân khấu thay cảnh với mỗi bên tả hữu một chiếc bàn dài trải khăn trắng, rực rỡ hoa tươi, bốn vị sư an vị ở mỗi bàn. Giữa hai bàn này là một chiếc bàn nhỏ, vuông vức, vừa đủ cho vị Thượng tọa chủ hôn ngồi chứng kiến và chứng giám buổi lễ kết hợp nhân duyên vợ chồng cho cô dâu và chú rể. Vị tỳ kheo làm MC cho buổi lễ xuất hiện phía sau cái bục nhỏ đặt ở góc phía trong, cũng được trang hoàng với một chậu hoa thật đẹp, giới thiệu chương trình gồm mười tiết mục, bắt đầu bằng phần giới thiệu quan khách có mặt, phần nghi lễ, phần thuyết trình ý nghĩa của chiếc nhẫn cưới, phần cô dâu chú rể trao nhẫn, đọc lời thề hứa, phần huấn từ của Thượng tọa chủ hôn, phần phát biểu đặc biệt của sử gia Lê văn Lan và cuối cùng, lời cảm tạ của đôi vợ chồng mới đại diện hai họ.

Tiệc cưới diễn tiến trong căn lều thiết kế thật sự "hoành tráng," cổng vào bề thế, màn cửa voan mỏng tung bay trong gió. Cô dâu, chú rể thay bộ áo dài cưới giống hệt nhau, may bằng lụa tơ tằm màu trắng thêu những vòng mây tròn ôm lấy hai chữ song hỷ màu xanh da trời trên ngực, trên vạt áo,

trên hai cổ tay. Để cắt bánh, chú rể mặc âu phục, cô dâu mặc áo dài thời trang. Rượu champagne bốc khói tràn trề trên những chiếc ly xếp theo hình kim tự tháp, trong tiếng hát và tiếng đệm guitar của hai nhạc sĩ trẻ giúp vui. Ghế ngồi của quan khách phủ bọc ghế mới tinh, thắt thành cái nơ lớn sau lưng, xếp đều đặn xung quanh các bàn tiệc.

Nhìn chung, đây là tiệc cưới hoặc của con cái nhà giàu, được cha mẹ đứng ra bao biện hoặc do chính sự thành công của cô dâu/chú rể trong việc tạo dựng sự nghiệp riêng với tài chánh dồi dào cho phép chi tiêu mạnh tay đi kèm với khả năng tổ chức thật hoàn hảo. Nếu không đặt vào bối cảnh một xã hội còn nhiều người nghèo đói hay trong tinh thần Phật giáo với ngụ ý của đám cưới, đối với tôi, đây là một đám cưới đẹp, thể hiện phần nào các giá trị cốt lõi của nền văn hóa trọng lễ nghĩa lâu đời của người Việt Nam: đức tin, sự hiếu thuận với cha mẹ, tình cảm với quyến thuộc, bằng hữu, sự tương kính và trách nhiệm thủy chung giữa vợ chồng…

Điều khiến tôi băn khoăn là lời phát biểu của sử gia Lê văn Lan, được ban tổ chức lễ cưới đặc biệt giới thiệu là khách quý của gia đình hai họ. Tôi thực sự không biết ông có được tham khảo ý kiến trước khi nhà trai nhà gái quyết định cử hành đám cưới theo cách mọi người đã được thấy, "một đám cưới Phật giáo, gọi theo ngôn ngữ Phật giáo và Phật học, là lễ Hằng Thuận, và vẫn theo lời ông, là biểu tượng tiên phong của xu hướng này" hay không (?) hay ông chỉ nhân danh nghĩa vụ là người bạn thân tín của gia đình và vỗ tay vào để có niềm vui đồng thuận?

Theo sử gia Lê văn Lan, đại ý "đạo Phật từ Ấn Độ du nhập vào Việt Nam sớm nhất, trước nhất trong toàn vùng Đông Nam Á cách nay hai ngàn năm so với Công giáo mãi sau này ở thế kỷ thứ 15. Nho giáo vào Việt Nam thời gian đầu công nguyên đã lập tức chú trọng đến tính cách hệ trọng của hôn nhân trong đời sống của đôi lứa, của gia đình, của dân tộc, thể hiện qua bốn chữ Quan, Hôn, Tang, Tế, bao

gồm trọn chu kỳ của đời người, đã chiếm lĩnh địa phận quan trọng này của xã hội, của dân tộc trước khi Công giáo vào Việt Nam và ý thức rất nhanh, biết khai thác, chiếm lĩnh cái trận địa quan trọng là hôn nhân, là cuộc sống lứa đôi, hình thành cả một văn hóa hôn nhân nhà thờ còn tồn tại tới ngày nay. Phật giáo từ hai ngàn năm trước, không rõ vì sao, có lẽ sau này chúng ta sẽ tìm hiểu cặn kẽ hơn, lại bỏ qua cái trận địa hôn nhân quan trọng này của đời người và xã hội?" Đến đây, ông "chúc mừng Phật giáo và Giáo hội đã kịp thời tham gia, cập nhật, không bỏ lỡ trận địa quan trọng này của dân tộc, của Giáo hội. Từ nay, đứng trước hôn nhân, người Phật tử không còn bơ vơ nữa mà đã có chỗ rồi." Ông ước mong "đám cưới hôm nay sẽ nhân rộng lên, sẽ có tiền đồ rực rỡ đưa đến việc hình thành nền văn hóa hôn nhân Phật giáo."

Tôi còn nhớ rõ, khoảng gần hai thập niên trước tại một ngôi chùa lớn ở quận Cam, đã thấy có vài gia đình Phật tử tổ chức lễ cưới cho con cái về mặt tôn giáo trước Tam Bảo, song song với lễ cưới đời thường nhưng ở quy mô lớn hơn. Khi được hỏi, cô dâu cười hồn nhiên trả lời: "Thấy lễ cưới ở nhà thờ chụp hình đẹp quá, em cũng muốn có hình cưới ở chùa." Tuy nhiên, hỏi tứ thân phụ mẫu đôi bên thì câu trả lời nhuốm niềm tin vào ơn gia hộ của chư Phật: xin một tương lai êm đẹp cho đôi tân hôn. Thực tế cho thấy khuynh hướng này đã không "nhân rộng" (chữ của sử gia Lê văn Lan) có lẽ vì thêm một hình thức tổ chức nữa khiến mất nhiều thời gian sắp đặt cho hai họ vốn đã rất bận rộn với nghi lễ hôn nhân truyền thống.

Tuy nhiên, theo thiển ý kẻ viết bài này, bị giới hạn bởi sự hiểu biết bình thường, sở dĩ người Ki Tô Hữu cử hành lễ cưới tại nhà thờ là vì theo giáo lý Thiên Chúa giáo, hôn nhân là một trong bảy bí tích mầu nhiệm mà người tín đồ phải tuân thủ khi sống trọn vẹn đức tin. Cô dâu, chú rể đưa nhau ra trước cung Thánh xin Chúa làm chứng cho họ "hai nên một" theo thánh ý Ngài, cùng nhau nhắc lời thề hứa

như kinh Thánh đã dạy để sống đẹp tinh thần phúc âm khi Chúa tạo dựng con người. "Cái gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không thể phân chia."

Mỗi tôn giáo có cách hành đạo và sống đạo riêng, khác nhau từ căn bản tín lý xây dựng trên đức tin. Do vậy, không thể so sánh hay sao chép. Ví dụ: tín hữu công giáo ăn chay chỉ kiêng thịt, không kiêng cá tôm, với thành ý bày tỏ lòng ăn năn thống hối và hiệp thông với khổ nạn của Chúa chịu chết trên thánh giá, rất khác với Phật giáo ăn chay phải kiêng tất cả các loài động vật vì tránh sát sinh. Cho nên, Thiên Chúa giáo không chiếm lĩnh, khai thác "trận địa" đám cưới quan trọng của đời người để hình thành nền văn hóa hôn nhân nhà thờ còn tồn tại tới ngày nay như lời của sử gia Lê văn Lan. Hôn nhân nhà thờ là một thực thể luật buộc, sẽ mãi còn tồn tại cùng với thời gian và tôn giáo đã khai sinh ra nó, hiện hữu song song và ở ngoài quy định hành chánh của xã hội. Một đôi vợ chồng ly hôn trước tòa án vẫn là một đôi vợ chồng trong sự quan phòng của Thiên Chúa cho tới khi nào họ được Giáo hội cao nhất cho phép tiêu hôn vì những lý do phù hợp với giới răn.

Trong khi đó, có lẽ Phật giáo đã không hề bỏ lỡ "trận địa" quan trọng này bởi chính đức Phật đã chủ động nén lòng bước ra khỏi hôn nhân sau khi chiêm nghiệm được đây là một trong những nguồn gốc đưa tới khổ đau phiền não cho con người và muốn đi tìm phương hướng giải thoát. Bên cạnh ảo ảnh huy hoàng trong thoáng giây, hôn nhân có thể trở thành mảnh đất màu mỡ cho những xúc cảm tiêu cực: vị ngã, tham ái, giận hờn, ghen tức, tranh đoạt, sân si, dối trá, thù hận. Một cuộc hôn nhân đẹp nhất cũng dễ trở thành bi kịch vì sinh ly hay tử biệt. Ngay cả khi con cái không bình yên, cha mẹ sẽ gánh chịu sầu đau vô lượng. Tất nhiên nhân loại trên địa cầu không ngừng sinh sản và tăng trưởng trong luân hồi của kiếp người nhưng theo Phật, nếu con đường đi bớt chông gai, không bị nghiệp chướng dẫn dắt, thì cuộc sống sẽ đáng sống và có ý nghĩa hơn. Mở lòng

ra như thiên nhiên với vạn vật, làm lành, nghĩ lành, biết thương yêu thật sự và biết san sẻ, thấy người trong ta và ta trong người, chỉ chừng đó thôi là đủ tràn trề hạnh phúc. Chỉ chừng đó thôi thì dù ở đâu, với ai, mặt đất này cũng là cảnh giới niết bàn.

Kêu gọi minh triết và khuyến khích tự do tư duy để làm chủ bản thân, Phật không buộc chúng sinh đi con đường của Phật, ngay cả hệ phái Cổ Sơn Môn với pháp tu cho phép nhà sư ăn mặn và có vợ, thiển nghĩ không ai nên vì lý cớ gì bắt Phật phải chứng minh việc kết hợp đôi lứa là điều Phật đã từ bỏ. Một lúc nào đó, nhà chùa có thể dâng sớ cầu an theo niềm tin và thỉnh nguyện của tín hữu nhưng tiến hành đám cưới trước tam bảo, nhất là với sự xa hoa hết mực như thấy trong cuốn phim, là đi ngược lại nếp sống giản dị, thanh bần của Phật khi tại thế, có lẽ chúng ta cần xem lại.

ĐỌC
TÂY TIẾN (QUANG DŨNG)
& BIÊN CƯƠNG HÀNH (PHẠM NGỌC LƯ)

Trong lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam cận đại, có một thời khi lòng yêu nước của người dân chưa bị ô nhiễm vì tham vọng chính trị của những kẻ thời cơ, hậu duệ chúng ta quả đã sống rất hào hùng truyền thống Diên Hồng của tiền nhân. Những dấu ấn rõ nét nhất còn lưu lại cho đời nay và muôn đời sau nằm trong dòng chảy thi ca và âm nhạc Việt Nam thập niên 40 thế kỷ trước, khi cái gọi là Cách Mạng Mùa Thu nổ ra trên toàn đất nước và phong trào Việt Minh lợi dụng thời cơ cướp công của toàn dân trong việc đánh Pháp, đuổi Nhật, giành chính quyền. Hàng hàng lớp lớp thanh niên Việt Nam nung chí chống ngoại xâm đã hăm hở hy sinh sự nghiệp cá nhân, lao vào kháng chiến *Xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, xếp bút nghiên coi thường công danh như phù vân, sơn hà nguy biến tiến ta tiến, một lòng vì dân ta liều thân...*Và *Ngày bao hùng binh tiến lên, bờ cõi vang lừng câu quyết chiến, bước oai nghiêm theo tiếng súng đi tung hoành, đi là đi đem hồn non nước xây thành, đi là đi chiến đấu ta cùng đi chiến thắng đi là mang mối thù thiên thu...* Gần một thế kỷ trôi qua nhưng những bản quân hành ngày xa xưa ấy khắc ghi trong trí nhớ của lũ trẻ lên năm, lên 7, ở từng góc phố, từng con đường làng, giờ đây, trong tuổi già nghe lại vẫn thấy lòng thổn thức với những ca từ đầy nghĩa khí *Mờ trong bóng chiều một đoàn quân thấp thoáng núi cây rừng lắng tiếng nghe hình dáng của người anh hùng lạnh lùng*

theo trống đồn trên khu đồi nương im trong chiều buông, ra biên khu trong một chiều sương âm u, bao oan khiên đang về đây hú với gió là hồn người Nam nhớ thù…

Đầu thập niên 50, bước vào trung học, bài thơ Tây tiến của Quang Dũng làm mê hồn đám nữ sinh trường Đồng Khánh trước đó chỉ biết chép lên giấy mỏng và chuyền tay nhau những bài thơ tình của TTKH, của Thâm Tâm, của Xuân Diệu, của Hoàng Anh Tuấn. Thuở đất nước bình minh ấy, Việt Minh chưa để lộ cái đuôi chồn cộng sản nên trong trí tưởng của lũ học trò con gái nhiều mơ mộng, hình ảnh người chiến binh xa nhà đi chinh chiến giành độc lập cho quê hương ở đâu cũng phủ lên họ hào quang của huyền thoại chống ngoại xâm thật hào hùng và lãng mạn.

Sông Mã xa rồi Tây tiến ơi!
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi
Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.
Nhớ ôi Tây tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

Con đường đi vào chiến tranh ở tuổi 20 thời Quang Dũng còn là hoa thơm, cỏ mềm dưới gót chinh nhân, còn là mái lá ấm hơi người yêu dưới cơn mưa, thương tích chưa sâu, người chiến binh ngày ấy không "chết như mơ, chết thật tình cờ" như ca từ một bài hát nào tôi nghe qua và cất kỹ vào trí nhớ để mãi ngẩn ngơ, tê tái, mà chỉ chồn chân *"không bước nữa, gục lên súng mũ bỏ quên đời!"* nằm lại cùng đất từ nay dãi dầu mưa nắng dưới trăng sao.

Những địa danh xa xôi, những buôn làng heo hút miền cao hiển hiện đẹp như tranh vẽ qua bút giấy nhà thơ, giấu hạnh phúc vào ba lô trên lưng làm lương thực cho cuộc hành trình chưa biết sẽ kết thúc ở nơi nào

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chan xây hồn thơ.

Những câu thơ âm vận rất mới, ngùn ngụt sức sống của đoàn người ra đi không hẹn ngày về, tạm gác một bên tình yêu và gia đình, những cái chết lẫm liệt làm nao lòng người đọc

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

Ở một cường độ cảm xúc nào đó, người và thơ tan vào nhau làm một, không còn biên giới, thậm chí không còn tên gọi, không cả hình hài xương thịt quần áo mà chỉ còn tiếng thơ lồng lộng và hương thơ ngào ngạt trong bao la trời đất.

Phải mãi tới mùa hè đỏ lửa năm 1972, người yêu thơ mới được đọc trên tạp chí Văn ở Sàigon bài Biên Cương Hành của tác giả Phạm Ngọc Lư. Tôi không biết sau tiếng kêu trầm thống xé tim gan người đọc này, nhà thơ còn viết về chiến tranh nữa hay không nhưng với tôi, tên ông và thời khoảng lịch sử nhiều đau thương mà ông là chứng nhân, đã xương cốt thuộc về nhau không rời.

Biên cương biên cương chào biên cương
Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt
Núi chập chùng như dãy mồ chôn
Gớm, gió Lào tanh mùi đất chết
Thổi lấp rừng già, bạt núi non
Chiến trường ném binh như vãi đậu
Đoàn quân ma bay khắp bốn phương

Năm 1948, đóng quân hay đi qua Phù Lưu Chanh, Quang Dũng viết Tây tiến

Tây tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Binh đoàn Tây tiến thời ấy trần thân thi gan cùng tuế nguyệt. Họ không có được cái thế mạnh vũ bão của đoàn quân miền nam đi đánh trận hạ Lào hơn hai mươi năm sau nếu không nói là họ không có đủ sức khỏe và đói ăn ngay từ thuở ban đầu (nên mãi nhớ nồi cơm khói tỏa và mùi thơm của xôi nếp mới Mai Châu.) Những nàng Thơ hậu phương thời ấy vẫn mãi là những "dáng kiều thơm" giữa Hà Nội hoa lệ lộng lẫy trong ánh đèn đêm để các Kinh Kha mơ ước nhớ về. Chiến tranh chưa đủ khốc liệt và giai nhân chưa kịp làm vợ để trở thành những phiến đá vọng phu như trong Biên Cương Hành

Núi mang cao điểm ngút oan hờn
Đá mang dáng dấp hình chinh phụ
Chơ vơ chóp núi đứng bồng con
Khu chiến ngày tràn lan lửa dậy
Đá vọng phu mọc khắp biên cương

Tình yêu thời Quang Dũng đậm hương vị học trò của những ngày rời xa trường chưa lâu hay tác giả không dám bày tỏ hết mình vì sợ bị quân luật kiểm điểm nên chỉ thấy tình cảnh tội nghiệp của những... *Em đi áo mỏng buông hờn tủi, giòng lệ thơ ngây có rạt rào...*Liều lắm, mạnh bạo lắm cũng chỉ đến mức như trong Tây tiến *Mắt trừng gởi mộng qua biên giới, đêm mơ Hà nội dáng kiều thơm,* rất khác với tình yêu của Phạm Ngọc Lư trong Biên Cương Hành, cháy bỏng thịt da, rã rời thân xác

Trông núi có khi lầm bóng vợ
Ôm đá mà mơ chuyện yêu đương
Cô hồn một lũ nơi đất trích
Vỗ đá mà ca ngông hát cuồng
Chém cây cho đỡ thèm giết chóc
Đỡ thèm môi mắt gái buôn hương

Chiến tranh kề cận nỗi chết gọi những giấc mơ tình yêu ngọt ngào và cũng bày ra những sự thật trần truồng, thô

ráp. Khác biệt giữa Quang Dũng của bắc vĩ tuyến 17 sau 1954 và Phạm Ngọc Lư ở miền nam chan hòa nắng gió tự do là những giây phút đối diện với chính mình, sống tràn đầy, sống thật không một chút ngụy trang che đậy. Điểm chung là họ mãi giống nhau ở sự cô đơn nằm trong thân phận người

Đây biên cương, ghê thay biên cương!
Tử khí bốc lên dày như sương
Đá chảy mồ hôi, rừng ứa máu
Rừng núi ơi ta đến chia buồn
Buồn quá giả làm con vượn hú
Nào ngờ ta con thú bị thương
Chiều hôm bắc tay làm loa gọi
Gọi ai nơi viễn xứ tha phương?
Gọi ai giữa sơn cùng thủy tận?
Ai người thiên cổ tiếc máu xương?

Rất nhiều Quang Dũng, rất nhiều Phạm Ngọc Lư, sống còn hay thân đền nợ nước, người chiến binh lên đường không hẹn ngày về nhưng nếu có về, họ để tâm hồn và trái tim ở lại nơi bạn bè và phần đời đáng ghi nhớ nhất của họ ở lại

Tây tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây tiến mùa xuân ấy,
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi (QD)

Nơi nơi lạnh trăm dòng sông Dịch
Kinh Kha đời nay cả vạn muôn
Thôi em, còn chi ta mà đợi
Ngày về thân cạn máu khô xương
Ngày về hôn lễ hay tang lễ
Hề chi! buổi chinh chiến tang thương
Hề chi kiếp cây rừng đá núi
Nghìn năm hồn quanh quẩn biên cương (PNL)

Ai đó đã nói "Người lính già không chết, họ chỉ lui vào

lãng quên." Quang Dũng và Phạm Ngọc Lư không chết, cũng không vào lãng quên. Tây tiến & Biên Cương Hành là những hạt lệ như mưa không bao giờ khô cạn; là những hồi chuông thiên cổ vang dội núi non, gõ lên trái tim nhân loại đớn đau mãi mãi kêu đòi quyền sống hòa bình và an lạc trên quê hương tiền nhân mỗi giống giòng để lại; là những tấm phù điêu ngoại sử khắc họa con người Việt Nam một thời đã sống, đã chết, đã yêu thương, đã mòn mỏi và đã *cùng* đường khi chưa hết thanh xuân như thế.

Thơ là tình yêu. Thơ là sự thật. Từ cổ chí kim, cuộc chiến dẫu tàn bạo và gian dối trong nhiều cảnh ngộ, đã nhờ Thơ mà hiển lộ vẻ đẹp và *giải oan cho mọi biển dâu.*

ĐỜI CÂY

Tôi có thói quen học từ một người bạn đã khuất, mỗi khi có dịp đi tới một thành phố lạ, bao giờ nơi đầu tiên lấy sự chú ý của tôi cũng là những cửa hàng bán quà lưu niệm. Quý hơn nữa, những cửa hàng trông bề ngoài cũ kỹ, trương cái bảng hiệu "Antiques," nhỏ thôi, khiêm tốn, nhưng khơi mở cả một thế giới sinh động luôn khiến tôi bồi hồi mường tượng ra vẻ đẹp bí ẩn, quyến rũ, phảng phất mùi thời gian, của những căn nhà một thời ấm cúng, những bàn tay một thời nâng niu, những ánh mắt một thời yêu đương có lẽ bây giờ không còn nữa...Do một nguyên cớ gì đấy, nhiều kỷ vật phải rời bỏ tổ ấm của chúng vì phong ba, bão táp bất ngờ, trôi dạt ra chợ đời, đi tìm "mắt xanh" cho chúng nơi ẩn náu khác.

Trong một chuyến đi như thế với vài người bạn, tôi lạc vào một tiệm bán quà lưu niệm ở cửa vào một khu công viên nhỏ, tiểu bang Virginia. Trên cái cột quay vòng có những khuôn ảnh gắn nam châm phía sau, gọi là magnet, thường được người chọn mua đem về gắn lên cửa tủ lạnh ở nhà để nhắc nhở một nơi nào đó đã đi qua, tôi chú ý một tấm hình chữ nhật, dài cỡ 7cm, rộng 5cm, bên góc trái là ảnh một cây xanh với những tán lá rộng, thân gốc vững chãi, in lên nền trời màu lam nhạt. Càng xuống dưới, màu lam nhạt chuyển sang màu lục non mênh mông, êm ái, của *"cỏ non xanh rợn chân trời"* trong Kim Vân Kiều. Ở cái khoảng trống trời đất

thênh thang ấy, tôi đọc được mấy câu của một nghệ nhân nào đó (trong số nhiều nghệ nhân thuộc lãnh vực này và tôi rất khâm phục) là tác giả chuyên viết những lời lẽ tuyệt đẹp in trên các tấm thiệp đáp ứng hầu như không thiếu một trường hợp nào, vô cùng phong phú, giúp nói lên một cách trọn vẹn sở thích, nguyện cầu hay tâm tư của mỗi người và mọi người, áp dụng chính xác cho từng cảnh ngộ.

Những câu viết bằng Anh ngữ trên tấm magnet tôi mua, như sau:

Advice from a Tree

Stand tall and proud.
Sink your roots into the earth.
Be content with your natural beauty.
Drink plenty of water.
Enjoy the view!

Chữ nghĩa giản dị, dễ hiểu, không một chút cầu kỳ hay khoa trương nhưng nội dung của những câu viết thâm thúy làm sao, sâu sắc làm sao! Xin tạm dịch Việt ngữ như dưới đây:

Lời khuyên của cây

Hãy đứng dáng hùng vĩ và tự hào.
Hãy cắm sâu rễ vào lòng đất.
Hãy bằng lòng với vẻ đẹp tự nhiên của mình.
Hãy uống thật nhiều nước cho thỏa thuê.
Hãy thưởng thức cảnh trí mỹ quan trong tầm mắt.

Nếu ví đời người với đời cây, có lẽ không còn lời khuyên nào khác chí lý hơn, hình ảnh nào phản chiếu nhau đầy đủ hơn cho cả hai. Cây lớn hay cây bé. Cây trẻ hay cây già, vài chục năm hay trăm năm, ngàn năm. Trong một góc vườn nhỏ hay trong rừng bạt ngàn, kể cả thân tầm gởi. Tất cả đều là những tấm gương sống cho loài người soi chung.

Từ một hạt giống may mắn nẩy mầm, hữu ý hay vô tình. Từ một nhánh nhỏ ai đó tiện tay giâm xuống đất. Đợi tưới tẩm. Đợi chăm chút. Tốt số được cưng chiều hay bạc phận bị bỏ bê. Trước sau, cốt lõi một mình cây chịu đựng nắng

mưa, sương gió bất thường. Một mình oằn thân phấn đấu chống chọi thiên tai bao gồm khô hạn, lũ lụt, sấm sét, sâu rầy. Để lớn lên tươi tốt, cho nhân gian trái lành quả ngọt. Cho vỉa hè nắng cháy bóng mát bao dung. Cho võng trưa tiếng ru của lá cành tình tự. Cho cửa nhà những vật dụng, từ vạt giường thô sơ đến phòng ngủ mỹ miều, tinh tế. Im lặng, nhẫn nại, chứng kiến từng ngày qua, từng đêm vui, hạt giống đời được gieo trong hoan lạc để tiếp nối tương lai. Ngẫm nghĩ kỹ, đời người và đời cây tuy mỗi mỗi có khác nhau về hình thái, vóc vạc, về nơi chốn sinh ra song quả có chỗ giống nhau khi suốt một đời cống hiến. Ngẫm nghĩ lại, cuộc đời những người đàn bà như mẹ tôi chẳng khác nào cây khô mọc giữa đồng, không biết vì sao có mặt, tự tồn bằng chút khí trời ít ỏi vào ra hai lá phổi nuôi sống hai bàn tay lam lũ, đôi ba lần nhọc nhằn cho đời trái quả ngọt có, chua có rồi lặng lẽ mục rã và ngã xuống không một tiếng động khẽ. Cùng một kiếp người nhưng những người đàn bà như mẹ tôi không bao giờ có vinh dự biết ví von mình là "cây sậy biết suy nghĩ" như triết gia Blaise Pascal, càng không bao giờ biết tự do giữa trời cao, đất rộng là gì để mơ ước như cụ Nguyễn Công Trứ, *"Kiếp sau xin chớ làm người, làm cây thông đứng giữa trời mà reo."* Mẹ tôi như rừng sâu thâm u, lá trân mình không biết thở dài. Mẹ tôi như núi non câm nín, đá không chịu vỡ ra dưới trời giông bão.

May mắn hơn mẹ, tôi sinh ra và lớn lên trong một khu vườn quá rộng, quá đẹp, quá nhiều màu sắc và hương thơm cho tuổi thơ một đứa bé. Tôi yêu cây cỏ quanh mình bằng trực cảm hồn nhiên, không suy nghĩ. Như yêu mẹ, vô tâm và vụng dại. Như yêu đời, cả tin và khờ khạo. Ngây ngô ca tụng cả đớn đau.

Tháng giêng đầu năm nay, bạn tôi ở Sacramento thương tiếc báo tin cây cổ thụ ước đoán hàng ngàn năm tuổi, The Beloved California Giant Sequoia, The Pionneer Cabin Tree, The Tunnel Tree, trong rừng quốc gia Calaveras Big Trees State, California, sau cùng, đã quỵ ngã trong buổi chiều chủ

nhật mùng 8 tháng một khi trận bão lớn nhất thập kỷ kéo qua đây, chấm dứt hơn một trăm năm *"thân đau muốn nằm"* thật tội nghiệp vì con người từ cuối thế kỷ 19, đã có sáng kiến cưa cắt, đục đẽo nó làm thành vòm cổng cho người, ngựa, xe đạp và cả ô tô đi qua để mua vui. Bạn cũng gởi cho tôi bản tin đầy xúc cảm về cái gốc cây còn lại được nhìn thấy ở Oakland, cắt theo hình dạng cái đôn có dựa lưng. Một người qua đường nào đấy hình dung ra chính ở chỗ "cái ghế" này, một thời trước đây, đã có một thân cây tươi tốt, nguyên vẹn. Đối cảnh sinh tình, dùng ngay cái tựa lưng phẳng phiu làm khung vẽ, người ấy viết xuống mấy câu trích từ cuốn sách hồng với số in hàng chục triệu ấn bản, nhan đề The Giving Tree, ra đời hơn 50 năm trước, của tác giả Shel Silverstein, kể câu chuyện về một cái cây đã cho cậu bé mà nó yêu thương mọi thứ nó có với không một chút dè xẻn hay tiếc xót.

Cậu bé (giờ đã già): "Bây giờ tôi không cần gì nhiều nữa, chỉ muốn một chỗ yên ả để ngồi nghỉ. Tôi mệt quá!"

Cây cố vươn mình đứng thẳng, trả lời: "Được thôi. Cái gốc cây cũ kỹ này thật tốt để ngồi nghỉ mệt. Con tới đây, ngồi xuống, ngồi xuống mà nghỉ ngơi."

Và cậu bé/ông già đã làm theo.

Hình ảnh vừa mô tả được phóng lên mạng xã hội Reddit, thu hút hàng ngàn người góp ý. Nhiều người coi đây là bài ai điếu khóc thương những gì đã mất, họ thú nhận không ngăn được nước mắt và cho biết tuổi thơ của họ đã chịu ảnh hưởng sâu đậm từ cuốn sách của Shel Silverstein, đề cao sự hy sinh. Cái cây trong truyện được nhân cách hóa với đại danh từ She, hẳn là ngụ ý bà mẹ. Khi cậu con trai còn bé, thích leo trèo, cây cho cậu cành của nó. Khi cậu bắt đầu muốn có tiền, cây cho cậu trái quả để bán. Khi cậu đến tuổi cần cất nhà, cây cho cậu gỗ từ mình nó. Khi cậu muốn đóng thuyền rong chơi sông nước, cây cho cậu toàn thân nó. Chỉ còn lại mỗi cái gốc trơ trụi, nó là ghế cho cậu đặt xuống tấm hình hài mệt mỏi của tuổi già để nghỉ ngơi.

Phe đồng cảm với tác giả coi The Giving Tree là tác phẩm minh họa vẻ đẹp của lòng quảng đại, của khả năng đem cho tạo nên sự gắn bó giữa hai con người. Ngược lại, phe phản biện cho rằng cuốn sách đưa ra một câu chuyện kể vô trách nhiệm, phía này ca tụng đức hy sinh của bà mẹ, phía kia hủy hoại cả chân dung bà. Cực lực cưa cắt cái cây để chỉ còn lại cái gốc nhưng cuốn sách đã hân hoan kết thúc bằng câu: "The tree was happy," khiến các bà mẹ không khỏi chau mày, ngỡ ngàng nhìn lại thân phận.

Tôi đứng giữa, không chia phe, bản thân may mắn sống ở thời đại không bị đòi hỏi hy sinh như cái cây trong cuốn The Giving Tree nhưng hơn 50 năm trước, tôi chứng kiến mẹ tôi và nhiều bà mẹ cùng thời với bà, cả đời hy sinh tới mức không còn gì để hy sinh nữa ngoài cái xác thân còm cõi thuộc về mọi người, thuộc về một nền văn hóa có những điều kỳ dị, khó hiểu, không bao giờ thuộc về chính họ. Sống cực nhọc, lam lũ, hèn mọn, oan khuất, chưa một lần được soi gương để biết mình có một chân dung, chưa bao giờ được nghe những đứa con mình rút ruột sinh ra gọi mình bằng mẹ nhưng tôi biết nếu có ai hỏi mẹ tôi có hạnh phúc không, bà sẽ phải hỏi lại hạnh phúc là gì để trả lời là có. Những buổi chiều bà một mình hát sa mạc, giọng cao vút trong căn bếp ám khói, thổi nấu bữa ăn cho các con dù không một lần được ngồi cùng bàn với chúng; những buổi trưa khi bà về chợ, mặt đẫm mồ hôi, mắt long lanh, dấm dúi cho tôi quả na, cái bánh nậm hay nửa củ sen nhồi nếp, tôi biết mẹ tôi đang vui sướng trong lòng. Hạnh phúc của bà chỉ giản dị là biết mình được làm mẹ, là một Bí Ẩn chỉ có Thượng đế tạo sinh bà hiểu rõ. "The tree was happy." **Yes**. Câu chuyện kể trong The Giving Tree không vô trách nhiệm, cũng không hoang đường vào cái thời của nó tuy giờ đây nó trở thành huyền thoại. Chỉ tội nghiệp các bà mẹ suốt giòng lịch sử cho tới nay, mãi còn mải miết cho mà ít khi được đánh giá đúng, nhất là ở thời đại thực dụng này, khi của cho từ trái tim thì trừu tượng, tuy bao la nhưng không đo lường được bằng con số nên không có quyền lực.

Phần thưởng cuối cùng của người mẹ không khác gì cái gốc cây ở Oakland, dù đã thịt nát, xương tan, vẫn ngậm cười biết mình còn để lại chút gì làm chỗ nghỉ ngơi cho "tấm thân héo mòn, đau nhức" của đứa con khi nó cần.

ĐỜI VUI NHƯ ONG BAY

Có những buổi tối về muộn, tôi lái xe qua mấy con đường quen thuộc của thành phố đã lên đèn, chờ lưu thông ở các ngã tư, mắt nhìn vẩn vơ lên những khung cửa sổ đóng kín trên lầu những ngôi nhà dọc theo hàng phố, ấm áp ánh sáng bên trong, nghĩ thầm nếu tôi có được đôi thần nhãn, hẳn sẽ thấy nhiều cảnh đời muôn màu muôn sắc dàn trải trong các không gian ẩn mật và riêng tư ấy, là những cuốn trường thiên tiểu thuyết đầy tình tiết quyến rũ mà không một nhà văn nhiều tham vọng nào nào có thể mô tả hết.

Vì vậy, thỉnh thoảng có dịp bước chân qua ngưỡng cửa một căn nhà, dù nhỏ, dù lớn, bao giờ tôi cũng thận trọng, rón rén, háo hức với sự may mắn như một đặc quyền hay một đặc ân.

Tuần vừa rồi, cái chân của tôi lại quấy rầy tôi. Tôi than thở với chị A. Chị liền vội vàng khoe mới được giới thiệu một ông thầy chuyên trị đau nhức bằng phương pháp dùng khí công xoa bóp và ấn huyệt, chị đã thử qua một lần, tuy chưa thực sự thuyên giảm nhưng chị cảm thấy dễ chịu. Chị khuyến khích tôi nên đến chữa trị với ông. Bản thân tôi đã một lần trải qua kinh nghiệm tuyệt hảo với một ông thầy châm cứu ở Sàigon sau 1975, khi cả nước Việt Nam chỉ có xuyên tâm liên trị bá bệnh. Năm 1979, con gái đầu lòng của tôi lúc đó 15 tuổi, cháu đi vượt biên và bị đắm thuyền.

Tôi suy sụp tinh thần, sức khỏe, hai chân tôi thỉnh thoảng đột nhiên khuỵu xuống, không đỡ nổi hình hài tôi da bọc xương, chỉ cân nặng có 75 lbs. Tôi sợ mình tàn phế, sẽ không có ai cáng đáng gia cảnh của tôi gồm mẹ già ngoài 80 và hai con còn thơ ấu. Thời may, có người mách miệng ông thầy châm cứu ở trạm xá Vân Đồn, chỉ cách trường NT tôi dạy chừng hai cây số. Tôi đến ngay. Ông bảo tôi nằm sấp trên cái giường sắt nhỏ. Ông dùng kim châm cứu lần lượt chích vào một huyệt đạo giữa bụng chân phải và trái của tôi, đo từ gót chân lên đúng một gang tay, xoe xoe cái đầu kim trong vài giây đồng hồ rồi để yên. Thời gian sau đó, tôi cảm giác hai chân tôi nặng như mỗi bên đeo một tạ gạo, không động cựa được. Tôi lo sợ kêu lên nhưng ông thầy điềm tĩnh bảo tôi: "Không sao cả! Hai mươi lăm phút, tôi lấy kim ra, cô sẽ lại thấy chân nhẹ ngay." Quả nhiên đúng như lời thầy nói. Trước khi chào từ giã, tôi được dặn ngày hôm sau trở lại để thầy châm cứu thêm một lần nữa là tôi sẽ khỏi hẳn. Tất nhiên tôi trở lại và hai chân tôi khỏe mạnh từ đấy cho tới năm 2015, khi tôi phải dọn nhà và lao động quá mức với mấy cái kệ sách, với cả đống đầu rau rế rách tích lũy trong hơn một thập niên an cư nên cả hai chân tôi lại đau từng chập. Hơn hai năm qua, tôi cứ phải dỗ dành, van vỉ đôi chân mỗi khi chúng làm phiền tôi. Tôi nhớ lại cách trị liệu của ông thầy cũ, tự dùng tay mình bấm vào cái huyệt đạo năm xưa thầy chữa cho tôi song có lẽ tôi không biết chính xác vị trí của huyệt đạo, tay tôi lại không có cùng tác dụng với cái kim châm cứu nên tôi không trị được đôi chân mình.

Được chị A. cho số điện thoại, tôi gọi ông thầy xin địa chỉ. Có địa chỉ, tôi Google tìm đường đi. Đến nơi, tôi xuống xe, tần ngần đứng trước mặt tiền ngôi nhà quá đẹp, quá ngăn nắp, quá Việt Nam với tượng đá, bồn nước, vườn hoa lát gạch đỏ, cây cỏ cắt tỉa tươm tất, khác hẳn ngôi nhà tôi thấy trong Google map quest, khiến tôi phải cẩn thận kiểm soát lại số nhà. Bước hẳn vào trong, tôi càng ngỡ ngàng hơn nữa với bài trí nội thất. Thay vào phòng khách trải thảm, phòng ăn lớn 8 hay 10 ghế, là một cái sảnh rộng lát gạch

sáng choang, chiếm hết bề ngang của ngôi nhà, dành làm nơi luyện tập khí công cho các môn sinh. Bộ sưu tập hàng trăm pho tượng Phật lớn nhỏ của thầy có nhiều pho lạ mắt, quý hiếm. Một không gian u nhã, thanh tịnh, sáng sủa, văng vẳng tiếng nhạc cổ điển tây phương, mơ hồ, sâu lắng, tràn ngập khắp nơi. Ngoài chuyên môn khí công trị liệu kết hợp với Đông y gia truyền, thầy còn viết nhạc từ những ngày đọa đày trong các trại tù khổ sai của Việt cọng. Không có giấy bút để ghi và bị cấm đoán, thầy sáng tác rồi giữ trong trí nhớ. Được thả ra, thầy gạn lọc ký ức, chỉ còn đủ bài bản cho hai cái CD hát lên tình yêu, sự chia xa, nỗi nhớ và thân phận. Du dương, tha thiết, tình tứ, êm đềm, nhưng không chút bi lụy, đôi khi rào rạt sức sống và hy vọng. Là đôi mắt chợt buồn, chợt vui. Là tiếng nói chậm rãi, vừa đủ nghe, của một người lễ độ, cẩn trọng, trước cuộc đời không phải lúc nào cũng êm ả và trước con người không phải ai cũng chấp nhận mình.

Được chữa trị xong, tôi ra về trên đôi chân còn mơ hồ cảm giác đau nhức nhưng có phần nhẹ nhõm, dễ chịu, hệt như chị A. mô tả sau lần đầu chị đến đây. Sáng hôm sau thức dậy, tôi thấy mình không phải gượng nhẹ, nghe ngóng, thăm chừng động tĩnh khi đặt hai chân xuống thảm để bước đi những bước đầu ngày nên tự nhủ sẽ theo đuổi việc chữa trị thêm.

Chỉ vài hôm sau, tình cờ tôi lại có dịp theo đuôi cô cháu đến một nơi khác, với những người trẻ khác trong một nhịp sống khác: khoa học, sáng tạo, năng động. Người "già" nhất trong nhóm chỉ ở tuổi trung niên, tóc húi cao, khuôn mặt rắn rỏi. Họ làm việc trong tòa cao ốc lớn do họ làm chủ, trần thiết sang trọng tuy nay không còn nguyên tốc độ hoạt động lúc thịnh thời của phong trào lồng tiếng phim ngoại quốc. Trong cái diện tích mênh mông của tòa nhà như một mê cung, trang trí chọn lọc với những đồ đạc tuyển chọn, mỗi cửa ra vào bằng kiếng dầy, khung mạ kền sáng bóng, đều có khóa chữ để bảo vệ các thiết bị đắt giá dùng cho công

việc chuyển âm, tôi mường tượng sinh hoạt một thời nào ở đây, vừa kỷ luật, vừa vui chơi nhộn nhịp của các nghệ sĩ có giọng nói đẹp hiện tản mát ở các cơ sở truyền thông của cộng đồng, cảm thấy khâm phục khả năng kinh doanh, khả năng xoay chuyển và ứng phó nhậy bén của tuổi trẻ hội nhập vào vùng đất nhiều cơ hội như Hoa Kỳ. Đáng khâm phục hơn nữa là tất cả công trình xây dựng và phục hoạt cơ sở này từng thời gian, tùy thuộc đòi hỏi phù hợp với ngành kinh doanh họ khai thác, đều do chính bàn tay với kỹ năng cao của nhóm anh em cùng nhóm thực hiện.

Là một người luống tuổi, có những lúc nhìn con đường trước mặt thu hẹp dần trong bóng chiều, con đường sau lưng như cánh đồng trống sau mùa gặt, tôi không khỏi có chút nao lòng, thấy ra sự hư huyễn buồn bã của kiếp người. Thế nhưng, nếu đứng dậy từ chỗ đang ngồi hay đang nằm, vươn tay cuốn tấm rèm cửa sổ lên, tôi lập tức thấy mấy cành hồng tươi tắn đùa vui trong gió sớm, bóng những chiếc xe hơi chạy vụt qua dưới lòng đường, mang theo chúng những chiến sĩ hăm hở lao mình vào dòng sống cuồn cuộn như triều dâng, không có thời giờ nhìn trước, nhìn sau như tôi và ngày sắp tới của họ tràn đầy hứa hẹn, không có gì cần bận tâm ngoài thời khóa biểu những việc phải chu toàn để hoàn tất mục tiêu.

Cũng đã lâu lắm, vì bận rộn công việc, tôi không có dịp tham dự các buổi hội họp của nhiều tổ chức trong cộng đồng cho tới chủ nhật 8/4 vừa qua, khi một cô bạn trẻ có nhã ý mời tôi đến chung vui trong dạ tiệc gây quỹ của hội Cao Niên Á Mỹ, vẫn với Chủ tịch trên ba thập niên qua là bà Từ Dung. Tôi biết Hội, biết bà từ những ngày xa xưa ấy, khi trụ sở đầu tiên của Hội còn trên đường Bolsa. Nhiều vị trong Hội đã qua đời hay bỏ cuộc vì tuổi tác và cho dù trong quãng thời gian không ngắn kể trên, phong ba, bão táp dập dồn, vị Chủ tịch Hội vẫn can trường và thủy chung vững tay chèo lái. Hằng năm, Hội vẫn đều đặn gây quỹ tổ chức ngày giỗ Tổ Hùng Vương để nhắc nhở người Việt di tản

khắp nơi, chúng ta là giống dân có tổ tông, có cội nguồn, có lịch sử: "Nào ai buôn bán ngược xuôi, nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba." Dù giấc mơ tìm được một mảnh đất ở nơi tha phương có đông đảo hậu duệ sinh sống này để dựng đền thờ Tổ vẫn còn xa vời, dù nắm đất thiêng thỉnh từ Đền Hùng quốc nội sang đây vẫn nằm im lìm, gọn ghẽ trên án thờ, người phụ nữ kiên cường trong cương vị Hội trưởng vẫn chưa bao giờ sờn lòng, ngại khó, chưa bao giờ nao núng vì đồng đội chung lo ngày càng thưa vắng, một mình âm thầm vun xới, âm thầm gìn giữ những gì đã tạo dựng được trong khả năng và niềm tin của bà. Thật đáng khen! Thật đáng quý! Một cô trong đội tế nữ quan ngồi bên cạnh tôi, giơ bàn tay ra tính nhẩm số năm cô đã tham gia với Hội rồi cười xòa, đôi mắt lúng liếng: "Chao ôi, mới ngày nào em còn nhỏ xíu, bây giờ tuổi xuân đã qua lâu rồi!" Cô nói vậy nhưng tiếng cô cười vẫn trong như suối reo, như thủy tinh, chiếc áo dài cách tân cô mặc vẫn tràn trề vẻ xuân tươi thắm. Hội trường, sân khấu, bàn ăn, sàn nhảy, đâu đâu cũng rộn rã tiếng người và câu chào hỏi, sức sống cuồn cuộn dâng lên, tỏa ra trong khán phòng khoảng gần bốn trăm đồng hương mọi lứa tuổi, gồm cả một cụ bà 98 tuổi sức khỏe còn tráng kiện. Cụ mặc áo đỏ, đứng lên vẫy tay chào cả hội trường khi được ban Tổ chức giới thiệu.

Sau cuộc họp mặt đông vui, tôi nghiệm ra đời sống muôn hình, muôn vẻ, như giòng sông trôi chảy không phút giây ngưng nghỉ, chỉ có con người chồn chân, mỏi gối, dừng lại giữa cuộc vui, bần thần tiếc nuối những đồng bạc đã tiêu đi, ngậm ngùi ôm giữ ít đồng bạc còn lại tuy biết rằng nếu không tiêu hết, chúng cũng sẽ rời khỏi mình.

Cảm ơn cô bạn trẻ Lily trong chiếc áo dài tà đôi may cắt khéo, đã cho tôi một buổi tối chủ nhật thật vui. Một tối chủ nhật không chỉ đóng lại một tuần lễ mất thêm trong quỹ thời gian không còn nhiều của tôi mà nó cũng mở ra cho tôi một tuần lễ mới với nhiều hứa hẹn như với bất cứ ai, miễn là tôi biết hồn nhiên hòa mình vào. Cảm ơn riêng đến

bà chủ nhà hàng Seafood Paracel trong chiếc áo kim tuyến màu xanh biếc, đã lên sân khấu song ca với chồng một bài hát rộn rã trước khi thay đổi xiêm y, bới cao mái tóc mây dài và xắn tay áo tiếp tục điều khiển nhà bếp cho bữa đại tiệc gần 400 phần ăn.

Xung quanh tôi , "đời vui như ong bay" và ly rượu đời thơm ngon đến giọt cuối cùng cho người tri kỷ.

ĐỪNG BỎ CUỘC!

Khi tôi dọn vào căn nhà này giữa mùa hè nóng bức năm 2015, vườn trước vườn sau cỏ cây vàng úa, khô héo. Hai bụi hoa hồng xác xơ, trơ mấy cái cành nâu đen, đứng ủ rũ ven tường chờ chết. Tôi không biết phải làm gì trước cảnh hoang tàn, từ những cái cửa sổ xộc xệch, rất khó mở đóng cho tới mấy gian buồng hầm hập nóng từ sáng cho tới nửa đêm; từ cái lối vào nhà xi măng vỡ từng chỗ và mảnh vườn trước cỏ dại thưa thớt, loang lổ như cái đầu một bệnh nhân trầm kha rụng tóc gần hết. Tôi biết căn nhà cần đại tu và con gái tôi sẽ phải đảm đương việc này nên điều gì tôi có thể làm chỉ là kiên nhẫn chờ đợi.

Một buổi chiều nắng vừa tắt, tôi đem rác nhà bếp ra thùng rác để ở vườn sau, nhân tiện thấy trời còn sáng, tôi tạt qua chỗ mấy bụi hồng, tò mò quan sát. Tôi ngạc nhiên thấy mặt đất dưới chân chúng khô nhẵn, trắng hếu, nứt nẻ, nhưng ở vài chỗ trên thân chúng vẫn có mấy cái lá nhỏ màu xanh tím, dường như vừa nhú ra, có lẽ nhờ mấy hạt sương đêm. Tôi giật mình, bối rối, cảm thấy ân hận vì đã toan để mặc cho chúng chết luôn (đàng nào khu vườn cũng phải được sửa sang, chỉnh đốn lại cho tươm tất) nên không hề nghĩ tới việc tưới nước cả hai tuần lễ tôi đến đây. Thấy là làm, tôi mở vòi nước có sẵn ở cuối vườn và bắt đầu cho chúng uống no nước, khấp khởi hy vọng chúng hồi sinh. Tôi không nhớ rõ bao lâu, một hay hai tháng kể từ chiều hôm

đó, cứ cách ngày tôi lại cho hai bụi hồng tắm táp mát mẻ một lần, không ngờ công lao ấy được đền bù nhanh chóng và bội hậu hơn tôi mong đợi (nếu có mong đợi) Bụi hồng đỏ cho tôi khoảng sáu mươi bông thật to, thật đẹp; bụi hồng vàng cho bông nhỏ hơn và ít hơn, khoảng chừng trên dưới bốn mươi bông! Hai bụi hoa lộng lẫy giữa mảnh vườn ngổn ngang cỏ dại chết khô, vàng như rơm, rải rác các ụ đất mấp mô, là một tương phản kỳ lạ của sức sống trường kỳ trong tạo vật vượt lên trên sự hoang phế của thời gian vô tình.

Từ đấy, cứ sau mỗi đợt hoa, tôi lại cắt cành cho cây đơm lượt hoa khác. Mùa xuân, tôi bón phân cho chúng. Năm nay mưa nhiều, những đóa hồng to hơn cái bát ăn cơm, cánh dày và mượt, đẹp khôn tả. Không biết chúng bao nhiêu tuổi nhưng gốc của chúng khá to, sần sùi, làm tôi chợt ái ngại liên tưởng đến tay chân người già bị thống phong, các khớp xương nhô ra, quặt quẹo. Cái kéo nhỏ bình thường tỉa cành không dùng cho chúng được, tôi phải mua cái kéo có hai cán dài, lưỡi kéo to, khi cắt phải lấy sức và dùng cả hai tay. Bây giờ, toàn bộ khu vườn đã sửa sang tươm tất, chúng không còn là ngôi sao sáng trong bức tranh ảm đạm trước đây nhưng vẫn là chúa tể ở cái rẻo đất mới bắt đầu với chỗ này cây chanh, chỗ kia cây nhãn, chỗ nọ cây hoa đào và có cả một chậu mai Việt Nam, thứ nào cũng thấp bé, lẹt đẹt vì mới trồng.

Bài học "Còn nước còn tát này," Trịnh Công Sơn hát bằng lời của riêng ông: "Đừng tuyệt vọng, em ơi, đừng tuyệt vọng!" và người Mỹ thì khuyên nhau "Don't give up!" Còn tôi, may mắn học được nhờ một chút quan tâm ngẫu nhiên đến hai bụi hồng tưởng đã chết theo khu vườn hoang.

Xế trưa chủ nhật, con gái tôi text cho mẹ: "Con có cuốn phim hay lắm, con đem đến xem cùng với mẹ nhé!" Đó là cuốn phim Pháp, có tựa đề Les Intouchables.

Phim được đạo diễn Olivier Nakache thực hiện dựa trên câu chuyện có thật. Hai nhân vật chính hiện còn sống ở Morocco, mỗi người hạnh phúc theo cách riêng của họ song

vẫn duy trì một tình bạn thắm thiết và thủy chung đối với nhau. Truyện không có gì gay cấn, không cả tình tiết éo le, các diễn viên thủ vai không thuộc hạng tên tuổi lẫy lừng Hollywood nhưng cuốn phim được xếp hạng 4 sao rưỡi, rất đáng xem vì nó thật và hàm chứa một kinh nghiệm sống đáng giá. Có vẻ như cũng rất tình cờ, nó trùng hợp với nội dung phần đầu bài viết này, "đừng bỏ cuộc" mà hãy làm một ly đá chanh ngọt lịm, thơm tho với trái chanh ai đó ném cho bạn.

Phim xoay quanh nhân vật Philippe, một nhà quý tộc người Pháp giàu có, chẳng may bị tai nạn thể thao và sống tàn tật trong tòa lâu đài xa hoa giữa thành phố Ba Lê. Dù ông đã có cả một đội ngũ gồm thân nhân, bạn bè và người giúp việc cùng nhau gần gũi, chăm sóc, ông vẫn cảm thấy thiếu một ai đó có khả năng nhìn ông như một con người, không phải một phế nhân vô dụng cần sự gượng nhẹ và thương hại. Ông rao tìm đối tượng ông muốn. Trong số người đến sắp hàng xin việc, ngồi thành hàng dài chờ cô thư ký Magalie phỏng vấn dưới sự giám sát của ông, có một anh chàng da màu cao lênh khênh, dáng dấp đường phố, cựa quậy không yên. Nhìn ngó mông lung chán rồi, anh đứng dậy đi loanh quanh, nhón tay lấy bỏ túi một trong 25 quả trứng bằng đồng chạm khắc mỹ thuật bày trên lò sưởi. Xong rồi, không còn gì để làm nữa và cũng không muốn chờ đợi thêm vì anh ta biết chắc không thể nào được thâu nhận ở một nơi như thế này. Anh ta chỉ cần đơn xin việc được ký và từ chối để nộp cho sở Lao Động lấy trợ cấp thất nghiệp. Nên anh làm liều, xé rào, đẩy đơn của mình đến trước mặt cô Magalie và nói tôi cần cô ký vào đây, không nhận tôi cho tôi về. Tất cả cử chỉ, hành động của anh được ông Philippe ngồi yên trên xe lăn, ghi nhận không sót một chi tiết. Trong khi Magalie tròn xoe mắt kinh ngạc, chưa biết phải đối phó thế nào, ông lên tiếng: "Anh về đi, sáng mai trở lại nhận giấy tờ như anh muốn." Còn muốn cự nự nữa nhưng ánh mắt nghiêm nghị của ông Philippe cho anh biết đây là quyết định cuối cùng.

Sáng hôm sau khi chàng lãng tử tên Driss trở lại lâu đài, anh được tiếp đón một cách hơi bất thường. Bà quản gia Yvonne hướng dẫn anh đi một vòng trong nội thất tòa nhà, chỉ cho anh một căn phòng trang hoàng sang trọng, với phòng tắm riêng, nói rằng đây là nơi anh sẽ ở v.v... Không cần biết ất giáp gì, cũng không mảy may nghĩ ngợi bất cứ một cơ hội nào, anh ta tơn tơn cười cợt đi theo bà quản gia ra phòng khách để nhận lại lá đơn xin việc bị bác, được ký như đã hứa. Tình thế không như anh nghĩ, ông Philippe rụt rè hỏi anh có muốn thử làm công việc săn sóc một người bệnh ngồi xe lăn vì bị liệt tứ chi như ông không? Ôi chao, sẵn không có chỗ ở vì mới ra tù vì tội ăn cắp, bị gia đình xua đuổi, anh ta vui vẻ nhận lời.

Ngay những giờ khắc đầu tiên, bà Yvonne bất bình Driss về cử chỉ vô tư, mạnh bạo của anh, theo bà là quá đáng, khi anh ta săn sóc ông chủ, kể cả lấy nhầm dầu bóp chân làm dầu cạo râu, thoải mái xoa lên cằm ông chủ mãi không thấy bọt? Thế nhưng ông chủ thì được dịp cùng tớ cười ngả nghiêng, những tràng cười lâu lắm ông không thấy thoát ra từ buồng phổi mình? Khi cần di chuyển ông, Driss bế thốc ông bỏ vào xe lăn, có khi quên cài dây an toàn, suýt nữa ông chủ té nhủi ra phía trước dưới con mắt kinh hoàng của bà quản gia nhưng ông chủ thì bằng lòng với xử sự hồn nhiên, lanh lợi của Driss, quên hẳn ông là người tàn phế. Driss đưa ông vào xe hơi, lái ra đường, chạy hết tốc lực, luồn lách thoát khỏi dòng xe kẹt cứng trên những con phố chật khiến cảnh sát hoảng vía hụ còi đuổi theo. Không ai dặn ai nhưng cả hai biết ý nhau, hiệp lực đạo diễn một vụ đi cấp cứu bệnh viện. Bên ngoài, Driss hoa chân múa tay giải thích, bên trong, ông Philippe làm bộ đang bị khó thở, hộc lên từng cơn, cảnh sát bị mắc lỡm, sợ quá, đề nghị hộ tống họ tới nhà thương. Tới nơi, xe cảnh sát vừa khuất ở đầu đường, Driss cũng phóng xe theo thay vì vào cổng bệnh viện. Với anh chàng caregiver thông minh, nhiều sinh lực, nhiều sáng kiến và bản chất đôn hậu, cuộc sống tù hãm của ông Philippe chuyển sang một gam màu khác, tươi vui,

sống động. Thấy ông chủ đi xem triển lãm tranh, mua một bức (mà Driss nghĩ thầm mình cũng vẽ như thế được) với giá 45,000 euros, anh ngẩn người vì cách tiêu tiền của giới thượng lưu giàu có. Hôm sau, anh ta đi mua màu, mua cọ, mua khung bố, đóng cửa phòng thực tập trên trí nhớ của mình và hoàn thành tác phẩm đầu tay . Anh ngắm nghía, đắc ý đem khoe chủ, hỏi ý kiến ông. Philippe chỉ mỉm cười, không nói gì. Sinh nhật Philippe, ban nhạc riêng của ông họp ở phòng khách, tấu nhạc cổ điển chúc mừng. Tất nhiên Driss cảm thấy chán, buồn ngủ, mặc dầu ông chủ hết sức khuyến khích anh ta hãy thưởng thức vì đây toàn là tuyệt phẩm của các nhà soạn nhạc bất tử của nhân loại, Beethoven, Litz, Mozart, Chopin.... Không thuyết phục được anh người hầu cứng đầu, ông hỏi vậy anh có gì đề nghị? Chỉ chờ có thế, Driss ào ra trong điệu Rock thời trang sôi động, một mình biểu diễn những bước nhảy đầy nghệ thuật và quyến rũ, lôi kéo tất cả mọi người trong phòng cùng đứng dậy, gắn lò xo vào chân họ, kể cả ông già đầu bạc, hăng quá, trượt chân té rồi đứng dậy nhảy tiếp, cả bà quản gia khó tính ít khi cười. Philippe ngồi yên trong xe lăn, cũng lây sự cuồng nhiệt của đám đông xung quanh trong một đêm vui làm đôi mắt ông long lanh.

Hàng ngày, khi ngồi bên cạnh ông chủ lựa thư từ nhận được, Driss tinh ý biết ông có mối giao hảo thân thiết qua thư tín với một phụ nữ tên là Eleonore. Cho là thời gian đã đủ lâu để tiến xa hơn biên giới cuộc tình ảo, Driss đề nghị ông nên gọi Eleonore và hẹn gặp nhau. Câu chuyện đem theo nó một viễn ảnh hạnh phúc khiến Philippe vừa phấn khích, vừa lo sợ kết quả có thể không như ý muốn nhưng Driss dùng hết khả năng hùng biện thúc đẩy ông. Họ trải qua những giờ phút nôn nao chuẩn bị cho ngày trọng đại ấy và có lúc Philippe quên hẳn thân phận mình. Tuy nhiên, khi bà quản gia Yvonne tháp tùng ông đến nơi hẹn, sự âu lo chờ đợi làm ông mất nhuệ khí ban đầu lúc bàn bạc kế hoạch với Driss và ông nhất định đòi về, bỏ cuộc hẹn trước 5 phút.

Sau đó, gia đình Driss có vấn đề, cần anh có mặt để giúp giải quyết. Ông Philippe trao cho anh số tiền bán bức tranh 11,000 euros và ngậm ngùi nói: "Cậu cũng không nên phí cả đời với một người tàn tật như tôi." Ông nhắc đến quả trứng bằng đồng Driss đã lấy đi, cho biết nó thuộc chuỗi kỷ vật của 25 năm yêu thương với người vợ yểu mệnh của ông khiến Driss bàng hoàng, không ngờ ông biết việc xấu anh làm mà không nói. Driss đi rồi, ông buồn bã khép mình vào nếp sống âm u trước kia, càng buồn bã hơn xưa, không ăn, không ngủ, không rửa mặt, cạo râu. Ông quạu cọ, không tự săn sóc mình và cũng không chịu để ai săn sóc. Bà Yvonne phải gọi cho Driss và anh ta vội vã quay lại, đem theo anh sự sinh động và tiếng nói cười thỏa thuê đến từ cuộc sống tràn đầy giai điệu bên ngoài tòa lâu đài tịch mịch (chỉ bởi vì cái bóng một chiếc xe lăn bất động đã bị khuếch tán đến mức trùm phủ lên cảnh vật và con người sống bên trong nó.) Cuối cùng, Driss kín đáo thu xếp cho ông chủ buổi gặp gỡ bất ngờ Eleonore trong khung cảnh thơ mộng của một bãi biển. Trước khi rời đi, Driss đặt quả trứng bằng đồng lên bàn, vừa để trả lại Philippe nét vẽ thiếu trong bức tranh 25 năm hạnh phúc đã qua của ông, vừa là nét vẽ khởi đầu bức tranh hạnh phúc 25 năm sắp tới. Với Eleonore xinh đẹp, hiền dịu bên cạnh, Philippe tràn ngập xúc động, nhìn theo cái bóng lênh khênh của Driss lẫn vào đám đông.

Trong câu chuyện thật ngoài đời sau đó, Philippe có hai con gái. Driss có ba con, trở thành nhà sản xuất phim ảnh với sự giúp đỡ của Philippe. Cả hai là hiện thân của những con người **"không chịu cùng đường và bỏ phí thanh xuân."**

Escape

Công việc viết lách ở Mỹ thỉnh thoảng nhắc tôi sự khác biệt văn hóa sâu đậm giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Khi muốn mô tả một chuyến đi ngắn để tìm sự thư giãn giữa dòng sống bề bộn lo toan, tôi cố tìm một chữ gì tương đương với chữ Escape nhưng nghĩ nát óc không ra một từ nào cho thật ổn thỏa. Sực nhớ trong cuộc sống đã thành nếp ở quê nhà trước 1975, cả đàn ông lẫn đàn bà không có ai thỉnh thoảng tự cho phép mình tạm rời bỏ gia đình hay nơi làm việc để đi đâu đó, một mình, gọi là để thoát khỏi những bổn phận hàng ngày hầu làm mới lại tâm hồn/thể xác mệt mỏi của mình. Như vậy, phải chăng vì sự hiểu biết của tôi hạn hẹp và vốn liếng ngữ vựng của tôi kém cỏi hay tự điển Việt ngữ đã không lường trước nhu cầu này để có một từ thích hợp?

Tôi thường làm việc về đêm nên thức khuya và sáng dậy muộn. Vài khi có dịp đi xa, phải ra đường khi chân trời đàng đông mới hừng hừng ánh hồng, cả thành phố thường ngày nhộn nhịp còn đang ngái ngủ đằng sau những cánh cửa đóng im ỉm, cho tôi cảm giác đi trong một thị trấn yên bình nào lạ. Xe cộ thưa thớt. Cả không gian còn mát rượi hơi đêm, dường như trong trẻo hơn với cây cối hai bên đường sạch sẽ tựa như vừa được tắm gội. Tiếng chim hót ríu rít nghe rõ trong những tàng cây cao ánh lên màu lục biếc. Trong phút giây, tôi cảm nhận được hạnh phúc như một đặc ân, tràn

dâng từ những buổi sớm mai đất trời tinh khôi mà tôi bỏ qua nhiều năm vì những giờ ngủ muộn, tự nhủ lòng sẽ phải thay đổi để lấy lại cái niềm vui đầu ngày tuyệt thú này.

Thật ra, trong ba mươi năm định cư ở Mỹ, tôi đã trải qua gần hai mươi năm đi ngủ lúc nửa đêm và thức dậy vào lúc 4 giờ sáng để kịp chu toàn mọi bổn phận với gia đình gồm mẹ già gần 90 tuổi, hai con còn niên thiếu và bản thân tôi là một công nhân phải có mặt ở sở lúc 6 giờ kém 15 phút để bắt đầu ca làm. Buổi sáng đối với tôi luôn là cảm giác miễn cưỡng vì thiếu ngủ, vội vàng và lo lắng; là cảm giác sợ hãi khi cầm cái túi giấy đựng phần cơm trưa, đứng bơ vơ trước cổng nhà một bạn gái đồng nghiệp tốt bụng cho tôi quá giang miễn phí tới nơi làm việc, nhìn qua cái hàng rào sắt và vui mừng nếu thấy sau cái cửa sổ nhỏ, phòng tắm nhà chị đã sáng đèn, biết chị đang sửa soạn và sẽ chạy xe ra trong ít phút. Ngược lại, cực hình của tôi sẽ kéo dài với tiếng bước chân nặng nề của những bóng người to lớn di chuyển trên lề con đường vắng khu tôi ở, không biết họ là ai, lành hay dữ, họ đi đâu và làm gì trong lúc còn tối trời này? Thời chân ướt chân ráo đến thành phố Santa Ana, tôi không có quyền lựa chọn những buổi sớm mai nên thơ để ra đường. Mùa hè khô ráo đã vậy, mùa đông ướt át và giá lạnh, ngày vẫn tối mịt khi chưa tới 6 giờ sáng. Gió làm rụng hàng loạt lá cây tàn úa xuống hè đường và lòng phố chật, nằm chen với rác rưởi dưới cơn mưa lất phất, khiến cho ngày của tôi luôn bắt đầu bằng cảnh tượng u ám và buồn bã. Ký ức tôi vẫn khắc ghi đậm nét những ngày phải rời bỏ quê hương bản thổ, lao mình vào một tương lai chưa biết sẽ ra sao ngoại trừ chút hy vọng tìm kiếm cho con cái tôi một đời sống đàng hoàng, có phẩm giá hơn những gì tôi chứng kiến trong 12 năm kẹt lại một Saigon thay tên, đổi chủ.

Sáng sớm hôm nay, tôi có dịp đi một chuyến du ngoạn ngắn từ quận Cam, theo đường 101 qua Oxnard Harbor là trạm nghỉ chân đầu tiên, qua Santa Barbara rồi thẳng đường tới Solvang, ngôi làng nhỏ của người Đan Mạch, nhắc tôi

bài hát dễ thương Phạm Duy phổ nhạc từ thơ của nhà thơ yểu mệnh Vũ Hữu Định: *đi dăm phút đã về chốn cũ, một buổi chiều nào lòng vẫn bâng khuâng*...Thật ra, những địa danh này tôi đã đi qua một lần nhưng chỉ hẹn sẽ trở lại Solvang lần nữa có lẽ vì bên cạnh những thắng cảnh khiêm nhượng của thành phố, yếu tố Trời Đất và con người ở nơi này gồm cư dân địa phương và du khách, cho tôi ít nhiều lưu luyến khi trạnh lòng tự hỏi có bao giờ, ở đâu trên đất nước này, chúng ta sẽ có cơ hội ghi lại dấu chân mình với một làng Việt Nam hay không?

Chiếc xe buýt dài ngoằng, cao lênh khênh, chở theo chừng 50 du khách, đậu lại ở cuối con đường chính của thành phố. Mọi người tản ra theo ý thích riêng về những hướng khác nhau, có người nhìn sang góc đối diện bãi đậu xe và thảng thốt kêu lên: "Có tiệm Phở của người Việt mình kìa!" Không ai bảo ai song chắc mỗi người trong đoàn đều lấy cái bảng hiệu xinh xắn, bất ngờ kia làm điểm mốc để quay về. Dưới nắng xế trưa một ngày ấm áp, chúng tôi chen vai với du khách nhiều sắc tộc, thả bước chân nhàn tản trên vỉa hè lát gạch. Thành phố nhỏ, cửa hàng hai bên đường cũng nhỏ, tường mái sơn mầu xanh dương và đỏ đậm mang dáng vẻ Âu châu cổ trong những tấm bưu thiếp, trông vui mắt. Cuối con phố chính, cái cối xay gió với 4 cánh quạt thật lớn gắn trên cái mái vòm của tòa tháp tròn chỉ còn là biểu tượng, đứng im phắc, thách đố thời gian cuốn đi và mây bay qua đầu.

Chúng tôi đi thành từng đôi, từng gia đình hay từng nhóm vài ba thân hữu. Máy ảnh chụp lia lịa, nhất là các phóng viên truyền thông sử dụng ảnh cụ chụp selfie ở một tầm ngắm đủ làm cho hình rất đẹp và nghệ thuật. Công viên thành phố quá nhỏ để được gọi là công viên, nằm ở đoạn giữa con đường xương sống, gọn ghẽ, râm mát, im ắng như một bức tiểu họa đủ để giới thiệu chân dung văn hào Hans Christian Andersen, tác giả truyện thần thoại Nàng Tiên Cá, được xem là nét văn hóa đặc thù của quốc gia Đan

Mạch. Không xa công viên, tượng Nàng Tiên Cá bằng đồng ngồi trên mỏm đá ở hải cảng Copenhagen trên một thế kỷ qua, được mô phỏng với quy mô kém bề thế hơn, đặt giữa hồ nước, thu hút du khách bằng huyền thoại do nàng tạo ra làm mê đắm lòng người hơn tất cả những nàng tiên cá của thế giới. Ngắm nàng xinh đẹp với cồn ngực thanh xuân, dáng ngồi khép nép như muốn dấu phần thân thể bất toàn của mình, tôi nhủ thầm nếu có khi nào làng Việt Nam được dựng lên đâu đây, chúng ta có nhiều hơn một huyền thoại Nàng Tiên Cá để du khách say mê...

Tôi để ý tìm một tiệm cà phê để thưởng thức không khí lãng đãng buồn vui ở cái thành phố nên thơ này nhưng không thấy. Những tiệm bán quà lưu niệm không có gì hấp dẫn, khiến tôi ngạc nhiên nhưng họ có mấy con gà cả trống lẫn mái bằng kim loại mỏng, bằng đất nung, bằng vải sặc sỡ. Không biết có phải vì năm nay là năm Dậu, cầm tinh con gà và chủ tiệm biết có nhiều du khách Á đông thường qua đây nên đón ý? Có một tiệm đề bảng đại hạ giá áo ngủ nhưng khi bước vào, thấy mẫu mã, kích cỡ không "Đan Mạch" như tôi hình dung. Chỉ có tiệm bán kẹo, ngọt ra tới vỉa hè, cho tôi gặp lại hương vị lúc tuổi thơ ở những vỉ Nougat thơm mùi đậu phụng rang vừa tới trộn lẫn mùi sữa béo ngậy. Cũng có tiệm kem được du khách phụ nữ và nhi đồng chiếu cố khá đông trong buổi trưa khá nóng. Thong dong, nhàn nhã, đi những bước nhẹ như mây hết hai hàng phố, chúng tôi nhìn đồng hồ và quyết định quay lại nơi xe chờ, tính còn đủ thời gian để ghé vào bất cứ tiệm nước nào gần đó nhất để không trễ hẹn lên xe.

Bàn ghế bày ra lối đi, vui tươi, mời mọc, gia vị nhà bếp thoảng bay trong không gian nghe chừng hấp dẫn nhưng không có tác dụng với chúng tôi vừa xong bữa ăn trưa quá thịnh soạn do ban tổ chức chuyến đi đãi đằng. Ở đây, họ chỉ bán thức ăn và bia. Không có lựa chọn nào khác, chúng tôi rẽ vào một tiệm của người Nhật, bán vài món đặc biệt và có cà phê. Ông chủ trẻ tuổi rất tự hào giới thiệu cà phê

của tiệm, thuyết phục được chúng tôi gọi hai ly càphê latté. Quả nhiên cà phê ông pha rất ngon, mùi vị thanh, dịu và lạ tuy ông pha theo kiểu espresso cappuccino. Được thể, ông bạn đồng hành với tôi gọi một món gì đó nhìn hình trên tấm thực đơn tựa như những viên thịt bằm trong món mì Ý thế nhưng sau khi nếm thử, ông mỉm cười thay cho lời phê bình chắc là khó diễn tả.

Cho tới nay, cả hai lần ghé qua Solvang đều để lại trong tôi chút ấm ức phải rời bỏ nó trong cùng ngày. Dường như thành phố nào cũng đẹp về đêm nên tôi muốn nhìn Solvang một đêm mùa hè trăng sáng hoặc ít nhất, một đêm những người nghệ sĩ trong thành phố tấu nhạc dưới bầu trời đầy sao và nhà hàng dọn những bữa ăn tối cổ truyền đầy nghệ thuật.

Ai đã từng qua đêm ở tiểu bang Vermont sẽ không thể nào quên những bữa ăn tối phải đặt chậm nhất vào buổi sáng để có cá hương thật tươi mới câu từ hồ Champlain và rau quả chỉ lấy từ vườn thực vật vừa đủ cho bữa ăn ấy. Những con đường nhỏ ở Vermont ban đêm đèn không thật sáng nên đêm dịu dàng, êm đềm và thân mật, rất riêng biệt so với những nơi khác, hệt như tiệm ăn không trưng bảng hiệu lớn và bữa ăn dọn trong những phòng ăn như ở tư gia. Ai đã từng thức dậy lúc sáng sớm trong khu khách sạn mênh mông, mở cửa sổ ra để thấy những con hummingbirds xinh xắn, mỏ dài và nhọn, nhanh như mũi tên rúc đầu vào mấy bụi hoa, chiếc tổ chim tròn ủm trên chạc ba một cái cây ngang tầm mắt và tầm tay, phất phơ mấy sợi rơm vàng óng ánh. Cả một thiên nhiên tinh khiết, thinh lặng, lung linh dưới ánh mặt trời bát ngát đổ xuống con đường mòn dành cho người chạy bộ, khiến du khách tưởng chừng thở được vào phổi mình cả mùi cỏ cây cũng đang rạo rực thở ở khắp xung quanh.

Tôi đặc biệt thèm những khoảnh khắc đầu ngày ở những nơi ghé chân vì nó hứa hẹn niềm vui và cả sự bất ngờ. Tôi cũng đặc biệt thích những buổi chiều sắp hết ở những nơi

này vì nó gần giống với sự chia ly chờ tôi ở cuối đường, cho tôi sớm biết lưu luyến và tiếc nhớ để sống trọn vẹn hơn giờ khắc đang có.

Được thành lập bởi những nhà giáo dục người Mỹ gốc Đan Mạch từ năm 1911 trên một diện tích 9,000 mẫu tây đất trong thung lũng Santa Ynez, Solvang nay thuộc quận Santa Barbara nổi tiếng với trường Đại học Santa Barbara cỏ xanh như lụa và tu viện cổ Santa Ines. Hơn một thế kỷ vật đổi sao dời, trong số trên 5,000 cư dân hiện sinh sống trong làng, không biết còn bao nhiêu là hậu duệ đích thực của những người tạo dựng ban đầu? Hay thời gian ngưng đọng trên cái cối xay gió nhưng đời người như chiếc lá giữa giòng theo sóng trôi đi? Dẫu sao, Solvang mãi mãi là dấu tích sinh động của người Đan Mạch, đóng góp phần đáng ngưỡng mộ vào lịch sử di dân của nhân loại từ thời biên cương giữa các quốc gia còn là một lựa chọn liều lĩnh và đầy nước mắt.

GÀ TRỐNG NUÔI CON

Cho tới nay, không biết đã có công trình sưu khảo nào cho thấy khi hôn nhân đổ vỡ, người chồng/người cha, người mẹ/người vợ, phía nào bị thương tổn nhiều hơn trong tâm tư riêng mình họ? Ngoại trừ trường hợp cá biệt, kinh nghiệm thực tế cho biết nữ giới thường gặp khó khăn trong việc một mình nuôi dạy con cái ở cả hai mặt vật chất và tinh thần trong cuộc sống do bản chất yếu đuối và do khả năng kiếm tiền yếu kém ngay cả dù có nhận được trợ cấp từ người chồng cũ. Để có thể thực hiện đúng nội dung câu ca dao "Mồ côi cha, ăn cơm với cá, mồ côi mẹ liếm lá đầu đình," những bà mẹ Việt Nam đơn thân thường phải vất vả ngược xuôi, đổ mồ hôi sôi nước mắt mới làm tròn thiên chức cao quý họ nhận lãnh. Tuy nhiên, hình ảnh một bà mẹ líu tíu với con ở bất cứ đâu, tiệm ăn, công viên, phòng mạch bác sĩ..vv..ít gây chú ý và không làm ai động lòng, có chăng cũng chỉ như người lái xe thỉnh thoảng gặp mẹ con đàn vịt lững đững qua đường thì thận trọng dừng lại với một nụ cười vì dáng vẻ tội nghiệp của chúng. Mẹ chăm bẵm con có gì lạ đâu? Thế nhưng nếu cũng cảnh con cái líu tíu như vậy mà ông bố thay vào chỗ bà mẹ thì người xung quanh động lòng ngay và hỏi han: "Bà đâu mà ông phải trông trẻ thế?" Cứ làm như công việc bồng bế, săn sóc con chỉ có mẹ độc quyền. Ngoài Việt Nam, chẳng biết có đất nước nào khác có câu tục ngữ làm mủi lòng người nghe như câu Gà Trống Nuôi Con hay không?

Nền văn hóa "Đèn nhà ai nấy rạng" của người Việt thường chủ trương đóng cửa đối với người ngoài nên chúng ta ít thấy sự chia sẻ riêng tư hiển thị bất cứ bằng phương tiện nào như đối với các sắc dân khác nhằm mục tiêu tích cực là giúp những người có cùng hoàn cảnh có thêm kinh nghiệm ứng xử. Trong lãnh vực tình cảm, sự im lặng của các "Gà trống nuôi con" gốc Việt lại càng triệt để. Thỉnh thoảng ngày cuối tuần, thấy một ông bố dẫn cô con gái nhỏ đi ăn phở hay ăn kem ở một tiệm ngoài phố, nhìn ông cẩn thận đeo yếm, lau miệng cho cô bé, chuyện trò, cười đùa với cô, để cô tự do nghịch ngợm đổi lấy những tràng cười như nắc nẻ của cô, tôi có chút tò mò nghề nghiệp bên cạnh lòng ngưỡng mộ nên kín đáo quan sát. Mắt chạm mắt, phải né ngay vì ánh nhìn nghi ngại, rõ rệt không thiện cảm của ông. Có thể do méo mó nghề nghiệp, do chủ quan, tôi đoán ông có điều gì đó không muốn bị người khác tọc mạch. Nhiều phần trăm, ông là gà-trống-nuôi-con, thường trực hay vài lần mỗi tháng theo lệnh quan Tòa.

Hôm nay đọc tin trên mạng, tình cờ thấy có người cũng "tọc mạch" giống mình, quan sát không chỉ một mà hơn một gà-trống-nuôi-con trong nhiều trường hợp, phỏng vấn và viết thành bài nên trộm nghĩ có lẽ nhân gian đó đây chẳng khác gì nhau.

Ông Reggie Y. 51 tuổi, trong ngày lễ Từ Phụ năm nay, đã hiu quạnh một mình vì thiếu vắng cô con gái yêu quý 13 tuổi của ông đang nghỉ hè ở xa với mẹ. Là Giám đốc thương vụ của một công ty lớn, li dị, ông được quyền nuôi dưỡng hai con, một gái 13 và một trai lên 9. Đối với những ông bố độc thân trở lại, ngày lễ Cha, lễ Mẹ và các dịp lễ lạt hàng năm luôn là khoảng thời gian buồn tê tái cho họ thấm ngấm tình cảnh nuôi con một mình. Ông Y. cho biết bản thân ông suốt sáu năm qua, đã phải nếm trải nhiều thử thách tâm lý chua xót kể từ khi chia tay với người vợ cũ, chứng kiến các con ông không còn thấy niềm vui trọn vẹn của tuổi thơ vì được ở bên cha thì không có mẹ và ngược lại.

Những buổi tiệc vui đại gia đình hai bên nội ngoại đoàn tụ ở những không gian cách trở, luôn có một chỗ trống không gì có thể lấp đầy trong lòng những đứa trẻ phải gánh vác một phần cuộc hôn nhân đổ vỡ của cha mẹ. Cám cảnh thân phận, những ngày nghỉ lễ, ông mang con trai về thăm phụ thân ở tuổi 73, cũng côi cút một mình. Trong ngôi nhà gồm 3 người đàn ông thuộc ba thế hệ, ông Y. tâm sự: "Lúc còn bé, các con tôi cứ luôn hỏi tôi sao chúng không có mẹ? Tôi cứ phải hướng dẫn các con về mặt tâm lý, tự thân biết phải cư xử cách nào để đoan chắc là tôi đã làm đúng, đã thể hiện đầy đủ trách nhiệm nuôi dạy con cái, đã cố gắng giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực từ cuộc hôn nhân thất bại của chúng tôi."

Một khó khăn khác của các Gà-trống-nuôi-con là làm sao để giữ được sự quân bình giữa công việc và gia đình?

Ông Tom, người cha đơn thân mười ba năm qua, 51 tuổi, có bằng kỹ sư, cho biết ông rất mong các nhà làm luật và chính phủ có sự quan tâm để giúp đỡ những người trong hoàn cảnh ông. Ông vẫn thầm nghĩ có lẽ các nhân vật thẩm quyền nêu trên không hề hay biết xã hội có cả một cộng đồng gà-trống-nuôi-con đang phải hàng ngày đối mặt với nhiều thử thách cam go để chu toàn trách nhiệm làm cha của họ trong cuộc sống.

Để trả lời câu hỏi đưa ra trên mạng Yahoo Singapore, bộ Phát Triển Xã Hội/Gia Đình nước này cho biết bộ không có tài liệu hay bản phúc trình nào về con số các gà-trống-nuôi-con thực sự hiện hữu ở Singapore.

Là trụ cột chính lo sinh kế cho cả nhà, ông "Daniel," người cha đơn thân 62 tuổi, tài xế xe taxi, gà trống nuôi con 15 năm qua và đại diện cho thành phần có cùng cảnh ngộ, chia sẻ rằng ông phải vất vả lắm mới đương đầu được với vấn đề giá sinh hoạt leo thang và tài chánh để giúp cô con gái năm nay 21 tuổi, bước vào đại học.

Bình thường, theo ông "Daniel,", trong các gia đình

nguyên vẹn có đầy đủ cha mẹ, lợi tức thu nhập gấp đôi hoặc ít lắm, một người đi làm, người kia lo quán xuyến việc nhà và con cái, chi tiêu sẽ bớt được phần lớn thay vì khi hụt mất một trong hai, cả núi vấn đề sẽ lù lù hiện ra nếu người còn lại không tìm được nguồn hỗ trợ.

Ông K. S. Kiang, một hoa tiêu hàng không dân dụng, 46 tuổi, gà trống nuôi hai con trai ở tuổi niên thiếu, cho biết: Các cha mẹ đơn thân phải học hỏi để có khả năng điều chỉnh lối sống sao cho phù hợp so với mong ước để giảm bớt chi phí hầu có thể tồn tại. Ông nói: "Nếu quý vị muốn cho con cái hết mọi thứ thì cái "hết mọi thứ" ấy sẽ đắt giá lắm! Tôi chỉ đơn giản cầu mong cho các con tôi khôn lớn khỏe mạnh, luôn được vui vẻ trong quãng đời thơ ấu và hiểu rõ từng bước trong tiến trình trưởng thành của chúng."

Trước kia, ông Kiang và vợ cũ chia nhau vai trò trong giáo dục con cái, bố là ông Kẹ để kỷ luật, mẹ là bà Tiên để hòa hợp/hòagiải. Từ khi trở thành gà-trống-nuôi-con, ông phải cùng lúc đảm nhiệm cả hai vai. Ông kể: "Nhiều lần mắng mỏ, sửa trị các con xong, tôi cố bình tĩnh lại để chuyện trò thân thiết với chúng, thương yêu giải thích với chúng lý do khiến tôi phải nghiêm khắc trừng phạt chỉ với mong ước chúng đừng tái phạm ở những nơi tôi không có mặt bên cạnh để che chở hay bảo vệ chúng."

Trong khi đó, ông Tom có những thách đố khác. Ông cho biết cô con gái lên 7 ngày cha mẹ chia tay, tâm trí mãi bị ám ảnh đến khủng hoảng vì hình ảnh lúc mẹ thu dọn đồ đạc riêng và bỏ nhà đi. Nỗi thương tâm chưa nguôi trong lòng cô bé thì vài năm sau, tuổi dậy thì đã tới, mang theo nó những vấn đề của người phụ nữ mà ông không có cách nào giúp mỗi khi cô cần. May mắn là ông còn mẹ và các chị em gái để cầu cứu và giai đoạn khó khăn này của con gái ông đã trôi qua một cách êm đẹp. Nay thì cô đã trưởng thành tươi tốt ở tuổi 20. Cũng tương tự ông Tom, gà-trống-nuôi-con Kiang còn đầy đủ song thân nên ông bà nội đã thay con trai trông nom hai cháu nội những khi bố chúng phải đi bay.

Dẫu đoạn trường cỡ nào, khi được truyền thông phỏng vấn, các gà-trống-nuôi-con đều sung sướng thú nhận niềm hạnh phúc vô biên của họ là được nhìn thấy con cái khôn lớn. Ông Tom chia sẻ: "Thấy con gái thành người hữu dụng, vui đùa cùng con để nghe nó cười vang hoặc se lòng những khi biết nó buồn, đó là tất cả của cải quý giá trong tình phụ tử."

Riêng gà-trống-nuôi-con Reggie Y, ông trân quý những giây phút tưởng như tầm thường của những bữa ăn đơn giản bên các con, khi nghe chúng thơ ngây thốt lên mấy chữ từ đáy lòng "con yêu bố," khi chúng đưa hai bàn tay nhỏ xíu đón nhận bát khoai tây tán từ tay ông và đôi mắt trong trẻo của chúng ánh lên niềm hạnh phúc được thương yêu.

Giờ đây, tại hầu hết những quốc gia đặt cuộc sống an vui của trẻ con thành ưu tiên, đã có các cơ quan/tổ chức xã hội làm công việc hỗ trợ thành phần cha mẹ đơn thân qua dịch vụ cố vấn với nhiều chương trình trợ giúp đa dạng, hướng tới việc cổ võ sự thực hiện những chính sách nhằm nâng đỡ họ một cách hợp lý, công bằng và dưới nhãn quan đầy thiện cảm. Liệu những điều này có san sẻ bớt gánh nặng cho họ, phần nào cho họ có đôi chút thời giờ lấy lại thăng bằng trong cuộc sống của chính họ không?

Hơi tiếc là những câu chuyện trao đổi với nhiều chi tiết được viết xuống như nêu trên đã không đề cập tới khía cạnh các gà-trống-nuôi-con phải làm cách nào để có sự thỏa hiệp giữa trách nhiệm với con cái (mà họ phải đền bù nhiều hơn vì hôn nhân đổ vỡ) và những nhu cầu thiết thân của họ được Thượng Đế tạo dựng cùng lúc trong các phiên bản nhân loại với ý nghĩa cao cả nhất là đi tìm hạnh phúc trong kiếp đời ngắn ngủi? Mai kia mốt nọ, nhiệm vụ hoàn thành, các con như lũ chim vỡ tổ bay đi theo tiếng gọi bầy đàn của chúng, những gà-trống-nuôi-con trong buổi chiều bóng xế có nhìn theo, có ngậm ngùi nhớ tiếng gáy gọi bình minh năm xưa giờ đây lẻ loi trong những góc vườn vắng vẻ không còn ai?

GIỮ LẤY NỤ CƯỜI

Những ngày đầu tháng 6, thời tiết ban ngày quận Cam bỗng nhiên nóng rát. Mùa hè dường như vội vã tới không báo trước nên phải tìm mãi mới moi ra được cái áo sơ mi mỏng xếp tít bên dưới đáy ngăn tủ.

8 giờ tối mà không gian còn bảng lảng ánh chiều và gió mát nhẹ nhàng lên các đỉnh cây. Khí hậu ở đây là món quà tuyệt vời nhất California giành tặng cho các cư dân một lần ghé qua là tâm hồn hay bước chân dừng lại, không nỡ rời.

Cùng thời điểm này, Paris và một phần phía nam nước Pháp đang ngập lụt vì thiên tai. Nước sông Seine dâng cao kỷ lục, có lúc sâu gần 6 thước kể từ năm 1910 thế kỷ trước. Cùng với Pháp, các nước Đức, Bỉ và Áo cũng chia chung khổ nạn từ những trận mưa không dứt và những giòng sông chan chứa nước, hung hãn cuốn người đi.

Dẫu thế nào, đêm nay, hội quán âm nhạc Lạc Cầm trên đường Moran, giữa thủ phủ tinh thần của người Việt tỵ nạn di tản, không quảng cáo mà tổ chức trong vòng thân hữu, cuộc hội ngộ với danh ca Tâm Vấn có mặt tại quận Cam trong chuyến đi thăm con cái và bằng hữu của bà đã thành lệ từ hơn một thập niên qua.

Thính phòng ấm cúng ánh đèn vàng, khá đông người tham dự phần lớn biết nhau, đã ngồi gần kín hết những dãy

ghế trong không gian lao xao tiếng người cười nói, chào hỏi thân tình.

Như một nét văn hóa đặc thù khó thay đổi của người Việt, đêm vui bắt đầu trễ gần một tiếng đồng hồ so với giờ hẹn. Sau lời giới thiệu trang trọng và đầy thương yêu của MC Hoàng Trọng Thụy, nữ danh ca Tâm Vấn ngoài bát tuần, xuất hiện trên sân khấu. Dù thời gian chồng chất, dù bà "đang sống ở một Sàigòn bây giờ ngộp thở vì ô nhiễm và độc tố, một Sàigòn khi bà vội vã lên máy bay để chạy trốn, nắng nóng đang nung chảy người và vật," (như lời bà chia sẻ trong hơi thở gấp,) mọi người vui mừng vẫn thấy ở bà phong thái không suy suyển từ lần gặp cách nay 4 năm. Vẫn dáng dấp điềm đạm mà tươi tắn, vẫn giọng nói trầm ấm có những âm vui, vẫn đôi mắt nhung tô quầng đậm, thăm thẳm bầu trời đêm lấp lánh sao.

Cũng giống như cách nay 4 năm, bà tự dẫn giải phần trình diễn tạ lòng tri kỷ tới nghe mình, duyên dáng và khéo léo nối kết những quãng đời đáng nhớ với âm nhạc qua những đoản khúc ngắn phù hợp với kỷ niệm. Bà nói bà nhớ bạn bè ngày xưa, thèm chuyện trò với họ, rồi bà cất tiếng hát một trích đoạn trong Hoài Cảm của Cung Tiến *Lòng cuồng điên vì nhớ*...Đến nốt nhạc cao, bà khẽ nhấc đôi vai, thận trọng lấy hơi vào buồng phổi, thận trọng nhả buông từng chữ rồi nhẹ nhàng tan loãng ...Ở tuổi ngoài 80, đã thật xa cái thời tiếng hát Tâm Vấn mượt mà, nhung lụa, bay lượn tung hoành dưới ánh đèn sân khấu nhưng ở đây, đêm nay, bà vẫn giữ được sự tự chủ thanh lịch và đáng yêu. *Chờ đợi nhau trong mơ, có bao giờ thấy nhau lần nữa*...Bà vẫn có thừa cảm xúc làm lay động trái tim người nghe. Bà cũng hát Nỗi Lòng của Nguyễn văn Khánh Lòng *vẫn biết nếu yêu rồi một ngày, là đến với đớn đau nhưng sao trong ta cứ vẫn yêu, vẫn nhớ. Tình đó khiến xui lòng ta đau*...Thanh âm tiếng hát bà không còn cái trong trẻo của hạt mưa lưng trời, không còn cái long lanh của chuỗi ngọc lưu ly nhưng thay vào đấy, tiếng hát bà giờ đây như lửa khuya trong lò sưởi, ấm áp, dịu dàng, êm ả.

Bà với tiếng hát mình như hai người bạn tâm giao thân thiết, suốt đời kề cận bên nhau nên, bà kể, có nhiều lúc bà đóng cửa phòng, trò chuyện bằng tiếng hát của người bạn buồn vui không rời nhau nửa bước ấy để thấy cả hai… còn trẻ.

Ngoài MC Hoàng Trọng Thụy, đêm hội ngộ Tâm Vấn còn có mặt Thạch Hoàng, trưởng nam của bà. Sau mấy năm làm công việc sắp đặt hậu sự cho mấy ngàn đồng hương gần xa khắp nơi, tối nay, trong bộ complet màu sẫm, may cắt khéo, trông anh có vẻ ngoài trầm lặng hơn xưa. Trong ba bài anh hát tặng cử tọa, bản Smile để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc hơn cả.

Smile nguyên thủy là bản nhạc không lời, được Charlie Chaplin sáng tác năm 1936 để làm nhạc nền cho cuốn phim Modern Times do ông đạo diễn, sản xuất và thủ vai chính. Phải tới 18 năm sau, hai nhà thơ John Turner và Geoffrey Parsons mới cảm hứng từ tiết điệu và tâm ý tươi vui của bản nhạc mà đặt lời cho Smile để rồi từ đó, tác phẩm đã nhanh chóng được nhiều thế hệ ca sĩ thể hiện, kể cả danh ca Barbra Streisand, với bà, những ca khúc gắn liền với cuộc sống là những ca khúc giá trị.

"…Hãy cười lên dù lòng em đớn đau, dù trái tim em tan nát và khi bầu trời đầy mây, em sẽ sống nếu em biết cười để vượt qua sợ hãi và phiền muộn. *Cho dù mắt em rưng lệ, đây chính là lúc em càng phải cố gắng cười. Chỉ cần em biết cười để thấy cuộc sống vẫn có ý vị biết bao!"*

Và, với vẻ mặt bình an đượm chút ngậm ngùi, Thạch kể anh đã trải qua thời gian gần đây thôi, sống trong một cái gara với 7 cái không to tướng trong đời: không nhà cửa, không việc làm, không tình yêu, không tiền bạc, không vợ, không con, không tương lai, cũng chỉ nhờ biết cười vui qua những ngày mưa gió trong đời, giờ đây bỗng chốc anh có hết mọi thứ, nhiều hơn mơ ước để có thể đem chia. Anh hát Smile xuất sắc, với một diễn đạt đầy cảm xúc. Bằng tâm tình một người đã có lúc thực sự không còn hy vọng nhưng không chấp nhận tuyệt vọng, nay nhìn lại quá khứ với lòng

biết ơn những may mắn tình cờ đã tới với anh như mặt trời một sáng mùa đông chợt ra khỏi mây mù ảm đạm, soi chiếu vào ngày tháng tẻ lạnh của anh, cho anh phần thưởng của niềm tin. Giờ đây, những buổi trưa vắng ở khu nghĩa trang nơi anh làm việc, anh thường làm người hát rong đi giữa những hàng mộ chí, hát cho người dưới mộ nghe.

Nhìn T. Hoàng nói cười trong ánh đèn mờ ảo của cái sân khấu nhỏ ngổn ngang nhạc khí, hát hay, chia sẻ vừa đủ những kinh nghiệm sống quý giá của anh một thời đã qua và hiện tại, tôi cảm nhận cuộc đời như một thầy giáo lớn, khắc nghiệt và bao dung, luôn cho con người những bài học làm thay đổi số phận của nó một cách ngoạn mục. Vấn đề cốt lõi là con người có đủ sự khiêm nhượng để đón nhận và suy nghiệmvề những bài học ấy hay không?

Ra về, tôi cứ luẩn quẩn mãi với cái hình ảnh vừa buồn, vừa lạ, vừa đáng yêu mà T. Hoàng vẽ vào tưởng tượng của tôi những buổi trưa trong nghĩa trang vắng lặng, anh một mình đi hát cho những người đã khuất nhưng anh tin là đâu đó trong cái thế giới im ắng không tiếng động này, họ vẫn còn muốn mãi được nghe những ca khúc thế gian được cất lên *vang lừng giai điệu.*

Những người nằm dưới mộ phần đã sống hết cuộc đời của họ. Đã từ giã hết mọi toan tính đua chen, hận thù, thương ghét. Đã rất hiền, đã vô hại. Còn gì chăng có lẽ chỉ là nuối tiếc đã không thể sống đẹp hơn, hữu ích hơn cho bản thân và người xung quanh. Ngoại trừ rất ít danh nhân, vĩ nhân, ra đi để lại tiếng thơm cho đời sau, phần đông họ là những tấm gương thành nhân trong muộn màng. Với cảm nhận của những người như T.Hoàng, như tôi, nay họ là những cái tên khắc trên mộ bia đi kèm với những giòng tưởng niệm gói ghém yêu thương, gợi nhắc người qua lại một tình thân ở cuối đường, không còn bị ngộ nhận, không còn bị chi phối bởi thói đời ấm lạnh nên cũng không bao giờ phản trắc, của một cộng đồng bình an, thanh sạch và đẹp đẽ đến vô cùng.

Kể từ biến cố 30 tháng tư, 1975, người Việt Nam ở trong hoàn cảnh phải lựa chọn bỏ nước ra đi, để lại mồ mả tổ tiên cha ông, cá nhân tôi không nghĩ là khi mình qua đời, sẽ được chôn cất ở một nghĩa trang nào đó ngoài quê hương mà muốn một hình thức tang lễ đơn giản hơn, được hỏa táng để tro bụi lại trở về tro bụi. Để tro bụi được tự do phiêu du về phương trời cũ, đậu xuống khu vườn xưa, mái trường ngày cắp sách đi học lần đầu, những con đường buồn vui từng in dấu chân qua. Đã tự nhủ lòng. Đã dặn dò con cái. Đã từ chối bốn bức tường gỗ nhỏ trong một căn nhà quanh năm bóng tối. Thế nhưng đêm nay, hình ảnh một người hát rong đi hát cho người yên nghỉ trong nghĩa trang gieo vào lòng tôi chút bùi ngùi, như thể giữa người sống và người chết dường như không là đoạn tuyệt, dường như vẫn còn cây cầu nối giữa hai bờ sinh tử để đoan chắc thương yêu không chấm dứt, không rữa mục với thời gian mà từ hữu hình hữu hoại trở thành vô hình bất hoại, từ cầm nắm được để dễ dàng bị vùi dập trở thành lơ lửng tầng không và mãi bay cao. Trạm đến cuối cùng của đời người ở nghĩa trang này có gì ngoài tình yêu khắc lên những tấm mộ chí?

Cảm ơn T. Hoàng với nụ cười hiền hậu luôn nở trên môi em để chống chọi với nghịch cảnh và vươn lên khi gió xoay chiều. Cảm ơn tiếng hát em chuyên chở thương đau qua miền hạnh phúc. Cảm ơn chung những duyên may đến trong đời, hé mở cho chúng ta cánh cửa gần thêm với cội nguồn an lạc.

Bây giờ mới càng thấm ngấm câu viết dường như của học giả Nguyễn văn Vĩnh: "Người Việt Nam ta cái gì cũng cười." Ngỡ như một lời mai mỉa nhưng ngẫm kỹ, hóa ra là một lời khen ngợi bởi vì nếu không cười, dân tộc ta đã không bao lần kiên cường đứng lên từ thảm họa.

HÀNG HIỆU

Các câu tục ngữ trong kinh nghiệm xử thế khôn ngoan của tổ tiên người Việt, ví dụ như: "Quen sợ dạ, lạ sợ áo quần," "Tốt gỗ hơn tốt nước sơn" hay câu cùng một ý nghĩa tương tự của Tây phương: "L'habit ne fait pas le moine" (tạm dịch "Chiếc áo không làm nên ông thầy tu") hay câu thành ngữ mới nhất của quốc gia tiến bộ non trẻ nhất châu Mỹ: "Don't judge a book by the cover" ("Đừng đánh giá một cuốn sách qua cái bìa") đều nhắm vào một ý chung là "Không nên xét người hay vật thể bằng cái vỏ bề ngoài."

Tuy nhiên, nhận xét của ông bà trong lời dặn dò "Lạ sợ áo quần" không phải là vô căn cứ. Trái lại, nó được minh chứng hầu như hàng ngày trong sinh hoạt xã hội, giữa con người với con người, giữa con người với một vật dụng "tốt nước sơn" rất dễ làm chóa mắt. Người đi xin việc, hẳn nhiên phải kiếm bộ quần áo vía dù trông không lịch sự lắm nhưng ít ra phải tươm tất để gây thiện cảm và không bị nghi ngờ... Một chuyên viên địa ốc môi giới bán nhà thường chạy xe đắt tiền để khi đưa đón khách, không bị đánh giá mức độ thành công không cao..vv..

Tôi còn nhớ trong chuyến du lịch bằng đường biển đi Alaska năm 2005, khi tàu ghé qua cảng Anchorage, chúng tôi xuống bờ lang thang dạo phố, vui chân tạt vào mấy cửa tiệm bán nữ trang để rửa mắt. Ngoại trừ tôi, mấy người

bạn cùng đi đều thuộc hàng ngũ đại gia đã nghỉ hưu sớm hay đang làm ăn phát đạt, chỉ là du lịch thì y phục giản dị, thế nhưng khi chúng tôi bước vào một tiệm chuyên bán nữ trang bằng huyền, một loại đá quý màu đen, tò mò hỏi giá một đôi hoa tai ($12,000 USD,) một chiếc thánh giá nhỏ ($3,700 USD) và sau khi nghe chàng thanh niên bán hàng nói lên con số, chúng tôi vội vàng đưa trả lại anh ta món hàng vừa trao tay thì một chàng tuổi trẻ khác, âu phục tề chỉnh đứng gần đó, làm ra vẻ lễ phép nói với chúng tôi rằng "Các ông bà ơi, tàu đang hụ còi kìa!" Hóa ra tiếng đồn dân tỉnh lẻ hiền lành và hiếu khách coi bộ có ngoại lệ.

Trở lại chuyện "vẻ ngoài." Vừa qua, tôi đọc được bài phóng sự của nhà báo Trúc Linh trên tờ Người Việt, viết về những cái túi xách hàng hiệu của quý cô/quý bà, trị giá bằng nửa căn nhà loại trung bình tại quận Cam, nghĩa là cỡ trên dưới $300,000 USD, biết thêm những điều chưa bao giờ biết, thậm chí chưa bao giờ tưởng tượng ra, vừa giật mình, vừa thú vị, có chút hãnh diện thấy trên bảng phong thần có cả phương danh các bậc nữ lưu người Việt mình hiện sinh sống trong và ngoài nước. Bài phóng sự cũng cho biết theo khảo sát của công ty Niesel, Việt Nam đứng hàng thứ ba trên thế giới về căn bệnh mê hàng hiệu, chỉ sau Trung quốc và Ấn Độ. Theo nhà báo Trúc Linh, vì "hay bị người khác đánh giá qua vẻ bề ngoài nên nhiều người phải trang bị cho mình những món đồ xịn kể cả khi không có tiền."

Đến đây, tôi chợt nhớ lại có thời quý ông Bolsa từng mắc tiếng thị phi khi dư luận đồn đãi ì xèo là họ chạy xe brand name nhưng sau cốp xe toàn mì gói. Tôi thực sự chưa bao giờ "bắt gặp" tình huống này mà chỉ thấy quý ông lái xe loại sang, nhìn qua thảy đều có tướng mạo và phong cách phù hợp với nhãn hiệu xe họ làm chủ, own hoặc lease.

Theo thông tin từ nhà báo Trúc Linh, tôi tự hỏi không biết tại sao dân tình ba xứ sở nghèo, được xếp vào loại đang phát triển như kể trên, lại nhiễm bệnh mê hàng hiệu nặng đến thế? Phải công nhận ông bà mình tinh tế đáo để, không

có gì qua mắt được các cụ khi các cụ phán rằng "Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ, nghèo hay làm sang." Phục các cụ thì nói vậy nhưng thật ra mọi sự đều có ngoại lệ cả. Như trường hợp thấy ở Anchorage/Alaska kể trên. Như trường hợp bác sĩ Xuyến Đông góp tiếng trong bài phóng sự của Trúc Linh. Trong sinh hoạt cộng đồng, tôi hân hạnh được biết bà trên hai thập niên qua. Bà là một phụ nữ chức nghiệp trẻ tuổi, nhiệt tình, giản dị, khiêm tốn, có tên tuổi và địa vị. Nếu muốn, bà có thể mua túi xách hiệu Louis Vuitton bất cứ lúc nào nhưng bà chỉ mua vào dịp được tăng lương, vì vui, vì cảm giác hưng phấn thấy công việc có thành quả nên muốn tự thưởng mình sau những đóng góp liên tục ở một lãnh vực nhiều áp lực, là phản xạ tâm lý rất chung và dễ hiểu. Ngoài ra, vẫn theo bài báo, phần đông sở hữu chủ của những cái túi xách giá cao ngất ngưởng trời xanh trên thế giới, thuộc giới nghệ sĩ trình diễn và các cô làm móng tay. Nghệ sĩ tài sắc được nhiều khán giả hâm mộ, những túi xách đắt giá của họ có thể là quà tặng từ các vương tôn công tử thừa tiền lắm bạc mong nhận được sự quan tâm của giai nhân/tài nhân, là biểu hiện quyền lực của nhan sắc và sức quyến rũ trời ban cho họ, là một thứ trò chơi phù phiếm biết là thời gian sẽ lấy đi nhưng có vẫn hơn không. Riêng các cô làm nails, tuy họ xuất thân từ những trường huấn luyện, về cơ bản, không khác nhau; cùng trải qua các cuộc sát hạch lấy chứng chỉ hành nghề với tiêu chuẩn chung nhưng họ có thân phận may rủi khác nhau khi ra đời kiếm sống. Có cô tay nghề không kém đồng nghiệp nào, nói được tiếng Anh nhưng chỉ tìm được việc ở các khu vực loàng xoàng. Họ ăn mặc loàng xoàng, cả ngày cắm cúi phục vụ khách, ăn vặt không thành bữa vì nhiều khách walk-in. Tan buổi làm, hôm thì hộc tốc đi chợ, hôm thì hối hả chạy ra Walmart mua sữa, mua tã cho con, ở nhà có một ông chồng tuy cũng yêu đương, hẹn hò rồi mới lấy nhau nhưng cái não trạng có vợ làm nails thì đương nhiên mình được nuông chiều đã thành cố tật, khiến cô thợ nails muốn chồng thay đổi, dễ vác chiếu ra hầu tòa ly hôn hơn là tìm thấy hạnh phúc, chưa kể

có ông buồn buồn vì vợ không nấu cơm bèn có cớ bỏ nhà đi ăn phở luôn. Những cô này làm việc cần mẫn, vất vả mà thu nhập thấp. Nếu chồng không phụ giúp được nhiều, các cô cố gắng lắm cũng chỉ nối được đầu tháng/cuối tháng, có tiền trả góp một căn nhà nhỏ và hai cái xe loại phổ thông để lái đi làm, lâu lâu shopping ở Ross Store, Marshalls hay T.J Maxx là mãn nguyện rồi.

Trái lại, những cô may mắn tìm được việc làm ở những khu sang trọng, nhiều du khách và khách da trắng, ngoài thu nhập ăn chia với chủ, họ nhận được những khoản tips hậu hĩnh. Họ ăn mặc đẹp, shop ở các khu mua sắm cao cấp, đeo vòng tay, dây chuyền kim cương, nhẫn kim cương 2 carats, thường xuyên lui tới mỹ viện tu bổ nhan sắc, không hoàn toàn vì nghề nghiệp mà vì muốn giữ chân ông chồng có nhiều thời giờ rảnh rỗi hơn họ. Quả thật những bạn gái này thích xài túi xách hàng hiệu như một bù trừ nhằm xóa bỏ mặc cảm thân thế không được nể trọng đúng mức trong một cộng đồng vẫn còn nhiều định kiến về khoa bảng. Dầu sao, làm đẹp mình, đeo nữ trang đắt giá, lái xe xịn, xài vật dụng hàng hiệu vẫn tốt hơn mua vui giây lát trong sòng bạc. Nghe nói có các cô làm móng tay theo chúng bạn đi chơi casino, đánh bài ở phòng VIP, thua một canh đến vài chục ngàn trong quỹ tiết kiệm. Tôi nghĩ không biết đúng hay sai nhưng có lẽ đây không phải là máu mê mà chỉ là một lúc hừng chí muốn mạo hiểm hay muốn tỏ cho bạn bè biết mình gan dạ, chì, theo kiểu đám trẻ Mỹ thường ca tụng đứa có máu lạnh, cool! *Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối, còn hơn buồn le lói suốt* trăm năm...

Nói như luật sư Hằng Nguyễn cùng góp tiếng trong bài phóng sự của nhà báo Trúc Linh, đại ý người có tiền muốn xài thế nào là chuyện của họ, miễn phê phán, nhưng riêng với luật sư, bỏ ra hàng chục ngàn mua một cái túi xách là quá lãng phí. Ra đi từ một đất nước triền miên khói lửa, thừa hưởng tính cần kiệm bao đời của nhiều thế hệ cha ông, ăn bữa nay, lo bữa mai, coi sự phí phạm ngoài nhu cầu là

một cái tội, phụ nữ Việt Nam càng thành danh càng có cuộc sống cân bằng về cả hai mặt tinh thần và vật chất. Tôi được biết vợ một ông bác sĩ trẻ ở quận Cam, cũng là bác sĩ, khi được chồng tặng quà trong ngày kỷ niệm sinh nhật một bộ hai chiếc ví Chanel trị giá hơn $5,000 USD, bà đã lẳng lặng đem bộ ví trả lại tiệm, tự mua cho mình một túi xách hiệu Coach, giá hơn $300 USD. Số tiền dư ra, bà bỏ vào quỹ học vấn cho hai con. Khi biết được việc này, ông bác sĩ giận điên người, trách vợ không tôn trọng ông, không tôn trọng hình ảnh người vợ (có vẻ ngoài) như ông muốn thấy. Sau này, lúc họ li dị, người chồng coi hành động của vợ là một lỗi lầm trong các dị biệt không thể hòa giải giữa hai người.

Vấn đề ở đây không chỉ là cái xách tay hiệu gì, giá bao nhiêu làm hôn nhân đổ vỡ mà ở cách thế người chồng nhìn vợ và người vợ tự nhìn mình không giống nhau, khiến người chồng thấy mình bị tổn thương thay vì chấp nhận sự khác biệt, về mặt tích cực, có khi bổ sung cho nhau.

Nhờ đọc bài báo của Trúc Linh, tôi mới biết trong thế giới phụ nữ có món "phụ trang" đắt giá kinh hồn! Chị Vương Trân, chủ một tiệm nails ở Alhambra, nói rằng "ngoài phẩm chất (mà Bác sĩ Xuyến Đông cũng thừa nhận) xách tay hàng hiệu mắc tiền còn làm nên 'giá trị' một con người, khiến họ được đón tiếp niềm nở, đặc biệt ở những nơi mua sắm của người Việt thường xảy ra việc dòm ngó bề ngoài dữ lắm!" Tôi thiển nghĩ cái "giá trị" xét trên khả năng chi tiền ở nơi shopping không thật sự là giá trị lâu dài của một người ở những nơi khác và thời điểm khác, khi khả năng chi tiền vì một lẽ gì không còn nữa ở con người đó. Đúng là gỗ bền bỉ hơn nước sơn và cái áo tràng không là ông thầy tu. Tôi kinh ngạc khi biết được cái xách tay hiệu Hermès Himalayan Crocodile Birkin với cái tên dài lê thê như hàng số giá tiền của nó, tự hỏi không biết nhà sản xuất đã dùng tới những vật liệu ngoại hạng cỡ nào, những thợ tay nghề siêu việt tới đâu để tạo ra một cái xách tay có trị giá tưởng chừng như vô lý đến thế?

Viết đến đây, tôi liên tưởng tới các tạp chí của Mỹ có những trang cho điểm các nhân vật nổi tiếng mặc cùng một mẫu y phục giống nhau, khoảng cách điểm khá xa giữa người này và người kia cho thấy dù là vẻ ngoài, quần áo không làm nên phong cách người mặc mà ngược lại. Trong đôi mắt phàm tục với khiếu thẩm mỹ không được bảo kê của cá nhân tôi, cái xách tay hiệu Hermès Himalayan Crocodile Birkin, trông bề ngoài và trên cánh tay người đẹp Ngọc Trinh, chẳng có gì hớp hồn tôi cả, rất khác với chiếc áo không phải là hàng hiệu nhưng được người mặc chọn lựa phù hợp với nhân dáng riêng, nâng cao vẻ ngoài của cả người lẫn áo. Người sành điệu thường tìm mua được y phục hàng hiệu giá rẻ ở các out-lets với nguyên vẹn phẩm chất như khi chúng vừa ra khỏi xưởng may tới các cửa hàng bách hóa sang trọng với cái giá nguyên thủy, người tầm tầm như tôi sờ vào phỏng tay, chỉ phải tội ăn mặc kiểu tiết kiệm này thì không hướng dẫn thị trường thời trang như công nương Kate Middleton của hoàng gia Anh được!

Để kết luận, suy rộng ra từ phát biểu của luật sư Hằng Nguyễn là chí phải: "Mỗi người có tự do chọn một cách thể hiện mình riêng," kẻ bàng quan chỉ nên ngắm nghía thôi, miễn bàn.

Hạnh phúc

Phật giáo, thánh kinh, hiến pháp nhiều quốc gia chủ trương/ủng hộ quyền mưu cầu Hạnh Phúc của con người. Dường như sống trên đời, không ai không mong muốn nắm được hạnh phúc, cho bản thân và cho cả tha nhân. Các bậc tu hành tài cao, đức trọng, một đời hoằng dương đạo pháp; hàng giáo phẩm xả thân làm việc tông đồ; lãnh đạo quốc gia muốn được lòng dân, thảy đều lấy sự an vui của đại chúng làm mục tiêu hành động. Thậm chí như xứ Bhutan, thay chỉ số GDP quốc gia tính trên tổng sản lượng người dân làm ra bằng chỉ số Hạnh Phúc họ được hưởng.

Thế nhưng trong thực tế, chúng ta lại thường nghe nói Hạnh phúc chỉ là ảo ảnh, kể cả những ai từng có lúc chứng nghiệm điều ngược lại cũng vẫn tin vào nhận xét trên, xem là chân lý. Sự thật, không cần biết hạnh phúc đến với một người, ở lại với người đó bao lâu nhưng đã tới, đã được nhận biết, thì nó không hề là ảo ảnh.

Thập niên 60 thế kỷ trước, phong trào Hiện Sinh bùng nổ ở châu Âu khi giới trẻ ý thức được sự mong manh của đời sống, thoắt còn thoắt mất, của hạnh phúc chợt đến chợt đi. Họ muốn nắm bắt hiện tại, tận hưởng nó ở giây phút tràn đầy nhất, huy hoàng nhất, thật nhất trong những cảm xúc nó khơi gợi. Phong trào dùng niềm vui thể xác để chứng nghiệm hạnh phúc nên chủ yếu thu hút giới trẻ, không lấy

được mỹ cảm và sự chú ý của thành phần bảo thủ trong xã hội. Phật giáo ứng dụng đầu thế kỷ 21 với Thiền sư Nhất Hạnh quảng bá giáo pháp Hiện Pháp Lạc Trú, dùng phép kiểm soát hơi thở đem tâm về với hình hài để thân tâm là một và giây phút ấy, con người thực sự có mặt trong hiện tại, sẽ tiếp xúc được mầu nhiệm của cuộc sống để thưởng thức trời xanh, mây trắng, hoa nở, trăng lên ..vv..

"Nhiều người trong chúng ta tin rằng hạnh phúc chưa thể có được trong hiện tại và cần phải có nhiều điều kiện hơn nữa thì ta mới thực sự hạnh phúc. Đó là lý do tại sao chúng ta cứ tiếp tục chạy theo những đối tượng mà mình cưỡng cầu. Làm như vậy thì chúng ta khổ. Bụt khuyên chúng ta nên trở về với giây phút hiện tại để tiếp xúc với những mầu nhiệm của sự sống đang có sẵn cho ta ngay trong giây phút này. Trong nhiều kinh, Đức Thế Tôn đã dạy rằng quá khứ đã đi qua, tương lai thì chưa tới; chỉ có duy nhất một giây phút mà ta có thể thực sự sống, đó là giây phút hiện tại." (Trích pháp thoại tại Làng Mai)

Khác với Hiện Sinh chủ trương buông thả, Hiện Pháp Lạc Trú kêu gọi ý thức khổ đau, đối diện nó để giải trừ. Tựu trung, hành trình nào cũng nhắm mưu cầu hạnh phúc. Thực tế, kinh nghiệm sống giản dị cho thấy trong đa số trường hợp, hạnh phúc thường hiện ra lúc chúng ta không ngờ nhất, có khi trong khoảng khắc hay sau một ngày dài, ai đó trong chúng ta chợt nhận ra đã trải qua những giây phút sung sướng. Chính cái vẻ huyễn hoặc này khiến cho hạnh phúc mang bộ mặt huyền bí. Thêm nữa, chúng ta thường ý thức về những sự kiện đem đến khổ đau hơn là những sự kiện đem đến hạnh phúc trong khi phút giây biết mình đang sống tự nó đã là hạnh phúc vô biên. Phần đông nhân loại nghĩ rằng họ sẽ hạnh phúc khi có được mối tình với người mình yêu, cưới được nhau; khi đỗ đạt cao và thăng quan, tiến chức; khi thành công trong thương trường tiền vào như lũ. Điều này không có gì lạ, chỉ tiếc rằng ngày mưa ngày nắng theo nhau, ít lâu sau, khi sự hứng khởi nhạt dần, người trong cuộc lại cảm

giác như hạnh phúc cũng trôi tuột đi theo sự mãn nguyện thường không kéo dài.

Người thích thú vui mua sắm, đổ xô vào các cửa hàng thời trang, săm soi chọn mua quần áo để được thấy mình trong một dung mạo mới; người thích xe hơi đẹp đuổi theo các nhãn hiệu xe cải tiến mỗi năm, không quản ngại tốn kém thực hiện sở thích của họ, biết đâu mọi thỏa nguyện đều thoảng qua như dòng đời trôi chảy. Cảm giác vui sướng sẽ lắng chìm, người ta lại lao đầu vào một chu kỳ tìm kiếm mới y như người nghiện rượu quên cơn say đã qua. Được hay không được gì thường là đầu mối của hạnh phúc cặp kè với phiền muộn như bóng với hình, như thủy triều lên xuống.

Có một lý thuyết cho rằng càng tập trung sự chú ý vào bản thân, con người càng ít có hạnh phúc thay vì nhìn ra xung quanh để nhận biết những ai quá chú trọng đến thân thể họ có, y phục họ mặc, nghề nghiệp họ làm, chiếc xe họ lái, cái nhà họ ở… thì đều không thoải mái được. Lấy mình làm tâm điểm của vũ trụ là tự làm khổ mình vì tham vọng không tưởng. Hạnh phúc dễ mà khó, đơn giản hay phức tạp tùy thuộc sự lựa chọn cách sống của mỗi người. Hãy thử đừng thắc mắc mình đẹp hay xấu, vui hay không vui, công việc lên hay xuống; tạm quên mình và tập trung vào một điều gì khác có thể giúp tránh được mọi xung động tình cảm vô ích thường quấy nhiễu mình. Những ai hay giúp đỡ thân nhân hay bè bạn, những người phục vụ công ích và lý tưởng chính trị, sẵn lòng tương trợ kẻ kém may mắn hơn mình, thường là những người dễ tìm được hạnh phúc trong cái tâm phấn chấn và an lạc của mình.

Tuy nhiên, cũng không thể chối cãi ý nghĩa súc tích trong hai câu thơ của cụ Nguyễn Công Trứ:

"Thoạt sinh ra thì đà khóc chóe,
Trần có vui đã chẳng cười khì"

Quan tâm đến người khác, xả thân vì một động cơ lớn hơn bản thân không có nghĩa là chúng ta sẽ sống một

đời vui thỏa. Không một ai mang thân phận làm người có được diễm phúc tuyệt đối để cảm nhận hạnh phúc trong mỗi phút giây. Không có đêm đen, làm sao biết mừng ngày rạng? Không có phiền não, sao biết quý sự an vui? Chỉ là như căn phòng mở cửa để nắng, gió và mặt trời, mặt trăng vào ra thong dong, sống hỷ xả và chan hòa với tha nhân thì dễ có niềm vui hơn những ai coi mình là cái rốn của vũ trụ, những kẻ lúc nào cũng bôn ba, lặn lội theo đòi hỏi của đám đông, thậm chí, những người già trước tuổi soi gương tìm tóc bạc, than thở thời gian không chờ đợi ai mà mình thì phung phí rồi tiếc nuối.

Thế giới xung quanh chúng ta rộng lớn bao la, là buổi tiệc tràn đầy vẻ đẹp và sự quyến rũ, luôn chào đón, mời mọc con người tham dự, lộng lẫy gấp bội cái khoảnh ánh đèn sân khấu rọi vào một cá nhân ở một cái sân khấu dù vĩ đại cỡ nào cũng nhỏ thôi trong vũ trụ. Hãy tiết chế cảm xúc. Hãy quên những điều không cần nhớ và đừng quan trọng cái Tôi. Ai là người trải qua những kinh nghiệm xử thế quý giá này và chia sẻ lại? Các bậc chân tu lỗi lạc? Các thức giả thông tuệ hiếm hoi? Người nghệ sĩ lớn đi qua cuộc đời với tâm thế nhẹ như mây? Hay đông hơn, là những bệnh nhân bên bờ sinh tử? Quả nhiên thường phải đợi đến cuộc chia tay cuối cùng, con người mới mau chóng nhận thức được các ưu tiên cần thiết đem lại hạnh phúc. Trong muộn màng.

Không một ai, trên giường bệnh, lại ước ao được làm việc thêm ít ngày ở văn phòng để có thêm lợi nhuận, mua thêm một ngôi nhà, một chiếc xe, viên kim cương đắt giá. Điều quan trọng được nhận diện lúc bấy giờ là gia đình, bằng hữu, các tương quan xã hội gồm điều gì chúng ta đã cho đi và điều gì chúng ta nhận lại, chúng ta đã giúp được những ai và những ai là ân nhân đã giúp chúng ta cách này hay cách khác? Cuộc tính sổ sau cùng này, nếu còn kịp, chính là hạnh phúc chúng ta mang theo vào chuyến đi mới tới một hành tinh bình yên, khác với quả đất chúng ta đã chạy giáp vòng và sắp sửa từ giã.

Dẫu sao, ngoài sự kiếm tìm hạnh phúc với nhiều lý luận và công trình tu tập khó khăn như nói trên, nhiều người chia sẻ rằng hạnh phúc tới với họ rất tình cờ và bất ngờ. Có người cho biết một buổi sáng nào đó sau một đêm khó ngủ, mộng mị chập chờn vì mối tình tan vỡ, chị thức dậy vì tiếng chim hót bên ngoài cửa sổ. Tiếng chim trong trẻo, tươi tắn, như những nốt nhạc nhảy múa đón chào bình minh, dội vào không gian tĩnh lặng của khu vườn nhỏ, dội vào trái tim buồn bã của chị, lay động nó, khua thức nó, khiến chị mở mắt, nằm yên lắng nghe sự chuyển động ấm áp trong tâm hồn, trong thân thể, nhắc chị nhớ chị đang có một hình hài để đón nhận biết bao thanh âm đến từ nhịp đời rộn rã niềm vui, đâu phải chỉ có tiếng bi ai? Và, chị "ngộ" ra, nhớ lại một câu của thiền sư Nhất Hạnh chị có lần nghe qua và bỏ qua: "Chính là khi thở vào mà ta biết ta có một hình hài quý giá!" Chị tung chăn, bước xuống giường. Chị nói: "Kể từ giây phút ấy, tôi thường nghe tiếng chim hót trong tim mình, như một bản nhạc với những âm vui không dứt."

Hóa ra, hạnh phúc không ở đâu xa mà rất gần. Đặt bàn tay mình lên ngực, chỗ trái tim đang đập, khe khẽ, nhịp nhàng, kiên trì, đều đặn. Khi ta thức. Khi ta ngủ. Mọi nơi. Mọi lúc. Cứ thế. Cứ thế nhé trái tim ngoan hiền, thủy chung của ta ơi, món quà em cho ta không mỏi mệt, quý báu, to tát là thế, lặng lẽ, khiêm nhượng là thế, em là nguồn gốc ban phát sự sống, ban phát yêu thương, ban phát hạnh phúc nhưng em dễ bị lãng quên, dễ bị dày vò giữa dòng đời huyên náo.

Tài năng siêu việt, trí khôn vượt bậc của con người làm nên những tiến bộ tốt đẹp của xã hội nhưng giai điệu yêu thương của trái tim mới biến cõi nhân gian thành một miền hoan lạc, cuộc sống trên mặt đất này đáng sống hơn và con người hạnh phúc hơn.

HÀNH TRANG VÀO ĐỜI

"*Con đường Nam Giao thẳng mà không bằng...*" Tất cả Phấn Thông Vàng của Xuân Diệu chỉ còn ngần ấy chữ lưu lại trong trí nhớ tôi, gắn bó như một phần đời không thể quên, không thể tách rời.

Lớp Pháp văn Đại học Sư Phạm Huế niên khóa 1958-1961 nằm bên lề trái con đường có hai hàng cây xanh cao chạy từ tiền đình Tòa đại biểu chính phủ trên đại lộ Lê Lợi, vòng qua một công viên nhỏ rồi thẳng lên dốc Nam Giao. Năm cuối, lớp chúng tôi chỉ còn 4 sinh viên: anh Lê Ngọc Diêu, anh Nguyễn Thành Hưng, anh Nguyễn Như Lộc và tôi, Bùi Bích Hà.

Các phòng học dành cho các chuyên ban Anh, Pháp và Sử Địa mở ra cái hành lang ngắn ven đường. Giờ học tới, chúng tôi đứng tụm nhau trên cái hành lang ấy, chuyện trò đủ mọi vấn đề xảy ra trong cái thành phố nhỏ thân thiết với mỗi chúng tôi như vòng ôm ấm áp của mẹ hiền cho đến khi nhìn thấy hoặc Cha Viện trưởng Cao văn Luận trong tấm áo chùng đen, nghiêm nghị xuất hiện ở đầu hành lang; thầy Khoa trưởng Lê Văn lướt tới với bước chân nhẹ tưởng chừng không chạm đất; thầy Nguyễn Khắc Hoạch lệt xệt đế giầy, cà vạt lỏng buông trên cổ áo, đôi mắt đỏ vì thiếu ngủ; giáo sư Camborde đường bệ, đem theo ông cả châu Âu nên thơ, cổ kính khi ông phát âm chậm từng vần, kéo dài ra như âm ba sóng lượn ở đuôi chữ *Strasb..o..u..r..g*, thành phố

đẹp nhất, quý phái nhất, mang nhiều phong vị của cả Pháp và Đức, ngàn năm soi bóng xuống giòng sông Rhin huyền hoặc; cô Pias mặc áo sơ mi ngắn tay màu cà rốt, mái tóc búi cao vàng óng, vội vã đi băng qua dưới bóng những tàn cây đọng nắng trong cái công viên nhỏ. Chúng tôi còn nhiều giáo sư nữa: ông Charles Bonzon và Cha Lefas, một khi nhị vị đã bắt đầu nói là không bao giờ ngừng trước khi đồng hồ báo hết giờ. Cha Urbain với đôi mắt màu xanh xám, thông minh, lẩn khuất nét nghi ngại, đôi môi mỏng kiểu tây phương lúc nào cũng đỏ như một vết thương (lúc đó chưa có bản nhạc của Trịnh Công Sơn *Ngoài phố mùa đông, đôi môi em là đốm lửa hồng,* để tôi có thêm hình ảnh mà so sánh.) Riêng cô Bảo Xuyến (bà Lê Văn) tươi tắn, linh hoạt với mái tóc à la garconne, ánh mắt hiền hậu dưới rèm mi óng ả, nụ cười trên môi không bao giờ tắt cũng như cô không bao giờ đến sau sinh viên mà luôn đứng bên cửa sổ chờ chúng tôi tới đông đủ để bắt đầu giờ học.

Ở thời điểm này, kiểm điểm lại, bạn đồng môn của tôi ngày đó đã mất hết: Anh Nguyễn Như Lộc vào những giờ phút cuối của cuộc chiến chấm dứt với biến cố 30/4/75. Anh Nguyễn Ngọc Diêu qua đời tại Canada có lẽ đã trên mười năm. Anh Nguyễn Thành Hưng mất tại Việt Nam, ở thành phố quê hương Đà Nẵng tuy các con anh định cư ở Hoa Kỳ và trước đó anh chị vẫn thỉnh thoảng đi thăm qua những chuyến du lịch ngắn ngày.

Về phía ban giảng huấn, mất mát bất ngờ và sớm sủa nhất là Linh mục Urbain, đan viện Thiên An, giáo sư Văn chương Pháp thời Trung cổ. Cha bị quân đội cọng sản Bắc Việt chôn sống trên đường rút lui sau cuôc chiếm đóng Huế thất bại mùa Xuân năm Mậu Thân. Mất mát tiếp theo là cô Pias, giáo sư môn Ngữ âm, nghe nói bị Khờ me đỏ sát hại khi cô vượt biên giới vào Campuchia trong một dự án nghiên cứu ngôn ngữ học khoảng giữa thập niên 70, thời Pôn Pốt thi hành chính sách cáp duồng. Mất mát kế tiếp là Linh mục sáng lập/cựu Viện trưởng Cao văn Luận. Ngài mất tại

trung tâm hưu dưỡng dòng Đồng Công ở tiểu bang Missouri, cuối thập niên 80. Tiếp theo nữa trong thập niên 90 là Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, Văn chương Pháp đương đại. Thầy lâm trọng bệnh và qua đời tại quận Cam, miền nam California, trước hoặc ít lâu sau tin Linh mục Lefas, trường Thiên Hựu, giáo sư văn chương Pháp cận đại, mất vì tuổi già hồi hương về Pháp an dưỡng. Sau cùng, gần đây nhất, Giáo sư khoa trưởng Đại học Sư Phạm Huế, thầy Lê Văn. Mặc dù thời cuộc đã buộc Thầy phải rời bỏ cửa Khổng sân Trình nhưng trong những năm tháng cuối đời ở hải ngoại, Thầy vẫn không ngừng gắn bó với sinh hoạt văn hóa nên đã một mình tập trung sức lực, âm thầm, cặm cụi, hình thành tổ chức SEACAEF, kế thừa chủ trương tập san Dòng Việt ngay từ số 2, quy tụ hàng trăm người viết từ các vấn đề nhân sinh thường nhật đến các chủ đề văn học lớn. Có thể nói, từ thanh xuân đến tuổi già, Thầy đã sống tận hiến cho lý tưởng bảo vệ và xiển dương vẻ đẹp trong sáng, nhân bản của nền học thuật nước nhà.

Các cựu môn sinh Đại học Sư Phạm Huế rất xúc động nhận được kỷ vật như một nén tâm nhang đầy tình nghĩa từ Giáo Sư Bảo Xuyến, cũng là bà quả phụ Lê Văn, phu nhân Thầy, là một DVD thu gom toàn bộ 23 số Dòng Việt đã phát hành hầu lưu lại cho người sau những tài liệu văn học quý giá của dân tộc.

Phải nói chúng tôi đã được may mắn lớn lên trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt, khi chiến tranh còn xa thành phố, người tình còn là những hẹn hò mây bay gió thoảng và khói đạn bom chưa ở cường độ làm cay mắt đám con gái trong giảng đường đại học. Cha, Mẹ, Thầy, Bạn, đều là những tấm gương tốt cho chúng tôi noi theo trong cuộc sống đẹp như một bản hòa âm trải đi trên những cung bậc tài hoa.

Bây giờ hồi tưởng lại những tháng năm tuyệt vời đã vô cùng xa xôi ấy, lòng tôi như bị cứa ra từng đoạn, đôi mắt khô vì tuổi tác lệ dâng như cơn mưa tím trên ngọn cây sầu đông trơ trọi ở một góc vườn vắng vẻ. Kỷ niệm là những

mảnh vỏ nâu khô bị bóc ra khỏi mình cây khuynh diệp đứng trơ xương cốt trắng hếu bên vệ đường, gió làm rơi rụng tả tơi và thoi thóp nhớ nhung. *Những người trăm năm cũ, hồn ở đâu bây giờ?*

Ba năm đại học ở cả Văn khoa và Sư Phạm, hơn một ngàn ngày ngược xuôi trên con đường Lê Lợi chạy dọc theo bờ hữu ngạn sông Hương, chúng tôi thân thiết nhau như thân thiết với sách vở hàng ngày theo chúng tôi tới lớp. Cuộc sống bình yên, an vui, thậm chí không bao giờ nghĩ đến chia tay. Trong các bạn cùng khóa, anh LND có thân phụ là thẩm phán trong ngành tư pháp. Anh đã xuất dương du học bên trời Tây nhưng nửa đường hồi hương, không nghe anh kể vì lý do nào? Anh đi học bằng xe Lambretta. Mùa mưa, những khi tôi lướt thướt đạp xe tới trường, gặp anh ở hàng hiên, anh nhìn tôi nửa ái ngại, nửa ngượng ngùng vì ưu thế của mình. Nhà anh có một thư viện nhỏ, kệ sách cao tới trần nhà, đôi khi phải dùng thang để lấy những cuốn ở trên cao. Những lúc cần tham khảo tài liệu để làm bài, tôi được anh cho phép đến thư viện nhà anh. Kết quả điểm các bài làm, do tôi lẻo mép hơn nên điểm thường cao hơn anh, đến lượt tôi ngượng ngùng vừa nhìn anh với lòng biết ơn, vừa phân bua với giáo sư: "Il a du mérite."

Một tối mùa trăng năm nào tôi không nhớ rõ, anh bất ngờ chạy cái Lambretta vào sân nhà tôi, nói là "tiện đường đi một công việc khác, thấy trăng lồng lộng trên cái mặt hồ bát ngát hương hoa sen ngay ven đường" nên không thể không dừng xe lại. Chúng tôi và hai cô hàng xóm nhỏ, Bảo và An, thấy khách đến bất ngờ, vui thì hùa theo, cùng ra ngồi trên bờ cỏ ven hồ, thi nhau lượm gạch ngói vụn ném xuống nước để thấy nước bắn tung tóe lên những tàu lá sen đựng ánh trăng như thủy ngân. Nói chuyện vu vơ và cười vang một lúc thì sương xuống thấm lạnh hai vai, tiếng giun dế vang lừng trong các lùm cây thảm cỏ khắp bốn chung quanh, báo đêm đã khuya. Anh cáo từ ra về và đó là kỷ niệm duy nhất tôi còn giữ về anh ngoài khuôn viên trưởng.

Nhiều năm sau, tôi đã theo chồng rời xa Huế, đã sinh hai con gái đầu lòng, chị T. Nguyên gặp lại tôi ở Hội Đồng thi Gia Long, cầm tay tôi nói cười trong mừng tủi: "Em thế này mà tin đưa về Huế, nói em khổ lắm, bị chồng đánh mỗi ngày một trận mềm như dưa, làm D. xót xa, than thở mãi: "Sao BH tươi tắn như vậy mà số không sung sướng?" Sự thật, tôi không hề bị đòn mỗi ngày như tin đồn nhưng quả là có nỗi buồn riêng, cũng bầm tím những vết roi. Lời nói vô tư của chị TN làm lay động trong tôi chút vui ngày tháng cũ, cho tôi cảm nhận thời chúng tôi có những tình bạn đồng môn chân thật, êm đềm, cao quý, có lẽ sau này không còn nữa.

Năm 2005, tôi về Huế viếng mộ phụ thân, đã ghé qua bờ sông Bến Ngự thăm Phan thị Bích Đào. Anh U. phu quân của chị, vừa qua đời. Ngôi nhà rộng, thanh tịnh, thoáng mát, bàn ghế còn lại từ quán cà phê thời cuộc của anh chị đã đóng cửa, giờ đây im lìm úp mặt vào nhau. BĐ vẫn nhỏ nhắn, xinh đẹp, vẫn mái tóc cắt ngắn, đôi mắt bồ câu nay thấp thoáng chút buồn xa vắng, đằm thắm tiếp người bạn cũ chưa bao giờ gặp lại từ ngày được chị ân cần tiễn chân lên xe hoa về nhà chồng xa tận Sàigòn, tháng ba năm 1962. Vuông sân gạch ngăn nắp, sạch sẽ, còn ẩm hơi sương, cân đối với tiền đình ngôi nhà, duy nhất có một cội mai thật đẹp đứng trong chiếc chậu cổ, khiến tôi bàng hoàng như chạm phải một mảnh linh hồn Huế, mong manh mà kiên cường thách đố qua thời gian. Cùng chiều hôm đó, chúng tôi từ hai hướng khác nhau, đội mưa đến một nhà hàng đặc sản Huế, ăn với nhau bữa cơm chung đầu tiên, có thể cũng là cuối cùng vì *ai biết ra sao ngày sau?* Tôi không còn nhớ rõ hương vị những món ăn nhà hàng dọn ra vì cảm xúc chìm vào ký ức ngổn ngang và có lẽ cũng vì phong cách chiêu đãi kiêu điệu theo thời thế của nhà hàng nay đã hoàn toàn xa lạ so với những năm tháng tuổi trẻ của chúng tôi lớn lên ở đây. Khác với BĐ, tôi bây giờ là khách lạ tình cờ về qua Huế.

Cơn mưa tuy đã tạnh nhưng những sợi mưa còn sót lại

vẫn lác đác bay nghiêng trong ánh đèn đường khi chúng tôi từ giã nhau, hai đứa ở hai bên chiếc xe đạp, là bằng chứng một thời ngỡ như hoang đường trong sân trường Đại học Sư phạm và Văn khoa Huế. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn *mười năm tắm gội* trong ca từ của ông, tôi 50 năm gió bụi quay về thành phố xưa, tắm gội trên giòng sông thinh lặng trong hai mắt bạn hiền, ngơ ngác thấy nguyên vẹn mình dường như chưa chút gì hao hụt hay tàn phai. Chia tay nhau lần này, biết có bao giờ còn gặp lại?

Con đường tôi đi bộ mỗi buổi chiều ở đây có hai hàng cây cổ thụ cao, mùa hè thả bóng mát xuống lòng đường, mùa thu đông lá trút như mưa. Tiếng chim về tổ ríu rít trong những tán lá rộng, có hôm lảnh lót nghe vui tai, khiến tôi cười thầm, hình dung ra đám chim mái trẻ trung đang tranh nhau kể chuyện một ngày qua; có hôm dồn dập, ồn ào, rít lên chát chúa, có lẽ cũng giống con người, chúng cãi nhau. Thế nhưng chiều nay, tiếng một con chim lạ nghe lần đầu đâu đó trên những đỉnh cây xanh rậm rạp, um tùm, khiến tôi ngạc nhiên. Nó không phải là tiếng hót. Nó là tiếng kêu. Chậm rãi. Ồ ề. Như từ cái cổ khản đặc của một con chim già tình cờ dừng chân trên đường bay. Nó từ đâu đến đây, qua đêm, chờ sáng để bay tiếp tới nơi nào nó muốn tới, liệu đôi cánh cô đơn, mỏi mệt của nó có giúp nó hoàn tất con *"đường xa vạn dặm, một mình ta đi,"* hay không? Hay nó cũng như tôi, chờ ngày tới trả lời cho câu hỏi đêm qua?

Bước vào tuổi hoàng hôn vắng ngắt của cha mẹ ngày xưa, tôi thấm ngấm tự hỏi lòng cha mẹ tôi đã đào sâu, chôn chặt ở đâu, cách nào, những tháng ngày sống qua đầy ắp kỷ niệm và biến cố được/mất to lớn, trong cả một quá khứ dài của cả hai mà tôi sống kề cận bên cạnh, không một phút giây nào ngờ vực cha mẹ cũng có những niềm đau như bất cứ ai khác trên thế gian này? Hình như cha mẹ tôi có cùng một cách nhìn vào cuộc đời, chỉ nhìn tới, không nhìn lui. Không nuối tiếc. Không oán hận. Nếu không hy vọng, cũng không thất vọng. Từ thơ ấu, tôi chứng kiến một phần không nhỏ cả

sự nghiệp vẫy vùng ngang dọc của cha tôi từ Bắc vào Trung với lý tưởng mở mang dân trí, canh tân đất nước nhưng lạ thay, cha tôi không cho tôi khi lớn lên và quê hương chia cắt, một liên tưởng nào giữa người đàn ông phi thường, râu hùm, hàm én, mày ngài ấy và ông lão mái tóc bạc phơ, thần thái ôn nhu, chiều chiều chống gậy trúc ra vườn lặng ngắm cỏ cây, lắng nghe tiếng chuông thu không từ ngôi chùa bên kia cánh đồng ngân nga trong hoàng hôn bảng lảng. Còn mẹ tôi? Từ cái đêm mùa đông tôi thức giấc ở tuổi lên bảy, kinh ngạc thấy bà xì xụp quỳ gối giữa cái sân gạch đỏ, khấn khứa trước chiếc ghế gỗ trên bày cái đĩa có nải chuối, ly nước trong và một cái ly khác cắm mấy nén nhang, tôi chạy ra, vịn vai mẹ, nhận ra khuôn mặt bà đầm đìa nước mắt trong ánh đèn dầu lù mù. Hóa ra trong ngày hôm đó, mẹ tôi được tin bà ngoại tôi bị nước lũ cuốn trôi trên đường về chợ. Từ đấy về sau, tôi nhớ mẹ tôi không còn lần nào nhắc lại cái chết thương tâm của bà ngoại tôi. Nơi mẹ tôi chôn cất bà là trái tim bầm dập, chôn cất nhiều thứ thiêng liêng khác của người con gái làng quê nghèo khi rời bỏ ruộng đồng đi vào vô định vì vâng lời các đấng sinh thành, đâu biết một lần đi là trăm năm vĩnh biệt? Có chăng, khi tôi khôn lớn, ưu tư của cha mẹ mà tôi được nhìn thấy chỉ là nỗi băn khoăn gửi những ước mơ không toại vào con cái, kỳ vọng chúng sống tốt hơn cha mẹ. Có lẽ vì vậy, ngày tháng nào của cha mẹ tôi cũng chỉ là những phẩm kinh cầu an chan chứa từ tâm giành cho anh em chúng tôi.

Bây giờ bơ vơ nơi xứ người, xin mãi mãi tạ ơn Tổ quốc, Cha Mẹ, Trường xưa, Thầy Bạn cũ, đã ban cho tôi dung mạo và hành trang vào đời, dù nên hay hư, dù buồn hay vui, ân tình cao cả ấy là vốn liếng theo tôi trong chuyến đi, nâng dắt tôi qua bao nhiêu gian lao, trắc trở, gập ghềnh, làm nên ý nghĩa sự có mặt không quá trăm năm đời người của tôi trên địa cầu này.

Quận Cam, 4/2013

Hẹn với mùa Xuân

Bản nhạc "Anh Đến Thăm Em Đêm Ba Mươi," Vũ Thành An phổ thơ Nguyễn Đình Toàn, có một câu tôi rất yêu, thuộc nằm lòng. Những ngày cuối năm trời trở rét, tôi thỉnh thoảng còn thấy mình hát nho nhỏ cho riêng mình nghe: *"Trời sắp Tết hay lòng mình đang Tết?"*

Đúng là chưa thấy bóng dáng Tết đâu cả. Lịch vẫn còn chưa tới Giáng Sinh. Phố phường vẫn chưa thấy hoa mai, hoa đào, cúc đại đóa hay vạn thọ, bánh kẹo, dưa món và mứt mơ bọc giấy bóng đỏ. Buổi sáng, nhà nhà vẫn mở cửa vào giờ thường lệ cho trẻ con đi học, người lớn đi làm. Buổi chiều cũng giờ thường lệ, nhà nhà lại cửa đóng then cài sau khi người trong gia đình đã về nhà đầy đủ như chim về tổ. Không có con lợn, con gà sống thiến nuôi vỗ trong chuồng. Không có cảnh tất bật của mẹ hiền lo đặt lá dong, đặt nếp, đặt đậu xanh loại thượng hạng để gói bánh chưng, tối tối trẻ con ngồi chầu rìa xem người lớn chẻ lạt từ mấy cái ống giang đã ngâm nước mấy hôm trước cho trắng ra, những cái lạt mỏng tang và mềm như lụa được bó thành từng bó từ đầu tháng chạp, khi cát trong mấy bát nhang đã được thay mới, bộ tam sự trên bàn thờ đã được đánh bóng loáng bằng dầu chùi đồng, những cây gấm vóc đủ mầu cuộn bằng giấy hàng mã, dán hồ ở mép, đã được dựng ngay ngắn xung quanh bàn thờ gia tiên. Riêng tôi không còn tuổi thơ thuộc về huyền sử kể trên, vẫn thấy sáng tối một mình len lén

ướm thử lên người cái áo dài mới, cái quần xa tanh trắng, đôi dép nhung thêu cườm, mỗi năm chỉ được mẹ sắm sửa cho một lần, lòng bồn chồn sao mãi vẫn chưa tới mùng một tháng giêng năm mới?

Tấc lòng bồn chồn ấy sao vẫn còn nguyên vẹn trong tôi như thời gian chưa hề trôi chảy, vẫn một khối lưu ly trong suốt, lấp lánh ánh cầu vồng cho tôi soi mình mỗi dịp vũ trụ hết một vòng quay và mùa Xuân trở lại?

Ở đây, thời tiết sắp Giáng Sinh nên buổi chiều hơi lạnh, bầu trời có ngày mây mù, con đường trước mặt nhà ngập lá vàng, một chỗ nằm ngồi xa lạ trong ngôi nhà xa lạ dù đã quen lâu, ngoài ba thập niên, chuyển dịch qua nhiều thành phố khác nhau, thở vào, thở ra nỗi nhớ một không gian tuy chung mà riêng, xa vời vợi, với những mùi vị rất khác quê nhà: mùi nước hoa của từng sắc tộc, mùi xà bông giặt đẫm hơi nước, mùi khói xe khạc ra từ mấy cái ống bô cũ kỹ, mùi rượu đang tiêu hóa của người lao động, mùi thơm ngào ngạt của hương liệu trong các khu thương xá...

Dẫu sao, cái se sắt lạnh những ngày cuối năm luôn làm kẻ tha phương chạnh lòng, nhẩm tính những cái mốc thời gian qua vùn vụt mà đường về cố lý càng lúc càng mịt mùng khép lại. Người Việt Nam di tản ở nhiều phương trời cách trở vẫn luôn tìm về nơi có đông đồng hương quần tụ để sưởi ấm tâm hồn trong hơi hướm nhau. Giữa tháng chạp, khi những khu chợ hoa trên đường Bolsa và quanh các con đường lân cận bắt đầu che rạp bầy hàng, người ta sẽ thấy trên hai vỉa hè tả hữu Bolsa nhiều đoàn người lớn nam nữ, thanh thiếu niên và trẻ em từng gia đình, đi như trẩy hội, túi bụng phía trước, ba lô sau lưng, máy ảnh lủng lẳng đeo cổ, quần áo casual thoải mái theo cách người Mỹ đi chơi xa. Họ vừa đi vừa ngắm nhìn cảnh vật và trò chuyện rôm rả trước khi vui chân rẽ vào tiệm ăn, tiệm bán quà vặt hay tiệm bán nước uống thời trang đủ loại với những cái ly trông đẹp như vẽ. Đó là đồng hương ở khắp các tiểu bang về nam Cali ăn Tết, đêm trừ tịch thay quần áo đẹp đi hái lộc và đón giao

thừa ở mấy ngôi chùa lớn có tổ chức nhạc hội vui xuân và tặng phong bao lì xì lấy hên.

Tôi tới Mỹ chậm nên không biết sinh hoạt chợ phiên mừng Xuân của cộng đồng có từ lúc nào nhưng cái Tết đầu tiên của tôi ở đây, năm Bính Dần 1986, mấy mẹ con tôi được cậu cháu cho đi chợ Tết tổ chức tại công viên Centennial Park trên đường Fairview, thị xã Santa Ana. Chắc cậu nghĩ mấy mẹ con tôi đang buồn vì nhớ nhà, nhớ Sàigon vừa rứt áo ra đi không hẹn ngày về. Hồi đó, phương tiện tổ chức chợ Tết còn rất thô sơ. Nét chính vẫn là những gian hàng giải trí theo kiểu Mỹ: ném phi tiêu, thảy banh lấy thưởng, câu những con thú nhồi bông, ném vòng lọt vào cổ chai thay vì đàn vịt lao nhao như ngày xưa ở quê nhà, trẻ con chơi cầu tuột thật cao hay lái ôtô cho húc vào nhau..vv..Hình ảnh đậm nét nhất còn ở lại trong trí nhớ tôi từ phiên chợ Tết năm ấy, cách nay trên ba thập niên, là các bạn trẻ Việt Nam nhuộm tóc đỏ, nói tiếng Anh xì xồ, dung dăng dung dẻ qua các lối đi của công viên; hình ảnh một đôi vợ chồng già, cụ ông mặc áo dài gấm lam, quần ống sớ thẳng nếp, đội khăn xếp, cầm tay cụ bà áo nhung màu rượu chát, tóc quấn khăn nhung, đeo chuỗi hạt vàng. Hai cụ từ tốn, chậm rãi đi trong tay nhau, đôi mắt với ánh nhìn hân hoan đón Tết...

Một, hai năm sau, Chợ Tết vẫn còn được tổ chức tại công viên này nhưng các con tôi lớn thêm vài tuổi, mải học và có lẽ cũng đã bớt nhớ nhung Sàigòn, không đòi đi nữa nên tôi cũng mất lý do thúc đẩy mình tới một nơi không còn nhắc nhở nhiều trong tôi những phiên chợ Xuân ngày xa xưa theo người lớn đi xem những màn ảo thuật kỳ diệu, những trò chơi có giải thưởng như bỏ cả hai chân vào cái túi vải xem ai nhảy tới đích đầu tiên hay miệng mỗi thí sinh ngậm cái thìa trên có quả trứng, bước đi trên một đường thẳng vạch vôi xem ai đi nhanh nhất về tới mốc mà quả trứng vẫn ở vị trí của nó, không bị rơi xuống đất. Chợ Tết ở Huế còn sân khấu trình diễn hát bội, đào kép vẽ mặt bằng phẩm màu và mặc xiêm y rực rỡ, đội những cái mão có hai cái lông công thật

dài và cong vút; còn tục đánh bài chòi, những người tham dự hò những bài vè điệu xàng xê rất vui tai. Có cả nơi đá gà, cờ bạc sát phạt với những vòng người chầu rìa đông đảo, la hét inh ỏi nhưng chỗ tôi thích nhất vẫn là hàng quà mà tôi lại đang có tiền mừng tuổi rủng rỉnh trong túi.

Những cái chợ Tết đất lề quê thói ấy đã thật sự chìm sâu vào quá khứ. Trở lại với Chợ Tết theo chân khối người Việt tị nạn hay di tản đến vùng đất định cư ở Cali, công việc tổ chức ngày một phong phú hơn về nội dung, quy mô hơn về hình thức nhưng những người thuộc thế hệ đầu tiên tới Mỹ nay đã trở thành những khán giả bên lề cuộc du xuân hàng năm này, nếu không có con cháu đón đưa thì sẽ rất ngại ngùng từ một chỗ đậu xe thường rất khó kiếm đến những bước chân trên cỏ không còn vững vàng nữa. Họ vui lòng theo dõi sinh hoạt náo nhiệt của hàng mấy trăm nghìn đồng hương từ khắp nơi tuôn đổ về ba ngày Chợ Tết trên các phương tiện truyền thông: truyền hình, đài phát thanh, báo chí và các dụng cụ điện tử cá nhân.

Hình ảnh quý cụ cao niên trịnh trọng trong y phục cổ truyền gấm nhung nền nã, thấy trong các phiên chợ Xuân những năm đầu tới đây thưa thớt dần, hiếm dần rồi nhường hẳn chỗ cho nhiều kiểu quần áo thời trang nam giới, nhẹ nhàng, tiện dụng; những tà áo dài phụ nữ cách tân mỏng manh, tha thướt, phô đôi vai trần dưới nắng ban mai. Thỉnh thoảng vẫn có các anh cựu quân nhân chưa quên những ngày Xuân về phép, diện quân phục với đầy đủ giầy saut, áo trận, giây biểu chương mới toanh, xen lẫn khách du xuân nhàn nhã trong y phục ngày thường thêm chiếc áo lạnh mỏng. Bạn trai, bạn gái, người tình, vợ/chồng dắt díu, địu con trên lưng hay đẩy strollers, hôn phu/hôn thê, ông/bà, cha/mẹ, xe lăn, gậy chống, walkers. Cả khu công viên rộng lớn tràn ngập màu sắc và khách du Xuân. Gần trưa, sắp tới giờ khai mạc, chính khách Việt Mỹ đi vào thành từng nhóm, các nữ dân cử tóc vàng đều mặc quốc phục Việt Nam, xênh xang như phu nhaân quan Trạng về làng. Ngoài các gian

hàng khuyến mãi của những công ty bán dịch vụ hay sản phẩm với đủ thứ quà tặng miễn phí có trị giá tùy vào sự cam kết của khách hàng được chào mời: DVD Thúy Nga Paris, áo T-shirt, thẻ điện thoại gọi VN mười phút của công ty điện thoại viễn liên; túi xách bằng nhựa trong rất đẹp của United Healthcare; đôi đũa trang trí với hoa văn trong hộp xa tanh của New York Life; dây đeo cổ có đèn nhấp nháy thật vui mắt của ngân hàng Wells Fargo..vv..Khách du xuân tay xách nách mang, tưng bừng đón năm mới trong hơi ấm của đồng hương.

Ngôi làng Việt Nam với tre trúc, hoa cúc vàng và vạn thọ trồng quanh lều tranh, vách nứa, có cả bàn thiên với bát nhang ngoài sân. Có ghế tràng kỷ, bàn uống nước với ấm trà ủ trong giỏ mây. Một cậu bé chừng lên sáu, lên bẩy, không biết đi với ai tới chợ Tết mà thấy ngồi bâng khuâng một mình trong lều, thưởng thức sự tĩnh lặng như một tiểu thiền sư. Ngoài kia có lọng vàng, có vua và hoàng hậu, có quan văn quan võ, quân lính hầu, có võng nàng (nhưng không có ngựa chàng) có áo the khăn xếp, có áo tứ thân quan họ, áo dài cách điệu, áo bà ba, lâu lâu đoàn người gom góp cổ kim lại diễu hành qua những con đường trong chợ Tết để mọi người cùng ngắm, nỗi quan hoài trong tâm tư khán giả cũng rối mù như cảnh tượng đang bày ra trước mắt.

Ở chỗ đầu con đường dẫn vào làng Việt Nam, người ta dựng một cái am nhỏ, bên trong đặt bàn thờ. Lúc tôi đi qua đấy, một phụ nữ đẫy đà đang cong mình xì xụp khấn khứa, đầu cúi nhìn đất, hăng say, thành khẩn, lắc cái ống tre đựng những chiếc thẻ có đánh số cho đến khi một chiếc rớt ra ngoài, không mảy may bận tâm về đám khán giả đứng nhìn. Bà khom người, cố luồn vào trong cái miếu nhỏ để cắm nén hương vào bát nhang xong trở ra, đưa con số trên quẻ xâm cho ông thầy ngồi ngay cạnh, nhờ đoán. Bà phải chờ vì trước bà đang có một ông khách khác ngồi chăm chú nghe Thầy đọc quẻ xâm và...phán. Ban đầu, tôi tưởng ban tổ chức Chợ Tết dàn dựng màn bói toán này để nhắc lại khung

cảnh Lăng Ông Bà Chiểu những cái Tết xa xưa. Tuy nhiên, hóa ra thật, ông thầy thuê gian hàng để hành nghề bói xâm đầu năm.

Đã quá 12 giờ trưa, lễ khai mạc hội chợ Tết bắt đầu diễn ra ở khu khán đài cuối công viên. Nắng lên cao nhưng có gió lạnh, người tham dự càng lúc càng đông, cuồn cuộn tỏa ra khắp nơi trong khu công viên rộng. Trống và múa lân. Pháo và bong bóng. Cũng như mọi năm, buổi tối sẽ có thi hoa hậu, biểu diễn thời trang, âm nhạc với nhiều tiết mục giải trí khác đi kèm.

Tôi lân la hỏi thăm vài đồng hương đi hội chợ Tết, ai nấy đều trả lời là năm nào các vị ấy cũng đến đây, như một cái hẹn không thể bỏ qua, một nơi chốn không thể không tới, một mối tình cố cựu dù có phai lạt nhưng cũng không đành lòng quay mặt. Tuy năm nào tổ chức cũng quanh đi quẩn lại chỉ có từng đó tiết mục, cảnh trí, khách du xuân dường như vẫn hớn hở được trở về tắm trong cái ao làng bèo nước thân quen để thấy dù xa xôi cách trở, mỗi người Việt Nam ra đi đều *mang theo quê hương* trong lòng mình.

Lúc tôi ra về giữa xế chiều, tất cả bãi đậu xe trong và xung quanh khuôn viên tổ chức chợ Tết đều chật hết, không còn một chỗ trống. Xe đậu kín bờ lề những con đường lân cận dài cả cây số. Ước mong năm nay, quỹ Chợ Tết sẽ dành một ngân khoản để tài trợ công trình nghiên cứu văn hóa Việt Nam có tính chính thống để chợ Tết sang năm sẽ có một khu làng văn hóa với những nét tiêu biểu đích thực, vừa xứng đáng đại diện cho Việt Nam trước mắt người bản xứ & ngoại quốc, vừa cung cấp cho con em chúng ta sự hiểu biết nghiêm chỉnh về nguồn gốc thay vì chúng ta chỉ vơ vét, cóp nhặt theo trí nhớ ngổn ngang và tùy tiện rồi bày ra một sân khấu màu mè hổ lốn, không nói lên được tinh hoa của nền văn hóa ấy trên dòng lịch sử. Việc có lẽ không khó đối với cộng đồng, chỉ cần sự quan tâm và những tấm lòng. Chúng ta còn nguyên vẹn một năm mới tinh khôi cho công việc này!

Nhìn về quê nhà, tin tức và hình ảnh những ngày tháng chạp âm lịch chờ đón Tết bao giờ cũng làm tôi xúc động chẩy nước mắt. Bên cạnh chợ hoa được tái lập và mở rộng trên đường Nguyễn Huệ, là sự hồi sinh rạng rỡ của linh hồn Tết nguyên đán cổ truyền qua đời trong biến cố tháng 4/1975, giờ đây, cỏ cây, hoa lá dưới bàn tay cắt xén tinh tế và đầy sáng tạo của các nghệ nhân ưu tú đứng ngoài thế sự, trải mình như một giòng trường giang bát ngát, rung động dưới nắng gió của một góc Sàigòn đang sống lại tuổi thanh tân. Khác với Sàigon hừng hực sức sống của thiên nhiên và con người, Hà Nội như một thiếu phụ đã qua thời xuân sắc, khép nép những con phố chật đón xuân bằng hình ảnh các cô gái đi xe đạp thồ hoa đào và cây quất vàng từ ngoại ô về thành, những bến xe khách và sân ga đầy chật người chờ đợi chuyến xe hay chuyến tàu muộn đưa họ về sum họp gia đình sau cả một năm dài (hay lâu hơn nữa) bỏ làng quê đi kiếm ăn nơi phồn hoa đô hội. Nét mặt nặng trĩu lo âu, không một ai trong bọn họ có chiếc va li, mỗi người đeo một túi lưng chắc chỉ gồm ít quần áo và vật dụng tùy thân, nằm ngồi ngổn ngang khắp nơi trước các cửa sổ bán vé không giải quyết kịp số lượng hành khách quá tải gồm đa số là công nhân, sinh viên, người làm ăn buôn bán nhỏ, người nghèo. Năm cùng tháng tận, ai cũng nhớ xót xa một nơi chốn phải tìm về, kể cả những người Việt lưu vong ngoài lãnh thổ, hằng năm chờ ngày nguyên đán, hành hương về phiên chợ Xuân nơi mình tạm cư để mong tìm lại chút hương vị thân quen một thời đã qua.

Tết ở quê người, nhiều gia đình Việt Nam vẫn còn giữ tục lệ cúng ông Táo chiều hai mươi ba tháng chạp. Chợ Việt Nam bây giờ bán đủ các lễ vật theo nghi thức: giấy tiền vàng bạc, có cả giấy $100 và 1 triệu mỹ kim, có kẹo thèo lèo c… chó, áo thì chỉ có vạt trước, không có vạt sau cho ông bà Táo. Tôi nhớ mẹ tôi thuở sinh tiền, những dịp này bà hay nói với tôi là những người sinh sống bằng nghề làm và bán hàng mã, chết sẽ sa địa ngục vì họ ăn bớt vải. Ngày nay, hàng mã trong nước phát triển rầm rộ, chiếm lĩnh cả một

con phố dài ở Hà Nội, nhà buôn làm không kịp thở vì đông khách đặt hàng. Có cả điện thoại thông minh, xe hơi và máy bay, chắc tội lỗi của giới hàng mã còn nặng hơn nhiều vì sản phẩm họ làm ra chỉ có vỏ chứ không có ruột!

Tục lệ cúng Giao thừa, xuất hành hái lộc và xông đất năm mới vẫn còn được rất nhiều gia đình đồng hương ở hải ngoại tôn trọng. Trên hành lang lộ thiên của khu chung cư hay trong sân nhà riêng, bàn thờ gọn nhẹ nhưng trang trọng với đèn nến, hoa tươi, nhang trầm, trà thơm, các lễ vật khác nửa chay nửa mặn như bánh chưng/bánh tét, mứt mơ trà nước và mâm ngũ quả được bày ra, ít còn thấy hình ảnh con gà luộc béo nung núc nằm chật cái đĩa lớn, mỏ ngậm một bông hoa đỏ ở miệng để lấy hên đầu năm cho gia chủ. Vẫn là trời đất bao la ấy, vẫn là thinh không chung cho cả nhân loại ấy nhưng sao Giao Thừa âm lịch như là Trời Đất và Thinh Không riêng cho một mình tôi khi chờ đúng nửa đêm, nhang đèn lễ Giao Thừa lung linh, tôi khép cửa bước những bước đầu tiên vào năm mới, trên con đường ngập lá vàng, tìm hái một cành lộc trong mênh mông thanh vắng nghe được cả tiếng tim mình rồi trở về nhà, cắm cành lộc vào một ly nước trong, ngồi nhớ quê hương và cha mẹ.

Bình yên hay phong ba, Tết nguyên đán luôn là cái hẹn của tôi cùng quá khứ.

Quận Cam, Tết Mậu Tuất

HÒA BÌNH DƯỚI THẾ

Ngày mới tới Mỹ, tôi hoàn toàn không có một khái niệm nào về tính cách đa chủng của quốc gia này. Danh xưng Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không xa lạ ngay cả với học sinh mới vào trung học ở Việt Nam nhưng hình như trong tâm trí tôi, nó cũng gần như là một danh từ riêng để gọi tên một xứ sở chiếm một phần diện tích địa cầu nên tôi không bận tâm lắm về ngữ nghĩa của nó.

Gia đình chúng tôi định cư ở Santa Ana, với thành phần cư dân áp đảo là người Hispanic, gọi nôm na là người Mễ, cũng có người gọi là Xì, tựa như Westminster và Garden Grove đông người Việt nhất. Thú vui duy nhất của tôi thời đó là đi chợ trời, đặc biệt dừng xe ở những đám Garage Sales bên hè đường, một loại sinh hoạt có mục đích tiết kiệm dễ thương, thực tế, tôi đặt tên là "nền văn hóa cũ người mới ta." Ngày ấy tôi chưa lái xe, thỉnh thoảng cuối tuần được bạn hữu chở cho đi ăn sáng xong là tà tà chạy rông hàng phố để thư giãn tâm hồn và đôi mắt sau một tuần lễ miệt mài công việc, cho một tuần lễ khác trước mắt cũng lại miệt mài không kém, có khi còn xảy ra những chuyện bất ngờ, bất như ý, gây áp lực nhiều hơn. Có những đám garage sales bày biện vui mắt, tôi muốn ghé lại xem nhưng bạn tôi kiên quyết lắc đầu. Tôi gặng hỏi lý do, bạn tôi chỉ cười cười trả lời "Chẳng có gì để mua đâu, mất thì giờ." Nể bạn, biết

giới hạn của mình, tôi không kỳ kèo nữa và vui vẻ bỏ qua. Tuy nhiên, có vài lần con cái bạn tôi lái xe và chuyện garage sale vô tình được lập lại khi xe chạy qua các khu phố Santa Ana có địa điểm bày hàng kiểu này. Tuổi trẻ, các cháu có cách diễn tả thẳng thắn, vào ngay vấn đề chứ không ầu ơ như người lớn. Tôi không tiện nhắc lại điều gì tôi nghe tuy nó giúp tôi hiểu có một lằn ranh giữa các sắc dân nhập cư.

Sau ba thập niên ngụ cư loanh quanh vùng quận Cam, tôi có nhiều kinh nghiệm tốt với người Mễ lao động. Điểm nổi bật là họ lễ độ, lương thiện, làm việc chăm chỉ.

Bước ra khỏi tiệm ăn, bỏ quên cái ví nhỏ trên bàn, họ hớt hải chạy theo kêu ầm ỹ: "Segnora, Segnora!" một tay cầm cái ví quơ loạn xạ trong không. Hai vợ chồng, vợ cao, chồng thấp, giúp tôi tháng một lần vệ sinh nhà cửa, tôi vì bận việc phải đi, thường dặn họ xong công việc thì khóa trái cửa giùm tôi trước khi ra về. Suốt 10 năm trời qua hai địa chỉ, nhà không suy suyển bất cứ thứ gì, từ những tờ bạc lẻ để quên trong bếp đến sợi dây chuyền vàng tháo ra khi tắm để quên ở bồn rửa mặt. Vô tình làm vỡ cái ấm pha trà, họ hỏi họ phải đền bao nhiêu?..vv..Vật dụng gì thừa trong nhà, tôi hỏi họ có muốn lấy không, họ mừng rỡ cám ơn nhưng không bao giờ ngỏ lời hỏi xin. Một dạo bà vợ ốm, không biết bệnh gì nhưng không theo chồng làm việc được. Người chồng nói với tôi ông phải đưa vợ về Mễ để chữa chạy cho đỡ tốn kém và phải lo chăm sóc vợ nên xin nghỉ nhưng để dễ dàng cho tôi, ông hỏi tôi có muốn ông giới thiệu bạn ông tới giúp tôi không? Lẽ tất nhiên tôi thật sự hoan hỷ và cám ơn sự chu đáo của ông. Người bạn của ông giúp tôi thêm một thời gian cho tới khi tôi dời nhà qua một thành phố khác, khá xa nơi ở cũ, không tiện cho chị nên chúng tôi đành tạm chia tay nhau.

Một hình ảnh nữa của người Mễ mà tôi rất khâm phục là những người bán hoa bên vệ đường. Họ kiếm sống lương thiện và bằng hy vọng vào vận may của họ trong ngày, thừa biết rằng đâu phải lúc nào cũng sẵn vận may bên mình?

Dưới mặt trời hầm hập nóng lúc xế trưa, hoa sẽ héo cánh, ủ dột. Mặt trời lặn trong hoàng hôn nhuộm không gian tím thẫm, phố sá sẽ bớt xe cộ qua lại, người sẽ vắng dần, còn ai mua hoa giùm họ buổi chợ chiều? Những bó hoa nhiều màu, tạp nhạp, gói trong giấy bóng, chắc rồi cũng sẽ được đồng hương thương tình dừng xe ủng hộ. Nếu không, sao những người Mễ bán hoa cứ vẫn tồn tại ở những bờ lề tôi qua lại suốt 30 năm nay? Tâm trạng sống nhờ vào rủi may, chỉ mong có được mấy đồng bạc lẻ của họ lúc nào cũng làm tôi ray rứt khó chịu. Họ sẽ thế nào những hôm không có ai mua hoa? Đói. Khát. Mệt mỏi. Buồn bã. Thất vọng. Một mình họ hay cả vợ, chồng, con cái? Tôi hình dung ra cái cảnh họ loay hoay tìm kế sinh nhai nhưng không toan tính làm điều không lương thiện mà cảm phục họ. Bản tính người Mễ lương thiện hay họ biết quý trọng con đường gieo neo đưa họ tới đất nước này, muốn những gieo neo ấy có một ý nghĩa và một đền bù xứng đáng nên họ không muốn làm điều gì sai trái có thể xô đẩy họ đến chỗ không còn cơ hội và tương lai nữa?

Thử thách mới nhất với người Hispanic lao động là khi tôi dọn tới nơi ở hiện nay, trong thành phố Santa Ana, hàng xóm người Việt thưa thớt so với họ và người nhập cư từ nam Mỹ. Một buổi sáng, tôi đang đứng tần ngần ở sân trước ngập ngụa cỏ cây hoang dại, không biết làm gì để mặt tiền ngôi nhà trông cho nó gọn ghẽ, tươm tất hơn thì một ông Mễ cao lớn, nói tiếng Anh thông thạo, khuôn mặt đầy nếp nhăn hao hao giống tài tử Charles Bronson, tiến lại gần và tự giới thiệu: "Tôi là người sửa ngôi nhà này trước khi người ta bán cho bà. Bà có muốn tôi giúp bà nới rộng cái driveway này cho mặt tiền nhà thoáng hơn, nhiều chỗ đậu xe hơn không?" Tôi trả lời: "Ông có thể cho tôi xem bản vẽ sơ đồ ông định làm thế nào không?" Ông ta chỉ tay sang bên kia đường: "Bà đi theo tôi, tôi chỉ cho bà xem cách tôi đã làm ở căn nhà đó." Nếu lời nói của ông ta là thật thì cái sân ông ta sửa rất đẹp, tôi nhìn và rất vừa ý. Tôi hẹn: "Ông cho tôi biết giá cả thế nào để tôi liệu vì ngay bây giờ tôi chưa có

tiền." Từ đấy, cứ cách một hai ngày ông ta lại tới hỏi tôi có định thuê ông làm không? Thấy tôi lần lữa, ông ta không tin là tôi chờ tiền mà nghĩ là tôi muốn giá thấp hơn nhưng ngại không mặc cả nên ông ta cứ bớt dần, bớt dần cho tới lúc tôi nói với ông ta: "Ông đem giá xuống như thế khiến tôi mất lòng tin." Ông ta giơ hai tay lên trời, thề nói thật. Sở dĩ ông đề nghị bớt giá là vì ông biết ngôi nhà này còn phải tu bổ nhiều lắm, ông mong sẽ có việc làm nữa nên muốn cho tôi giá hạ để làm quen và tôi có thể phối kiểm với hàng xóm để biết khả năng của ông.

Nhùng nhằng vài tuần lễ thì tôi có đủ tiền nên gọi ông làm giao kèo. Đến khoản tiền ứng trước, tôi biết theo luật, chỉ nên đưa 2% trên tổng số phải trả nhưng ông ta xin đưa một nửa, than là ông ta không có tiền mua vật liệu. Tôi nhẩm tính, nhiều lắm thì công của ông ta cũng chỉ chiếm một nửa chi phí tính cho khách hàng nên tôi thông cảm và đồng ý ngay. Cầm tiền rồi, ông ta bỏ ra một ngày để làm sạch cái diện tích sẽ đổ xi măng có hoa văn trang trí trông như đá tảng. Một ngày nữa để đào đất cho đủ độ sâu kẻo sau này xi măng dễ bị nứt. Qua hai ngày, ông ta biến dạng. Gọi điện thoại, ông ta hẹn hôm sau sẽ tới làm nhưng cái hôm sau ấy kéo dài thành 2 tuần. Thúc dục mãi, ông ta tạ sự gia đình có tai nạn nên sai hẹn và vì kẹt tiền mua thêm vật liệu nên muốn tôi trả hết để ông có phương tiện sáng hôm sau tới làm. Đàng nào cũng đã lỡ và muốn kết thúc câu chuyện, tôi đành nhắm mắt làm theo lời yêu cầu của ông ta.

Từ đây trở về sau, suốt ba tháng trời, ông ta nói dối cả trăm lần và không bao giờ tới làm nốt công việc phải làm. Cầm bằng như mắc lừa, mất của, học được thêm bài học tin người, tôi quyết định bỏ qua, không nghĩ tới nữa. Vài ngày cuối của tháng thứ ba, ông ta đột nhiên gọi và xin tôi mở cửa bên hông nhà để ông ta đem dụng cụ tới. Chỉ là mấy cái xẻng, hai đôi ủng cũ đầy bùn đất, mấy đôi găng tay, cái xe cút kít chở cát. Tôi bảo ông ta đừng để tôi thêm việc, phải đổ những thứ rác chỉ đáng ba xu này nhé! Thế nhưng Trời ạ,

vào lúc tôi không còn mong đợi gì thì ông ta đùng đùng chở đá răm, cát và cả cái máy trộn bê tông to tướng tới sân nhà tôi, phủ bạt nylon và...để đấy thêm hai ngày nữa.

Buổi sáng thứ hai đầu tuần tiếp theo, ông ta gọi chuông, bảo tôi mở cửa gara cho ông câu điện. Bắt đầu, ông có 2 người phụ nhưng tới 5 giờ chiều chỉ còn lại một mình ông. 8 giờ tối, thấy ông vẫn còn hì hục ở góc sân, tôi bảo ông muộn quá rồi, về nhà đi và mai làm tiếp nhưng ông lắc đầu, nói là ông muốn làm cho xong đêm nay. Chưa biết phải ứng xử thế nào, tôi thoáng thấy trên bờ bức tường lửng ngăn đôi với nhà hàng xóm, cái ly sinh tố ông đang uống dở nên chạnh lòng, trở vào nhà, lấy cho ông tờ giấy $20 cuối cùng tôi còn trong ví, dặn ông khi nào về thì ghé tiệm Denny's mở cửa khuya mà ăn. Hai giờ sáng, vẫn còn nghe tiếng cuốc xẻng va vào nhau lạch cạch ngoài sân nhưng tôi để mặc ông làm theo ý riêng. Bài học hôm nay của tôi là trên đời này, luôn có những con người, những trường hợp mình không sao hiểu được và mọi dự đoán ngỡ như hợp lý đều không là sự thật.

Sáng sớm hôm sau, dưới ánh nắng ban mai tươi tắn, khu vực đổ xi măng ở sân trước nhà tôi đã hoàn tất như mong đợi. Ông ta không xuất hiện nhưng nhờ hai người bạn hôm trước đến quét dọn sạch sẽ cái driveway. Tôi điện thoại cho ông, nói đùa rằng thay vì phạt ông về công việc chậm trễ, tôi mời ông tới để tôi được tặng ông chút tiền thưởng do nỗ lực giữ tín nhiệm của ông (thật ra là để lòng tôi được yên vì có lúc nghĩ sai về ông.)

Có thể tôi vẫn có chỗ không đúng trong suy nghiệm chuyện đời nhưng rõ ràng những câu ngạn ngữ kiểu "Người đi đêm tuy không phải là ăn trộm nhưng không ngăn được chó sủa" vẫn có giá trị nhất định của nó. Cho nên, hiểu đúng một con người (kể cả chính mình) hay một sự việc thật không dễ và vì không dễ nên nảy sinh định kiến, nên tha thứ rất khó và cũng vì tha thứ rất khó nên càng không thấy bóng hòa bình ở đâu!

HOA, CHỢ XUÂN, TÌNH YÊU

Hàng năm, từ ngày rằm tháng chạp âm lịch trở lên, dấu hiệu báo tin Xuân về sớm sủa nhất trên phố Bolsa là những khu chợ hoa lớn nhỏ, lác đác ở những tụ điểm thương mại đông người vãng lai. Các nhà buôn nhỏ có một chỗ quen thuộc trên một khoảng bờ lề, bắt đầu bày ra những loại hoa hương sắc bền bỉ như hoa lan, hoa sống đời năm nay có màu hoàng yến rất đẹp, hoa mai rừng forsythia vàng tươi, từng bó lớn ngâm trong nước, những nhánh tầm xuân nhú một chút đỏ huyền hoặc trên đầu những cái nụ nhung mềm mầu nâu nhạt, những chậu hoa nhiệt đới ba màu vạm vỡ, hứa hẹn tuổi thọ. Người sắm Tết thong thả đi ngắm hoa song chưa vội mua, chỉ là tìm cơ hội so sánh nơi này với nơi kia, ước lượng thị trường dồi dào hay khan hiếm, chọn sẵn cho mình những thứ hoa và kiên nhẫn đợi chừng ngoài hai mươi sẽ mang về nhà để đón xuân năm mới.

Chợ hoa chỉ thực sự rộn rịp sau ngày đưa ông Táo về Trời. Bây giờ, khách hàng đã có thêm cúc đại đóa màu vàng tươi, cúc lai giống hai màu tím thẫm và vàng sẫm, cành đào, cành mai, hoa glailleul, hoa huệ ta/huệ tây, hoa thủy tiên mỹ, hoa thủy tiên Á đông củ đã gọt sẵn, cây phát tài cắm trong nước hoặc bện chân rết..vv..

Người đi chợ hoa đã thực sự săm soi từng cành, từng chậu hay từng bông, cầm lên, đặt xuống, lựa để riêng ra một

chỗ thoáng rồi đứng lui ra ngắm nghía. Không ưng ý chậu nào, cành nào thì trả nó về chỗ cũ. Vô tình chứng kiến, quả thật tôi tận mắt thấy vẻ tươi đẹp của những thứ được chọn, được nâng niu và những thứ bị chê, bị bỏ lại không khác nhau là mấy một khi chúng đã qua kỳ tuyển lựa của chủ nhân bán buôn sành sỏi. Thế nhưng người mua có đôi mắt khác, tâm cảm khác khi tới lượt họ chọn cho chính mình một dáng hoa ngày Tết để chưng trong ngôi nhà của họ hoặc để đem tặng một ai đó, muốn hoa là sứ giả chuyển tới người nhận thông điệp thẩm mỹ hoàn hảo của người cho. Tôi không biết N. đã ngắm nghía, đã bưng lên/đặt xuống, đã xê dịch bao nhiêu chậu thổ lan để cuối cùng, mang cho tôi chậu thổ lan màu thiên lý, các búp hoa bụ bẫm, tươi mát, gối lên nhau, là tuổi dậy thì đẹp đến nao lòng mà tôi không bao giờ biết được liệu nó có phải là chậu lan đẹp nhất ở chỗ nó được chọn mua hay không? T. thì cười cười nói với tôi: "Em nhờ bà chủ chọn giùm em cây lan đang nụ này để tặng chị, hy vọng khi hoa nở, chị sẽ bằng lòng." Tôi nhận quà, trân trọng tấm lòng và thời giờ bạn cho mình nhưng nhìn cành hoa gầy gò, cao lêu đêu, vài cái nụ vừa hé màu nâu gụ, không hình dung được mai mốt nó đẹp xấu ra sao? Có chút gì trong cả hai món quà ngày xuân khiến tôi liên tưởng mấy câu thơ duyên phận của một thi sĩ tiền chiến tôi không còn nhớ tên:

"...Chồng chị là ai
Nào chị có biết
Đợi đến ngày mai
Nhìn qua kẽ liếp..."

"Người quân tử" T. tặng tôi để cùng đón Tết Mậu Tuất này, hôm nay đã nở hết trong phòng khách, những bông lan năm cánh nâu viền màu vàng mơ xòe ra, như năm ngón tay ôm kín một lòng bàn tay toàn màu vàng, xum xuê, vững chãi, trên mười cái nhánh thanh tú chia đều đặn một thân lan thẳng đứng vút lên cao gần một thước tây. Chao ôi là đẹp! Uy nghi. Đường bệ.

Nhớ lại khu chợ hoa hôm trước trên đường Bolsa, khách hàng cầm lên, đặt xuống, khen ít, chê nhiều, tôi tự hỏi nếu hoa có linh hồn, chúng có tủi thân không? Có sẵn lòng vui buồn cái vui buồn của người đi chợ hoa không? Lại còn hình ảnh những cái xe tải kìn kìn chở hoa thừa sau phiên chợ xuân ế ẩm thẳng ra bãi rác Sàigon-Hà Nội nữa, những đời hoa bị tung, ném, vùi dập ấy có nhỏ lệ khóc thương phận bạc không?

"...Khi sao phong gấm rủ là
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?" (*Kim Vân Kiều*)

Ví hoa với đàn bà như người xưa thường xót xa ví von, nay coi bộ đã lỗi thời rồi! Hỏi như trên và tự trả lời để hiểu tôi đang sống ở thời đại nữ giới mặc jeans, mặc short ở mọi lứa tuổi, cắt tóc ngắn và dũng cảm thi đua bên cạnh nam giới ở Thế Vận Hội mùa đông trên các đường băng với sức mạnh khiếp đảm và tài năng đáng nể phục.

Tờ nhật báo OC Register vốn thường được xem là hiếm khi có cái nhìn mỹ cảm với sinh hoạt của cộng đồng người Việt địa phương, số ra ngày 18 tháng 2/2018, phóng viên nhiếp ảnh Greb Mellen đã ghi lại nhiều chi tiết khách quan nhưng đầy tình tự trong khu chợ Xuân tổ chức tại công viên Mile Square, thành phố Fountain Valley. Dưới mắt ông, bên cạnh hội chợ Xuân ở Costa Mesa đã hoàn toàn ổn định và thu hút đông đảo khách nhàn du, hội chợ Xuân ở Mile Square Park được cộng đồng thích thú với cảm giác mùa Xuân về gần hơn với "mái ấm" của họ. Cảm ơn ông đã dùng chữ "home" làm rung động tấc lòng người lữ thứ trong tôi. Em Dylan Nguyễn, 19 tuổi, cư dân Huntington Beach, chia sẻ khi được nhà báo hỏi: "Cảm tưởng giống như ở quê nhà vậy." Tôi đoán em là một trong nhóm chừng 5, 6 bạn trẻ, phục sức thoải mái, đứng chuyện trò vui vẻ, có lúc nhún nhẩy theo điệu nhạc bên cạnh sân khấu nhạc hội nắng chan hòa và không còn một ghế trống trước khán đài. Tuổi trẻ hiện diện ở bất cứ đâu trong các tổ chức cộng đồng luôn cho tôi nỗi vui mừng vì biết các em vẫn gắn bó cách này hay

cách khác với cội nguồn vượt qua thời gian và nghịch cảnh. Anh Sean Lý cùng gia đình đi hội chợ Xuân MSP, mang theo một con trai lên 4. Anh nói: "Chúng tôi hẹn gặp nhau hàng năm ở đây, vào cửa miễn phí. Mong rằng ban tổ chức giữ mãi truyền thống này."

Phóng viên Mellen chọn thu vào ống kính những màn trình diễn của các thành viên nhóm Bạch Hạc Thái Cực (White Crane Tai Chi) qua nhiều chiêu thức múa gậy, múa kiếm, múa đao, múa quạt, rất đẹp mắt và đầy uy lực. Nhóm đã chọn bản nhạc nền với hòa âm thể hiện trọn vẹn khí thế của các bài quyền cước, phong thái ung dung của người biểu diễn, cốt cách hào hùng của một dân tộc có truyền thống chống ngoại xâm, làm nức lòng khán giả với những tràng pháo tay tán thưởng nồng nhiệt. Em Rochelle Trần, 13 tuổi, múa côn, múa kiếm, múa đao, nhanh nhẹn, chính xác, nghiêm nghị trong vạt áo dài hồng mạnh mẽ tung bay, có lúc gió làm tà áo em quấn quyện với đường quyền nhưng không hề làm em bối rối. Suốt gần một tiếng đồng hồ, sân khấu hội chợ Tết Mậu Tuất chiều chủ nhật trong khuôn viên MSP chợt bùng lên hùng khí của những trang sử tưởng chừng đã mai một, đã ngủ yên cùng với ngày tháng lặng thầm của khối người Việt di tản chấp nhận cuộc sống tha hương bên ngoài lãnh thổ. Một thành viên của nhóm, nghệ sĩ Hương Thơ, mời gọi đồng hương khán giả tham gia phong trào luyện tập thân thể để giữ sức khỏe: "Cho dù trau dồi võ thuật không làm sống lại lịch sử nhưng giúp chúng ta gìn giữ và phát huy bản chất năng động của một dân tộc lấy câu 'Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh' làm phương châm sống, phòng khi tổ quốc kêu gọi (cười.)"

Lâu lắm tôi mới lại có được một buổi chiều cảm thấy lòng êm ả như khí hậu dịu dàng đang bao trùm khu chợ Xuân nhiều màu sắc xung quanh tôi. Một gia đình ba cha con mặc quốc phục cách tân bằng gấm đỏ, chói chang con đường mòn chạy giữa hai bờ cỏ. Năm nay, nhiều bạn trẻ phái nam, nhất là giới nghệ sĩ, rủ nhau mặc áo dài gấm thêu

rồng hay các hoa văn đẹp mắt. Các bé trai nhiều lứa tuổi đi theo người lớn cũng tung tăng trong quốc phục, có vẻ thích thú và không phàn nàn về kiểu dáng y phục cha mẹ chọn cho. Một cụ bà che ô mầu rượu chát, đi những bước nhanh băng qua khoảng sân rộng khiến một bé gái cũng bắt chước xòe cái ô màu vàng của mẹ, tất tả bước theo một quãng rồi quay lại, chắc sợ lạc. Một cụ ông 98 tuổi, lưng hơi còng nhưng đôi mắt tinh anh và dáng dấp còn linh hoạt, được ông con trai và bà con gái giống cụ như ba giọt nước, phò tá cụ đi hội Xuân. Cụ còn đủ khỏe, đủ tinh tường để tự mình chen vào các gian hàng giải trí đông người, nhìn tận mắt các trò chơi. Hỏi cụ có vui không? Cụ trả lời: "Ở nhà thì buồn nên tôi muốn ra đây, có nắng ấm, được nhìn mọi người, xem cái này, cái kia." Hai anh em thay phiên nhau theo săn sóc bố, lúc viên kẹo, lúc ly nước. Niềm vui của cụ nhỏ thôi nhưng thật đáng quý ở tuổi cụ, đó là một trong muôn vàn ý nghĩa của chợ Xuân MSP như diễn tả của anh Ryan Trần, cư dân Westminster, với phóng viên tờ OC Register: "It's great, close by and accessible!" Hay anh Edmond Tống: "Đối với cộng đồng chúng tôi, có nhiều lễ hội càng tốt."

Cộng vào niềm vui đầu năm thấy đồng hương nhân ngày Tết, hội tụ về nơi hẹn hò như hẹn với quê hương, bạn tôi gửi cho tôi câu chuyện tình diễm lệ của đôi vợ chồng Hàn-Việt, cùng là công dân của hai xứ sở cọng sản, Việt Nam và bắc Triều Tiên. Thời thanh xuân, họ thoáng thấy nhau lần đầu năm 1967, khi chàng là sinh viên môn hóa học đi thực tập tại nhà máy phân đạm Hưng Nam, Bắc Hàn; khi nàng tình cờ đi qua cửa phòng thí nghiệm và lọt vào mắt xanh của chàng. Chàng khôi ngô, tuấn tú. Nàng đẹp, mát rượi như vuông lụa vừa dệt xong bằng những sợi tơ mượt mà, óng ả. Rồi thôi. Chàng học xong, về nước. Năm 1971, gặp lại nhau lần thứ hai. Rồi 1973, chàng hồi hương, lại thôi. Suốt 30 năm, chàng viết thư nhưng không có hồi âm. Vài lần trong vai trò thông dịch viên, chàng trở lại Bắc Hàn với mục đích dò hỏi tung tích nàng nhưng người xưa mịt mù tăm cá. Có người nói nàng đã sang sông theo chồng.

Có người nói nàng đã hồng nhan mệnh bạc. Ai nói gì thì nói, trái tim chàng vẫn đinh ninh họ sẽ gặp lại nhau và nàng nhất định sẽ là vợ chàng. Sau cùng, mối tình kỳ lạ của họ đã khiến lãnh đạo Việt Nam chấp thuận can thiệp với lãnh đạo Bắc Hàn. Kết quả năm 2001, nàng bấy giờ đã ở tuổi 55, được phép rời quê hương đi Hà Nội. Tháng 12 năm 2002, họ chính thức trở thành vợ chồng sau một lễ cưới đơn giản, cô dâu mặc áo cưới truyền thống Đại Hàn, một mình, không có cha mẹ, họ hàng thân thuộc; chú rể mặc âu phục, cũng chỉ có vài người thân thiết đến chung vui. Hiện nay, 2018, họ sống hạnh phúc bên nhau trong căn hộ nhỏ khu tập thể Thành Công/ Hà Nội. Họ nghèo, sống bằng đồng lương hưu khiêm nhượng của chàng, bằng lợi tức ít ỏi do nàng dạy kèm Hàn ngữ và bằng cả tiền cho thuê một nửa căn hộ họ đang ở. Nàng tâm sự: "Tôi rất nhớ quê hương nhưng lại không thể để anh ấy ở đây." Theo tác giả bản tin viết về họ, có thể cuộc sống ở Hà Nội hơn ở Bắc Hàn đôi chút nhưng cũng không thể gọi là sung túc được. Tuy nhiên, tấm ảnh mới nhất cho thấy cả hai đang dạo chơi phố sá ngày Tết dù không thấy họ mua bán gì.

Để giải thích mối lương duyên huyền nhiệm này, người ta dễ dàng dựa vào lý thuyết số phận. Riêng với tôi, số phận cứ mãi là điều không ai chứng minh được và tôi nhìn thấy một điều khác, rõ hơn, cụ thể hơn, trong ít nhất hai trường hợp mà tình yêu của họ rất khó để giải thích. Sau 30 năm chờ đợi chưa một lần tuyệt vọng, chỉ với linh tính sẽ thực hiện được giấc mơ kết hôn với người mình yêu, sau 17 năm thực tế chung sống như một cái áo mặc đã cũ, người đàn ông, người tình, người chồng trong mối tình Hàn-Việt vẫn nhìn nửa kia của mình với ánh mắt đắm đuối, thương cảm, bảo bọc. Ánh sáng ấy, tình yêu ấy không thể là gì khác ngoài lửa từ trái tim của chính ông, không là cơn hỏa hoạn bột phát, thiêu rụi rồi tắt ngấm nhưng sự bền bỉ làm mềm cả gang thép, nói chi đến lòng người nhận được sự bền bỉ ấy mà không tan chảy? Tình yêu không chờ đợi hay đòi hỏi gì ở đối phương mà nó có hay không có trong trái tim của mỗi

người. *"Ái tình sớm nở chiều phai nhạt, Chẳng tại vì anh, chẳng tại em."* Chỉ tại nó đến, nó đi, chập chờn không thật có trong trái tim của mỗi chúng ta.

Ánh mắt ấy, tình yêu ấy tôi cũng đã nhìn thấy một lần, nhiều lần, khi anh, người bạn văn nổi tiếng của tôi nay đã về thiên cổ, nhìn chị với ánh mắt cũng đắm đuối như thế, cũng chứa chan thương cảm, bảo bọc như thế sau gần nửa thế kỷ họ như hai chiếc áo cũ, không còn mới nữa, không còn đẹp nữa nhưng vẫn nồng nàn hơi hướm của nhau và mãi mãi thuộc về nhau.

Đừng tìm ở đâu xa, cũng *"đừng trách nhau, đừng ái ngại nhau,"* tình yêu có hay không có bắt đầu từ trong mỗi chúng ta.

KHÔNG CÓ PHIÊN BẢN

Gần 4 giờ sáng. Cố viết nốt mấy giòng cuối rồi bấm save, định bụng xong sẽ tắt máy, lên giường. Nhoáng một cái, bài viết đang ngon lành vụt biến, để trơ cái màn hình trắng hếu. Cuống quýt. Hốt hoảng. Tự nhủ phải bình tĩnh. Gì thì gì, cái màn hình computer vẫn trắng hếu,chưa bao giờ vô duyên và đáng ghét như lúc đó. Loay hoay đến 5 giờ sáng, mò mẫm đủ cách, chỉ bắt được đúng một dòng dài 8 chữ. Nghĩ nếu tìm được 8 chữ, ắt hẳn cả bài vẫn còn đâu đó trong máy, chỉ là dốt quá, không biết cách moi nó ra.

Giờ này còn sớm, chưa gọi cầu cứu ai được, thôi cũng đành *như chiếc que diêm, một lần lóe lên,* không làm đời ai sáng lung linh (nhạc Từ công Phụng) mà đốt cháy sạch trơn nỗi lòng người viết trang trải từ lúc đầu hôm.

Chợp mắt một chốc, nhìn đồng hồ thấy kim ngắn chỉ 7:30 sáng, được luật lệ ngoại giao cho phép gọi điện thoại nên tôi vội vàng gọi ngay L, người bạn trẻ mấy năm nay vẫn tình nguyện giúp tôi giải quyết mọi vấn đề liên quan đến máy điện toán, bụng bảo dạ chắc cậu đang sửa soạn đi làm. Đầu giây bên kia, tiếng L. nhỏ nhẹ trả lời câu phỏng đoán của tôi: "Dạ, cháu đang ở sở làm cô ạ! Chiều tối cháu tới." Tôi thất vọng, dường như có hơi buồn trách, nghĩ cậu có thể có câu đáp khác với câu tôi vừa nghe. Gọi người bạn trẻ thứ hai, biết trước cậu đang rất bận nhiều công việc ở nhiều nơi, quả

nhiên điện thoại của cậu để máy ghi lời nhắn. Gọi người thứ ba, cậu đang phụ trách hệ thống điện toán tại công ty của người bạn thân thiết của tôi và được cậu hứa "Chút xíu em gọi lại." Chút xíu này dài như vô tận nên tôi điện thoại cho xếp của cậu, trình bày trắc trở và yêu cầu giúp đỡ. Quyền hạn của người trả lương cũng chỉ mạnh hơn tôi chút đỉnh ở chỗ cậu gọi lại song chỉ để giải thích loanh quanh cho việc cậu không tới được rồi lễ phép chào. Cũng biết có thể đọc rao vặt trên báo Người Việt, tìm một bác sĩ computer lưu động, nhờ tới chẩn bệnh và điều trị cấp cứu rồi sòng phẳng trả công nhưng lại vấp phải một trở ngại khó vượt qua: làm sao biết vị này có y đức lương y như từ mẫu để tránh được hệ lụy, nhẹ nhất là bài mất mà tiền cũng mất, chưa kể một vài phiền muộn khả thể khác chưa biết là gi?

Sáng nay hoa hồng vẫn khoe sắc tươi tắn bên ngoài cửa sổ, nắng tháng ba ở Cali vẫn đẹp với gió hiu hiu mát làm mấy tàu cau xanh non nhà hàng xóm đong đưa như những vạt lụa mềm nhưng lòng tôi không vui mà buồn muốn khóc. Chợt nhớ Trịnh Công Sơn: *"Tôi là ai mà còn khi giấu lệ, tôi là ai mà còn trần gian thế?"* và bỗng nhiên nhận ra bài học lớn ông để lại nhưng tiếc thay, tôi thấy mình theo không kịp trong cái ngày kém may mắn hôm nay. Nhớ thêm chút nữa, *"Tôi là ai mà yêu quá đời này?"* Chao ôi, chìa khóa hạnh phúc đây rồi! Chỉ một chữ YÊU thôi, là mật ngữ chữa lành mọi sầu đau chất chứa, mọi thất vọng chua cay, mọi mất mát đầy trời tiếc nuối. Yêu là lập tức trở nên giàu có, là sức mạnh vô song vượt qua trùng trùng thử thách, là khả năng ban phát và chở che cho mình, cho người. Thậm chí nếu không được là tác giả trọn vẹn kịch bản đời mình thì cũng góp phần điểm xuyết và ngay cả diễn xuất với khả năng tốt nhất để định đoạt số phận của vai trò.

Nếu mọi việc trên đời xảy ra đều có một nguyên nhân thì bây giờ tôi hiểu ra bản thảo bị mất có lẽ là một trắc nghiệm cho bản thân tôi về những điều tôi viết trong đó. Năm 2001, sau chuyến về Việt Nam lần đầu tiên để thăm mộ phụ

thân, khi trở lại Mỹ, ký ức phũ phàng từ những nơi tôi đi qua, cuộc sống thực tế của người dân những nơi ấy so với chữ nghĩa tôi sử dụng hàng ngày để nói, để viết, có điều gì xem ra phù phiếm, không thật, như sự phản bội chính mình khiến tôi chán nản, buông bỏ hết. Phải gần một năm sau tôi mới nguôi dần nhưng từ đấy không còn cảm hứng sáng tác văn chương nữa. Cả đất nước tôi, cả dân tộc tôi không còn tìm thấy ở đâu ấm no, tự do và nhân phẩm, văn chương liệu có ích gì?

Bản thảo bị mất đêm hôm qua tôi viết nhân cảm hứng từ một tài liệu được luân lưu trên Internet, trích từ nội dung bài giảng pháp của thiền sư Nhất Hạnh với chủ đề Muốn Thương Phải Hiểu. Trong nhiều điều được nghe và giữ lại từ thiền sư Nhất Hạnh, đây là điều tôi tâm đắc nhất. Hiểu là cảm thông, là khả năng đặt mình vào vị thế người khác để chấp nhận sự khác biệt vì nếu từ chối sự khác biệt ấy ví như bịt mũi không cho người ta thở, nhiều khi mình tắt thở theo vì ngột ngạt. Trong phần lập luận, tôi ví HIỂU và NGỘ NHẬN là hai mặt của tấm mề đay vì rất nhiều khi con người hiểu bằng chính suy nghiệm của mình mà cứ tưởng của người bên cạnh, chưa kể hiểu vào một lúc nào đó không phải là hiểu hết và hiểu tất cả. Và, tôi bất ngờ có ngay bài thực tập khi phải đặt mình vào vị thế những người bạn tôi cầu viện lúc sáng sớm hôm nay. Để hiểu vì sao sự quan trọng của một bài viết còn hay mất rất khác nhau giữa tôi và những người bạn ấy. Để hiểu vì sao họ không tới với tôi được, mỗi người một lý do khác nhau nhưng lý do nào cũng chính đáng với từng người. Hiểu xong rồi, giao tình còn nguyên vẹn như xưa không hay bị sứt mẻ? Biết thêm giới hạn của nhau để những lần sau không tìm cách vượt qua các giới hạn ấy nữa và không lấy thế làm điều, như một người khiếm thị nhìn bằng giác quan thứ sáu để không đâm đầu vào tường. Bài học xử thế và làm người đâu có bao giờ dễ dàng nên xin cám ơn nhau, cám ơn cơ hội cho mình trau dồi ơn cứu rỗi. Bài tập Hiểu để Thương của thiền sư Nhất Hạnh có thêm một môn

đệ vừa qua được kỳ sát hạch. Nếu mai này có lúc nào chia sẻ, sẽ tự tin hơn với tín chỉ vừa hoàn thành để không uổng công lao Thầy răn dạy.

Buổi chiều ra vườn, cảm ơn những gốc hồng nở hoa tuyệt đẹp. Cảm ơn bụi dâm bụt đỏ au bên hiên nhà. Cảm ơn cây trà hoa nữ chi chít nụ nở bung hết mọi cành. Hoa không chỉ đẹp mắt mà còn là người bạn ít lời, cho nhau sự tĩnh lặng của một hiến dâng không dè xẻn. Tôi thường nghĩ cuộc sống bận rộn ở nơi này đã khiến nhiều bà chủ gia đình hy sinh thú cắm hoa trong nhà, không nhất thiết phải là những bình hoa với nghệ thuật cầu kỳ, tốn kém mà đôi khi chỉ là mấy nhánh me chua nở những cánh hoa mong manh màu tím nhạt phớt hồng cắm trong cái ly uống rượu thủy tinh, mấy bông hướng dương cắm vào cái thố đựng xúp hoặc bất cứ vật dụng gì có sẵn trong tủ bát đĩa, bó hồng hay cẩm chướng tiện thể đi chợ, mang về thả vào cái lọ gốm miệng rộng. Các chị không có nhiều thời giờ có thể mua lan, giữ bền được tới 3 tháng. Những bông hoa tươi tắn hiện diện đây đó trong nhà, làm gợn lên nét gợi cảm sinh động và mềm mại, mang lại sự thư giãn cho mọi người cùng với cảm giác ấm áp như thể bà chủ nhà luôn tươi cười có mặt.

Bạn bè trong giới truyền thông báo chí ai cũng biết chị DĐ có thói quen rất dễ thương: mỗi lần đến thăm một người bạn chị đều mang theo cái lọ con cắm những thứ hoa lá có sẵn trong vườn. Lúc thì cái lọ vuông màu huyết dụ, lúc thì cái lọ thủy tinh trong suốt, thẳng đứng như một cái ống. Tủ chén nhà tôi có bao nhiêu cái lọ loại này là đúng bấy nhiêu lần chị đến chơi thăm. Có lần chị cho tôi mấy cái cuống lá giống như cánh bướm mầu tím than đang ra hoa. Buổi chiều chạng vạng, hai cái cánh bướm nhỏ xếp lại, rũ xuống, rủ nhau đi ngủ để sáng hôm sau tôi ra bao lơn, đã lại thấy chúng sởn sơ xòe cánh dưới ánh nắng ban mai. Tôi chăm nom tưới tẩm, khi chúng lan ra đầy chậu, tôi chuyển chúng sang cái chậu lớn hơn. Chị DĐ ghé qua, cười vui hỏi tôi: "Thứ này khó nuôi lắm, chị làm sao mà nó sum suê

thế?" Hoa của nó trắng muốt, bé và dài như cọng tăm, lẩn trong màu lá tím, thật xinh. Có một lúc không biết sên ở đâu bò lên chậu, xoi thủng đám lá. Những chỗ lá bị thương vàng úa màu rỉ sắt, tôi không biết cách chữa đành nhìn nó khô héo dần, tiếc thương như đã tiếc thương Huế một thời áo tím qua cầu của tôi nay còn đâu?

Cuối cùng, lúc chập tối, một người bạn văn gởi cậu cháu rất giỏi về máy điện toán tới giúp tôi. Trẻ, ở tuổi chưa tới 30, đôi mắt sáng, thông minh và biết cười, cậu tự giới thiệu để được tôi hướng dẫn đến chỗ đặt máy. Cậu ngồi xuống ghế, im lặng bấm lia lịa một lúc trên bàn phím. Câu nói đầu tiên của cậu làm tôi sửng sốt: "Cháu clean máy cho cô, bỏ bớt các files cô không dùng tới đã lâu để máy chạy nhanh hơn nhưng bài viết thì chấp nhận mất thôi cô nhé! Cháu cũng từng trải qua tâm trạng cô hôm nay, cắm cúi viết cho kịp với cảm hứng rồi mất sạch. Cuộc đời vô thường, mình mất mát bao nhiêu lần, bao nhiêu thứ rồi, cô bỏ qua đi hay viết lại, có khi ý tứ còn hay hơn, phong phú hơn..."

Cảm ơn tấm lòng lân mẫn của người bạn trẻ, lời an ủi chân thành bằng kinh nghiệm và sự rút tỉa khá hiếm hoi ở tuổi cậu. Với tôi, những đứa con có thể xinh đẹp, giỏi giang hơn kém nhau nhưng mỗi đứa là duy nhất, không thể thay thế. Sự mất mát của mỗi đứa, khi chẳng may xảy ra, là một vết thương sâu không có gì bù đắp được. Vì vậy, tôi sẽ nhớ nó mãi vì không bao giờ có được chính nó lần thứ hai. Không có phiên bản.

KHÔNG CÒN KHỔ ĐAU

Trong gần ba thập niên làm công việc trả lời thư độc giả/thính giả, tôi được cơ hội gặp gỡ trực diện với khoảng trên dưới 30 phụ nữ, một thanh niên tuổi dưới 30, ba ông trung niên tuổi từ ngoài 40 đến gần 50, ba ông ở ngưỡng cửa tuổi đời xưa nay hiếm, ngoài 70. Câu chuyện của quý vị nam giới có nội dung khác nhau, làm họ bận tâm tìm giải pháp hoặc chấn chỉnh/thay đổi, hoặc bắt đầu/nối lại, thậm chí chấm dứt một tình huống bất như ý nào đó. Thái độ giống nhau ở những vị này là tuy họ có ít nhiều bối rối, khổ tâm, nhưng tuyệt đối tinh thần họ khá vững vàng, không bị suy sụp. Trái lại, với các cô, các bà ở nhiều độ tuổi, nội dung câu chuyện họ chia sẻ không khác nhau và thái độ của họ hầu như cũng chỉ là một tuy mức độ và hình thức có gia giảm. Nói cách khác, họ là hiện thân buồn thảm của nỗi đau đến từ người đàn ông là chồng hay người tình, đa phần, hoặc độc tài, gia trưởng, ghen tuông quá mức hoặc không thủy chung, bội bạc.

Những điều mắt thấy, tai nghe, lập đi lập lại nhiều lần như điệp khúc của một bài hát cũ khiến có lúc tôi đã nghĩ trái tim người phụ nữ là một cấu tạo vật lý không thay đổi, bất biến trong lồng ngực của họ dù trải qua hàng trăm năm vật đổi sao dời và người phụ nữ về nhiều phương diện, được xem là họ đã đi hia bảy dặm cùng với những tiến hóa thần kỳ của xã hội. Nếu có thay đổi chút nào thì chỉ là ứng

xử bề ngoài của họ được trí tuệ tương tác với lợi thế thời đại giành cho họ như một thứ thể diện hay một thứ quyền năng tự vệ. Tôi tin là phụ nữ vẫn khóc một mình ngay cả khi mối hận lòng cho họ sức mạnh bài binh bố trận để hủy diệt kẻ bạc tình.

Năm tôi chừng mười tuổi, một buổi chiều nắng vừa tắt, tôi đang chạy chơi trong vườn, quần áo, mặt mũi lem luốc bụi đất và mồ hôi thì nghe tiếng mẹ gọi ầm ỹ từ căn bếp ám khói. Giọng bà hổn hển: "Con lên gác, bảo bà khách về đi vì sắp đến giờ cơm của Thầy rồi!" Tôi ngây thơ, vội vàng làm theo lời mẹ nhưng chạm phải ánh mắt sắc như dao của bà khách ngồi đối diện bố có đôi lông mày vòng nguyệt thật đẹp trên khuôn mặt chữ điền mịn màng, tôi hơi sợ, bèn nhanh trí đổi lời mẹ dặn: "Thưa thầy, dọn cơm được chưa ạ?" Bố tôi từ tốn trả lời, dịu dàng khác hẳn mọi khi: "Thầy có khách, con bảo cô S. làm thêm vài món, xong thì bưng lên." Tôi trở xuống, vào bếp, đã thấy đôi mắt mẹ nhìn tôi, chờ đợi. Tôi lập lại lời bố, chưa hết câu thì giật bắn mình thấy mẹ tôi phang mạnh vào tường thanh củi đang cháy dở trên tay bà, miệng lầu bầu: "Làm thêm món này! Làm thêm món này!" Đầu óc non nớt cho tôi biết thế là có chuyện gì nghiêm trọng rồi nhưng vì mẹ đang tức giận, tôi lủi nhanh ra vườn. Một chốc, mẹ không gọi mà ra vườn tìm tôi, lần này bà chỉ bảo: "Con lên gác xem bà khách về chưa?" Bà khách vẫn chưa về. Mẹ tôi dập bếp, không thổi nấu gì nữa mà loay hoay, bực dọc ra mặt. Tôi nghe mẹ lầu bầu tiếp: "Tối rồi mà không về là thế nào? Thứ đồ mặt trơ." Mẹ còn bắt tôi lên lầu thám thính vài lần nữa trước khi tôi thấy bà vãi một nắm muối hột vào cái bếp đang đỏ lửa. Chắc mẹ làm phép nên khi những hạt muối hết nổ lép bép trong bếp thì bà khách xuống lầu, đi tha thướt ra cổng trong bóng chiều đã nhọ mặt người. Bà khách của bố trông sang trọng và đẹp hơn mẹ tôi vạn lần. Tôi hỏi ông quản gia: "Ông Tuyển ơi, bà khách của bố cháu là ai, ông có biết không?" Ông cười, đôi mắt toét viền đỏ hấp hay: "Cô trẻ con, hỏi chuyện người lớn làm gì? Bà ấy là bạn cũ của cụ đấy!" Câu chuyện ngày

ấy ngưng ở chỗ này nhưng tôi không quên mà mãi ghi nhớ nó trong đầu.

Sau này khi khôn lớn, nhớ lại chuyện cũ, tôi mới hình dung được là mẹ tôi...ghen. Trí nhớ tôi ghi đậm hình ảnh bà đôi mắt thất thần, lam lũ trong chiếc áo cánh vải trắng ám mùi hành tỏi, quay quắt đi tìm tôi trong khu vườn rộng với nỗi lo âu, thổn thức buồn tủi trong trái tim không khác gì trái tim của bất cứ phụ nữ sang/hèn nào trên mặt đất này. Chả thế mà thi hào Nguyễn Du đã đặt vào miệng Hoạn Thư lời trần tình cho tính đanh ác, nanh nọc của nàng trong vị thế người vợ cả biết chồng có tình riêng:*"Ghen tuông thì cũng người ta thường tình."*

Tất cả các bà vợ hay người tình đều nhân danh tình yêu mà ghen. Tôi hơi ngờ ngợ điều này vì bản chất của tình yêu là niềm vui, là hiến tặng và tan chảy trong nhau, không có chỗ cho ép uổng và thù hận. Ngay cả một bà mẹ có bổn phận bảo vệ gia đình vì sự an vui của con cái, mục tiêu càng không phải là sở hữu người chồng và đẩy con cái vào hoàn cảnh thiếu cha hay thiếu mẹ. Trường hợp mẹ tôi, suy từ thực tế, tôi biết chắc giữa cha mẹ tôi, trong mọi thời điểm cuộc đời của cả hai, không bao giờ có cái tình nên thơ, lãng mạn dưới bất cứ hình thức nào mà thế gian gọi là tình yêu. Để thèm khát. Để tiếc nuối. Để đòi quyền sở hữu. Để cay đắng ghen tuông với người khác một điều gì bà thực sự không hề có để mà mất. Thế nhưng hình ảnh mẹ tôi quay quắt đến tội nghiệp trong cái buổi chiều mùa hè oi bức ngày tôi còn bé, chưa đủ trí khôn để hiểu biết thế giới đa đoan của người lớn, rõ ràng là do ghen tuông. Vậy thì cảm xúc buồn bã ấy bởi đâu? Tôi tiếc đã không còn mẹ ở tuổi này để ôm bà trong tay và hỏi nguồn cơn.

Theo sách vở nghiên cứu, trong các nguyên nhân gây ra trạng thái ghen tuông, có trường hợp tôi nghĩ giải thích được cho mẹ, đó là mặc cảm tự ti, bị coi nhẹ. Tuy nhiên, nghịch lý vẫn đặt ra ở thời của mẹ tôi, khi người đàn bà làm vợ người đàn ông có vai vế trong xã hội, không những luôn

ở vị thế thấp hơn chồng trong thứ bậc gia đình mà còn lấy làm vinh hạnh được ngồi ở chỗ của họ, chưa kể là mẹ tôi tuy sinh cho bố tôi ba đứa con, bà chưa bao giờ được ngồi ăn chung mâm với bố tôi một bữa cơm. Vậy, đây không phải là lý cớ khiến mẹ tôi ghen tuông.

Vẫn theo sách vở nghiên cứu, ghen tuông còn đến từ ý nghĩ bị chia sẻ những gì vốn được xem là thiêng liêng, cao quý, từng chỉ chia sẻ trong riêng tư giữa hai vợ chồng hay hai người tình, gây ra cho nửa kia cảm giác bị phản bội, bị xúc phạm, bị ăn cắp, thậm chí bị tước đoạt, làm nảy sinh ghen tuông. Áp dụng trường hợp này vào mẹ tôi cũng trật lất.

Thế mà mẹ tôi quả thực có ghen. Vẫn ghen.

Sống gần hết đời mình, đọc, biết, hiểu, ngay cả bản thân trải nghiệm, tôi xót xa thương mẹ và cả một thế hệ các phụ nữ như mẹ. Tôi cũng chủ quan kết luận rằng ghen tuông thuần là do bản năng và vì do bản năng, tự nó có sức mạnh khó kềm hãm. Tuy nhiên, đã gọi là bản năng ắt có thể dùng lý trí để trấn áp. Cho nên, ghen tuông còn được xếp loại đẳng cấp. Phụ nữ trí thức ghen kín đáo, thâm trầm, thanh lịch. Phụ nữ bình thường ghen ầm ỹ, theo sự thúc đẩy của bản năng. Bên cạnh lý trí/trình độ, phong tục, tập quán xã hội cũng là nguồn lực giúp kiểm soát cảm xúc ghen tuông, vừa tích cực vừa tiêu cực tùy thuộc bối cảnh trong đó sự việc đưa tới ghen tuông xảy ra.

Bạn bè, chị em, đồng nghiệp ghen giống nhau vì bắt chước, vì nghe thấy/nhìn thấy hay được xúi bẩy làm theo, thậm chí có cả việc đánh ghen hộ. Ồn ào, huyên náo có thể qua đi, kể cả những hư hao nó để lại. Nhưng ghen mà không thổ lộ, mà cất giữ cho riêng mình là loại ghen cực độc, như ung thư ngấm ngầm hủy hoại sinh lực người bệnh.

Khoảng năm 2005, lúc tôi còn làm việc cho đài phát thanh VNCR trên đường Moran, một buổi trưa có một bà đến tìm tôi. Từ đó tới nay, hình ảnh bà còn mãi trong ký ức tôi với

câu hỏi thật tha thiết: "Bây giờ chị ở đâu? Vì sao chị không trở lại gặp tôi như đã hứa? Chị có khá hơn không? Tôi hy vọng sau lần chúng ta nói chuyện (đúng hơn là chị nghe tôi nói) chị đã đủ sức mang vác gánh nặng của mình và không cần tôi nữa?" Kinh nghiệm cho tôi biết người trong cuộc khi ra khỏi cơn bối rối, thường ngại ngùng, không muốn đối diện lần nữa với nhân chứng của một hoàn cảnh họ hối tiếc phải chi đừng xảy ra.

Chị bước vào, khuôn mặt nhợt nhạt, tóc không gội, không chải, quần áo xộc xệch. Chị cầm cái ví con lép kẹp ở tay, một chiếc dép đi ở chân bị đứt quai, buộc tạm bằng giây thun, đôi mắt buồn ném ra xung quanh ánh nhìn rụt rè, ngơ ngác. Quan sát kỹ, tôi đoán chị chừng ngoài 40 tuy sự bơ thờ, không săn sóc mình, không trang điểm, dáng vẻ tiều tụy với hai vai xuôi, bước đi chậm, khiến chị trông qua như một người già. Ngồi trong phòng khách của Đài, chị khóc rấm rứt, nói không ra hơi, tiếng còn, tiếng mất, đại khái chị bị người phối ngẫu có tình riêng bạc đãi. Những bức tranh phụ rẫy có nội dung/hình thức giống nhau nhưng bức tranh ngay trước mắt tôi lúc đó âm u quá, thê thiết quá, đầy thương cảm. Tôi cầm tay chị, đưa chị vào phòng vệ sinh phía sau, xin chị vui lòng soi mình vào gương rồi hỏi chị: "Chị ơi, chị có nhận ra chị trong gương không? Chị có thương được người phụ nữ như chị đang thấy đây không? Người ta làm khổ chị đã đành nhưng sao chị nỡ tự đày đọa mình đến thế? Chị về nhà, tắm gội sạch sẽ, thơm tho. Ra phố chải tóc, làm móng chân, móng tay, mua quần áo mới, dép mới, làm đẹp mình giùm tôi. Chị phải tự bằng lòng mình trước, phải cảm thấy yêu thương chính mình trước khi mong muốn làm động lòng người bên cạnh, như bông hoa nở tự nhiên, đẹp lấy nó, tỏa hương thơm nơi nó hiện diện và quyến rũ. Công việc, con cái là hai nguồn hỗ trợ có sức mạnh và niềm tin giúp chị đứng lên, vững chãi trong cuộc sống. Chị làm được đến đâu, tốt đến đó và vui lòng trở lại đây cho tôi vui cùng rồi tính tiếp, chị nhé!"

Cùng với thiên chức làm vợ, làm mẹ, Tạo hóa ban cho người phụ nữ những tiềm năng sống còn tuyệt vời, chỉ cần các chị bình tâm trước mọi biến cố, đừng hốt hoảng, đừng tuyệt vọng, đừng mong chờ ai hay cái gì khác mà tĩnh lặng nhìn sâu chính nội tâm mình, thắp sáng bóng tối bằng suy nghĩ trong trẻo, bằng cảm thông vị tha, bằng thấu suốt lẽ đời hết mưa rồi sẽ nắng, các chị sẽ tìm được bình an, sẽ thấy hạnh phúc dễ hơn khổ đau, sẽ chấm dứt mọi bi kịch, sẽ tự chữa lành những thương tổn bất luận đến từ nguyên nhân nào, trong đó, thường xuyên nhất từ trái tim đong đưa của các đấng mày râu vốn được Thượng đế sinh ra làm những người thợ săn từ thuở khai thiên lập địa.

KHÔNG MUỐN NHỚ

Nếu có một quãng đời nào tôi thực sự không muốn nhớ nhưng cũng không muốn quên, thì đó là 11 năm tôi và gia đình kẹt lại Sàigon sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975.

Tin nhắn cuối cùng của người anh ruột tôi trước khi anh di tản là bảo tôi đem mẹ chúng tôi và các con tới gặp một cố vấn Mỹ nhà trên đường Công Lý, gần Tân Sơn Nhất, để được đưa đi theo sự thu xếp của anh. Tuy nhiên, khi chúng tôi tới nơi thì cổng ngoài ngôi nhà đã khóa bằng xích, không còn ai ở đó trả lời chuông cửa. Tôi lái xe về lại nhà qua những con đường lưu thông chộn rộn và mọi người nhốn nháo đi như chạy không biết về đâu nhưng lòng tôi hoang vắng và buồn thê thiết.

Sáng mồng một tháng 5, tôi đến trường trình diện Ủy ban quân quản tiếp thu Saigon theo lệnh phát đi trên đài phát thanh và hệ thống loa của nhóm đeo băng đỏ trên cánh tay. Sau khi được điểm danh, giáo chức và nhân viên nhà trường còn ở lại được cho về, chờ nhận chỉ thị mới. Buổi chiều, nhóm đeo băng đỏ lùa dân chúng trong khu phố ra tập họp ở cây xăng gần rạp chớp bóng Cao Đồng Hưng, chợ Bà Chiểu, để nghe huấn thị. Một bà mẹ già khi được hỏi ý kiến về các chủ nhân mới của thành phố, đã hồn nhiên trả lời trong mừng vui nghẹn ngào: "Cám ơn các anh vô sớm chớ không thôi cọng sản nó pháo vô là chết hết!" Những

tiếng cười cuối cùng của một Sàigon vừa qua đời vang dội trong bóng chiều. Những "đồng chí cán bộ" bất ngờ trong những giây phút cầm quyền đầu tiên, không biết phản ứng thế nào, cũng gượng cười theo. Tan họp, mọi người ra về, bước chân nặng trĩu lo âu trong bóng đêm bắt đầu trùm phủ lên mấy con đường đất đá phía sau con lộ lớn Bạch Đằng và cũng sẽ trùm phủ lên cuộc đời của họ kể từ đây.

Các tổ gia đình được thành lập ngay trong địa bàn khóm phường để "học tập cách mạng" và để nhòm ngó lẫn nhau. Những ngôi nhà có chủ di tản lập tức được điền thế bởi cán bộ từ Bắc vào nam với một tốc độ chóng mặt. Mạng lưới công an khu vực được rải đồng bộ để kiểm soát sinh hoạt của mỗi nhà. Trẻ con từ lớp một bị tách ra khỏi người lớn và gia nhập tổ chức đoàn đội "thiếu nhi bác Hồ," học các sách giáo khoa có những bài vè với những câu nhảm nhí tựa như "Ngu nhất đời là Tổng Thống Mỹ." Công an khu vực mặc thường phục thoắt biến thoắt hiện như những bóng ma ở cửa trước, cửa sau, len lỏi qua mọi ngõ ngách, tự tiện tạt vào bếp nhà này hỏi "Hôm nay nhà ta nấu món gì đây?" xông xông vào nhà kia, đảo mắt tìm đồ quốc cấm: cái radio đang nghe gì, cuốn sách cũ tàn dư của "văn hóa ngụy đồi trụy" hay một vật dụng nào vừa mắt thì hắn ta lân la nhờ mua như một cách hỏi xin lịch sự.

Các bà nội trợ bắt đầu dùng bị cói khi đi chợ để giữ kín đáo thức ăn mua cho gia đình có cha mẹ già hay trẻ con đang lớn, cần dinh dưỡng. Những lúc củi lửa, những bữa ăn thường ngày luôn là những giờ khắc hồi hộp của các bà vợ, bà mẹ phải chuẩn bị sẵn câu trả lời cho mọi câu hỏi ỡm ờ của công an khu vực muốn bắt mạch khả năng tài chánh của từng nhà trong thời cuộc đổi thay. Trong trí nhớ tôi, hình ảnh tiêu biểu nhất của chế độ cộng sản, để lại ám ảnh lâu dài, là người công an khu vực. Họ có nhiều bộ mặt, áp dụng tùy lúc và không ai có thể lường trước được bộ mặt nào sẽ thấy ở họ, lúc nào, và những gì sẽ đi

theo bộ mặt ấy? Trong giai đoạn tiếp quản Saigon, tất cả công an khu vực đều được điều động từ Hà Nội vào.

Tôi không bao giờ quên anh công an khu vực công tác ở tổ dân phố của tôi, thuộc phường 3, quận Phú Nhuận. Đầu thập niên 80, khi các gia đình kẹt lại "miền Nam giải phóng" bắt đầu nhận được những thùng quà viện trợ của thân nhân kịp di tản hồi tháng 4/75, hiện cư ngụ ở nhiều quốc gia hải ngoại gửi về tiếp tế, các công an khu vực "làm việc" rất tích cực trong lãnh vực này. Họ phải có con mắt thần thông đằng sau gáy để không bỏ sót một trường hợp nào, ngay cả những gia đình đã cẩn thận phân tán số hàng nhận được vào nhiều túi vải nhỏ thay vì đi xích lô hay xe ôm về nhà với nguyên cái thùng các tông to tướng. Các gia đình nhận quà có chung những vị khách quý là các công an khu vực. Khi trời chập choạng tối, mọi ngôi nhà trong giờ tắt điện lù mù ánh đèn dầu hôi, họ lách cửa vào nhà như những con mèo hoang, cười giả lả: "Hôm nay nhà ta có quà, ấm rồi, em muốn xin vài cây bút bi." Họ nói vài cây nhưng có nghĩa là họ muốn nguyên một vỉ bởi vì nếu gia chủ thật thà đưa ra vài cây, họ sẽ hỏi thẳng là có vỉ chưa bóc ra không? Sau bút bi là quần jeans hiệu Lewis, là áo gió, là vải may quần tây, thuốc Tylenol và thuốc lá.

Tất nhiên khổ chủ có thể chối không có vài thứ nhưng con số những thứ trao tặng không bao giờ là một nếu không muốn phải nhìn thấy bộ mặt lầm lỳ khó hiểu một cách đáng sợ của anh công an khu vực.

Tuy không muốn nhớ nhưng tôi cũng sẽ không bao giờ có thể quên cảnh tượng một buổi sáng tôi được mời lên công an phường để làm việc với công an khu vực về một vấn đề sẽ cho biết sau. Bước qua cửa văn phòng, tôi nhận ra ngay anh ta nhưng giờ đây là một người hoàn toàn xa lạ, lạnh lùng, sắt máu, rất khác với người công an khu vực đi vào cửa sau nhà tôi trong buổi tối mới cách đây vài hôm, cười cợt, nhũn nhặn, xưng em với tôi để hỏi xin bút bi và quần jeans.

Trước mặt anh ta, trên bàn, là cái bìa hồ sơ màu vàng, tôi không biết có gì ở trong. Anh ta giữ yên lặng khá lâu, nhìn tôi chăm chăm với một vẻ đe dọa không giấu giếm. Tôi tự biết tôi không làm gì sai, ngay cả việc con gái tôi đi vượt biên và chết đuối ở vàm sông Ô Môn vì thuyền bị lật, tôi cũng đã có câu trả lời nên tôi cố bình tĩnh nhìn trả lại anh ta, cố đương cự với ánh mắt soi mói nhà nghề của hắn. Tuy nhiên, một nỗi sợ hãi kỳ lạ bỗng chạy suốt sống lưng tôi và làm quai hàm tôi cứng lại. Trong đời tôi, cho tới giây phút đó, cái cảm giác sợ hãi làm xương hàm tôi cứng đơ, đến với tôi là lần thứ bao nhiêu tôi không nhớ vì nó đã đến với tôi nhiều lần trong bóng đêm, cứ đúng khoảng 3 giờ sáng sau Tết Mậu Thân, khi Việt cọng nghe nói từ mật khu bên kia Thủ Thiêm nã pháo vào thành phố. Lúc đó tôi ở ngã ba Hòa Hưng. Tiếng đạn đi xé gió, rít qua mái nhà, tiếng nổ khi đạn chạm đất, làm dậy lên tiếng chó sủa ran và tiếng người kêu khóc như ri. Có hôm sáng ra, tôi đạp xe tới trường, qua bùng binh ngã sáu, còn thấy xác người bán bánh mì nằm chết giữa đường, những ổ bánh mì lăn tung tóe xung quanh cái giỏ cần xé dập nát lẫn lộn máu.

Giờ đây, cái cảm giác xương hàm cứng đơ vì sợ lại đến với tôi. Trong trận mưa pháo giữa lưng trời, tôi không biết được đường bay của đạn. Ngồi trước mặt anh công an khu vực cọng sản, tôi thực sự cũng không lường được chuyện gì sẽ xảy ra. Thiếu kiến thức. Nghèo khổ. Được đào tạo trong môi trường hận thù giai cấp. Không thể hy vọng một điều gì tốt đẹp, nhân bản, phải lẽ ở những con người xa lạ với các giá trị làm người căn bản họ luôn được dạy là sản phẩm xấu xa, vô bổ, của bọn tiểu tư sản mà tôi là một thành viên, bị bắt buộc phải tự khai trong bản sơ yếu lý lịch. Tuy nhiên, buổi "làm việc" ở đồn công an hôm đó dù có căng thẳng nhưng có lẽ nhờ phước đức tổ tiên, tôi được ra về an toàn sau khi anh công an khu vực cho biết là "để làm sáng tỏ nếu như tôi có quan hệ mật thiết với một tổ chức vượt biên nào phải khai báo."

Từ đó đến nay, do bản tính tôn trọng sự thật và sự công bằng, tôi vẫn có chút thắc mắc, không biết nhận định của tôi ngày ấy có đúng hay không? Thời gian gần đây, tin tức dồn dập trên báo chí và internet cho thấy người dân lành bước vào đồn công an cọng sản, ít khi ra về lành lặn, khiến tôi tin chắc trực giác của mình không sai. Không những vậy, tính cách độc ác của tầng lớp công an ngày càng tệ hại hơn trong một đất nước ngày càng đào sâu hố thẳm giữa đám cán bộ giàu có vì nhũng lạm và đám cán bộ không có cả khúc xương để gặm. Hình ảnh mới nhất khiến tôi hết sức xúc động là của anh Trần văn Doanh, bị công an đánh bầm tím vùng khoang bụng, là nơi có những bộ phận quan yếu trong thân thể một người, chỉ với nghi vấn anh là thủ phạm trộm chiếc xe máy của ai đó trong khi anh đã được xác minh là ngày giờ vụ mất xe xảy ra, anh đang đi làm có chấm công, nghĩa là có bằng chứng ngoại phạm. Một nhóm công an hành xử phi pháp ngay giữa cơ quan công quyền, vô cớ tra tấn một nghi phạm cô thân, yếu thế, suốt hai tiếng đồng hồ để ép cung, cố tình đánh vào nơi xung yếu của nạn nhân thì đó là hành vi giết người của loài thú hoang say máu.

Tin tức cho biết anh Doanh may mắn thoát chết sau một đêm và một ngày nằm lả ra, phơi thân trên sàn gạch hoa với nội tạng bị thương trầm trọng. Anh thoát chết có lẽ nhờ sức lực tuổi thanh niên nhưng hậu quả của trận đòn đánh cho ra tiền của bọn công an không khác gì thảo khấu chưa biết sau này sẽ phát tác thế nào trên cơ thể anh?

Cứ hình dung ra cảnh người dân Việt Nam lương thiện phải sống nơm nớp trong nỗi lo sợ không biết lúc nào, vì cớ gì, bị mời lên đồn công an làm việc và trong nhiều trường hợp như thế, họ không còn đường về, hãy hỏi liệu có ai còn chút lương tri mà không cảm thấy lòng như muối xát và đứt ra từng đoạn? Làm sao để người dân hiền hòa nước tôi với sức chịu đựng phi thường, phần đông chào đời trên tro tàn của cuộc chiến tranh đầy bất công đã khép lại, biết được có một thời chưa xa, cha anh họ đã sinh sống ngay trên

quê hương của họ ngày nay, một cuộc sống có thể còn nhọc nhằn vì sinh kế nhưng không một ai vô cớ bị kẻ ỷ quyền thế tước đoạt sinh mạng hay quyền làm người của họ, thường chỉ vì một bữa nhậu tồi tàn hay một canh bạc cò con cạn láng. Tôi tự hỏi biết đâu những trận mưa đòn thù sẵn sàng trút lên đầu các nạn nhân vô tội kia, kể cả những bà mẹ luống tuổi buôn thúng bán bưng ven đường, không là cách để bọn công an trút bỏ tất cả sự căm phẫn tích lũy trong chính thâm tâm chúng khi mỗi ngày nhìn lại thân phận hèn mọn của họ, liếm láp chút cơm thừa canh cặn so với giai cấp tư bản mới ngất ngưởng trên tột đỉnh danh vọng và sự giàu sang bằng máu xương đồng đội và bằng tiền của vơ vét từ công quỹ? Làm sao nói cho họ biết lịch sử thường trùng lắp và kẻ thù của họ ngày nay là những kẻ cầm cương thời cuộc, ngồi trên đầu trên cổ họ, đun đẩy họ vào tăm tối nên họ cần mạnh dạn khước từ những bàn tay tàn bạo, bất nhân ấy để thực sự giải phóng mình cho một đời sống tốt đẹp hơn? Hãy đứng với dân vì sức dân là ý Trời. Đừng để như câu chuyện vua An Dương Vương được thần kim quy chỉ ra kẻ nội thù là núm ruột của mình cùng ngồi trên lưng ngựa thì đã quá muộn để phải chết cả hai trong tuyệt lộ.

Nhược điểm của người quốc gia gốc tiểu tư sản như tôi học mãi vẫn chưa thuộc bài học phân biệt rõ ràng bạn với thù của người cọng sản nhưng người cọng sản thì đã học kỹ rồi, chỉ cần gậy ông đập lưng ông để thay đổi vận mạng cả một đất nước và dân tộc. Mong lắm thay!

KHÚC THỤY DU

Không biết do tình cờ nào, một người bạn biết tôi thích sưu tầm những món đồ chơi ngộ nghĩnh, đã mua tặng tôi con chim bói cá đứng chơ vơ giữa trời đất mênh mông, khắc trên một khúc gỗ thật nhẹ với bộ lông màu sơn xanh biếc, óng ả. Tính cẩn thận, bạn tôi viết thêm mấy chữ gởi theo món quà: "Thấy đẹp, hay hay, liên tưởng đến chị, chắc chị thích nên mua. Không với ngụ ý nào cả, chị nhé! Enjoy!"

Tôi để con chim bói cá dễ thương và tội nghiệp trên bàn làm việc, ngay trước mắt, quan sát xem điều gì ở công trình điêu khắc này (chữ hơi lớn so với tác phẩm, một chữ hơi lớn khác) khiến bạn nhớ ra tôi mà thân ái gởi nó qua đường bưu điện về đây, không nhân một dịp đặc biệt nào cần đến quà cáp.

Không biết bạn "liên tưởng" thế nào về mình nhưng tôi liên tưởng ngay tới bài thơ Khúc Thụy Du của nhà thơ Du Tử Lê được nhạc sĩ Anh Bằng phổ nhạc. Bài hát được trình bày, được nghe, được yêu thích rất nhiều ở khắp nơi, trong nhiều thập niên qua. Nghe kỹ, đọc kỹ, thấy dường như bản nhạc phổ thơ Du Tử Lê rất nổi tiếng này không có góc cạnh nào phản chiếu tâm hồn/tâm sự mình nên phải tin lời trần tình của người gửi quà. Có thể bất giác bạn nhìn thấy hình ảnh con chim bói cá đẹp như một thiên thần nhỏ, mây trời xanh biếc lưng, áo mơ phai vàng trước bụng, đứng côi cút

một mình "trên cọc nhọn trăm năm," cũng uy dũng ra phết, cũng tội tình đến nát lòng, nên thưởng thức và muốn chia sẻ. Không chỉ bạn nôn nao, cuống quýt, vồ lấy nó từ kệ hàng của một tiệm bán quà lưu niệm đâu đó; không chỉ nhà thơ đưa chim bói cá vào tác phẩm để đời của ông; không chỉ người nhạc sĩ phổ thơ chọn lọc giai điệu, chắp cánh cho chim bói cá bay lên những tầng thanh khí bao la mà còn biết bao nghệ nhân ở mọi tầm cỡ tài năng, cũng lấy cảm hứng từ chim bói cá? Nhiếp ảnh gia Alan McFadyen, ở tuổi 46, trải qua 40 năm khôn lớn và trưởng thành, vẫn ấp ủ không nguôi trong ký ức một lần được theo ông nội tới nơi chim bói cá làm tổ bên bờ hồ vùng Kirkcudbright, Tô Cách Lan, và bị hớp hồn vì vẻ đẹp của loài chim này. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành nhiếp ảnh, ông vội vàng ôm máy tìm đến bờ hồ xưa, mỗi ngày ra điểm hẹn hai lần và mỗi năm chừng một trăm ngày, bấm máy mỗi buổi khoảng 600 lượt. Ròng rã sáu năm, ông tin là đã tích lũy được 720,000 tấm hình chim bói cá nhưng chỉ hài lòng với một số ít tạm coi là có giá trị thôi. Tuy vậy, cuối cùng thì đam mê lạ thường của Alan đã được đền bù bằng một cú bấm tuyệt hảo khi ông "canh" đúng lúc chàng hay nàng chim bói cá lao thẳng xuống mặt hồ, mỏ thép nhọn đớp ngọt con mồi không làm tung tóe một giọt nước.

Đầu to, mắt sắc, mỏ dài, đuôi ngắn, toàn thân bói cá tròn ủm, xinh xắn. Thế nhưng khi xòe cánh phóng xuống nước săn mồi, nó mạnh mẽ như một pháo đài bay. Nhiếp ảnh gia McFadyen kể lại: "Ngày mới là thằng nhóc con chừng 6 tuổi, tôi nhớ được ông nội dẫn đi xem nơi chim bói cá làm tổ và tôi nhớ là tôi đã choáng váng trước vẻ đẹp lộng lẫy mê hồn của lũ chim."

Một đời mình chưa đủ, ông còn muốn trao truyền lại cho cậu con trai Leighton lên 8, tình yêu gần như cuồng dại của ông với loài chim bói cá.

Tôi cũng có kỷ niệm với chim bói cá nhưng hẳn nhiên không đặc sắc và sáng tạo như với nhiếp ảnh gia Alan Mc-

Fadyen, năm tôi bằng trạc tuổi Alan, lên 7, cùng gia đình tản cư về Phù Lương, một làng nhỏ ven thành phố Huế, trong biến cố 1945. Đã quá lâu cho trí nhớ một đứa trẻ để nay có thể hình dung cặn kẽ địa thế của làng Phù Lương nhưng tôi ghi khắc như in trong ký ức mình những đêm trăng vằng vặc trên một phía có con đường làng quanh co giữa những bờ ruộng gió mát làm thoảng lên cái mùi quê khó tả của lúa trổ đòng đòng, lẫn với mùi phân trâu bò, phân người, mùi đất và mùi nước đọng; phía kia, gần ngôi nhà tranh ba gian nơi gia đình chúng tôi tạm trú, là một con hói cạn, sát bờ nước trong veo nhìn thấy đáy. Tôi nhớ nhất những buổi trưa nắng ong ong, trốn nhà ra hói tập bơi sau khi vất vả rình bắt cho bằng được con chuồn chuồn ớt và để nó cắn vào rốn, đau chảy nước mắt nhưng chục lần như một, tấm hình hài nhỏ xíu của tôi vẫn không thể nổi lên mà chìm lỉm, sặc nước nên phải ngoi đầu lên thở. Ngồi buồn trên bờ, chờ gió làm khô quần áo, tôi đang mơ màng nghĩ ngợi mông lung (chẳng biết nghĩ gì) bỗng thấy nhanh như một mũi tên rời khỏi dây cung, con chim nhỏ từ đâu đó cắm đầu xuống nước, cái mỏ dài lúc bay lên ngậm cứng con cá chỉ bé bằng một ngón tay của tôi. Tạo hóa khi tạo sinh muôn loài, dường như cùng một lúc cho chúng khả năng kiếm lương thực để tự tồn nên chim bói cá mới có thể là những tay săn mồi dưới nước tài nghệ tuyệt luân đến thế! Khác với Alan McFadyen ngưỡng mộ ngoại hình xinh đẹp của chim bói cá, hình ảnh tôi giữ về nó là con mồi nhỏ nằm vắt ngang cái mỏ vừa dài vừa nhọn của chim. Sau này lớn thêm, tôi hiểu ra nhu cầu tranh sống khắc nghiệt của chúng, của mọi đẳng cấp sinh vật trên địa cầu, sinh/tử tròng tréo nhau bằng nhân quả, vừa thiện vừa ác, làm nên nghiệp dĩ nhọc nhằn của mọi sinh linh ở chốn trần ai.

"Hãy nói về cuộc đời, khi tôi không còn nữa, sẽ lấy được những gì, về bên kia thế giới, ngoài trống vắng mà thôi, Thụy ơi, và tình ơi!"

Thi sĩ Du Tử Lê nghĩ đến ngày ông ra khỏi cuộc đời

nhân gian nhiều hệ lụy song vẫn còn "yêu quá cuộc đời ấy" nên còn nắm nuối hỏi mình và hỏi người "sẽ lấy được những gì mang theo về thế giới trống vắng bên kia?" Có lẽ tuy tôi không hỏi câu ông hỏi nhưng tôi đồng ý với ông là ở một kiếp đời nào khác chưa biết rõ song mất hết người thân/ bạn bè, với mọi yêu thương và hệ lụy phát sinh tròng tréo từ đây, tôi chẳng còn gì ngoài sự trống vắng chẳng có chút ý vị nào!

Chim bói cá trên cọc nhọn trăm năm thường tìm được cái đích nó dụng công tìm kiếm nhưng nhà thơ và chúng ta, chắc giống con bé con là tôi ngày xưa, ngồi ngẩn trên bờ sông nhỏ soi bóng mình trong niềm tuyệt vọng vì những giấc mơ hiếm khi thành sự thật và thời gian để sống mất dần trong vũng đời khô cạn. Tôi thương tiếng gọi buồn bã của thi sĩ và những tiếng "Ơi" rơi vào thinh không mênh mông! Là tiếng thở dài đến đứt hơi và lịm tắt cùng hư vô tịch lặng, không nghe vọng hồi âm.

Cũng như hầu hết những bài thơ được phổ nhạc, người nhạc sĩ thường chọn một số lời hay ý trong toàn bài thơ gợi hứng cho dòng âm thanh chờ đợi tuôn trào bên trong mình nên từ Thơ qua Nhạc (cũng như từ truyện qua phim) chân dung của nàng thơ ít nhiều có thay đổi dưới cây cọ hóa trang của người nhìn ngắm vẻ đẹp ban đầu và để lòng rung động. Trong một dịp chia sẻ nào đó, thi sĩ Du Tử Lê cho biết khi thoạt tiên nhìn thấy hình hài/thể tạng/khí phách đứa con tinh thần của ông trong bản nhạc bị cắt xén khá mạnh tay, ông có phần ngỡ ngàng nhưng bây giờ (lúc ông nói về bài thơ và bài hát) thì ông đồng ý với cách nhìn và sự đãi lọc cảm xúc của nhạc sĩ Anh Bằng. Một khi khói lửa chiến tranh đã tàn lụi, các kinh nghiệm chiến tranh đã trở thành bài học lịch sử, chỉ còn lại tình yêu hằng cửu là sự cứu rỗi chữa lành mọi vết thương và hồi sinh những vùng đất chết.

Xin cảm ơn món quà bất ngờ và dễ thương của người bạn hiền trong cuộc viễn du quê nhà đã có phút giây trạnh nghĩ đến tôi mà gởi gấm chút tình lưu xứ. Buổi sáng nắng

hướng đông rọi qua cửa sổ bàn viết có một ô vuông cho con chim bói cá về hưu, an nhàn đứng nhìn ra cái góc vườn nhỏ có bụi hồng vàng đang nở rộ, không biết còn nhớ hay đã quên con hói nhỏ ở làng Phù Lương mà tới đây và ở lại đây? Cho người vũ công Ba Lê gầy như một nhánh cây thường xuân đang nhón gót múa một điệu vũ cầu kỳ. Cho cái lọ thủy tinh có một bông hồng lụa trắng nở tóe loe không bao giờ tàn úa vì chưa bao giờ được là nụ. Cho cái đồng hồ có mặt số to tướng nhắc nhớ thời gian, tên sát thủ lạnh lùng và kiên trì chưa từng bỏ sót một ai trong sổ bộ đời.

Người khán giả ngồi bên cánh gà của cái sân khấu nhỏ ấy thấy mình vừa xem vừa diễn một kịch bản không đầu, không đuôi, thêm thắt những tình tiết buồn vui bất ngờ từng ngày. Khi là tiếng reo trong như tiếng suối của cô bạn nhỏ, khoe: "Hôm nay trời nắng đẹp, khách làm móng đông, em kiếm được $300, tha hồ shopping." Khi là tiếng khóc khô, u uất, của cô cháu dâu xinh đẹp đã ra khỏi gia đình mấy chục năm trước: "Cháu 60 rồi cô ạ! Đau ốm hoài mà xin SSI chưa được!"

Tiếc sao mình không là nhạc sĩ để phổ bài thơ đời và hát lên những âm ba đầy cảm xúc không bao giờ ngừng lan tỏa ấy?

KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT

Giữa tháng Năm, lịch sinh hoạt của Viện Việt Học loan báo có buổi nói chuyện của bác sĩ TXN từ miền Đông về, với chủ đề "Kiến tánh thành Phật." Tôi hơi tò mò nên thu xếp thời giờ đến nghe.

Giọng nói dõng dạc, rắn rỏi, thỉnh thoảng điểm chút hài hước nhưng diễn giả có vóc dáng nhỏ nhắn, thanh mảnh, đôi mắt sáng. Ông mở đầu phần thuyết giảng nhanh chóng, gọn ghẽ, bằng một ngôn ngữ đời thường giản dị, dễ hiểu. Ông nói: "Những gì tôi trình bày chỉ có tính cách gợi ý. Phần thảo luận theo sau mới là chính và quan trọng vì nó đào sâu vào chủ đề."

Tôi chăm chú lắng nghe, ghi nhớ đại khái: tánh (hay tánh khí) một người gồm hai phần, di truyền (hay bẩm sinh) và tập thành (do giáo dục, môi trường, kinh nghiệm sống gom góp từ thực tế.) Di truyền hay bẩm sinh cộng với duyên nghiệp tích lũy qua nhiều kiếp, nhiều thế hệ nên có khi cha mẹ hiền lành mà con cái hung dữ và ngược lại. Vì thế, dân gian có câu "Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính." Điều gì con người không giải thích được thì đổ cho ông Trời tuy cụ Nguyễn Du từng hạ bút viết rõ ràng "Có Trời mà cũng có ta."

Lý thuyết Phật giáo tin có luân hồi và Nghiệp chi phối cuộc sống hiện tiền của chúng sinh. Muốn chuyển nghiệp thì phải đổi tính khí. Muốn đổi tính khí thì phải sáng suốt,

ra khỏi vô minh (ra khỏi chính mình vốn là cái bóng to nhất trùm phủ đời người) mới thấy được cái cần đổi ở tự ngã để thay đổi. Chuyện này không dễ. Chẳng thế mà dân gian truyền miệng câu "Sông núi dễ dời, tánh khí khó đổi." Nói sông núi dễ dời là so với tính khí con người chứ câu chuyện nương dâu biến thành biển mặn đâu phải lúc nào cũng thấy!

Câu "Kiến tánh thành Phật" chỉ có bốn chữ nhưng thâu tóm trong chúng cả một quá trình tu tập vận dụng không ngơi nghỉ tất cả sức lực và trí lực, cả những trải nghiệm để lại hậu vị chua cay của một con người cho đến khi mở được tuệ giác, đồng thời với buông bỏ, thấy mình vượt qua cái TÔI nhỏ nhoi và tan vào mênh mông đại ngã. Không vui. Không buồn. Không có. Không không. Không còn. Không mất. Không đầy. Không vơi. Không lớn. Không nhỏ. Không nhiều. Không ít. Không chìm. Không nổi. Trôi êm đềm trên trên một giòng sông trong trẻo, không gợn chút ưu phiền.

Con đường tu chừng như khó nhưng không khó vì nó không là con đường độc đạo. Không nhất thiết mọi người phải cùng đi một con đường mà nó rộng hẹp khác nhau, hệt như tấm áo chùng của các bậc giáo sĩ hay tăng lữ, nhiều màu sắc/kích cỡ/kiểu dáng cho hành giả chọn lựa, có không gian cho mọi cử động để ai cũng thoải mái chưa kể y phục đời thường cho cư sĩ tại gia, cho bậc tu hành khi nhập thế hành đạo.

"Kiến tánh" thì có gì khó? Xem ra ai cũng tự cho là "rất hiểu mình." Cái "Ngã" to tướng bên trong mỗi con người thường lên tiếng: Tôi tử tế, Tôi thông minh, Tôi tài ba, Tôi hay, Tôi đúng, Tôi hơn hẳn mọi người,Tôi xứng đáng được xưng tụng..vv..Tôi soi gương, cái gương bảo kiểu áo Tôi mặc sang trọng nhất, kiểu tóc Tôi chải đẹp nhất, dung nhan Tôi có thanh lịch nhất..vv.. Ai nói ngược lại những gì Tôi thấy, Tôi nghĩ, hẳn là kẻ thù của Tôi, không là bạn, thật đáng ghét. "Ai" ở xung quanh đâu chỉ có một nên cái ghét sẽ triền miên. Để chống lại, Tôi xây thành lũy, pháo đài, ngày càng kiên cố, giam mình vào trong để "tự sướng." Không

chỉ vậy, Tôi đi tìm những tiếng nói đồng tình, thậm chí mua chuộc, tự cột vào mình thêm cái giả và cái giả ngày càng chồng chất, cái thật ngày càng xa.

Nên "kiến tánh" không dễ. Phật dạy: "Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành." Câu nói ấy không ngoa ngôn, không dẫn dụ. Câu nói ấy là sự thật miên viễn, cất lên từ nhận thức đúng nhất để giải thích kiếp người; từ sự thể nhập toàn vẹn của tự ngã vào vô ngã, của hạt bụi nhỏ tan trong đất trời bao la; từ sự khiêm nhượng thấy mình bé lại cho tha nhân lớn lên. Cái khó của con đường đi tới sự thật trong lời Phật dạy càng khó thêm khi nó được truyền thừa bằng ngôn từ kinh điển, trừu tượng và phức tạp nên khó nắm bắt, nhất là con người sống vội vã. Để làm chậm lại tốc độ cuộc sống hầu mọi người có chút thời gian suy tư, quán tưởng, như bát nước cần ngưng xao động để lắng cặn, chúng ta học Phật, bảo nhau ngồi thiền theo kiểu lý lịch trích ngang, quên rằng chúng ta không khởi hành ở cùng điểm xuất phát như Phật. Phật ngồi thiền trong hang động hay dưới cội bồ đề khi Phật đã tỉnh thức mà buông bỏ hết, cái Tâm sạch trơn. Là đất đã cày vỡ, được tưới tẩm cho mùa màng mới. Ngày nay chúng ta ngồi thiền giữa ngổn ngang vọng niệm, trì kéo bởi vật dục, có chỗ nào trong tâm để tu đức phát sinh hoa trái? Ráng sức cho lắm, tập chú quá độ mà không tới đâu sinh ra ảo giác, nôm na gọi là tẩu hỏa nhập ma.

Nhớ lại thuở bé, ban đầu cha mẹ dạy đếm từ 1 tới 10. Tiến bộ hơn một chút, cha mẹ dạy đếm ngược lại, từ 10 xuống 1. Không có đứa trẻ bình thường nào có khả năng đếm ngược khi chưa biết đếm xuôi. Học Thiền cũng vậy, kinh nghiệm riêng của kẻ hèn này là bắt đầu từ gốc tới ngọn. Lúc Tâm đã tịnh, ly nước đã trong trẻo, cái "thấy" sẽ dễ dàng hơn.

Nói đến kinh nghiệm riêng, tôi xin phép chia sẻ con đường tu thân giản dị nhất tôi đã đi được một khoảng ngắn. Tất nhiên mỗi người chúng ta đều có một cơ duyên bắt đầu

khác nhau tùy thuộc cảnh ngộ nào tới với mình, mang theo nó bài học vỡ lòng. Bước vào tu tập, chúng sinh được dạy buông xả trong khi bản năng sinh tồn thúc đẩy lòng tham: lấy vào càng nhiều càng tốt và ôm chặt những gì mình sở hữu. Cuộc chiến không đồng cân lượng này rất khó thắng nên dầu biết buông xả thì nhẹ thân nhưng mấy ai làm được? Dẫu thuộc lòng câu kệ Sắc tức thị Không nhưng cái Sắc vẫn cầm chân con người vì sự hào nhoáng của nó, cái Không vẫn khó chấp nhận vì cảm giác không còn gì trong hai tay.

Bài học đời cho tôi dễ thực hành hơn nhiều: **tình thương.** Như trong Quốc Văn Giáo KhoaThư, "Thương người như thể thương thân." Trong quý vị độc giả, sẽ không ít vị kêu lên: Ta và Người, làm sao mà **như thể** được? Thưa, được chứ, vì có một điểm chung: thân phận. Ai trong chúng ta không đi qua con đường sinh, lão, bệnh, tử? Ai trong chúng ta tránh được mất mát, đau thương, phiền não, lúc này lúc khác trong đời? Kẻ sang người hèn, kẻ cao người thấp, có thể có ưu tiên khi lọt lòng mẹ nhưng đường đời phải đi đến chung cuộc sẽ chẳng khác gì nhau, trong nỗi thống khổ và ngay cả trong niềm hạnh phúc, những thứ thoắt hiện, thoắt biến, khôn lường. Định kiến "làm sao mà **như thể** được" là nguyên cớ đưa đến ngã mạn, coi rẻ người khác, tự cô lập mình trong ảo tưởng, cuộc sống thu gọn lại trong khung thời gian vật lý hạn hẹp, tay trắng lúc nào đâu có hay?

Thấy được ta trong người và người trong ta là bước đầu của buông xả, của cảm thông, của tình thương, của đem cho, của hòa nhập cái nhỏ vào cái lớn, của niềm vui nhân rộng lên, của buồn đau tan loãng đi, của sức mạnh tăng trưởng đến không ngờ. Như một ca từ của TCS: "Yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ!" Từ tình thương đến buông xả chỉ là cái động của đôi cánh bướm.

Cách nay 2500 năm, Đức Phật Thích Ca, hậu thân của Thái tử Tất Đạt Đa, con trai Vua Tịnh Phạn xứ Ca Tỳ La Vệ, khi xả thân đi tìm chân lý để khả dĩ có câu trả lời cho sự bí ẩn của sinh mệnh, đã thể hiện trọn vẹn các tiêu chí cao

quý nhất mà mọi cuộc cách mạng chân chính trong lịch sử loài người, cho tới nay, vẫn mãi kêu đòi: Công bằng xã hội, Tự do tư duy, Bác ái để hợp quần, Độc lập trong bản thân, Quyền phán xét và tự quyết cá nhân, Quyền không bị hiếp đáp. Cuộc cách mạng của Phật đổ mồ hôi, không đổ máu, xây dựng một triết lý nhân sinh tích cực, không xây dựng lãnh tụ, hướng tới sự hình thành một xã hội nhân bản lấy Hạnh phúc của con người làm phương châm. Cuộc cách mạng của Phật bắt đầu từ cuộc cách mạng nội tâm nơi mỗi con người dựa vào niềm tin và sức mạnh tự thân, không a dua lôi kéo đám đông, thuyết phục nhưng không mông mị, không dùng bạo lực mà cổ võ tri thức, chống lại mọi hình thức tế lễ mê tín chủ trương kêu cầu các thần lực vô hình ban phước, ban lộc...

Con người là vũ khí của chính mình để khám phá và khai phá, trong đó có cả những tầng nội tâm u ám để "kiến tánh," nghĩa là nhìn thấu suốt bản lai diện mục và khiêm nhượng hoàn thiện nó. "Biết mình biết người, trăm trận trăm thắng." Trận thắng lớn nhất là làm chủ được một phần định mệnh bí ẩn của đời người trong khả năng mình. Không biết từ đâu đến trong cuộc đời này và sẽ đi về đâu sau cuộc đời này, tại sao sống, tại sao chết nhưng có lẽ mỗi chúng ta đều có thể trả lời đã chủ động dùng khoảng thời gian giữa hai cực bí ẩn kia như thế nào?

Hậu sinh tôn vinh Phật, đặt ngài lên tòa sen ngự trị Tam bảo để phật tử thờ lạy nhưng chỗ thật nhất của Phật là trong tâm mỗi chúng sinh. Phật là con đường đồng hành với những ai tìm kiếm điều Phật tìm kiếm 2500 năm trước. Là hạt giống của Từ bi và Hoan lạc gieo rắc trong thinh không bao la, thời gian vô tận, nhờ cơn gió duyên nghiệp mà đậu lại đó đây, cũng do duyên nghiệp mà cho mùa màng hoa trái hay thui chột.

Sau cùng, "kiến tánh" dù không thành Phật thì cũng giúp mỗi người vì "biết" mình nên không trách Trời, trách người và sống an vui với bản thân.

Kinh nghiệm

Sống đến một tuổi nào đó, người ta có khá đủ từng trải để hiểu rằng cái giá của kinh nghiệm thường rất đắt, ở cả hai mặt thời gian và tổn thất. Có một lý thuyết được các bậc tiền bối (gồm cả cha mẹ) tin tưởng và ra sức cổ võ, truyền bá, là con người có thể ứng dụng kinh nghiệm của kẻ khác để tránh những va vấp tương tự. Trong một giới hạn liên quan đến những vật thể cố định, những nguyên tắc bất di dịch (ví dụ: kinh nghiệm mở cái nắp hộp không phải dùng sức nhiều, nấu món ăn với thịt dùng nước lạnh, với cá dùng nước sôi..vv..) lý thuyết này không sai. Tuy nhiên, với con người hay những hoàn cảnh không thập phần giống nhau ở chiều sâu, có vẻ những kinh nghiệm cứng nhắc không phát huy được tác dụng và con người phải tự mình trải qua các bài học đắt giá để có kinh nghiệm riêng. Xin đan cử một ví dụ đời thường khá phổ thông khác để minh chứng: kinh nghiệm "quất ngựa truy phong" trong tình trường, cách nay vài thập niên và bây giờ, trước đây ở quê nhà và lúc này ở Mỹ, nếu các bạn gái học được kinh nghiệm của cha mẹ hay của nhau, có lẽ không có người thứ hai rơi vào tình huống "thua thì thua quyết níu lấy con..." Người sau in đúng dấu chân người trước nhưng ai cũng nghĩ mình khôn ngoan hơn, may mắn hay phúc đức hơn, có lý lẽ riêng để đi con đường chung song sẽ tới cái đích khác. Cho nên, thông thường, chúng ta rút kinh nghiệm qua

những bài học thực tế chua cay, những biến cố bi thảm hơn là từ người xung quanh hay từ những bài học từ chương dưới mái trường và mái gia đình. Chẳng thế mà kinh nghiệm với cậu Adam Lanza, 20 tuổi, con của một gia đình li dị, sống giam mình suốt bao nhiêu năm trong căn phòng riêng không chỉ đóng kín cửa mà còn trùm kín cả mọi cửa với các túi nilon màu đen, loại dùng để chứa rác, nhưng bà mẹ sống cạnh con vẫn không hay biết, không quan tâm, không mảy may băn khoăn về những biểu lộ bất thường ấy cho tới một ngày cậu chĩa súng vào mẹ, chĩa súng vào 20 bé thơ và 6 cô giáo/nhân viên văn phòng trường tiểu học Sandy Hook, thành phố Newtown, tiểu bang Connecticut, sáng ngày 14/12/2012, lấy đi sinh mạng của các nạn nhân vô tội chỉ để hả lòng hận thù và căm phẫn số mệnh, sự thờ ơ của mọi người. Trong một vụ thảm sát đau lòng khác xảy ra tại trường Virginia Tech 5 năm trước đó, ngày 16/4/2007, 33 người tử nạn, cậu sinh viên Hàn quốc 23 tuổi, Cho Seung-Hui đã viết trong lá thư giãi bày nguyên nhân việc làm của cậu như sau: "Các người đã có tỷ tỷ cơ hội để ngăn cái ngày hôm nay đừng tới nhưng các người lại quyết định dồn tôi vào chân tường và chỉ cho tôi một lựa chọn này..." Kết quả điều tra thân thế thủ phạm cho thấy Cho Seung-Hui là con một gia đình Nam Hàn di dân, bố mẹ làm nghề giặt ủi lam lũ, tất cả tâm trí, thời giờ dồn hết vào việc nuôi con ăn học, không bao giờ ngờ cảnh khổ của gia đình giữa một xã hội phồn vinh khiến cậu buồn tủi, khi tìm cách đến gần một bạn học, chưa kịp cả tỏ tình đã bị cô công khai từ chối mà cậu nghĩ là do mình nghèo, thì cậu đâm ra hận thù xã hội và ghét bỏ chính mình vô dụng. Lựa chọn của cậu trong cùng khốn và tuyệt vọng là tàn sát cả hai để tự giải thoát. Vậy, kinh nghiệm chữa lành những thương tích nội tâm của một người là gì? Sách vở, tin tức, tài liệu từ những công trình nghiên cứu của nhân loại đầy rẫy, sao chúng ta cứ thất bại hoài? Thất bại tệ hại nhất vừa lập lại ở Las Vegas hồi đầu tháng 10/2017, với hung thủ Stephen Paddock trong một đại nhạc hội quy tụ trên 20,000 khán giả.

May thay, chúng ta có ngoại lệ. Có những người tâm phước đức, trí nhờ đó mà minh mẫn, hốt nhiên bắt được kinh nghiệm như người trúng số. Đạo Phật gọi trường hợp này là NGỘ. Đạo Công giáo gọi là MẶC KHẢI. Một tia sáng xẹt qua đầu, soi rọi những vùng thâm u nhất, nói là bỗng nhiên nhưng không bỗng nhiên. Cơn giông, sấm chớp đều có chuẩn bị, Hạt giống tốt nẩy mầm đều có chọn lựa và công trình gieo trồng. **Lắng lòng. Quan tâm chính mình và người xung quanh** là chuẩn bị từ trong vô thức. Tín đồ sau khi vào chùa lễ Phật, vào nhà thờ quỳ gối đọc kinh, ra về thấy lòng trí ung dung, thanh thản, sáng suốt, phấn chấn, nghĩ là Phật ban phước, Chúa, Mẹ ban ơn, thực tế chứng nghiệm được là do những giây phút lắng lòng, tập trung vào ý lành, xua bỏ tạp niệm trước bàn thờ, tạo điều kiện cho năng lượng tốt phát sinh.

Tuần lễ này, tôi nhận được lá thư tuyệt đẹp của một đồng hương vừa NGỘ ra một điều tựa như nguyên lý của hạnh phúc gia đình, viết như sau:

"Tôi vừa có một khám phá mới khá thú vị, nghĩ là nên chia sẻ với chị.

Hôm qua, tôi đi tìm mua một món quà mừng sinh nhật chị bạn đồng nghiệp dạy cùng trường với tôi thời còn ở Sàigon trước 1975. Trước khi lái xe ra mall, tôi cũng đã nghĩ qua về món quà định tặng, đã search trên mạng để tìm vài gợi ý thích hợp nhưng khi tới mall rồi, vào các cửa tiệm bách hóa, thực sự cầm mấy món quà lên tay, ngắm nghía, cân nhắc, tôi thấy thật khó quyết định món nào vì không biết lựa chọn của tôi, tuy đây thành ý nhưng chắc gì bà bạn đồng nghiệp của tôi sẽ đồng thuận với lựa chọn ấy và cũng yêu thích món quà thay vì vứt nó vào một góc tủ? *Trước khi làm việc này, tôi có bàn qua với nhà tôi, hỏi ý kiến cô ấy nhưng nhà tôi biết trước rồi vợ chồng cũng lại sẽ cãi nhau như mỗi khi vợ hay chồng muốn bàn với nhau bất cứ chuyện lớn/chuyện nhỏ nào nên câu trả lời của cô là: "Anh muốn làm sao thì làm, không cần hỏi em vì anh hiểu chị ấy hơn em. Em làm sao biết chị ấy muốn quà gì?" Nhà tôi thường than thở với bạn bè là chúng tôi số khắc*

khẩu nên tốt nhất hãy bớt nói, bớt trao đổi để bớt cãi nhau ầm ỹ cửa nhà.

Thật ra, cuộc sống của vợ chồng tôi mấy chục năm qua tương đối ổn thỏa, không có sứt mẻ nào quan trọng vì chúng tôi đều giữ lễ với nhau theo phong cách cả hai đều là nhà giáo. Tuy qua Mỹ không còn đi dạy học nữa nhưng vẫn phải dạy con nên vẫn phải làm gương. Lúc nào giận tôi chuyện gì quá lắm, nhà tôi than với cô em gái tôi:"Nói cô đừng buồn, chị cứ phải nhịn anh như nhai cơm sống! Khổ lắm! Chán lắm cô ạ!"

Phần tôi thì vui cũng là vui gượng thôi vì cứ nghĩ đến vợ là ngại ngùng phải thấy bộ mặt cam chịu ngấm ngầm của cô ấy. Rõ ràng dù tình yêu lâu rồi không còn nguyên vẹn như thuở ban đầu nhưng trong đáy lòng cả hai, vợ chồng vẫn thương nhau bởi nếu không thương thì đâu còn muốn ở bên nhau nữa mà đường ai nấy đi tìm hoa thơm cỏ lạ chứ líu ríu với nhau làm chi?

Tuy nhiên, hòa bình cỡ nào, giữ lễ cỡ nào mà biết cái người sống bên cạnh mình chán mình, chịu đựng mình thì có khác gì chiến sĩ "nằm gai nếm mật," ngày đêm chỉ có mỗi một việc là tiếp tục thắng địch và phất ngọn cờ đầu ngay trong nhà mình?

Nhưng mà may cho tôi chị ạ, chậm còn hơn không, nhờ có hảo ý đi tìm mua món quà sinh nhật mừng thọ bạn mà hôm qua tôi chợt khám phá ra điều này, nôn nóng chia sẻ với chị, để chị sẽ chia sẻ lại với những cặp vợ chồng trong hoàn cảnh tôi, quanh năm mùa đông và mắt em ướt, chị nhé! Là thế này:

Tôi nghiệm ra, đi mua món quà tặng bạn mà tôi lưỡng lự, đắn đo mãi không dám quyết, sợ bạn không vừa lòng thì phí tiền mà mình lại quê nữa. Ấy vậy nhưng mỗi khi tôi muốn nói gì hay làm gì đối với vợ là tôi cứ nói, cứ làm thẳng tuột, giữ ý mình mà tôi cho là đúng nhất, best choice rồi! Khi nhà tôi tỏ vẻ không vui, không thích, tôi hay cáu, tự nghĩ mình đã để bao tâm huyết vào mỗi suy nghĩ, mỗi cử chỉ như những món quà yêu thương của tôi tặng cô ấy với cả tấm lòng mà sao cô ấy không biết nhận, ngu quá! Thế là cãi nhau. Được cái nhà tôi tốt nết, bao giờ cũng để tôi là kẻ chiến thắng và đây là món quà cô ấy tặng đúng ý tôi tuy phần cô

luôn phải trả cái giá đắt nhất, hiếm có tri kỷ nào làm được. Món quà ấy chính là cái gift card tôi mua tặng chị bạn sáng hôm qua để chị ấy có cái vui tùy thích và tôi thì làm xong bổn phận. Thật ra, làm xong bổn phận cũng có sự bằng lòng hay vui thỏa nhưng hình như không bằng được sự sướng khoái khi ***cái mầm sân si trong tự ngã được thỏa mãn****. Hóa ra khi lắng nghe người khác thì mình cũng tự hiểu mình. Không lắng nghe là vì sợ hiểu ra cái mình không hoàn hảo mà có khuyết điểm cần sửa. Trong mọi cái cần sửa, sửa mình là khó nhất chị ạ, tam đoạn luận, phải không? Trong mọi cái nhường nhịn, cái "tôi" khó nhường nhịn nhất tại vì bị sân si nó khống chế. Tôi nhớ có lần nói chuyện với vợ chồng một người bạn thân khác, cũng hay cãi nhau nẩy lửa vì mâu thuẫn, nhiều lúc tưởng là bỏ nhau, tôi hỏi chị ấy: "Sao tôi thấy anh nói nghe phải mà chị cứ cố tình làm ngược ý anh?" Chị trả lời tôi không chút do dự: "Ông ấy càng nói tôi càng làm trái lại! Đừng hòng chỉ huy hay dạy đời tôi!" Tôi thành thực không nghĩ chị ấy nói thật lòng mình vì mắt chị đỏ hoe. Bây giờ thì tôi biết cũng là do sân si mà ra cả.*

Lấy kinh nghiệm đi mua quà cho bạn hôm qua, tôi chợt nhận ra tôi chưa bao giờ "đãi" vợ tôi như đãi bạn, có lẽ chỉ ngoại trừ mỗi cái lúc đang tán tỉnh nhau, được cái Tình nó phù trợ làm điều tốt. Quan tâm đến người kia một chút để hiểu buồn vui của họ, cả những cái trái khoáy mà nếu bình tĩnh nghe nhau và tìm cách giải quyết vì lợi lạc chung, cùng nhau kê cái giường cho bằng, tôi nghĩ cuộc sống sẽ đẹp hơn, tươi tắn hơn, có hòa điệu hơn, chẳng hơn "tự sướng" à? Mỗi khi sắp sửa nộ khí xung thiên cãi nhau, hãy chậm vài chục giây, khoan nổ, để nghĩ xem mình sắp nói cái gì, tôi chắc những lời nói sau đó sẽ có ý nghĩa và hiệu quả nhiều hơn ngôn từ cãi nhau.

"Khám phá" của tôi chẳng có gì ghê gớm hay to tát cả nhưng với tôi là cuộc cách mạng đổi đời cần nhất cho tôi. Chia sẻ với chị, có thể chị sẽ cười tôi trẻ con nhưng sự thật tôi là người đàn ông vừa trưởng thành, có lẽ cũng không khác mấy với những gì chị nghĩ khi bỏ thời giờ đọc thư này. Cảm ơn chị nhé!

Vũ"

Và dưới đây là phần phúc đáp của tôi:

Rất cảm kích được ông chia sẻ một kinh nghiệm sống quý giá (tuy không có gì to tát như ông viết). Trong thiển ý tôi, cuộc cách mạng thành công nhất trên đời này là cuộc cách mạng bản thân, từ đó, sẽ nảy sinh nhiều cuộc cách mạng xã hội có ý nghĩa, làm cho mặt đất này đẹp hơn và cuộc sống của mọi người hạnh phúc hơn.

Cảm ơn ông và mừng ông đã tìm ra con đường an lạc.

KỶ NIỆM TRÊN ĐƯỜNG MORAN

Có lúc giữa buổi trưa chan hòa nắng. Có lúc vào buổi chiều chập choạng tối. Bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đối với cô, thời gian, thời tiết dường như chẳng có ý nghĩa gì tuy cô vẫn ăn mặc phù hợp với khí hậu mỗi lúc cô xuất hiện ở đầu phố. Làn da phơi sương gió của cô xạm đen. Người cô gầy và khô, không có chút mỡ thừa ở bất cứ phần ngang dọc nào trên thân thể. Ngày nóng, cô mặc áo sơ mi sát nách, quần đùi bó chẽn và thật ngắn, luộm thuộm vài thứ phụ tùng sặc sỡ, không ra kiểu cọ mẫu mã gì rõ rệt.

Ban ngày, cô hay đứng giữa đường, ngay chỗ con lươn ở khúc Bolsa rẽ vào, véo von, uốn éo, múa hát một mình, có hôm cảnh sát phải tới can thiệp, sợ cô bị xe cộ lưu thông gây tai nạn. Buổi chiều chạng vạng tối, cô đi qua lại giữa lòng con đường hẹp, chửi bới ào ào, kịch liệt, ráo riết, cố nghe kỹ qua cửa sổ xe mở nhưng không thể biết cô chửi ai, cứ mầy tao mà chửi tục. Những khi như thế, nét mặt cô căng ra vì tức giận, trái với những lúc múa hát, cô cười toe toét, hai con mắt có đuôi.

Hình ảnh cô quen thuộc với khách vãng lai trên đường Moran những năm đầu thế kỷ mới tuy không biết có bao nhiêu người bận tâm về cô? Có lần đi bộ ra mua trái cây ở tiệm Tiến Phát hay đi ăn quà ở Kang Lạc, tôi cố tình đi gần vào cô để cười chào nhưng không lần nào cô tỏ dấu nhận

biết cử chỉ thân thiện ấy. Sau nhiều toan tính không hiệu quả, tôi ý thức hơn để không quấy rầy cô nữa.

Chẳng biết có phải do méo mó nghề nghiệp, con mắt ưa nhìn thế sự của một người viết lách khiến tôi hay đa đoan chuyện đời bình thường không (?) nhưng những lúc một mình, nghỉ ngơi giây lát giữa hai công việc, tôi lại thấy hiện ra trong trí tưởng hình ảnh người đàn bà bất cần đời, lang thang trên đường Moran. Tôi đoán cô cũng từng có một gia đình, mẹ, cha, anh chị em; một gia đình nhỏ hơn của chính cô với người bạn đời hẹn thề trao xương, gởi nạc; một thời tuổi xuân hoa bướm rộn ràng như nhiều phụ nữ khác, với bạn bè, ước mơ và tình yêu. Có thể cô cũng từng có nghề nghiệp tốt hay làm chủ một cơ sở thương mại, ở nhà đẹp, đi xe đắt tiền, ăn uống ở các nhà hàng sang trọng và ngay cả đánh bài ở khu VIP trước nhiều đôi mắt thèm thuồng của người xung quanh...Chuyện gì đã xảy ra cho cô? Trận Tsunami nào đã tung, ném, vùi dập cô bằng những va đập ghê gớm tới mức làm hư hại thần kinh của cô đến thế? Cô tới đây qua ngả đường nào? Có ai cùng đi với cô không, họ đi đâu hết rồi? Ngoài những giờ khắc xuất hiện vật vờ trên đường phố, cô ăn, ngủ ở đâu? Tắm, giặt, vệ sinh thân thể thế nào? Nước Mỹ nhân đạo và giàu mạnh không có cách gì giúp cô phục hồi cuộc sống thăng bằng để nó có một ý nghĩa dù nhỏ nhoi nhất ư?

Trông cô, không thể không ngẫm đến mình. Biên giới giữa tin yêu và thất vọng/oán thù chỉ là một sợi tóc mỏng manh. Sợi tóc trốc gốc, rơi xuống lúc nào là chuyện của thiên nhiên, trời đất, nhưng hốt hoảng, thậm chí đánh mất cả mình là chuyện của người soi gương, chải tóc mỗi ngày, không muốn, không chấp nhận mất dù một sợi tóc, quên rằng đầu còn biết bao nhiêu tóc, chưa kể những sợi tóc mới sẽ mọc ra...Hãy tin chính mình. Hãy yêu chính mình. Hãy săn sóc chính mình. Ông bà chúng ta từng nói: "Còn người, còn của."

Dễ cả năm nay không ai còn thấy cô quanh quẩn ở con

đường cũ nữa. Không biết cô đi đâu, trôi dạt về bờ bến nào, còn hay mất, đã tỉnh hay vẫn mê? Một kỷ niệm khó quên về cô, mãi để lại trong trí nhớ tôi những màu sắc tươi vui. Buổi trưa hôm ấy trời nắng, tôi lái xe từ cuối đường Moran hướng ra Bolsa. Dòng xe chờ đèn lưu thông khá dài, tôi nhìn vơ vẩn sang bờ lề bên trái, thấy đập vào mắt cái lùm cây thấp rải rác trên chóp nó thứ gì trông như những bông hoa kỳ quái. Tôi cố tập trung nhìn kỹ hơn rồi cười một mình. Những thứ tôi tưởng là bông hoa ấy là những cái quần lót, áo ngực của phụ nữ loại thời trang bé tí teo, màu sắc sặc sỡ, giăng mắc, phủ gần kín cái chỏm lá của lùm cây dại ven đường, ý chừng ai đó thấy nắng thì tinh nghịch đem phơi. Quả nhiên, tôi không phải thắc mắc lâu vì có bóng người thấp thoáng sau bụi cây và cô hiện ra, khuôn mặt hớn hở. Cô không một mình. Hình như cô đang cười nói ríu rít với người đàn ông cùng ẩn mình sau đám cây rậm với cô, làm lá cành của chúng xôn xao lay động giữa buổi trưa trời đứng gió.

Mấy ngày sau đó, ra vào con đường này, thỉnh thoảng tôi thấy cô ngồi vắt vẻo trên cái bờ tường xi măng thấp phía trước căn phố thường đóng cửa, tay cầm ly cà phê giấy và phì phèo thuốc lá bên cạnh người đàn ông của cô cũng thuốc lá, cà phê phì phèo giống cô. Tôi mừng cho hai người tri kỷ gặp nhau, cuộc sống của họ từ nay chắc sẽ vui hơn ở chốn này. Thế nhưng, hình như bèo giạt, mây tan, tụ tán vô thường, họ sánh đôi không lâu vì người qua lại thấy cô chỉ còn một mình, y phục lúc gọn ghẽ, lúc màu mè lôi thôi, vẫn cái ví đầm lép kẹp lòng thòng dây đeo vai, lại đi vung tay, đá chân, nghênh ngang đầu con đường Moran, chửi bới ì xèo một mình, đặc biệt không bao giờ thấy cô ngửa tay xin tiền người qua đường.

Mùa đông quận Cam năm nay mưa nhiều và giá lạnh, khiến tôi bỗng nhớ cô, thầm nghĩ hè phố ẩm ướt, ngày không đủ nắng để ấm cho cô lúc đêm về. Đang lẩn thẩn tự hỏi nguyên nhân nào xô đẩy cô vào cảnh ngộ buồn bã ấy

và muốn có chút thư giãn, tôi tiện tay mở TV, chọn bất kỳ một kênh tiếng Việt nào để đỡ phải lẩm nhẩm dịch trong đầu những câu phụ đề Anh ngữ. Vào nửa chừng, chả hiểu ất giáp gì, chỉ thấy cảnh một cô nữ sinh áo trắng trong cuốn phim truyện, ngồi sụp xuống đất, xe đạp/cặp sách nghiêng đổ bên cạnh, khóc nức nở trên vai người đàn bà lớn tuổi nét mặt đăm chiêu, chắc là mẹ cô. Cô vật vã, mếu máo than thở: "Ảnh đã nói ảnh chờ con, ảnh không bao giờ bỏ con, sao bây giờ ảnh đi với người ta? Sao anh bỏ em, anh ơi!"

Câu nói này bàn dân thiên hạ từng nghe hay nghe kể lại nhiều lần, do nhiều người nói với nhiều đối tượng và trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Điệp khúc "Anh không bao giờ bỏ em" thì thầm trong chỗ riêng tư giữa hai người yêu nhau hoặc có cả sự chứng giám của mặt trăng, mặt trời, của sông dài, biển rộng, của ảnh tượng đức Chúa hay đức Phật, phần đông kết cuộc ngược lại. Kinh nghiệm tổ tiên dặn dò: Lời nói gió bay. Văn chương bình dân ví von: Thề cá trê chui ống. Âm nhạc trữ tình hát lên thơ mộng: Người tình bỏ ta đi như những giòng sông nhỏ, lời hẹn thề là những cơn mưa... Không chỉ loài người nói trước quên sau, Thiên nhiên trong ca khúc Trịnh Công Sơn cũng vỗ về: "Ta ra đi sông còn ở lại." Có vẻ như con sông vẫn ở nguyên chỗ của nó, thật ra, nước ở mọi khúc sông thay đổi từng phút giây.

Ở cõi tạm này, có cái gì ta không bỏ nó? Có cái gì nó không bỏ ta? Thế đấy nhưng vẫn những vòng tay khăng khăng ôm giữ. Mỗi vuột đi là mỗi đớn đau, tiếc nuối, hận thù, trách móc. Thơ Nguyễn Ngọc Thạch có câu "Núi mừng vì mây đến rồi." Qua khoảnh khắc phù vân này, mây bay đi, không ai biết núi có buồn không? Hay núi bền vững so với mây lang thang nên núi biết hạnh phúc ở chính mình vì mây sẽ còn trở lại. Sự khôn ngoan của kiếp người phải chăng hãy biết đón nhận và tận hưởng vẻ đẹp của tình yêu, của cải, lời hứa ngay khi chúng đến trong tràn đầy, lộng lẫy, trên môi, trong mắt, trong tay và sẵn sàng để gió cuốn đi...

Mỗi đêm, khi con đường Moran đã vắng ngắt, không

còn người và xe cộ qua lại, chỉ còn ánh sáng lặng lẽ từ mấy cái bóng đèn ở mặt tiền các cơ sở thương mại đóng cửa im ỉm, tỏa xuống lòng con phố nhỏ, chốc chốc người ta lại thấy nhô ra khỏi con hẻm tối một chiếc xe hơi tàn tàn, lừ đừ quẹo ra hướng Bolsa. Chiếc nào vọt nhanh hơn là của người trẻ. Họ là nhân viên của các tòa soạn nhật báo quanh đó: ký giả, phóng viên, dịch thuật, kỹ thuật v.v... Họ vừa hoàn thành những công việc cuối cùng trong ngày và tờ báo đã ra nhà in. Họ chui từ cái hộp xi măng lớn vào cái hộp thép nhỏ để trở về cái hộp có những người thân thiết nhất chỉ được phép mong họ về khi đêm bắt đầu khuya. Trăng sáng trên đầu ư? Gió thoảng đưa hương từ những khóm hồng hay dạ lý ngoài sân trước ư? Không khí mát rượi như bàn tay ai với những ngón thon mềm vuốt trên đôi má ư? Các quà tặng quý giá ấy của thiên nhiên bao lần đến dưới mắt họ, trên những trang chữ đầy chật màn hình máy vi tính nhưng hiếm khi đến với họ trong đời thường. Cái ưu tiên lớn nhất là tờ báo đã chiếm hết chỗ của các ưu tiên khác, bao gồm cả cái ưu tiên đơn giản là chút thời gian thảnh thơi cho họ tận hưởng chút hạnh phúc không phải làm gì, đầu óc không bề bộn, không vướng bận, như bất cứ ai không chọn theo đuổi cái nghề của họ. Phần thưởng của họ là bài báo viết về một đề tài được độc giả thưởng thức qua những cú điện thoại gọi vào tòa soạn, là khi bên phát hành được yêu cầu giao thêm báo ở một địa chỉ hay đại lý cũ/mới nào đó. Mỗi đêm, cửa tòa soạn chỉ đóng chừng năm tiếng đồng hồ giữa hai tốp người đi và đến. Nhân viên tòa soạn tạm xong nhiệm vụ, ra về khi thành phố sửa soạn đi ngủ. Nhân viên phát hành vào ca khi thành phố vẫn đang ngủ say. Buổi sáng bắt đầu với họ bằng mùi cà phê, mùi sương sớm lẫn với mùi mực in và mùi khói thuốc lá. Mang vác. Chính xác, Nhanh nhẹn. Gọn ghẽ. Họ tỏa ra khắp mọi ngả đường. Khi xong việc, họ là những độc giả đầu tiên của tờ báo do họ phân phối đến cộng đồng gồm người đọc và thân chủ quảng cáo. Không chỉ đọc, họ còn lắng nghe tiếng nói của những người cùng đọc, trao đổi, góp nhặt mọi ý kiến phê phán để chuyển

về cho ban biên tập và ban thương vụ, giúp kiện toàn tờ báo. Về tới nhà, vợ con đã đi làm, đi học. Bảy tối một tuần, họ là người tắt đèn đi ngủ sớm để nửa đêm trở dậy theo công việc đòi hỏi, hy sinh những giờ khắc sinh hoạt đầm ấm trong gia đình.

Tất cả những nhân vật trong hoạt cảnh nêu trên có thể được ví với những con ong cần cù nhả mật. Là nghiệp dĩ, chắc vậy. Nhưng là con người, họ có sự lựa chọn. Cao quý thay!

LÁ CỜ TỔ QUỐC

Hơn hai mươi năm trước, một buổi sáng mờ sương, tôi lái chiếc Corolla cũ đi làm trên đường Euclid hướng về Bolsa. Nhà cửa, hàng phố hai bên vỉa hè còn yên ắng, xe của những công nhân đi làm ca sớm lưu thông thưa thớt và tôi đang lơ mơ nghĩ về một ngày như mọi ngày, thốt nhiên mắt tôi chạm vào những lá cờ quốc gia màu vàng với ba sọc ngang màu đỏ bay phấp phới bên cạnh cờ Hoa Kỳ trên các trụ điện thành phố. Tôi cựa mình ngồi thẳng lên, tỉnh táo, mở mắt to hơn, chạy qua những cái cột điện treo cờ như trong một cuộc diễn hành kỳ lạ. Cảnh vật nhòe đi trong nước mắt tôi mừng vui tuôn rơi trên vạt áo, xúc động và hãnh diện thấy mình bỗng nhiên tìm lại được một thời tươi đẹp ở quê hương.

Tôi đã không nhìn thấy lá cờ tổ quốc một thời gian thật dài, sau biến cố 30 tháng tư 1975. Sài Gòn thân yêu của tôi kể từ mốc lịch sử oan khiên, đau buồn ấy đã quằn mình dưới một rừng cờ đỏ, cuồn cuộn màu chu sa, làm sống lại cái thê lương trong thơ Trần Dần khi về giữa Hà Nội năm 1954:

"Tôi đi không thấy phố thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ"

Tưởng rằng đã thôi. Đã mất. Đã trăm năm chia tay. Sẽ ngàn năm vĩnh biệt. Một dân tộc điêu linh. Một đất nước tội tình. Những phận người phiêu bạt lênh đênh không còn

biết đâu là nhà, không còn cả một lá cờ là căn cước để biết chúng ta từ đâu đến và sẽ đi về đâu?

Thế nhưng không, lá cờ tổ quốc của tôi vẫn hiện diện cùng đồng hương của tôi trên xứ sở vĩ đại này. Chúng tôi có cả một lịch sử nhiều ngàn năm văn hiến. Chúng tôi vẫn còn một điểm hẹn chung để hội tụ, vẫn còn cơ hội nắm tay nhau để cùng hành động cho một ngày trở về dưới bóng cờ tổ quốc linh thiêng của 90 triệu con dân cùng một tổ tiên oai hùng. Tôi cực tin rằng lá cờ ấy mang linh hồn của những người Việt Nam trong mọi cương vị, từng hiến dâng sự sống cho tổ quốc tồn sinh và cũng như thế cho mọi lá cờ của mọi quốc gia trên địa cầu này. Cho nên, cứ mỗi lần được nghe bản quốc ca cất lên, lòng tôi không khỏi bùi ngùi và mắt tôi không khỏi rướm lệ.

Cùng với ý nghĩa thiêng liêng và to lớn của lá cờ tổ quốc, vào thời điểm rực rỡ nhất trong lịch sử định cư trên bốn thập niên tại Mỹ của cộng đồng người Việt tỵ nạn hải ngoại, tôi tin rằng mỗi thành viên của tập thể lưu lạc ấy đã có lúc cảm thấy mình hồi sinh với lá cờ tổ quốc tung bay dưới bầu trời này. Chúng ta vẫn mang theo nhân thân mỗi người một mảnh vỡ tổ quốc sẽ có ngày hàn gắn lại như văn hào Voltaire từng viết: "Tổ quốc là tâm điểm cột buộc trái tim chúng ta." Về sau, vì cộng đồng thiếu một chiến lược nhất quán, vì sự phá hoại thiên hình vạn trạng của đối phương, vì nỗ lực sinh tồn vừa xói mòn năng lực, vừa làm nguội lạnh nhiệt tình với đại cuộc ngày càng trôi xa mục tiêu, lá cờ tổ quốc từ vị thế là đích nhắm cao cả "tổ quốc còn thì con dân còn" đã trở thành phương tiện đấu tranh được sử dụng tùy tiện trong tay một số người tự cho mình quyền suy nghĩ và hành động thay cho mọi người, quyết định cả sự an vui của mọi người nhưng thực tế chỉ tạo ra bầu khí gây chia rẽ, lo sợ, hận thù ngay trong lòng mình và trong lòng anh chị em một nhà. Thậm chí lá cờ tổ quốc là cái nhãn hiệu để nhận ra nhau ở bề ngoài, hệt như cái nhãn hiệu dán trên một sản phẩm để bảo đảm nguồn gốc và chất lượng bên trong bao

bì, thực tế có khi đã thay đổi. Các ông/các anh thắt cà vạt, các bà/các chị quàng khăn, mặc áo dài có hình tượng cờ tổ quốc, nhịp nhàng, đồng điệu, làm sao biết được tâm thế đã cách chia, không còn cùng nhau một mối tương đồng?

Từ đó, phải thú thật, hình ảnh lá cờ tổ quốc trở thành một ám ảnh buồn bã trong tôi, cả hồn lẫn xác, cho dù ở một nơi sâu thẳm nhất trong tâm tư mình, tôi biết lá cờ ấy vẫn cháy lên như ngọn đuốc thiêng Thế Vận Hội, mãi mãi được tiếp nối, được gìn giữ với tràn trề sức sống thanh xuân không bao giờ phai tàn.

Lá cờ Tổ quốc của tôi không ai được làm nhem nhuốc hay có thể lấy đi, bỗng nhiên mất cả danh xưng mạnh mẽ, oai hùng của nó để nhận lấy cái tên thông tục "cờ vàng ba sọc đỏ," làm đau lòng toàn bộ con dân nhà Nam hết thế hệ này sang thế hệ khác, luôn ngước nhìn, trông vời lá cờ như ngọn hải đăng soi đường để không lạc bước, như ngôi nhà luôn ao ước trở về dẫu xa xôi cách trở ngàn trùng. Lá cờ Tổ quốc phủ lên quan tài các tử sĩ hy sinh ngoài chiến trường theo đúng lễ nghi quân cách, nay phủ lên quan tài những chiến binh không có vinh dự này như một cách thể hiện giùm cho người nằm xuống mang theo họ giấc mơ hồi hương không trọn.

Lịch sử Việt Nam xa xưa đã có giặc cờ đen, cờ vàng, cận đại có đảng cộng sản cờ đỏ sao vàng, là những liên tưởng đầy bóng tối không một công dân nào của tổ quốc Việt Nam muốn có. Cờ đỏ sao vàng, cho tới nay, là tiêu biểu của chế độ Cọng sản Việt Nam, chưa bao giờ chính danh là cờ của Tổ quốc Việt Nam có lãnh thổ, có dân tộc, có lịch sử riêng, hiện nay gồm hơn 90 triệu dân cùng một tổ tông. Lá cờ đó muôn năm cứ là cờ đỏ sao vàng, không có một danh xưng nào khác. Cùng lắm, chỉ có hơn ba triệu đảng viên người Việt đứng dưới lá cờ ấy, nhìn nhận nó khi tuyên thệ nhận căn cước cọng sản của họ.

Thấm thoát, cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản đã rời bỏ quê cha đất mẹ gần nửa thế kỷ. Chúng ta như những

mảnh puzzles của một mô hình kiến trúc lớn bị gió bão đánh đổ, không tìm được cách gắn ghép vào nhau và ngày càng chông chênh, trôi dạt. Gần đây, một số khá lớn chúng ta có dấu hiệu mỏi mệt, muốn bỏ cuộc và buông xuôi theo thời thế. Tuổi trẻ không tin tưởng và ngưỡng phục người lớn trong cách hành xử nên kính nhi viễn chi. Người lớn thấy năng lực hao mòn cùng tuổi tác trước viễn ảnh một tương lai vô vọng, cũng muốn dừng chân, gác kiếm, để xem con Tạo xoay vần đến đâu?

Người anh hùng bĩ vận Ngô Thì Nhậm có câu đối đầy nghĩa khí: "Thế Chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế thế thời phải thế." Người Mỹ có nhân sinh quan tương tự: "If you can not fight them, join them." Vậy là khôn ngoan, quyền biến, thức thời. Dù chưa xoay chuyển được thời cơ thì cũng là một cam tâm khí phách, biết đâu bàn cờ có lúc phá được thế bí? "Thế thời phải thế" hay "join them" không có nghĩa là đầu hàng mà chỉ là tạm hòa để bảo toàn lực lượng và mưu sự. Hơn nữa, là dấn thân khi không còn ai để trông cậy ngoài chính mình, kiểu "không vào hang cọp, sao bắt được cọp con?" Nghịch lý trong cả hai trường hợp là sau cùng, kẻ yếu phải cầm được bánh lái để chiến thắng, nếu không, sẽ là sự thua cuộc trá hình ngay từ đầu, dối lòng, dối người, nào có ích gì nếu không là tội lỗi?

Trong cuộc chiến cuối cùng này, vũ khí của chúng ta là lá cờ tổ quốc phấp phới bay trên các trụ đèn đường của nước Mỹ như nó đã phấp phới bay trên cổ thành Quảng Trị, thôi thúc chúng ta hãy bền lòng nuôi những giấc mơ và biến chúng thành sự thật, hãy bền lòng nhớ rằng chúng ta có một cội nguồn, một quê hương để trở về xây dựng lại. Hãy luôn mang lá cờ ấy trong tâm khảm, đi bất cứ đâu, làm bất cứ điều gì vì dù có lúc khó khăn, nó luôn chứng minh chúng ta có một lịch sử hào hùng và đáng hãnh diện.

Hình như tôi đang mắc cạn trong một thời đại nhiều dối trá, hời hợt, ươn hèn, mỗi ngày tự ve vuốt mình để quên đi những điều không muốn nhớ. Lâu dần, mọi thứ trở thành

tự nhiên. Tôi thấy mình vật vờ như một sinh vật không có căn tính, một sợi khói vô định, mờ nhạt, lang thang đi tìm mái nhà xưa trong trời chiều bảng lảng quê người. Cho nên, tôi thực sự cảm ơn lá cờ tổ quốc linh thiêng cho tôi nơi an trú trong quãng đời lưu lạc, cho tôi đường hoàng ngẩng cao đầu trả được món nợ đất nước này đã cưu mang, cho tôi thoát khỏi thân phận kẻ côi cút không nhà cửa, không gốc gác, trôi sông lạc chợ đến đây như cánh bèo mặt nước.

Mai kia, nếu phải gửi xác ở chốn này, tôi xin được là gió để mãi mãi quẩn quanh ở các khu kỳ đài của cộng đồng người Việt di tản khắp nơi trên thế giới, lưu dấu bước chân của một dân tộc chấp nhận trả giá cho lỗi lầm lịch sử và kiên cường đứng lên, xây dựng lại từ những mất mát và đổ vỡ đau thương bi thảm nhất trên giòng sinh mệnh của nhân loại cuối thế kỷ 20.

LỰA CHỌN ĐÚNG NHẤT

Một người bạn vừa gửi cho tôi cuốn phim SAMSARA, bảo tôi xem đi để thấy con người không làm chủ những lựa chọn của nó trong đời. Chắc bạn muốn an ủi tôi khi cuộc sống không trôi chảy như mình mong muốn. Tôi biết anh còn nhớ buổi tranh luận của hai chúng tôi cách đây chừng hơn một thập niên khi anh và tôi bàn về thuyết "Tài mệnh tương đố" của cụ Tiên Điền Nguyễn Du. Tôi tiếc cho cô Kiều, sao vội vã *Rẽ ra cho thiếp bán mình chuộc cha* mà không gởi người về Liêu Dương tìm Kim Trọng? *Trời Liêu non nước bao xa? Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi.* Trong biến cố, tôi không thấy phần phản kháng số phận của cô Kiều như tôi vẫn xác tín theo lời dạy kiên cường của tiền nhân: "Tận nhân lực tri thiên mệnh." Chưa làm hết sức mình, sao biết số phận là thế? Mãi đến những năm cuối thế kỷ 20, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn mới viết *"Đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt? Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt..."* và ở tuổi 40, tôi bỗng lờ mờ thấy ông có lý quá!

Bây giờ thì hoàn toàn biết sức mình rồi, tôi không cãi với anh bạn nữa và kiên nhẫn ngồi xem Samsara.

Phim được thực hiện năm 2001 với đạo diễn tài năng Pan Nalin, nhan đề phim có nghĩa là Vòng Luân Hồi: sinh ra, sống, chết rồi tái sinh.

Nhân vật chính là Tỳ kheo Tashi. Anh đã một mình tịnh

khẩu, tọa thiền trong hang động đúng 3 năm, 3 tháng, 3 tuần, 3 ngày. Râu dài tới rốn. Người chỉ còn da bọc xương. Hết hạn kỳ, các đồng tu rước anh về lại chùa trong niềm tôn kính vô hạn. Cuộc đời của một nhà tu xả kỷ như anh tưởng chừng sẽ ngày càng tinh tấn thêm nhưng không, trong những giấc mơ nửa đêm của anh thấp thoáng bóng đàn bà và anh xuất tinh ướt cả sa y. Sư phụ hiểu thấu căn cơ lay động lòng anh nên mở đường cho anh tự xét mình. Anh xin phép hoàn tục như một nỗ lực thử thách sức mạnh của đức tin và sự cám dỗ của đời thường. Một sáng sớm tinh mơ, anh khăn gói bịn rịn rời chùa xuống núi. Ngày hết, chiều lên, anh rạt vào một khu làng đang mùa gặt hái. Một trại chủ cho anh cơm ăn và việc làm. Ngay buổi sáng đầu tiên trên cánh đồng, anh lập tức chết mê chết mệt vì đôi mắt liếc nhìn anh tình tứ của Pema, cô con gái ông trại chủ. Ban đêm, họ hẹn hò nhau giữa đồng không mông quạnh và lăn vào nhau như hai con hổ đói. Bị phát giác, Tashi lãnh đòn của ông chủ sặc cả máu mũi nhưng cả hai quyết tâm thà chết chứ không lìa nhau. Bố mẹ Pema đành cho làm đám cưới. Có thêm chàng rể trẻ trai, tháo vát, lanh lợi, lại từng xuất gia tu hành có đẳng cấp, cũng vinh dự chán. Đôi vợ chồng trẻ sống hết sức mặn nồng bên nhau và có ngay một con trai. Tashi quên hết quá khứ, phụ với gia đình vợ làm ruộng, mỗi mùa thu hoạch hoa lợi và bán cho hàng xáo vào tận làng thu mua. Khôn ngoan, giỏi tính toán, Tashi biết bọn con buôn trung gian mua rẻ bán đắt nên anh bàn với bố vợ đem sản phẩm ra thẳng chợ. Việc mua bán khả quan hơn nhưng bọn con buôn để tâm thù hận. Một đêm, chúng nổi lửa đốt hết lúa của nhà Pema. Đang đêm choàng tỉnh giấc vì lửa cháy ngùn ngụt khắp đồi nương, cả gia đình đổ ra cứu chữa một cách vô vọng. Ngọn lửa thiêu sạch công trình mồ hôi nước mắt của họ, thiêu luôn những mơ tưởng bình an của Tashi trong cuộc sống. Nhân khi bị thương tích trong lúc chữa cháy và đánh nhau với bọn xấu, Tashi ở nhà để Pema thay chồng đi xuống phố. Một cô bạn thân của Pema vốn thích Tashi, từng đầu mày cuối mắt với anh nhiều lần, vội lẻn tới

nhà anh bày trò ân ái với chiêu thức cực kỳ quái dị. Giây phút hưng phấn cao độ, cô xé phăng giải áo của Tashi tung lên sà nhà, xoắn nó như cái giây chão rồi quấn mình quay tít với Tashi trần truồng, ngây dại ngửa cổ trông lên. Đang giữa cuộc vui bỗng nghe tiếng mẹ con Pema về trước sân. Tashi hoảng hốt vớ lấy quần áo thì áo đã rách. Nỗi sợ hãi chẹn lên cổ Tashi lúc đó đang cố lấy hết tàn hơi hò hét để đuổi cô gái thoát đi thật nhanh.

Dư vị chua chát của những biến động eo xèo trong đời thường chợt khiến Tashi chán ngán. Anh thấy mình lạc lõng ở một nơi không có gì vui nữa và cửa thiền hiện ra trong tâm trí đảo điên, mệt mỏi của Tashi. Anh muốn quay về và nghĩ suy trong lặng lẽ. Một đêm, khi vợ con đã ngủ say, anh hôn thằng bé rồi khoác tay nải trốn đi. Anh đi bộ, băng qua những đồi cát chập chùng. Khi mệt, anh ngồi phịch xuống nghỉ ngơi. Ở nhà, Pema tỉnh giấc, thấu hiểu tâm can chồng và lấy lừa đuổi theo. Quả nhiên, Pema bắt gặp anh ngồi dưới nắng trưa. Cũng dưới cái nắng trưa chói lòa mắt ấy, Tashi thấy vợ hiện ra trong cái quầng sáng hư hư thực thực dưới hai hàng mi hấp hay của anh. Rồi anh nghe tiếng Pema dõng dạc cất lên. Nàng kể lại sự tích Thái tử Tất Đạt Đa bỏ cung vàng, điện ngọc và vợ đẹp, con thơ để đi tu. Thế gian tôn phục hành vi xuất gia cứu nhân độ thế của Thái tử khi Ngài thoát sông mê tới được bờ giác, giúp giải thoát con người khỏi vòng luân hồi tục lụy nhưng hãy hỏi xem có ai nghĩ giùm cho thân phận của Hoàng hậu Da Du Đà La (Yashodhara) tuổi xuân mòn mỏi, khô héo trong hậu cung lạnh lẽo không? Thái tử chỉ cần tạo hạnh phúc cho chính gia đình của mình thì đã đắc đạo rồi. Pema không đứng yên một chỗ mà đi vòng quanh nơi Tashi ngồi, thanh âm giọng nói nàng rơi lả tả như trái chín lìa cành, vỡ ra nhầy nhụa; như những nhịp búa không nương tay gõ lên nắp áo quan, quyết liệt. Khuôn mặt nàng là khối ngọc lung linh với sức thu hút huyền bí lồ lộ dưới bầu trời chan chứa nắng. Cuối cùng, khi ngừng nói, nàng vứt vào lòng Tashi nắm cơm ăn đường mà nàng vẫn thường gói ghém cho Tashi mang theo

trong chiếc khăn gấm mỗi khi chàng phải đi đâu ra khỏi nhà. Nhìn theo Pema quay gót trở về con đường làng cũ, mở bọc cơm ra và thấy lại tất cả tình yêu nồng nàn của vợ, bàn tay nâng niu, ân cần của vợ những ngày bên nhau, Tashi ngã vật lên cát, khóc gào đứt hơi, tự dằng xé mình trước ngã ba đường không biết phương hướng nào là đúng để lựa chọn?

Sau cùng, khóc chán rồi thì Tashi cũng phải đứng dậy, liêu xiêu cất bước trong trời đất hoang mang, vô tình hay hữu ý để rơi trên cát, sau gót chân mình, tấm áo cà sa chàng đã cởi ra khi dừng chân nghỉ mệt trên chặng đường chỉ mới khởi đầu.

Đạo diễn cuốn phim không có kết luận nào cho khán giả và cho chính ông mà dường như chỉ muốn chia sẻ cảm nghiệm rằng trong cuộc đời này, không có lựa chọn nào thập phần đúng và sống là chấp nhận những thực tế bất toàn rất đỗi đáng thương. Tashi muốn đi tìm sự thăng hoa của tâm hồn, từ bỏ cuộc sống thế gian đa đoan nhưng số phận đã buộc vào anh một lựa chọn khác. Pema suốt đời chỉ ước ao được sống chết với tình yêu nhưng dù phấn đấu cách nào, nàng cũng đành buồn bã nhận ra quyền lựa chọn không ở trong tay mình.

Qua các nhân vật ông dựng lên, Pan Nalin cho thấy nguồn gốc bi kịch của đời người. Cho dẫu Tashi tiếp tục đường tu hay trở lại mái nhà xưa, cả hai lựa chọn đều dở dang, đều mang dư vị chua chát của nguyện ước thất bại. Nói cách khác, chàng sẽ như con thú hoang thỉnh thoảng tìm nơi vắng vẻ nằm liếm vết thương của nó cho tới chết. Về phía Pema, cho dẫu Tashi có quay về ôm nàng trong hai tay, giây phút mặn nồng của tình nghĩa vợ chồng sẽ không bao giờ còn trọn vẹn, sẽ khắc khoải và sẽ mãi thấp thoáng ít nhiều bóng tối của biệt ly.

Tôi biết anh bạn đồng thuận với đạo diễn Pan Nalin khi anh gởi cuốn phim cho tôi nhưng tôi thực sự không biết anh có tìm thấy bình an trong cách giải thích của Pan Nalin về

những hạn hẹp của con người dưới mắt ông ấy không? Vì Pema trưng dẫn câu chuyện Thái tử Tất Đạt Đa thành đạo, tôi có một suy nghĩ khác. Phải chăng Thái Tử thành Phật vì Ngài nhận biết nhân loại loay hoay khổ đau là do những xiềng xích tự mình buộc cho mình? Phải chăng Phật là biểu tượng cao nhất, toàn vẹn nhất của Tự Do tuyệt đối có khả năng giải thoát con người khỏi mọi dục lạc bi lụy của thế gian đời thường? Còn Tashi, anh vật vã giữa mê đắm thể xác và thánh thiện tâm hồn. Anh ta muốn nhiều thứ quá và đau khổ vì những ham muốn ấy, dù lựa chọn thế nào cũng là luẩn quẩn trong cái "vòng tiều tụy." Và Pema, nàng muốn sở hữu tình yêu theo những kinh nghiệm êm ái nàng trải qua và đau khổ khi quyền sở hữu ấy bị đe dọa hoặc lấy đi, quên rằng sống là đương đầu với bất trắc, nay còn mai mất, lựa chọn sự bền vững bất di dịch trong tình yêu là không tưởng, là tự chuốc lấy phiền não vào thân. Còn Đạo diễn Pan Nalin, ông có cố tình bỏ qua sự lựa chọn viên mãn nhất thị hiện nơi đức Phật Thích Ca không? Nếu có cũng dễ hiểu thôi vì ông không phải là nhà truyền giáo đi hành đạo, ông làm phim cho khán giả đến xem ông và mong tìm được sự đồng cảm, khi mọi người đang cùng nhau bơi lội trên cùng những nhánh sông đời rong rêu.

Còn tôi, tôi có câu hỏi lẩm cẩm này, bạn nghe, chiêm nghiệm, rồi trả lời cho tôi: Lựa chọn thiết thân nhất của con người là lựa chọn "không khổ đau." Đúng hay Sai?

Tôi hình dung ra anh bạn tôi đang cười chế riễu và câu trả lời của anh tôi đoán trước, sẽ là: "Sai bét! Tôi đâu đã đi tu, còn lâu mới đắc đạo để có thể đứng ngoài khổ đau." Nghĩa là anh hoan hỷ lựa chọn con đường trầm mình trong hệ lụy ấy? Vậy, có nên than rằng con người không có quyền chọn lựa không nhỉ? Anh còn nhắc đến "đi tu," ngụ ý anh chưa vào chùa thế phát quy y. Thôi, có lẽ tôi đành phải rút lại lời hứa không lý sự cùn với anh nữa để nói nhỏ với anh rằng ngôi chùa đầu tiên khi Thái tử Tất Đạt Đa chưa thành đạo, đâu ở nơi nào khác hơn là chính nội tâm của Ngài? Chúng

ta thường nghe câu nói "Phật tại Tâm" mà không kịp nghĩ sâu để suy ra "Chùa cũng tại Tâm." Thái tử tọa thiền dưới cội bồ đề, cội cây trở thành ngôi chùa nguy nga, tráng lệ, quang chiếu ánh đạo vàng khi thị chứng sự giác ngộ tuyệt đỉnh đưa đến Tự Do tuyệt đỉnh của Ngài trước mọi quyền uy vô hình hay hữu hình trong cõi sống tạm. Chỉ cần vượt qua tấm bảng "Sợ Hãi" luôn án ngữ tâm thức chúng sinh là thấy Niết Bàn hay Thiên Đàng.

"Đi tu" trong ý nghĩ của tôi, là chuỗi thời gian thinh lặng, giúp gạn lọc hết mọi tạp âm và vọng tưởng gây ra phiền não, để chúng ta thành khẩn, khiêm cung tự vấn lòng mình giữa bộn bề tạo vật, để chúng ta nhìn thấu bản lai diện mục của chúng ta, thế thôi. Còn như sự vận hành bí nhiệm của vũ trụ thì cho tới giờ phút này, chưa có ai "giải mật" được ngoài ý thức chấp nhận. Tâm nguyện "đi tu" thể hiện bất cứ dưới hình thức nào, tu chợ, tu tại gia, tu chùa, nếu có thể tan hòa mình vào vô ngã để cảm thụ sức mạnh vô biên sẵn cho tất cả mọi ai, như khí trời vô tận thì đây là bước tu thành tựu đầu tiên đáng kể. Cho nên, ở đâu, lúc nào mà chả tu được? Ba năm, ba tháng, ba tuần, ba ngày tọa thiền của Tashi hồ dễ mấy ai đã có thể thực hiện nhưng so với sinh thời hạn hẹp của một kiếp người, quãng thời gian này đâu có nhiều? Bao lâu Tâm chưa định, như Tashi, con người vẫn cuống quýt chạy đi chạy lại giữa hai đầu con đường tu vì vẫn chưa thấy chùa ở trong tâm.

Cảm ơn anh bạn đã nhắc tôi một kỷ niệm cũ và cho tôi cơ hội chia sẻ những suy nghĩ về cái đề tài thảo luận từng khiến tôi thao thức hơn mười năm trước. Bây giờ, tới lượt anh suy nghĩ về sự lựa chọn "không đau khổ" tôi viết ở phần trên thư này, có lẽ là lựa chọn đúng nhất vì nó sẽ không làm ai ân hận cả. *Cảm ơn Trời mỗi sớm mai thức dậy, Biết ta còn ngày nữa để yêu thương.*

Sau cùng, "không khổ đau" nên là thái độ sống thay vì là một lựa chọn giữa nhiều lựa chọn.

Mẹ Thiên Nhiên

Ở tuổi thất thập cổ lai hy, tôi chợt hiểu một cách sâu sắc và lý thú vì sao Thiên Nhiên được tôn vinh ở vai trò bà mẹ nhân loại.

Cũng giống như các bà mẹ sinh học của loài người, Mẹ Thiên Nhiên cũng có khi nóng giận dưới ảnh hưởng thời tiết, gây tai họa: giông bão, lũ lụt, lốc xoáy, mùa màng thất bát..vv..nhưng bình thường, Thiên Nhiên là một bà mẹ tốt, nuôi dạy con cái tuyệt vời.

Tôi lạc loài sinh ra trong một gia đình quyền quý, giàu có, là đứa con cuối cùng và lại là gái trong khi trước tôi đã có các anh chị như bố tôi mong muốn. Mẹ tôi là người đàn bà duy nhất sinh con cho nhà họ Bùi nhưng chưa bao giờ được làm vợ bố tôi, giản dị vì mẹ già tôi chọn nái tốt, đem bà từ đồng ruộng Bắc Ninh về chỉ với mục đích kiếm người nối giõi thay cho mẹ già tôi không sinh nở được. Tôi như ngón tay thừa trên cái bàn tay đã đủ ngón nên cả một thời thơ ấu, bây giờ nhìn lại, thấy mình đã vô tình được mẹ Thiên Nhiên bảo dưỡng trong khu vườn rộng cả mẫu tây đất nằm về tả ngạn sông Hương.

Bố tôi cai quản một sự nghiệp đồ sộ nên ông không mấy khi có nhà mà nếu thỉnh thoảng ông ở nhà một buổi thì thời giờ ấy dành cho anh tôi, thừa kế duy nhất của ông, được ông rất mực cưng chiều và đặt nhiều kỳ vọng. Trong nhà,

người ăn, kẻ làm và thợ thuyền đông, mẹ tôi phải quán xuyến cơm nước phục vụ nhà trên, nhà dưới ba bốn chục người nên rất vất vả, đêm nào mùa trăng thì trăng xế bóng ngọn cau mẹ tôi mới được lên giường ngủ một giấc ngắn, áo còn nguyên mùi khói bếp, rồi lại vội vàng thức dậy lúc trăng vẫn còn mờ nhạt ở chân trời.

Lên 5, lên 6, tôi không còn quẩn chân mẹ trong gian bếp ám khói hay ở cái chuồng gà nồng nặc mùi lông nữa. Ngoại trừ những ngày mùa đông rét mướt, tôi ngồi đằng sau cửa sổ có chấn song, nhìn mông ra cánh đồng phía trước nhà và cả khu vườn cây lá ướt mưa lướt thướt xung quanh, lắng nghe tiếng mưa, tiếng gió rì rầm chuyện trò trong trí tưởng non nớt của tôi ngày ấy, một mình làm bạn với chính mình. Những mùa khác trong năm thì tôi thích hơn. Mùa hè ở Huế nắng chang chang, tôi ôm cái chiếu nhỏ ra vườn, chọn chỗ nào có bóng râm thì trải chiếu xuống, nằm khểnh nhìn trời, nghe chim hót ríu rít trong các lùm bụi và nhìn hoa trái khắp bốn xung quanh. Hoa mộc, hoa sói, hoa cam, hoa bưởi, hoa chanh, hoa mận, hoa nhãn, hoa khế, hoa sầu đông, hoa thiên lý, hoa cau, hoa nhài, hoa mẫu đơn, hoa hồng, hoa dạ lý, hoa ngọc lan, hoa violette... Ngày cũng như đêm, vườn lúc nào cũng thơm dịu dàng hương của một loài hoa nào đấy mà tôi rất quen thuộc nên cứ mường tượng như nghe hoài trong từng cơn gió thoảng qua. Chưa kể cả một hồ sen lớn bên phủ ông Hoàng Mười cách nhà tôi một lũy tre, quanh năm mặt hồ xanh nghít những tàu lá rộng và mùa hè ngả nghiêng những búp hoa trắng hồng bát ngát Tịnh Tâm.

Sau này, sống và đi qua cả ba miền đất nước, tôi không thấy trăng ở đâu đẹp bằng trăng ở Huế, trong xanh trên nền trời thăm thẳm cao, lấm tấm những đốm sao long lanh. Có lẽ nào do đời sống một tỉnh nhỏ giữa thế kỷ hai mươi quá đỗi êm đềm và thanh sạch, hầu như không gian ở đây chưa bị ô nhiễm? Hay có lẽ do Huế có nhiều khu vườn rộng san sát kề vai nhau, cây quả sum suê, cành lá um tùm nên

ánh trăng và màu lá biếc lẫn vào nhau chập chùng trong đôi mắt trong trẻo của đứa bé là tôi ngày xa xưa ấy? Hay có lẽ do Huế có giòng sông Hương từ thượng nguồn đổ về xuôi, lờ lững chảy qua thành phố, mỗi năm dâng nước gội rửa những bờ tường rêu mốc và những con đường bụi bặm vang tiếng guốc học trò bằng ba tháng mưa dầm và một tháng mưa ngâu? Cho nên những đêm trăng mùa thu tĩnh mịch, hoa bưởi nây nả trên cao, hoa nhài ngồn ngộn dưới thấp, trắng xóa một góc vườn, trắng xóa một góc giếng nước, trắng như không thể có gì khác trắng hơn được nữa, lồng lộng ý liêu trai.

Tôi thích nhất những buổi nắng trưa vắng vẻ, nằm lim dim dưới gốc khế, nhìn hoa khế li ti màu tím hồng rung rinh trong gió, lấm tấm bay, chỉ duỗi cánh tay nhỏ xíu của tôi ra là có cả đống ổi xiêm vặt sẵn, ruột đỏ như son, cắn răng vào mùi thơm nức lên tận óc. Có hôm chị người làm cắp nách cái rổ đi ra ao, qua chỗ tôi, chị ghé xuống hỏi: "Cô B. có ăn ốc không?" Lẽ tất nhiên là có rồi. "Cho em đi với!" Chị nghiêm trang nói để tôi không cãi: "Cô đi theo nhưng phải ngồi trên bờ." Lội xuống ao, hai tay khoắng nước một loáng, chị có ngay một rổ đầy những con ốc bưu mép vàng hươm, chỉ nhỉnh hơn ngón tay cái của chị một tí. Chị mang vào sân bếp, đổ chúng vào cái chậu sành đựng nước vo gạo mới chị giữ lại để ngâm một đêm cho ốc nhả hết bùn đất ra. Trưa hôm sau, chị ra vườn nhổ mấy nhánh sả, hái lá chanh, lá bưởi lót đáy cái nồi đất để luộc. Chị làm một tô lớn nước mắm gừng, chanh, tỏi, đường, giã thêm ớt đỏ lừ. Chị ra gốc bưởi bẻ mấy cái gai nhọn để lể ốc và cho tôi nhập bọn với mấy mẹ con chị, cùng hỉ hả, sì sụp ăn. Những con ốc vừa dòn, vừa thơm, vừa cay, càng ăn càng say, để lại trong tôi dư vị lâu dài của những bữa tiệc ốc không thể nào quên cùng với tuổi thơ gần gũi Thiên Nhiên.

Bây giờ hồi tưởng lại, tôi nhớ tôi ít buồn, ít khóc, ít tỵ nạnh với anh chị em về thân phận hẩm hiu của mình trong cái gia đình quý tộc đầy rẫy bất công thuộc xã hội phong

kiến thời đó. Thỉnh thoảng có đứa bạn ghé vườn nhà tôi hái ổi, vú sữa hay mận, thấy tôi một mình, nó hỏi: "Mẹ H. đâu?" Tôi biết nó không nhận ra hay không nỡ đoán thầm người đàn bà lam lũ qua lại trong tầm mắt nó là mẹ tôi nên tôi ậm ừ kéo vội nó ra vườn để không phải trả lời. Có lẽ cho đến khi tôi rời Huế, chỉ có V. biết mẹ tôi là ai vì nhà V. ở ngay cạnh nhà tôi. Lần đầu nó qua kiếm tôi mà gặp bà, chỉ nghe bà gọi: "Cô B. ơi, có bạn tìm này!" nhưng khi tôi ra, còn đang bối rối thì nó nói nhỏ vào tai tôi: "V. biết mẹ H. rồi! Chỉ có bà mẹ rất thương con mới gọi bằng cái giọng hiền hậu như thế!" Hơn nửa thế kỷ bặt tin nhau, gặp lại bên Mỹ, V. cho tôi món quà quý giá thứ hai: tấm ảnh cũ kỹ chụp hai đứa *như đá ngây ngô* những ngày trẻ dại. Thời loạn ly, làm sao nó giữ được và mang theo được cái kỷ niệm không ngờ ấy? Như nhiều bạn khác, V. thương tôi đã đành nhưng tôi hiểu nó cũng thương cả mẹ tôi nữa. Điều kỳ diệu này là một bí mật bạn tôi không bao giờ nói ra và tôi cũng sẽ không bao giờ hiểu nếu tôi không sực nhớ lại, ngày ấy, bố mẹ V. thường bảo nó đón tôi sang nhà hai bác ăn những bữa cơm gia đình đông vui, thịnh soạn, và tôi hay hỏi nó: "V. ơi, vợ chồng gọi nhau là anh em như bố mẹ V. vậy hả?"

Những bài học vô ngôn mẹ Thiên nhiên ở Huế cho tôi toàn là sự bao dung và vẻ đẹp. Tràn trề. Độ lượng. Chứa chan. Dạy cho tôi biết vui *từ mỗi nhỏ nhoi*, biết yêu và biết đón nhận những tặng phẩm từ Trời. Bờ sông ẩm cát ở Bãi Dâu nhìn qua Cồn hến xanh tươi thường in dấu chân tôi những buổi chiều một mình chạy bộ ra đấy, ngồi hàng giờ nghe tiếng sóng xô nhẹ dưới chân và mây trên đầu đem tôi theo chúng tới những chân trời thật xa. Khi những ngọn đèn dầu leo lét được thắp lên đó đây trong các bụi bờ rậm rạp trên Cồn và bên kia sông, tôi mới hộc tốc chạy về ăn bát cơm chiều mẹ cho, chỉ có vài con tép rang hay một con cá móm mẹ kho ngon ơi là ngon! Có khi đi chơi mà không kịp thưa gửi, về muộn, mẹ trói vào chân ghế đánh mấy roi rớm máu. Chị người làm thay mẹ cho ăn nhưng bát cơm vẫn mang dấu ấn của bà như mọi buổi trưa hay chiều khác. Ăn

xong, mẹ đến gần, rớm nước mắt dúi vào tay tôi quả na hay quả hồng đang mùa, dặn tôi lần sau đi đâu khỏi nhà phải nói để bà không lo lắng. Tôi biết bà rất bận, công việc nhà làm tới nửa đêm chưa xong nhưng hôm đó mẹ ngồi lại trên thềm, cho tôi gối đầu lên chân bà nhìn đom đóm bay trong vườn, hỏi hàng chục câu trẻ con bà không trả lời được và khi cái quạt nan rơi xuống ngực tôi, tôi biết bà ngủ gật.

Bé tí thôi, tôi được Mẹ Thiên Nhiên vỡ lòng bài học Hạnh Phúc bằng cách hòa mình với xung quanh, lúc mừng vui lắng nghe tiếng con ong bay vù vù trên khóm hoa trang mà tôi thường ngắt một bông để rút ra những cái cuống nhỏ xíu đầy mật và hút đến mỏi mồm; lúc nhìn xuống giếng xem mẹ có thả xuống đấy mấy đẵn mía cho chúng lên men rượu thì kéo lên một khúc rồi tha thẩn tìm một chỗ ngồi gậm, nghe tỏa lan trong hồn hương thơm, mật ngọt và hơi lạnh từ giếng sâu.

Thế hệ con cái tôi không được hưởng đặc ân này tuy xét một cách khác, chúng có nhiều ưu thế hơn thời tôi khôn lớn. Chúng không quá sợ cha mẹ như thế hệ tôi nhưng nhiều khi chúng sử dụng sai tự do. Khi chúng thất vọng điều gì, chúng không có mẹ Thiên Nhiên kề cận trong thinh lặng riêng mình để được vỗ về, an ủi, mở mắt, mở lòng cho chúng biết đón nhận nhiệm mầu của đời sống không chỉ quẩn quanh trong buồn vui nghiệt ngã thế gian. Chỉ hưởng một phần rất nhỏ ân huệ cho đi không tiếc của Mẹ Thiên Nhiên là đủ an vui để...lãng quên phận người và thấy cuộc sống có thêm nhiều ý nghĩa.

MỘT CÁCH NHÌN KHÁC...

Hiện nay, ai cũng biết bên cạnh các tiến bộ khoa học kỹ thuật đa dạng của thời đại hầu như vượt khỏi tầm suy nghĩ và tưởng tượng của loài người nói chung, tất nhiên ngoại trừ tác giả của những tiến bộ ấy, những tiến bộ trong ngành sắc đẹp cũng kỳ diệu không kém.

Theo một tài liệu trên mạng, các nhà phân tích của công ty tài chánh Goldman Sachs ước đoán con số thu hoạch hàng năm do kỹ nghệ làm đẹp trên toàn thế giới mang lại, bao gồm dịch vụ săn sóc da, lên tới $24 tỷ; dịch vụ trang điểm, $18 tỷ; các sản phẩm liên quan đến tóc, $38 tỷ; nước hoa, $15 tỷ, cộng chung là $95 tỷ. Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm ở khu vực này là 7%, gấp đôi chỉ số GDP thế giới. Một tài liệu khác đưa ra con số cập nhật năm 2014 cho thấy dịch vụ săn sóc da chiếm 35.3% thị phần toàn cầu, trong đó, mỹ phẩm trị giá $121 tỷ. Từ năm 1940, đế chế Esstée Lauder đã khởi sự bán ra các hũ kem làm đẹp da tại các cửa hàng quanh vùng New York. Đến nay, thừa kế của đế chế này thụ hưởng một tài sản trị giá $18 tỷ.

Không đợi đến đầu thê kỷ 21 người ta mới biết sắc đẹp là yếu tố thành công của nữ giới và những câu nói cửa miệng của nhân gian như "Trai tài, gái sắc" hay "Trai anh hùng, gái thuyền quyên" vốn đã trở thành định luật muôn đời đúng, càng ngày càng đúng, xóa sạch trơn nền luân lý nệ cổ

chủ trương "Cái nết đánh chết cái đẹp," không hưởng ứng việc người phụ nữ mất nhiều thời giờ soi gương chải chuốt vóc dáng mình cho người khác ngắm, thậm chí thèm muốn. Mặc dầu vậy, ngay trong thời điểm triết lý "Công, Dung, Ngôn, Hạnh" lên ngôi dưới mỗi mái nhà Việt Nam hơn nửa thế kỷ trước, vẫn có những cô thiếu nữ dậy thì kín đáo xé cái bao nhang giấy đỏ, thấm lên đôi môi cắn chỉ cho khuôn mặt "ánh hồng." Chữ Dung ở đây dù được nhắc đến thì cũng chỉ là sự tươm tất, sạch sẽ, tươi tắn, thơm tho của bông hoa nở tự nhiên, tạo hóa cho sao biết vậy; chỉ là phong cách ăn/nói/đứng/ngồi sao cho đoan trang, nề nếp, duyên dáng, ý nhị, theo giáo dục của gia đình, không phải cái Dung nếu chẳng may "trời cho không đẹp mấy" thì phải nhờ đến quý bác sĩ dùng dao/kéo chỉnh sửa như trong thời gian qua, hiện nay và sau này.

Đầu thế kỷ 21, cuộc cách mạng tin học thần kỳ bùng nổ ở cao điểm, thu gọn thế giới trong những mặt phẳng bé nhất bằng một bàn tay đàn bà, thu gọn thời gian phổ biến một thông tin lâu nhất trong vòng vài tiếng đồng hồ, tăng cường tốc độ cuộc sống và khả năng ứng xử của con người đến chóng mặt. Hệ quả tất nhiên của khoa học tiến bộ làm thay đổi mô hình tổ chức xã hội, trong đó, phụ nữ có cơ hội tham gia nhiều hơn vào mọi hình thức sinh hoạt cá nhân và cộng đồng. Từ đây, phát sinh ý thức cạnh tranh để sống còn, để thăng tiến trong nữ giới và sẽ không lạ khi họ sớm nhìn ra vũ khí thông thường, hiệu quả của họ là nhan sắc, một thứ vốn liếng trời ban.

Vẻ đẹp cho họ lòng tự tin, lợi thế và sức mạnh trên mặt trận bảo vệ hạnh phúc gia đình và thăng tiến sự nghiệp, mở cho họ những cánh cửa chật, khó đi qua nhất. Vì vậy, nhu cầu xinh đẹp hay làm cho mình đẹp ở người phụ nữ ngày càng gia tăng rõ rệt, khiến cho giới kinh doanh đánh hơi được nguồn lợi to lớn này và hướng sự đầu tư của họ vào kỹ nghệ hoặc các công trình tìm tòi, chế tạo các loại mỹ phẩm giúp làm tăng nhan sắc của nữ giới, giúp họ giữ

được tuổi xuân lâu hơn, hoặc nghiên cứu sự vận hành sinh học trong cơ thể con người để tận dụng hoặc thúc đẩy tiềm năng sẵn có ấy vào mục đích họ muốn, tựa như người làm vườn chuyên nghiệp biết rõ cấu tạo cái cây cần gì để phát triển tươi tốt.

Thoạt tiên, bản thân tôi vốn an phận thủ thường, lại thêm tính nhát nhúa, sợ đau, nên không bao giờ nghĩ tới việc đi sửa sắc đẹp. Vả lại, nếu gọi là sửa thì chỉ thêm bớt đôi chút thôi chứ làm sao mà sửa toàn diện từ chính tôi ra người khác được? Chưa kể cái tâm lý thông thường trong nhân gian là khi mình không thích điều gì hay không có khả năng làm điều gì thì mình cũng không ưa ai thích hay làm được điều đó. Có một lúc, tôi nghĩ việc đi sửa sắc đẹp là phù phiếm, không cần thiết, chi phí ấy nên dùng vào những việc khác có ý nghĩa hơn. Bây giờ thì tôi biết tôi đã nghĩ cạn, đã lầm, thực tế là tôi chẳng biết gì cả! Người bạn khai quang điểm nhãn cho tôi là cô hàng xóm làm móng tay.

Một hôm, cô mở điện thoại thông minh, chỉ cho tôi xem hình một cậu thanh niên trẻ, chừng mới ngoài hai mươi. Hình chụp thẳng và hình chụp nghiêng. Chụp kiểu nào thì cũng là một thanh niên xấu trai. Cô cho biết đây là ca sĩ XYZ, giọng ca hiện nay đang rất nổi trong nước. Tôi liên tưởng ngay đến sự tích anh Trương Chi, *"người thì thậm xấu, hát thì thậm hay."* Mỵ Nương con quan Thừa tướng, từ trên lầu cao, mê gần chết tiếng hát Trương Chi nhưng khi thấy mặt chàng thì che quạt quay đi. Trái lại, Trương Chi nhác trông Mỵ Nương thì hồn phi phách tán trước dung nhan chim sa cá lặn của nàng, ra về ôm mối hận tình theo chàng xuống tuyền đài vẫn chưa tan. Đang miên man câu chuyện đời xưa quá tội nghiệp thì cô bạn lại chìa vào mặt tôi những tấm hình khác và hỏi: "Chị nhìn đi, có đoán ra là cậu bé ca sĩ lúc nãy không?" A! Thì ra cô bạn đang biểu diễn huyền sử "before & after" với tôi. Chưa xong, cô còn cho tôi nghe phần âm thanh đi kèm những tấm hình này, giọng cậu ca sĩ nghẹn ngào nước mắt của hạnh phúc: "Em rất cảm ơn bác

sĩ Hàn quốc và khoa phẫu thuật thẩm mỹ đã ban cho em một đời sống tuyệt diệu!" Hỏi ra, cậu đã phải trải qua nhiều lần phẫu thuật để lột xác từ một nam nhân mắt ti hí, mũi hếch, miệng vẩu, cằm lẹm thành một hoàng tử Ba Tư đẹp trai, hàm én, mày ngài, mặt trái soan; một diễn viên điện ảnh Đài Loan làm say mê khán giả cỡ như Tần Hán trong các phim truyện Quỳnh Dao. Ngoại hình hoàn chỉnh này sẽ chắp cánh cho tiếng hát của cậu bay cao và bay xa, làm thay đổi định mệnh u ám đời cậu.

Hóa ra những người đi sửa sắc đẹp là những chiến sĩ gan dạ, dũng cảm, không chấp nhận số phận an bài mà vượt qua mọi thử thách để đi tìm cho mình một số phận khác bằng nghị lực riêng trên mặt trận sinh tồn.

Trong một dịp trò chuyện với bác sĩ Lee hiện hành nghề tại quận Los Angeles và quận Cam, hỏi ông về lý do khiến ông chuyển từ lãnh vực y khoa thuần túy qua lãnh vực y khoa thẩm mỹ, có phải để kiếm tiền nhiều hơn không? Ông trả lời với một chút ưu tư trong ánh mắt, như thể ông chỉ đáp ứng được một phần nhỏ trong nhu cầu to lớn của những đối tượng đi tìm sự giúp đỡ của y khoa thẩm mỹ: "Tôi cảm thấy hạnh phúc khi giúp được ai đó cơ hội để họ có thêm thành công trong cuộc sống." Ngoại hình bất như ý không phải là căn bệnh đe dọa tính mạng nhưng nó đưa tới tâm lý tiêu cực mà nếu không được chữa trị trên đường dài, có thể gây ra mặc cảm buồn sầu và bất an, ảnh hưởng thầm lặng tới phẩm chất cuộc sống của các đương sự.

Đến đây, tôi có câu trả lời cho những trường hợp chính phu quân các bà lên mạng, tìm kiếm bác sĩ giỏi để đưa "một nửa" của mình đi sửa sắc đẹp. Các ông này biết rõ hơn ai hết "bản lai diện mục" của vợ, đẹp hay khuyết điểm thế nào nhưng một khi ván đã đóng thuyền, nếu cần sửa thì những cái sửa nội tâm để thích nghi vào nhau có lẽ cần hơn. Tuy nhiên, nếu "nửa kia" nhìn ra xung quanh, cảm thấy, ước ao, giá cái mũi của mình cao hơn, thon hơn; giá đuôi mắt mình không bị dấu chân chim, chắc phu quân sẽ bằng lòng

hơn, hãnh diện hơn, thấy mình ít tàn tạ hơn, quan tâm ấy dù không đúng lắm song cũng đáng yêu, đáng được thông cảm. Các ông có sự lựa chọn giữa cho "một nửa" của mình sự yên lòng, niềm vui được thỏa nguyện hay ngăn cản với nhiều lý do viện dẫn không hoàn toàn thuyết phục, câu hỏi "Tại sao phải nói không?" sẽ hiện ra và đòi câu trả lời. Cho dù tình nghĩa tào khang, các ông không cần các bà "đẹp" hơn nhưng "vui" hơn thì sao nhỉ?

Một buổi sáng thứ sáu đầu năm, tôi được mời dự khán một show thu hình trực tiếp cho truyền hình: "Nâng sống mũi" không cần phẫu thuật, thực hiện cho một phụ nữ trẻ, tôi đoán ở tuổi 40.

Chị nằm ngay ngắn trên chiếc giường nhỏ, dưới tấm chăn mỏng kéo lên tới cằm và dưới ánh sáng của mấy cái bóng đèn hỗ trợ máy quay video, nét mặt có chút căng thẳng tuy chị vẫn giữ được nụ cười thấp thoáng giữa hai cánh môi hồng. Khi kim thuốc tê của bác sĩ đi vào chóp mũi chị, mấy ngón chân chị cong lên bên dưới tấm chăn, bàn tay chị nắm đệm giường chặt hơn, suy từ bản thân, tôi biết chị gồng mình. Chỉ vài giây đồng hồ, chị thư giãn trở lại, mỉm cười và giải thích phản ứng ban đầu, tiếng nhẹ như gió thoảng: đau! Chỉ có vậy. Sau đó, chị nằm yên. Thỉnh thoảng bác sĩ trả lời câu hỏi của phóng viên đài truyền hình nhưng mắt không rời công việc ông đang làm, hai bàn tay thao tác không thay đổi nhịp điệu, từ tốn, chính xác. "Chỉ thẩm mỹ" được bác sĩ luồn theo sống mũi với dụng cụ dùng một lần cho mỗi người, những ngón tay đeo găng của ông vuốt nhẹ lên hai cánh mũi của khách hàng, có lẽ để cùng với chỉ, tạo dáng cho một chiếc mũi dọc dừa mà khách hàng mong đợi. Suốt nửa tiếng đồng hồ cần để hoàn tất dịch vụ, bác sĩ vừa tiến hành các bước kỹ thuật, vừa thấm những giọt máu li ti rịn ra từ lỗ kim.

Sau sợi chỉ cuối cùng, mọi người thở phào chào mừng chiếc mũi mới, cao mà mềm mại, không thẳng băng, cứng đơ như kỹ thuật giải phẫu đặt vật liệu nâng mũi hay đặt sụn

trước đây. Chị cầm cái gương vừa được đưa vào tay, ngắm thẳng, ngắm nghiêng, bên phải rồi bên trái, ngắm mãi. Chị cười thật tươi: "Để coi ông xã em có nhận ra không?" Chị hỏi như vậy vì trên khuôn mặt không có vết sưng và cũng sẽ không có vết bầm, sống mũi cao vừa phải, không lộ, cánh mũi tuy thon hơn nhưng cũng không nhìn phớt qua mà thấy.

Dễ dàng. Không tốn nhiều tiền và thì giờ. Chỉ đau hơn mũi chích ngừa flu một chút (hay hơn một chút vì sợ) để chỉnh đốn công trình của Tạo hóa trên dung nhan mình, để có phần thưởng cho sự gan dạ thực hiện ý muốn thấy mình xinh đẹp hơn. Có lẽ câu trả lời của nhiều chị sẽ là "Tại sao không? Why not?"

Riêng tôi, tôi bắt đầu thôi xem nhẹ việc đi sửa sắc đẹp một khi tôi hiểu được lý do sâu xa đằng sau quyết định này, không hoàn toàn phù phiếm như tôi từng nghĩ. Nhìn một cách khác, cũng với mọi nỗ lực tranh sống gay go của bất cứ ai trong nhiều lãnh vực, làm đẹp cũng mang ý hướng tìm kiếm một cuộc sống tự tin, cơ hội thành công và hạnh phúc trong đời. Cho nên, ngày nay, không lạ khi thấy ngày càng có nhiều trượng phu lui tới beauty salon, ở nhà dùng chung hũ kem dưỡng da với vợ, ít nhất để có một tâm thế lạc quan, khuôn mặt sáng, một sống mũi thẳng biểu lộ nam tính và chủ về công danh thuận lợi. Cứ vui là được!

Made in the USA
Columbia, SC
13 March 2021

34262298R00293

Bùi Bích Hà (Thái Hà) quê nội Thái Bình, quê ngoại Bắc Ninh (Bắc Việt) Sinh trưởng ở Huế, miền Trung Việt Nam. Lớn lên đi dạy học, trường đầu tiên: Phan Chu Trinh, Đà Nẵng (1861-1962). Lập gia đình, theo chồng vào Nam, đi dạy qua các trường: Thoại Ngọc Hầu (Long Xuyên, 1962-1964) Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho, 1963-1965) Lê Ngọc Hân (Mỹ Tho, 1965-1967) Nguyễn Trãi (Saigon, 1967- 1983).

Thỉnh thoảng làm thơ, viết tùy bút, truyện ngắn, tản mạn thời sự.

Tới Mỹ 1986. Viết cho nhiều tạp chí hải ngoại.

Chủ nhiệm, chủ bút nguyệt san PNGĐ (2002-2014)

Làm phát thanh, các đài VNCR, Việt News Radio, Việt Nam Tự Do.

Sách đã in:
· Buổi Sáng Một Mình (Người Việt, 1989)
· Bạn Gái Nhỏ To (Người Việt, 1991)
· Hạnh Phúc Có Thật (Văn Mới, 2001)
· Phương Trời Khác (Cảo Thơm, 2002)

US$20.00
ISBN 9781726370615
52000 >
9 781726 370615